

GABRIEL GARCIA MARQUEZ

Giải Nobel Văn chương 1982

những
người
hành
hưởng
kỳ lạ

Bản tiếng Việt PHAN QUANG ĐỊNH



NHÀ
XUẤT BẢN
THANH NIÊN

Table of Contents

TỰ NGÔN
CHỨC TỔNG THỐNG THƯỢNG LỘ BÌNH AN
VỊ THÁNH CHỜ PHONG
NGƯỜI ĐẸP NGỦ YÊN SUỐT CHUYẾN BAY DÀI
GIỮA ĐỜI ĐEM BÁN CHIÊM BAO
"TÔI ĐẾN ĐÂY CHỈ ĐỂ GỌI ĐIỆN THOẠI THÔI MÀ"
BÓNG MA THÁNG TÁM
MARIA DOS PRAZERES
MƯỜI BẢY NGƯỜI ANH BỊ NGỘ ĐỘC
TRAMONTANA, CƠN GIÓ CHUỖNG LẠ KỲ
MÙA HÈ HẠNH PHÚC CỦA CÔ FORBES
ÁNH SÁNG GIỐNG NHƯ LÀN NƯỚC
DẤU MÁU HỒNG TRÊN TUYẾT TRẮNG TỪ MADRID ĐẾN
PARIS

GABRIEL GARCIA MARQUEZ

Giải Nobel Văn chương 1982

**những
người
hành
hương
kỳ lạ**

Bản tiếng Việt: PHAN QUANG ĐỊNH

F NHÀ
XUẤT BẢN
THANH NIÊN

Gabriel García Márquez

NHỮNG NGƯỜI HÀNH HƯƠNG KỶ LẠ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NHỮNG NGƯỜI HÀNH HƯƠNG KỶ LẠ

Gabriel García Márquez



TỰ NGÔN

Tại sao tuyển tập này gồm 12 truyện ngắn với tựa đề ` Những người hành hương kì lạ?

Mười hai truyện ngắn trong tập sách này đã được viết ra trong khoảng mười tám năm vừa qua. Trước khi đạt đến hình dáng hiện nay, năm trong số các truyện này đã xuất hiện dưới hình thức các truyện ngắn trên nhật báo và các kịch bản; một truyện vốn là truyện phim truyền hình. Mười lăm năm trước, tôi kể lại một truyện khác trong một cuộc phỏng vấn thu âm cho một người bạn đã biên tập và xuất bản và bây giờ tôi viết lại truyện đó dựa trên bản văn của anh. Đây quả là một kinh nghiệm sáng tạo lạ lùng cần được giải thích, đâu chỉ để cho các cháu bé đang mơ ước lớn lên làm nhà văn, sẽ hiểu được phần nào cái thói quen và ham muốn viết lách nó còn cào thoi thúc và nghiệt ngã đối với người đã trót mang nghiệp dĩ, đến thế nào.

Ý tưởng cho truyện đầu tiên đến với tôi vào những năm đầu 1970, kết quả của một giấc mộng quái dị tôi đã gặp sau khi sống tại Barcelona trong năm năm. Tôi nằm mộng thấy mình đang dự đám tang của chính mình, cùng đi với một nhóm bạn mặc tang phục long trọng nhưng phong thái lại giống như đi vào ngày hội. Tất cả chúng tôi đều có vẻ hạnh phúc, vui thích được ở bên nhau. Nhất là tôi, càng thấy vui thích hơn bất kỳ người nào khác, bởi vì cơ may hiếm có nhờ cái chết đã cho tôi được gặp mặt tất cả bạn bè từ châu Mỹ La Tinh, các bạn bè cũ thân thiết nhất của tôi, những người mà từ lâu tôi không được gặp lại. Cuối cuộc tang lễ, khi họ bắt đầu tản

mác, tôi cũng định rời đi nhưng một người trong bọn cho tôi thấy với ý đồ` dứt khoát, rõ ràng là đố`i với riêng phầ`n tôi, cuộc vui đã qua rồi. "Anh là người duy nhấ`t không được đi đâu" anh ta nói. Chỉ khi đó tôi mới hiểu rằ`ng chề`t có nghĩa là không bao giờ gặp mặt bạn bè nữa.

Không biế`t sao, nhưng tôi đã giải thích giấ`c mộng tiêu biểu đó như là một cuộc rà soát ý thức về` lý lịch của chính mình và tôi nghĩ, đây là một khởi điể`m tốt để viế`t về` những điề`u kỳ lạ đã xảy ra cho đám người châu Mỹ la tinh số`ng tại Châu Âu. Đó là một khám phá đầ`y kịch lệ, bởi vì tôi vừa mới hoàn tấ`t quyển Mùa thu của vị Trưởng lão, tác phẩm nhiề`u khó khăn và phiêu lưu nhấ`t của tôi và tôi còn phân vân chưa biế`t nên đi đâu từ nơi đó.

Trong vòng hai năm tôi đã ghi chú về` những đê` tài truyện khi chúng chợt hiện đế`n trong đầ`u óc tôi nhưng đã không thể quyế`t định nên làm gì với chúng. Vì tôi không có một quyển sổ tay ghi chú để sẵn tại nhà trong cái đẽ`m tôi quyế`t định khởi đầ`u đó các con tôi cho tôi mượn một trong các quyển tập của chúng. Và trong các cuộc du hành thường xuyên của chúng tôi, các con tôi đã mang cuố`n sổ ghi chú đó trong cặp đi học của chúng, sợ nó có thể bị thấ`t lạc. Tôi đã thu thập sáu mươi bô`n ý tưởng với rấ`t nhiề`u chú thích rấ`t chi tiế`t đế`n độ tôi chỉ còn cầ`n viế`t ra mà thôi Năm 1974, khi tôi từ Barcelona trở về` Mexico, điề`u trở nên hiển nhiên đố`i với tôi là quyển sách đó không thể là một thiên tiểu thuyết như có vẻ là thế` trong lúc đầ`u, mà đúng hơn là một tập hợp những truyện ngắ`n dựa trên những sự kiện thu thập từ báo chí, có thể được cứu rỗi khỏi số` phận tử vong bằ`ng những phương cách ảo diệu của thi ca. Tôi đã xuấ`t bản ba tập truyện ngắ`n nhưng không có tập nào được thai nghén và sáng tác như một toàn bộ. Trái lại, mỗi truyện đầ`u đã là

một mảnh rời, tự lập và tình cờ ngẫu hứng. Và do đó, việc viết ra sáu mươi bốn ý tưởng về các câu truyện đó hẳn đã là một cuộc phiêu lưu đầy hứng thú nếu tôi có thể viết ra một mạch tất cả những truyện đó, với một tính nhất quán nội tại trong văn điệu và văn phong có thể làm cho chúng trở thành bất khả phân ly trong trí nhớ của độc giả.

Tôi sáng tác hai truyện đầu - "Dấu máu của nàng trên tuyết" và "Mùa hè hạnh phúc của cô Forbes" - năm 1976 và liền sau đó cho đăng trên nhiều phụ trang văn chương tại nhiều nước. Tiếp tục làm việc không ngừng nghỉ, nhưng giữa chừng truyện thứ ba, truyện về đám tang của chính mình, tôi cảm thấy mệt mỏi nhiều hơn là nếu tôi để công sức vào một quyển tiểu thuyết. Điều đó cũng xảy ra với truyện thứ tư. Thật ra tôi không còn đủ sức lực để hoàn tất chúng. Bây giờ tôi biết tại sao: Cố gắng cần có để viết một truyện ngắn cũng mãnh liệt như bắt đầu một tiểu thuyết, nơi mà tất cả mọi điều đều cần phải được xác định ngay trong dòng đầu tiên: cấu trúc, văn điệu, văn phong, ngữ điệu, độ dài, và đôi khi cả tính cách của nhân vật. Tất cả cái còn lại chỉ là niềm vui của viết lách, niềm vui thân thiết nhất và cô đơn nhất mà con người có thể tưởng tượng được và nếu suốt cả phần còn lại của một đời người không được dùng để chữa đi chữa lại một cuốn tiểu thuyết, chính là vì cái đòi hỏi phải kết thúc một thiên truyện cũng còn cào thoi thúc như cái đòi hỏi phải khởi đầu nó. Nhưng một câu truyện lại không có khởi đầu, cũng không có kết thúc. Nó trót lọt hay không, thế thôi. Và nếu coi mò nó không trót lọt thì kinh nghiệm viết văn của tôi cũng như kinh nghiệm của nhiều người khác, chỉ ra rằng trong đa số trường hợp, tốt hơn là ta nên bắt đầu lại theo một hướng khác, hoặc là ném truyện đó vào sọt rác. Có ai đó, tôi không nhớ tên, đã phát ngôn một câu rất đáng khích lệ "*Các nhà văn hay*

thường được đánh giá qua những gì họ xé bỏ hơn là qua những gì họ in ra ra". Đúng là tôi đã không xé bỏ những bản thảo và ghi chú lúc đầu, nhưng tôi đã làm một việc còn tệ hơn : Tôi ném chúng vào trong quên lãng.

Tôi nhớ đã mang theo quyển tập ghi chép trên bàn làm việc ở Mexico, chìm đắm trong đống giấy tờ lộn xộn, cho đến năm 1978. Một ngày nọ, khi đi đang tìm kiếm cái gì đó, tôi chợt nhớ rằng đã lâu tôi không thấy quyển tập đó ở đâu. Chẳng hề chi. Nhưng khi tôi chắc chắn là thực sự nó không còn ở nơi bàn viết, tôi phát hoảng. Mọi góc ngách trong nhà đều được lục tung lên. Chúng tôi xê dịch bàn ghế, kéo các kệ sách ra để chắc chắn là nó không kẹt đâu đó sau các quyển sách và tra hỏi một cách khiếm nhã những người giúp việc nhà cũng như bạn bè.

Chẳng một dấu vết nào. Lời giải thích duy nhất có thể chấp nhận được, có thể là trong những chiến dịch hủy diệt ba cái đám giấy má hổ lốn thường xuyên của tôi, quyển tập bất hạnh kia đã lưu lạc vào đám giấy phế liệu mất tiêu rồi.

Phản ứng của chính mình khiến tôi ngạc nhiên: Đề tài tôi đã bỏ quên gần bốn năm qua lại trở thành một vấn đề danh dự. Trong một toan tính thu hồi lại chúng bằng bất cứ giá nào và lao động đầy nhiệt tình như khi viết lách, tôi cố xoay xở để kiến tạo lại các ghi chú cho ba mươi truyện ngắn. Bởi vì sự cố gắng căng thẳng để nhớ lại đã tác động như một cuộc thử thách nơi luyện ngục để thanh lọc, tôi đã loại bỏ không thương xót những cái nào xét ra không đáng được cứu rỗi và sau khi sàng lọc chỉ còn lại mười tám. Lần này tôi quyết định viết không ngừng nghỉ, nhưng tôi sớm nhận ra rằng tôi đã đánh mất nhiệt tình đối với chúng.

Và ngược lại với điề`u tôi thường khuyên các nhà văn trẻ, tôi đã không vấ`t chúng đi. Thay vì thế`, tôi xé`p lại hồ` sơ của chúng thôi. Chính là trường hợp ở đây.

Khi tôi bắt đầ`u viế`t ký sự về` một cái ché`t được báo trước, năm 1979, tôi xác định sự kiện là trong những khoảng thời gian xả` hơi giữa các quyển sách, tôi dễ bị mấ`t đi thói quen viế`t lách và càng lúc càng trở nên khó hơn cho tôi để bắt đầ`u trở lại. Đó là lý do tại sao, trong khoảng giữa 1980 và tháng ba 1984 tôi bị bắt buộc phải viế`t hàng tuầ`n một bài xã luận cho các tờ báo tại nhiề`u quố`c gia khác nhau, như một thứ kỷ luật, để luôn giữ cho vũ khí của mình còn sắ`c bén. Rồ`i tôi lại nhận thấ`y là trong cuôcc chiế`n đấ`u với chấ`t liệu trong quyển sổ ghi chú đó vẫn còn một vấ`n đề` về` các thể loại văn chương và đúng ra chúng nên là các bài báo, chứ không phải truyện. Trừ một điề`u là sau khi in năm bài, căn cứ trên quyển số` ghi chú đó, tôi lại đổi ý một lâ`n nữa. Mấ`y bài đó đem viế`t thành truyện phim có lẽ hay hơn. Năm kịch bản và một truyện phim truyề`n hình nhiề`u kỳ đã được soạn ra bằ`ng cách đó.

Điề`u tôi không hê` tiên liệu đó là việc làm báo và phim đã thay đổi một vài ý tưởng của tôi về` các truyện đó, đế`n nỗi giờ đây khi tôi viế`t chúng trong hình thức cuố`i cùng này, tôi phải rấ`t thận trọng tách rời các ý tưởng của chính tôi, bằ`ng một cái nhíp, với những ý tưởng từ các vị giám đố`c kia đã gọi ra cho tôi trong khi tôi viế`t các kịch bản. Trong thực tế`, việc tôi cộng tác cùng lúc với năm người sáng tạo khác nhau đã gọi ra một phương pháp khác để viế`t truyện. Tôi nên khởi đầ`u một truyện khi tôi có thời gian để làm, ngừng lại để đó, khi tôi cảm thấ`y mệt mỏi hoặc một dự án bất ngờ nào chọt xuấ`t hiện, và rồ`i bắt đầ`u một truyện khác.

Trong khoảng chừng một năm, sáu trong số mười tám đề tài đã rơi vào sọt rác, trong số đó có truyện về đám tang của tôi, bởi vì tôi đã không bao giờ tái tạo được cái không khí liên hoan chèn chèn tung bừng như từng xuất hiện trong giấc mộng của tôi. Các truyện còn lại, tuy thế, lại có vẻ hứa hẹn sẵn sàng bắt đầu một đời sống dài lâu.

Đó là mười hai truyện trong sách này. Tháng chín vừa qua, sau thêm hai năm làm việc liên tục, chúng đã sẵn sàng để chào đời. Và thế là cuộc hành hương hậu như vô tận của chúng lui tới các sọt giấy vụn đã có thể kết thúc nếu tôi không bị gặm nhấm bởi mối nghi ngờ cuối cùng ở giờ thứ mười một. Vì tôi đã mô tả các đô thị ở châu Âu - bối cảnh cho các truyện xảy ra - từ trí nhớ đã khá xa xôi, tôi muốn kiểm chứng lại tính chính xác trong hồ ức của tôi sau hai mươi năm xa cách, và tôi đã làm một cuộc hành trình nhanh chóng để làm quen lại với Barcelona, Geneva, Rome và Paris.

Không một nơi nào trong các đô thị đó còn liên quan đến các hồ ức tưởng của tôi. Qua bao tang thương dâu bể, tất cả các đô thị đó, cũng như cá châu Âu ngày nay, đã trở nên lạ lùng. Những hồ ức thực sự hình như đã trở nên những bóng ma trong khi những hồ ức tưởng giả trá lại đầy sức thuyết phục đến độ chúng thay thế cho thực tại. Điều này có nghĩa là tôi đã không thể nhìn rõ được lằn ranh phân cách giữa ảo mộng chán chường và niềm hoài niệm quá khứ. Đây là một giải pháp dứt khoát.

Cuối cùng tôi đã tìm được điều tôi cần thiết để hoàn thành tác phẩm, điều duy nhất mà sự trôi qua của bao năm tháng có thể đem lại một viễn tượng về thời gian.

Truyện từ đầu trong tám tháng lên cơn sốt và nhờ vào lòng nghi ngờ hữu ích rằng có lẽ không có cái gì mà tôi đã trải qua trong hai mươi năm trước ở châu Âu là thực, tôi đã không phải tự hỏi nơi đâu cuộc đời kết thúc và tương tượng bắt đầu. Rồi thì viết lách trở nên trơn tuột đến độ đôi khi tôi cảm thấy như tôi đang viết chỉ vì tôi thích kể lại một câu chuyện, có thể là về thân phận con người, rất giống với việc bay lên lơ lửng bằng sức mạnh siêu nhiên. Vì tôi làm việc với tất cả các truyện cùng lúc và cảm thấy mình tự do nhảy tới nhảy lui từ truyện này đến truyện khác, tôi đạt đến tia nhìn tổng quan; điều đó đã cứu thoát tôi khỏi sự rối rắm phải bắt đầu mãi lại từ đầu và giúp tôi theo dấu những khoảng nhân cư vô bổ và những mâu thuẫn chết người. Điều này, theo tôi nghĩ, đã giúp tôi kết thúc tập truyện theo sát nhất với câu chuyện mà tôi vẫn mong viết ra.

Giờ đây món ăn tinh thần này đã sẵn sàng để được dọn ra bàn sao khi lang thang hết nơi này đến nơi khác, đầu tranh để tồn tại với bao nhiêu cảnh bắt trộm. Tất cả các truyện, trừ hai truyện đầu, đều được hoàn tất cùng lúc và mỗi truyện mang ngày tháng tôi bắt đầu viết. Thứ tự các truyện trong lần xuất bản này giống như thứ tự xuất hiện trong sổ ghi chú.

Tôi vẫn thường nghĩ rằng mỗi phiên bản sau của một truyện phải tốt hơn phiên bản trước đó. Nếu thế thì làm sao ta biết được phiên bản nào là phiên bản cuối cùng, hoàn hảo nhất? Cũng giống như cách người đầu bếp biết lúc nào món xúp vừa ăn nhất, đây là một bí quyết nghề nghiệp không tuân theo qui luật của lý trí nhưng theo một thứ ma thuật của bản năng. Tuy nhiên, trong trường hợp này, tôi sẽ không đọc lại chúng, giống như tôi chưa hề đọc lại bất cứ tác phẩm nào khác của mình vì sợ rằng mình sẽ ân hận. Những

độc giả mới sẽ biết nên làm gì với chúng. May mắn là, đối với những người hành hương kỳ lạ này, kết thúc cuộc đời nơi giỏ rác cũng giống như niềm vui trở lại quê nhà.

Khi tôi trở về từ cuộc hành trình may mắn đó, tôi viết lại tất cả các truyện từ đầu trong tám tháng lên con số 7 và nhò vào lòng nghi ngờ hữu ích rằng có lẽ không có cái gì mà tôi đã trải qua trong hai mươi năm trước ở Châu Âu là thực tôi đã không phải tự hỏi nơi đâu cuộc đời kết thúc và tương tượng bắt đầu. Rồi thì viết lách trở nên trơn tuột đến độ đôi khi tôi cảm thấy như tôi đang viết chỉ vì tôi thích kể lại một câu truyện, có thể là về thân phận con người, rất giống với việc bay lên lơ lửng bằng sức mạnh siêu nhiên. Vì tôi làm việc với tất cả các truyện cùng lúc và cảm thấy mình tự do nhảy tới nhảy lui từ truyện này đến truyện khác, tôi đạt đến tia nhìn tổng quan; điều đó đã cứu thoát tôi khỏi sự rã rời phải bắt đầu mãi lại từ đầu và giúp tôi theo dấu những khoảng nhân cư vô bổ và những mâu thuẫn chết người. Điều này, theo tôi nghĩ, đã giúp tôi kết thúc tập truyện theo sát nhất với câu truyện mà tôi vẫn mong viết ra.

Giờ đây món ăn tinh thần này đã sẵn sàng để được dọn ra bàn sau khi lang thang hết nơi này đến nơi khác, đâu tranh để tồn tại với bao nhiêu cảnh bắt mắt. Tất cả các truyện, trừ hai truyện đầu, đều được hoàn tất cùng lúc và mỗi truyện mang ngày tháng tôi bắt đầu viết. Thứ tự các truyện trong lần xuất bản này giống như thứ tự xuất hiện trong sổ ghi chú.

Tôi vẫn thường nghĩ rằng mỗi phiên bản sau của một truyện phải tốt hơn phiên bản trước đó. Nếu thế thì làm sao ta biết được phiên bản nào là phiên bản cuối cùng, hoàn hảo nhất? Cũng giống như cách người đầu bếp biết lúc nào món xúp vừa ăn nhất, đây là

một bí quyết nghệ nghiệp không tuân theo qui luật của lý trí nhưng theo một thứ ma thuật của bản năng. Tuy nhiên, trong trường hợp này, tôi sẽ không đọc lại chúng, giống như tôi chưa hề đọc lại bất cứ tác phẩm nào khác của mình vì sợ rằng mình sẽ ân hận. Những độc giả mới sẽ biết nên làm gì với chúng. May mắn là, đối với những người hành hương kỳ lạ này, kết thúc cuộc đời nơi giỏ rác cũng giống như niềm vui trở lại quê nhà.

Gabriel Garcia Marquez

Cartagena de Indas

Tháng tư 1992

Một cựu tổng thống vùng Caribê bệnh tật, sống ẩn dật ở Geneva, được một tài xế xe cứu thương đầy tham vọng và bà vợ cúng đầu của anh ta làm bạn.

Anh chàng Margarito Duarte từ vùng rừng núi Andes xứ Colombia đến Rome với một cái hộp có hình dáng và kích thước của một cái đũa cây trung hồ cầm để dâng lên đức Giáo Hoàng những gì đựng trong đó.

Một người đàn bà mang chiếc nhẫn hình rắn với mắt màu ngọc bích kiểu Ai Cập và chỉ được biết qua cái tên cô Frieda do đám sinh viên châu Mỹ La tinh đặt cho, sống bằng nghề rao bán các giấc mộng của mình cho các gia đình giàu có.

Một cô ca sĩ Mễ Tây Cơ xinh đẹp trên đường về thành phố Barcelona, xe bị hỏng và do những ngẫu nhiên lạ lùng của số mệnh, đã phải kết thúc cuộc đời trong một bệnh viện tâm thần.

Ở Toscane, một gia đình đi nghỉ hè đến thăm một lâu đài thời Phục Hưng bây giờ do một nhà văn danh tiếng Venezuela sở hữu và đã gặp bóng ma của người chủ lâu đài mấy trăm năm trước, một hiệp sĩ đã tự tìm lấy cái chết thê thảm do tuyệt vọng vì tình.

Maria dos Prazeres, một thời từng là nàng kiêu nữ giang hồ quyên rũ nhât ở Barcelona, năm mộng thấy thân chết xuất hiện, vì thế bà ta bắt đầu hoạch định kế hoạch cho đám tang của chính mình.

Một góa phụ trang phục theo kiểu Thánh Francis, dong thuyền từ Argentina đến Rome để gặp đức Giáo Hoàng.

Một cậu thiếu niên điên trai vùng Caribe hóa điên nơi đất Tây Ban Nha.

Một cô gia sư người Đức đã hủy hoại mùa hè vì những qui luật khắt khe do cô đặt ra và rồi đã tự hủy hoại chính mình.

Billy Sanchez mang bà vợ có bầu với vết thương trên ngón tay đeo nhẫn, đến nhà thương và rồi chẳng bao giờ thấy lại nàng.

Một lần nữa, qua tuyển tập truyện ngắn đầy lôi cuốn này, Gabriel Garcia Marquez mời gọi chúng ta đi vào những thế giới uy nghiêm và huyền ảo đầy tính ma thuật, từ đó chúng ta trở lên nhưng vẫn mãi bị vương vẩn bởi bao khoảng thời gian mộng lung hòa quyện vào nhau.

CHỨC TỔNG THÔN NG THƯỢNG LỘ BÌNH AN

Ông ta ngồi trên chiếc băng gỗ dưới những tán lá vàng của một công viên vắng người, ngắm nhìn những con thiên nga lấp lánh bụi, với cả đôi tay tì lên chỗ tay cầm bịt bạc của cây cần và trầm tư về nỗi chết. Nhớ lại lần đầu ông đến Geneva, nước hồ vẫn tịch nhiên, trong vắng, với những chú chim mòng biển dạo đi đến chỗ thức ăn trên tay người và những phụ nữ cho thuê thân xác, giống những bóng ma vào lúc sáu giờ chiều với trang phục vải phin sáng và dù lụa cầm tay. Giờ đây, người phụ nữ duy nhất mà ông nhìn thấy là cô gái bán hoa trên cầu tàu hoang vắng. Thật khó tin rằng thời gian có thể tạo nên bao hoang phế đến thế, chẳng những cho đời ông mà còn cho cả cõi trần gian.

Đã có một thời ông mai danh ẩn tích hơn bây giờ, nơi một thành phố đầy những kẻ mai danh ẩn tích từng lừng danh thiên hạ. Ông mặc bộ đồ xanh sẫm có sọc, áo veste có hoa văn kim tuyến và đội mũ nhọn của một quan tòa về hưu. Ông ta có bộ râu ngạo mạn của một chàng ngự lâm quân, tóc xanh đen dày dặn sóng trông đầy vẻ lãng mạn, đôi bàn tay của nhạc sĩ hạc cầm với chiếc nhẫn cưới ở ngón tay đeo nhẫn bên trái và đôi mắt ánh lên vẻ tươi vui. Chỉ có làn da khô mét đã phản ánh rõ tình trạng sức khỏe của ông. Dù thế, ở tuổi bảy mươi ba, vẻ thanh lịch nơi ông vẫn còn đầy phong độ. Nhưng sáng hôm đó, ông cảm thấy vượt xa khỏi mọi cảm dỗ phù hoa. Những năm tháng vinh quang và quyền lực đã vĩnh

viễn rơi lại sau lưng; giờ đây, chỉ còn lại nhưng năm tháng đợi chờ cái chết.

Ông đã phải trở lại Geneva sau hai cuộc thám hiểm để tìm câu trả lời dứt khoát cho căn bệnh lạ của mình mà các bác sĩ ở Martinique đã không chẩn đoán được. Ông đã dự định chỉ ở lại nhiều lắm là hai tuần, nhưng đã mất đi gần sáu tuần lễ cho những cuộc chẩn bệnh quá mức mệt mỏi mà không đưa đến kết luận dứt khoát nào và trước mắt chưa thể thấy lúc nào kết thúc.

Đám thầy thuốc tìm căn bệnh của ông nổi giận, nơi mặt, nơi thân, nơi tuyên tụy rồi tuyên tiển liệt, bất cứ nơi nào mà chẳng biết chắc được nơi đâu. Cho đến cái ngày thứ năm đầy cay đắng đó, khi ông có cuộc hẹn lúc 9 giờ sáng ở khoa thần kinh liệu pháp với vị bác sĩ kém danh tiếng nhất trong số bao nhiêu bác sĩ đã chẩn bệnh cho ông.

Phòng mạch giống như phòng tĩnh tâm của một thầy tu; vị bác sĩ nhỏ người và trang nghiêm đeo một vòng đúc kim loại ở ngón tay cái bị gãy nơi tay phải của ông. Khi ánh sáng tắt đi, tia X quang rọi cột sống được chiếu sáng lên màn hình, nhưng ông đã không nhận ra đó là cột sống của chính mình cho đến khi vị bác sĩ dùng que chỉ vào chỗ nối giữa hai đốt sống dưới ngực ông.

"Ông đau ở đây nè" bác sĩ phán.

Nhưng ông đâu thầy có chuyện đơn giản như thế. Cơn đau của ông thường bất chợt và xảo quyệt; có lúc như ở nơi xương sườn bên phải, có lúc như ở bụng dưới và thường khi chộp bất lấy ông với vết đâm bất ngờ nơi háng. Bác sĩ lặng yên nghe ông nói, que chỉ bất động trên màn hình. "Đó là lý do tại sao nó tránh né chúng

ta lâu đến thế" ông ta nói. "Nhưng bây giờ thì ta biết nó ở đây". Rồi bác sĩ đặt ngón tay trở vào trán mình và tuyên bố một cách chính xác:

"Nói một cách chặt chẽ nhất, thưa Tổng thống, ông đau ở đây".

Phong cách điệu ưỡng của ông đầy kịch tính đến độ câu phán quyết cuối cùng có vẻ đầy lòng trắc ẩn: Ngài Tổng thống phải qua một cuộc phẫu thuật nguy hiểm, nhưng không thể không làm. Ông hỏi có bao nhiêu phần rủi ro và vị thầy thuốc già bọc ông trong ánh sáng mờ lung: "Chúng ta không thể nói chắc", bác sĩ trả lời.

Cho đến một khoảng thời gian ngắn mới đây thôi, ông giải thích, mức độ rủi ro của những sự cố có tính định mệnh là khá lớn và ngay cả sự nguy hiểm của các loại thuốc mê ở các mức độ khác nhau càng lớn hơn. Nhưng với những tiến bộ y học được thực hiện trong hai cuộc thế chiến, những lo sợ đó đã thuộc về quá khứ.

"Đừng lo lắng quá", bác sĩ kết luận. "Thu xếp mọi việc của Ngài cho đâu ra đây rồi hãy đến gặp chúng tôi. Nhưng đừng quên nhé, càng sớm càng tốt".

Ngày hôm đó chẳng phải là một buổi sáng đẹp trời để dễ tiêu hóa cái tin dữ ấy, một điều tôi tệ nhất có thể xảy đến. Ông đã rời khách sạn rất sớm mà không mang áo khoác, vì ông thấy một mặt trời rực rỡ chói chang qua cửa sổ và ông đã tản bộ bằng những bước đều đặn từ Con Đường Nắng Đẹp (*Chemin du Beau Soleil* - tiếng Pháp trong nguyên tác) nơi có bệnh viện, đến chỗ trú ẩn cho các đôi tình nhân lén lút, vườn hoa Ảng Lê. Ông đã ở đó hơn một tiếng đồng hồ, chẳng nghĩ về điều gì khác hơn là cái chết, khi

mùa thu bắt đầu. Mặt hồ trở nên xao động như mặt biển cuộn sóng và một cơn gió dữ xua bầy chim mòng biển bay tan tác trong kinh hoàng và giạt tung những chiếc lá cuối cùng. Ngài Tổng thống đứng lên và thay vì mua một bông cúc đại nôi người bán hoa, ông lại ngắt một đóa hoa từ vườn hoa công cộng để gài vào ve áo. Cô bán hoa bắt gặp quả tang hành vi bất chính đó của ông ta.

"Hoa đó đâu phải của chùa, thưa ông", cô ta nói đầy tức giận. "Đó là tài sản của thành phố".

Ông lờ đi và sai bước nhẹ để lãng ra xa, nắm cái can ở đoạn giữa và thỉnh thoảng xoay xoay nó với vẻ phóng khoáng nhàn du. Trên cầu Bạch Sơn (*Pont du Mont Blanc*), hiệu kỳ của các Hội Đoàn vật vã quay cuồng vì một cơn gió giạt bất ngờ, đang được gấp rút hạ xuống; dòng suối phun duyên dáng mang vương miện sỏi bọt đã bị cho ngừng phun sớm hơn thường lệ. Ngài Tổng thống không nhận ra được cái quán cà phê quen thuộc trên cầu nữa, vì họ đã buông tấm bạt màu xanh phủ xuống lối vào và cái sân thượng đầy hoa trong mùa hè đã được khép kín. Bên trong, ánh sáng được thả lên giữa ban ngày, một ban tứ tấu đàn dây đang chơi một nhạc khúc mang đầy tính linh cảm của Mozart. Ngài Tổng thống rút một tờ nhật báo từ giá sách báo dành cho khách hàng, treo mũ và cây cần trên móc treo, để cặp kiếng gọng vàng ở cái bàn hẻo lánh nhất; xong đâu đấy, ông mới chợt nhận thấy rằng mùa thu đã đến tự bao giờ.

Ông bắt đầu đọc trang thời sự quốc tế, nơi thỉnh thoảng ông bắt gặp một mẫu tin hiếm hoi từ các quốc gia châu Mỹ và ông tiếp tục đọc lại từ cuối bài lên đầu bài cho đến khi cô tiếp viên mang đến cho ông chai nước khoáng Evian hàng ngày. Tuân theo lời dặn của bác sĩ, ông đã bỏ thói quen uống cà phê từ hơn ba mươi

năm nay, nhưng ông lại nói: "Nếu mà biết chắc rằng mình sắp đi chầu ông bà ông vải thì có lẽ mình đã uống cà phê lại từ lâu".

Có lẽ cũng đã đến thời điểm rồi đấy.

"Cho tôi ly cà phê nữa" ông gọi bằng một thứ tiếng Pháp sành sỏi. Và nêu rõ đặc điểm mà không lưu ý đến ý nghĩa mập mờ nước đôi trong lời nói của mình. "Kiểu Ý nhé, đủ mạnh để đánh thức dậy người chết".

Ông uống cà phê không đường, từng ngụm nhỏ, xong dốc ngược cốc xuống đĩa để chặn cà phê có đủ thời gian viết ra định mệnh đời ông, sau bao nhiêu năm lãng quên nghi thức đó. Cái hương vị xa xưa chợt tìm lại được trong một lúc đã cứu ông thoát khỏi những ý tưởng âm đạm. Khoảnh khắc tiếp sau đó, như thể do tác động của cùng một thứ ma lực, ông linh cảm có một người nào đó đang nhìn mình. Ông lật trang báo và một động tác bình thường, rồi liếc mắt qua phía trên tròng kính, thấy một gã đàn ông xanh xao, có vẻ bất an, đội mũ thể thao và mặt áo jacket bằng da cừu; gã ta tức thời nhìn lảng qua phía khác, khiến ánh mắt đôi bên không chạm nhau.

Khuôn mặt gã trông quen quen. Hai người đã từng gặp nhau nhiều lần ở phòng đợi của bệnh viện, ông đã từng có dịp gặp gã ấy cỡi xe mô tô trên đường dạo quanh bờ hồ khi ông đang ngắm đàn thiên nga, nhưng chưa bao giờ ông cảm thấy là mình bị nhận diện. Tuy nhiên, ông vẫn không loại trừ ý tưởng rằng đó là một trong những ảo giác dẫn vật của kiếp lưu đày.

Ông ung dung đọc hết tờ báo, thả hồn bênh bênh trên những tấu khúc trung hồ cầm diễm lệ của Brahms cho đến khi cơn đau

đơn mạnh hơn tính gây mê của âm nhạc. Lúc đó ông nhìn vào cái đồng hồ quả quýt bằng vàng mà ông mang trong túi áo veste, lấy ra hai viên thuốc an thần, uống với ngụm nước khoáng Evian cuối cùng. Trước khi cất cặp kính lão, ông giải đoán số mệnh mình trên vế t cạn cà phê, chợt cảm thấy một thoáng rùng mình lạnh buốt: ông nhìn thấy điềm bất trắc nơi đó. Cuối cùng ông trả tiền, để lại tí tiền còn "pourboire"; lấy can và mũ khỏi giá treo, và đi ra đường, không nhìn gã kia, kẻ đang chăm chăm theo dõi ông. Ông đi xa dần bằng bước tản bộ nhàn du quanh các luống hoa bị cơn gió dập vùi và nghĩ mình đã thoát khỏi ma lực của điềm gỡ. Nhưng đúng lúc đó, ông nghe tiếng bước chân sau lưng mình rồi dừng lại, khi ông vòng đến một ngã tư và đang xoay người nửa vòng. Gã đàn ông đang đi theo ông phải khựng lại để tránh va chạm và đôi mắt ngỡ ngàng của y nhìn ông chỉ cách trong gang tấc.

"Thưa Tổng thống", y thì thào.

"Hãy nói với những kẻ chi tiêng cho anh rằng chúng đừng vội mừng", ngài Tổng thống bảo, không mất đi nụ cười và vẻ duyên dáng trong lời nói. "Sức khỏe của ta tuyệt lắm".

"Không ai biết điềm đó rõ hơn tôi đâu" gã kia đáp, bị sụm xuống bởi sức nặng của vẻ uy nghi đường bệ toát ra từ ngài Tổng thống. "Tôi làm việc ở bệnh viện mà".

Cách phát âm, nhịp điệu giọng nói, và ngay cả vẻ rụt rè nơi y, đặc mùi Caribê.

"Người không nói với ta người là bác sĩ đâu chứ", ngài Tổng thống nói mỉa.

"Không dám đâu, thưa Tổng thống. Tôi chỉ là một tài xế xe cứu thương".

"Ồ, ta xin lỗi", Tổng thống đáp lời, biết chắc là mình lầm.

"Chắc công việc đó cực nhọc lắm".

"Đâu có thắm gì so với trọng trách của ngài, thưa Tổng thống" Ông nhìn thẳng vào hấn ta, tì cả hai tay lên cây can và thật tình lưu tâm hỏi y:

"Anh từ đâu đến?".

"Từ vùng Caribê".

"Ta biết điều ấy rồi", Tổng thống nói. "Nhưng mà từ xứ nào?".

"Cùng xứ sở với ngài, thưa Tổng thống" y nói và lễ phép đưa tay ra. "Tên tôi là Homero Rey".

Ngài Tổng thống ngắt lời y trong sự ngạc nhiên, không rời bàn tay anh ta.

"Chà" ông nói "Cái tên nghe hay quá".

Homero thở phào nhẹ nhõm.

"Đúng ra là" y nói tiếp "Homero Rey de la Casa - Tôi là Homero, vua trong nhà tôi".

Một ngọn gió lạnh như dao cắt ập vào người họ, trơ trọi giữa đường phố. Ngài Tổng thống run rẩy buốt thấu xương và biết t

rằng nếu không có áo khoác, ông sẽ không thể đi qua hết hai dãy phố để đến nhà hàng bình dân, nơi ông thường dùng bữa.

"Anh bạn ăn trưa chưa?" ông hỏi.

Tôi không bao giờ ăn trưa" Homero trả lời "Tôi chỉ ăn một bữa tối tại nhà tôi".

"Hôm nay phá lệ một bữa vậy" ông ta nói, có vẻ gây cảm tình.

"Tôi mời anh hôm nay nhé".

Ông dắt tay anh ta đi về nhà hàng ăn bên kia đường, với bảng hiệu mạ vàng tên tấm bạt che: Le Boeuf Couronné (*Con Bò Mang Vương Miện*). Bên trong chật hẹp nhưng ấm cúng và có vẻ như không còn bàn trống. Homero Rey ngạc nhiên vì không ai nhận ra ngài Tổng thống, anh đi sâu vào trong tìm người giúp cho chỗ ngồi.

"Có phải ông ta là Quyển Tổng thống không?" ông chủ quán hỏi.

"Không" Homero đáp. "Đã bị lật đổ".

Chủ quán mỉm cười đồng tình.

"Đổi với các quý vị đó, tôi luôn luôn có một bàn đặc biệt dành cho họ".

Chủ quán dẫn họ đến một cái bàn biệt lập phía sau phòng, nơi họ có thể nói chuyện riêng tư tùy thích. Tổng thống cảm ơn ông ta.

"Không mấy ai nhận thức được như Ngài về phẩm cách của kiếp lưu vong" ông ta nói.

Món đặc biệt của quán là Sườn bò nướng vỉ. Ngài Tổng thống và vị khách mới liếc nhìn xung quanh và thấy những miếng sườn to tướng nướng cháy sém cạnh với mỡ bao quanh ở các bàn kia. "Món này hầu xực đây", Tổng thống thì thầm.

"Nhưng tôi không được phép xơi nó". Ông nhìn Homero với đôi mắt tinh nghịch và đổi giọng:

"Thực ra, tôi không được phép xơi bất cứ thứ gì".

"Bác sĩ cũng cấm ngài uống cà phê nữa cơ mà", Homero nói, "nhưng ngài vẫn cứ uống đây".

"Anh có nhận thấy điều ư à?" Tổng thống nói. "Nhưng hôm nay mình phá lệ vì là một ngày đặc biệt mà".

Cà phê không phải là chuyện phá lệ duy nhất của ông ta ngày hôm đó. Ông còn kêu món sườn bò nướng vỉ, một đĩa xà lách tươi trộn với một ít dầu ô liu. Người khách của ông cũng kêu cùng món đó và nửa bình rượu chát.

Trong khi chờ món ăn, Homero rút cái ví không tiền, chỉ đựng giấy tờ ra khỏi túi áo jacket và chỉ cho Tổng thống thấy một bức ảnh đã mờ, ngài nhận ra mình ngay trong cái áo sơ mi ngắn tay, người thon thả hơn một ít, với tóc và râu xanh mượt, bao quanh bởi đám đông các chàng trai trẻ đang đứng nhón gót lên để chiêm ngưỡng dung nhan. Liếc sơ qua, ông đã nhận ra ngay nơi chốn, nhận ra ngay biểu tượng của một chiến dịch tranh cử gay go, ông nhận ra cái ngày bất hạnh đó. "Thật xúc phạm". Ông thì thầm. "Tôi vẫn luôn nói người ta già nhanh ở trong ảnh hơn là ở ngoài đời thực". Và ông lật tới lật lui tấm hình với động tác có chủ ý.

"Tôi nhớ cái này rõ lắm", ông nói "Đầu chuyện này như là đã xảy ra cả ngàn năm trước đây; bức ảnh này chụp ở buồng lái máy bay đang bay trên bầu trời San Cristobal de Las Cesas".

"Đó là thành phố quê hương của tôi" Homero nói, và gã chỉ vào hình của mình trong đám đông. "Tôi đây nè".

Ngài Tổng thống nhận ra gã.

"Lúc đó anh hãy còn là một chú nhóc".

"Gã này như thế", gã nói "Tôi theo ngài suốt cuộc vận động tranh cử ở miền Nam, với tư cách là người cầm đầu tổng đoàn sinh viên".

Ngài Tổng thống dự kiến cách tiếp cận.

"Tiếc rằng tôi lại đã chẳng lưu ý đến anh lúc đó" ông nói.

"Không hề chi, ngài tử tế quá", Homero đáp. "Bởi vì chúng tôi đông thế, làm sao ngài có thể nhớ hết".

"Và rồi sau đó?".

"Ngài biết điều đó rõ hơn ai mà", Homero nói. "Sau cú binh biến, điều kỳ diệu là cả hai chúng ta lại ngồi đây, sẵn sàng để ngón hết nửa con bò. Không mấy người được may mắn như chúng ta đâu". Đúng lúc đó thức ăn được mang đến bàn họ.

Tổng thống thắt cái khăn ăn lên cổ, giống như trẻ con mang yếm và nhận ra vẻ ngạc nhiên thâm lặng nơi người khách.

"Nếu tôi không làm thế này, tôi sẽ làm hỏng một chiếc cà vạt ở mỗi bữa ăn" ông giải thích. Trước khi bắt đầu, ông thưởng thức

mùi gia vị của món ăn, gạt gù tỏ vẻ hài lòng, rồi trở lại câu chuyện đề tài bỏ dở.

"Điều tôi không hiểu", ông nói "là tại sao anh không tiếp cận tôi sớm hơn, thay vì theo dấu tôi như một con chó săn".

Homero bảo rằng gã đã nhận ra ông từ lúc thấy ông đi vào bệnh viện qua cánh cửa dành riêng cho những ca thật đặc biệt.

Đó là lúc vào giữa mùa hè và ông đang mặc một bộ complet ba mảnh bằng dạ vùng Antilles, mang giày đen trắng, một bông cúc đại trên ve áo và mái tóc đẹp của ông bóng bệ trong gió.

Homero biết được rằng, ông ở một mình tại Geneva, không một ai giúp đỡ, vì ngài Tổng thống biết rõ thành phố này, nơi ông đã từng theo học và tốt nghiệp khoa Luật. Theo yêu cầu của ông, ban quản lý bệnh viện đã có những biện pháp nội bộ cần thiết để bảo đảm sự ẩn danh tuyệt đối cho ông.

Chính trong đêm đó, Homero và vợ y động lòng cảm thông với ông. Và trong năm tuần lễ, y đã theo sát ông, chờ dịp thuận tiện, và có lẽ đã không dám nói, nếu ngài Tổng thống không chạm trán y.

"Tôi vui mừng được như vậy mặc dù sự thật là tôi thấy ở một mình cũng chẳng có gì phiền".

"Không phải thế đâu".

"Tại sao?" Tổng thống hỏi một cách thành thực "Chiến thắng vĩ đại nhất đời tôi là đã làm mọi người quên tôi đi".

"Chúng tôi còn nhớ ngài hơn là ngài tưởng" Homero nói, không giấu vẻ xúc động. "Thật là vui khi thấy ngài như vậy, vẫn trẻ và

khỏe".

"Và tuy thế" ông nói mà không làm ra vẻ bị kịch "Mọi sự đều chứng tỏ là tôi sắp đi tong ngày một ngày hai đây?".

"Cơ hội bình phục của ngài có rất nhiều hy vọng mà" Homero nói.

Ngài Tổng thống thoáng ngạc nhiên, nhưng không đánh mất ý thức hài hước.

"Ồ trời!" Ông than thở "Bộ điều lệ về bí mật y học đã bị bãi bỏ ở cái đất nước Thụy Sĩ xinh đẹp này rồi hay sao?".

"Chẳng có bí mật nào cả đối với một tài xế xe cứu thương, ở bất cứ bệnh viện nào, bất cứ nơi đâu trên thế giới này cả, thưa Ngài." Homero nói.

"Ờ, điều tôi biết đây, tôi đã moi ra cách đây đúng hai giờ từ miệng của người duy nhất có thể biết được điều đó".

"Dẫu sao đi nữa, ngài cũng sẽ không chết một cách vô ích" Homero nói "Sẽ có người phục hưng Ngài vào đúng vị trí cao cả của Ngài, như một biểu tượng của Danh dự".

Ngài Tổng thống làm bộ ngạc nhiên, khôi hài:

"Cám ơn đã sưởi ấm lòng ta" ông nói.

Ông ăn uống cũng giống như ông làm mọi việc khác: không háp tấp vội vã, rất cẩn trọng. Khi làm như thế, ông nhìn thẳng vào mắt Homero và anh chàng trẻ tuổi có ấn tượng như là có thể thấy được người lớn tuổi của mình đang nghĩ gì. Sau một cuộc đối

thoại đầy những gợi cảm hoài hương, nụ cười của Ngài Tổng thống bỗng trở nên ma mẫn.

"Tôi đã hạ quyết tâm là đừng có băn khoăn gì về cái tử thi của mình" ông nói "nhưng giờ đây, tôi thấy rằng tôi phải lưu tâm kỹ như trong một truyện trinh thám, để giữ kín chuyện đó"

"Chuyện đó chẳng có lợi gì đâu" đến lượt Homero đùa "ở bệnh viện, chẳng có bí ẩn nào được giữ kín quá một tiếng đồng hồ".

Khi uống hết cà phê. Tổng thống đọc ở đáy ly và ông lại rùng mình - Thông điệp vẫn như cũ - Và chẳng cách biểu hiện của ông cũng không thay đổi - ông trả tiền, bằng tiền mặt, nhưng cẩn thận kiểm tra lại tổng số tiền đến năm lần bảy lượt, để m tới để m lui tiền của mình với sự thận trọng quá đáng và để lại tiền "pourboire" chỉ vừa đáng để người hầu bàn khịt mũi, nhăn mặt.

"Thật là vui", ông kết luận khi từ biệt Homero. "Tôi chưa hẹn sẽ giải phẫu ngày nào và tôi cũng chưa quyết định xem có nên giải phẫu hay không. Nhưng nếu mọi chuyện xuôi chèo mát mái thì chúng ta sẽ lại gặp nhau".

"Và tại sao chúng ta lại không gặp nhau trước lúc đó?".

Homero nói: "Lazara, vợ tôi, thường nấu ăn cho những người giàu có. Không ai làm món cơm tôm ngon lành hơn cô ta. Chúng tôi rất hân hạnh mời Ngài đến nhà dùng cơm tối trong một ngày gần đây thôi".

"Tôi không được phép dùng nó, nhưng tôi sẽ rất sung sướng được ăn món đó", ông nói: "Cho tôi biết lúc nào đi".

"Thứ năm hàng tuần tôi được nghỉ" Homero đáp.

"Tuyệt đấ y" Ngài Tổng thố ng nói.

"Thứ năm lúc bảy giờ tồ i, tôi sẽ có mặt tại nhà anh. Sẽ vui lấ m đấ y".

"Tôi sẽ đế n đón Ngài" Homero nói: "Nhà Khách Quí Bà, số 14, đường Công Nghiệp. Đầ ng sau nhà ga. Đồ ng ý chứ?".

"Đồ ng ý!" Tổng thố ng nói và đứng dậy, trông duyên dáng hơn bao giờ hế t. "Có vẻ như anh còn biế t cả kích cỡ giày của tôi nữa".

"Tầ t nhiên, thưa Ngài". Homero nói với vẻ thích thú "Cỡ bô n mươi mốt".

Có điề u Homero Rey không nói cho ngài Tổng thố ng biế t, nhưng sau đó nhiề u năm, y lại kể rành mạch cho bấ t kỳ ai muố n nghe, đó là, ý định ban đầ u của y chẳng phải gây thơ vô tội tí nào. Cũng giố ng như những tài xế xe cứu thương khác, y cũng thu xế p với má y đám nhà táng và các công ty bảo hiểm nhân thọ để bán dịch vụ trong bệnh viện, nhấ t là với các bệnh nhân nước ngoài mà tình trạng tài chính có phầ eo hẹp. Mộ i lợi nhỏ nhoi thôi mà còn phải chia năm xẻ bảy với đám nhân viên khác luôn rình mò quanh hồ sơ mật của những bệnh nhân nguy kịch. Nhưng dẫu sao thì cũng có còn hơn không đố i với một kẻ số ng lưu vong, không tương lai, phải xoay xở để nuôi số ng một vợ hai con bằ ng đồ ng lương mặt hạng (rẻ như bèo).

Lazara Davis, vợ anh ta, có đầ u óc thực tế hơn. Là một cô gái lai ở San Juan, Puerto Rico, cô ta nhỏ người nhưng rắ n chắ c, da màu nước đường thắ ng, đôi mắ t chồ n cái biểu lộ rõ nét tính tình của cô ta. Họ đã gặp nhau tại phòng cứu tế của bệnh viện, nơi cô ta đã làm việc như người trợ lý tổng vụ cho một nhà tài chánh đồ ng

hương của mình; ông này đang mang cô theo đến Geneva để làm điếu dưỡng viên, đã bỏ cô trôi dạt trong thành phố này. Cô và Homero đã kết hôn theo lễ nghi Công giáo, mặc dù cô vốn là một công chúa của Yoruhan và họ đã sống trong một căn hộ có hai phòng ngủ ở tầng thứ tám của một building không có thang máy, phần lớn người cư ngụ là đám di dân từ các nước Phi Châu - Barbara, đưa con gái đầu lòng lên chín tuổi và Lazaro, đưa con trai bảy tuổi của họ có vài dấu hiệu trí tuệ ở dạng còn nhẹ.

Lazara Davis thông minh, tính tình cáu bẳn, nhưng nàng có trái tim dịu dàng. Cô ta tự coi mình là một mạng Kim Ngưu điển hình và tin tưởng mù quáng vào những điếm triệu đầy mê tín. Tuy vậy, nàng vẫn chưa hề có thể thực hiện được ước mơ kiếm sống bằng cách là một chiêm tinh gia cho các nhà tỉ phú.

Nhưng mặt khác, thỉnh thoảng nàng cũng đem lại những đóng góp tài chánh cho gia đình, đôi khi cũng là một khoản tiền đáng kể, nhờ nấu tiệc cho các bà chủ giàu muốn gây ấn tượng cho thực khách bằng cách cho họ tưởng rằng chính các bà đã nấu nướng các món ăn lạ miệng kiểu Antilles. Sự rụt rè của Homero làm anh ta khốn khổ, nhưng anh ta cũng chẳng có tham vọng nào hơn ngoài khoản tiền nhỏ nhoi mà anh kiếm được, song Lazara không thể quan niệm đời sống thiếu chàng ta vì sự hồn nhiên của tâm hồn chàng và sự ân ái của chàng. Mọi chuyện đã suôn sẻ đối với họ, nhưng cuộc sống mỗi năm càng khó khăn hơn và các đứa trẻ ngày càng lớn. Vào thời Tổng thống mới đến đây, họ đã phải moi số tiền tiết kiệm dành dụm được từ năm năm ra để chi tiêu. Vì thế, khi Homero Rey khám phá ra ngài Tổng thống trong số các bệnh nhân ẩn danh của bệnh viện thì họ nhen nhúm hy vọng.

Họ chưa biết đích xác, họ sẽ yêu cái gì hay là nhân danh quyền gì để đòi hỏi. Lúc đầu, họ định chào hàng với ông khoản dịch vụ mai táng toàn bộ, kể cả việc ướp xác và đưa di hài về cố hương. Nhưng dần dần họ nhận thấy là cái chết của ông ta chưa có vẻ gì vội đến như lúc đầu họ đã tưởng. Vào ngày có hẹn cùng dùng bữa ăn trưa tại nhà với ngài Tổng thống, hai vợ chồng nhà này càng bối rối với bao điều nghi hoặc.

Sự thật là Homero chẳng hề bao giờ là thủ lĩnh của tổng đoàn sinh viên hay bất cứ cái quái quỷ gì khác và cái vai trò duy nhất mà gã đã đóng trong cuộc vận động tranh cử chỉ là cố xen vào để được chụp hình, tấm hình đó họ đã tìm được như nhờ phép lạ, dưới ống kính báo cũ để dùng trong câu tiêu. Nhưng lòng nhiệt tình của anh ta thì quả có đúng thật. Một điều khác nữa cũng đúng, đó là anh ta đã bị buộc phải chuồn khỏi xứ sở vì anh ta đã từng tham dự vào các cuộc biểu tình chống lại cuộc đảo chính quân sự, dẫu rằng lý do duy nhất khiến anh ta vẫn còn sống ở Geneva sau bao nhiêu năm lâu đến thế, chỉ là do sự nghèo nàn trí tuệ của anh ta mà thôi. Dẫu có nói đôi chút cũng chẳng hề chi, để chiêm cảm tình của ngài Tổng thống.

Điều ngạc nhiên đầu tiên đối với họ, đó là kẻ lưu vong lừng lẫy kia lại sống trong một khách sạn hạng tư, tại khu phố Les Grottes buồn hiu và ngòai ăn một mình nơi các quán ăn rẻ tiền, trong khi ở Geneva đầy những căn nhà sang trọng cho các nhà chính khách thốt sùng. Ngày qua ngày, Homero thấy ông ta lặp lại những hành vi của ngày hôm đó. Gã dõi mắt trông theo ông, đôi khi với một khoảng cách thiếu thận trọng, trong những cuộc du hành ban đêm giữa những bức tường tang chế và ngắt các đóa hoa chuông của thành phố cổ kính. Gã đã thấy ông trâm tư hàng giờ

trước pho tượng của Calvin. Nín thở với hương nõng của hoa lài, gã đã theo ông từng bước leo lên các bậc thang bằ ng đá để đi đế n đỉnh đò i Bourg de Four, ngắ m ánh hoàng hôn mùa hạ chằ m chậm buông rơi. Một đêm nọ, gã thắ y ông trong cơn mưa đầ u mùa, không mặc áo mưa, cũng chẳng mang dù, đứng sắ p hàng với đám sinh viên để chờ nghe cuộc hòa nhạc của Rubinstein. "Tôi chẳng hiểu sao mà ông ta lại không bị viêm phổi", Homero sau đó đã nói với vợ như thế . Vào ngày thứ bảy trước đó, khi thời tiế t bắ t đầ u đổi thay, gã đã thắ y ông mua một áo khoác mùa thu với cổ áo lông chồ n giả, không phải nơi các cửa tiệm sáng lắ p lánh dọc theo phồ sông Rhône, nơi các vị tiể u vương ả Rập lưu vong thường đi mua sắ m, mà ở chợ trời.

"Nế u thế thì bọn mình chẳng có gì để mà chờ mong đâu" Lazara than thở, khi Homero kể với nàng chuyện đó. "Ông ta chỉ là một kẻ bằ n cùng sẽ mãi nguyện xa lìa cuộc đời nhờ đám tang từ thiện và sẽ đượ c mai táng vào nằ m mô ̀ lạnh lẽo của kẻ bằ n hàn. Bọn mình sẽ chẳng bao giờ kiể m chắc đượ c gì nơi ông ta đâu" .

"Có lẽ ông ta nghèo thật" Homero nhận định, "sau bao nhiêu năm thắ t nghiệp".

"Bé cưng ơi, mang tuổi Song Ngư là một chuyện và làm một chàng ngô c khố n khổ lại là một chuyện khác" Lazara nói. "Ai cũng biể t ông ta chuồ n đi với hàng tắ n vàng của công khố và là kẻ lưu vong giàu nhắ t đế n từ Martinique".

Homero lớn hơn vợ mười tuổi, đã lớn lên và chịu ảnh hưởng bởi các bài báo muố n tạo cho dân chúng ý nghĩ là ngài Tổng thố ng kính yêu của họ trong thời còn là sinh viên du học ở Geneva, đã tự kiể m số ng bằ ng cách, ngoài giờ học, đi làm công nhân xây dựng.

Lazara trái lại, đã lớn lên giữa những lời chỉ trích gay gắt của báo chí phe đố i lập, càng được thổi phồng ở các gia đình thuộc phe chống đố i mà nàng từng giúp việc như một nữ điề u dưỡng khi nàng còn con gái. Do đó, vào cái đêm Homero về nhà, nín thở vì hân hoan đã được ngài Tổng thống mời ăn trưa, nàng không tin ông ta đã mời gã đế n một nhà hàng đắ t tiề n. Nàng thật buồn lòng vì Homero đã không xin xỏ được gì trong vô số những điề u mà họ từng mơ ước, nào là học bổng cho con cái, nào là một việc làm khá hơn ở bệnh viện, v.. v... Quyế t định của ngài Tổng thống muố n bỏ mặc cho tá m thân mình ra sao thì ra sau khi chề t, thay vì dùng tiề n của đế lo cho có một đám tang xứng đắ ng với một cuộc di hài trọng thể về cô hương, càng khiế n nàng nghi ngờ. Nhưng cái cọng rơm cuố i cùng làm gãy lưng con lạc đà là cái tin mà Homero giữ vào phút chót mới tiế t lộ, là chuyện gã đã mời ngài Tổng thống dùng bữa cơm tôm tại nhà, vào tô i thứ năm sắ p tới.

"Chúng ta câ n điề u đó lắ m ư!" Lazara hét toáng lên, "rước lão â y về đây, mời lão nhét đầ y cơm tôm vào bao tử đế n nổi bội thực ngã lăn quay ra chề t, rồi chúng ta phải đập ó ng heo của má y đư a nhỏ móc tiề n ra lo đám ma cho lão â y chắ c?".

Nói the´, nhưng cuố i cùng vô n thương chồ ng, chẳng nỡ đế chồ ng má t thể diện, nàng cũng chiề u ý. Nàng chạy đi mượn ba bộ đồ ăn bằ ng bạc và một đĩa đựng xà lách bằ ng pha lê nơi một bà láng giề ng, một bình pha cà phê bằ ng điện nơi một cái nhà khác và cái khăn bàn thêu với bộ â m tách sứ Trung Quố c nơi nhà thứ ba. Nàng kéo các tá m màn che cũ xuố ng, móc các màn che mới lên và lột các tá m bọc ghê nệm ra. Nàng dành trọn một ngày đế lau chùi sàn nhà, quét sạch bụi bặm, sắ p xếp đồ đạc cho gọn gàng

tương tất đâu ra đây, mong tạo cho khách cảm tưởng giá y rách phải giữ lấy lệ, dẫu hèn cũng thể.

Vào tối thứ năm hôm đó, khi đã mệt đứt hơi vì leo các bậc cầu thang lên mái tận lầu tám, ngài Tổng thống xuất hiện ở cửa với chiếc áo khoác tuy cũ nhưng mới được giặt ủi tinh tươm, cái mũ quả dưa, thời trang của những năm xưa năm xưa và duy chỉ một đóa hồng tặng Lazara. Nàng bị đập mạnh bởi ấn tượng về vẻ đĩnh đạc trượng phu và phong thái như ông hoàng của ngài Tổng thống, nhưng đằng sau tất cả những cái ấy, nàng thấy được điều mà nàng đã dự đoán "một tên đàn ông dối trá và tham lam, keo kiệt". Nàng nghĩ ông ta hơi khiếm nhã, bởi vì nàng đã làm bẽ báp với các cánh cửa sổ mở rộng để cho mùi thơm không quyện lại trong nhà, và động tác đầu tiên của ông ta khi mới bước vào phòng là hít một hơi dài như thể gặp sự sảng khoái bất ngờ và ông đã thốt lên với đôi mắt lim dim và vòng tay mở rộng. "Ồ, đúng là hương vị biển cả nơi xứ sở yêu dấu của chúng ta!". Nàng nghĩ ông thật buồn xỉn vì chỉ mang lại cho nàng đúng một bông hồng duy nhất, chắc là xoáy được ở một công viên nào đó. Nàng nghĩ, ông ta có vẻ ngạo mạn khi nhìn những mảnh cắt từ các tờ báo với các hình ảnh và dòng chữ nói về sự vinh quang trong thời làm Tổng thống của ông: nào cờ xí, biểu ngữ rợp trời trong cuộc vận động tranh cử mà Homero đã chăm chú dán lên tường nơi phòng khách.

Nàng nghĩ, ông ta cứng rắn thiếu tình cảm, bởi vì ông chẳng hề chào lại Barbara và Lazaro, chúng đã biếu ông một món quà lưu niệm, và trong bữa ăn, ông ám chỉ đến hai điều mà ông không chịu nổi, đó là chó và trẻ con. Nàng ghét ông ta.

Tuy thế, lòng hiếu khách của dân Caribê nơi nàng đã vượt lên những thành kiến đó. Nàng đã mặc áo dài kiểu Phi châu mà nàng

chỉ khoác lên người vào những dịp đặc biệt, mang vòng hạt cườm và xuyê n vàng và trong suốt bữa ăn, nàng không hề làm một động tác vô ích nào hay nói một lời phù phiếm nào.

Nàng thật khỏi chê trong cung cách tiếp khách, nàng thật hoàn hảo.

Sự thật là món cơm tôm chưa hẳn đã là thành tựu xuất sắc nhất trong nghệ thuật nấu nướng của nàng, nhưng nàng đã làm món đó với tất cả thiện chí và vì thế món cơm tôm đó rất ngon. Ngài Tổng thống ăn hết hai bát cơm và không tiếc lời khen ngợi; ông khoái cả món rau mã đề thái nhỏ và món sà lách avocado, dù ông không san sẻ nổi hoài hương của họ.

Lazara chỉ yên lặng nghe cho đến lúc ăn món tráng miệng, khi bỗng dừng chẳng biết cái gì xui khiếm, Homero lại rơi vào bẫy của vắn đề không lối thoát, vắn đề Thượng Đế hiện hữu hay không hiện hữu.

"Tôi tin chắc là Thượng Đế hiện hữu", ngài Tổng thống nói, "nhưng Người chẳng hơi đâu thèm để ý đến chuyện trần gian. Người còn khó i việc vĩ đại hơn để phải bận tâm".

"Còn tôi chỉ tin vào các ngôi sao chiếu mệnh", Lazara nói và nàng dò xét phản ứng của ngài Tổng thống. "Ngài sinh ngày nào?".

"Ngày mười một tháng ba".

"Tôi biết ngay mà", Lazara reo lên vẻ đắc thắng và hỏi lại bằng giọng ngọt ngào "Ngài có nghĩ là hai tuổi Song Ngư cùng trên một bàn ăn là quá nhiều?".

Hai người đàn ông còn ngồi tiếp tục tranh luận về sự hiện hữu của Thượng Đế khi nàng đứng dậy đi vào bếp để pha cà phê. Nàng đã dọn sạch bàn ăn và rất mong sao cho bữa tối kết thúc tốt đẹp. Trên đường trở lại phòng khách với khay cà phê, nàng bắt gặp một nhận định thoáng qua của ngài Tổng thống, khiến nàng ngạc nhiên.

"Không nghi ngờ gì nữa, các bạn ạ. Nếu tôi còn làm Tổng thống, có lẽ đó là một điều tồi tệ nhất cho xứ sở chúng ta".

Homero thấy Lazara ở cánh cửa với bộ áo khoác sứ Trung Quốc, bình pha cà phê, và nghĩ nàng sắp ngất xỉu khi nghe máy lời vàng ngọc đó từ chính miệng ngài Tổng thống thốt ra.

Tổng thống cũng nhận thấy điều ấy. "Đừng nhìn tôi như thế, thưa bà" ông nói với giọng thân mật. "Tôi nói thật lòng đấy mà". Rồi quay về phía Homero, ông kết luận:

"Đúng là tôi đang phải trả giá đắt cho sự nông công ruộng rẫy của mình".

Lazara rót cà phê ra mời và tất bật bốt đèn phía trên bàn vì ánh sáng chói chang quá, không hợp cho buổi chuyện trò, và căn phòng trở nên mờ mờ, thân mật. Lần đầu tiên, nàng thật sự quan tâm đến người khách mà sự thông minh sắc sảo không che giấu được vẻ muộn phiến. Lòng hiếu kỳ của Lazara càng tăng thêm khi ông khách uống cạn tách cà phê và lật ngược cái tách xuống đĩa, để cặn cà phê rơi xuống.

Tổng thống bảo với họ là trước kia, ông đã chọn đảo Martinique làm nơi sống kiếp lưu vong, vì tình bạn đôi với nhà thơ Aimé Césaire, vào thời bấy giờ đã xuất bản tập thơ Cahier d'un retour

au pays natal (*Bút ký ngày về cô hương*) và đã giúp cho ông bắt đầu một cuộc đời mới. Với chút tài sản còn lại từ thừa kế của vợ, ngài Tổng thống mua một căn nhà bằng gỗ quý trên ngọn đồi thành phố cảng Fort de France với màn che cửa sổ và sân thượng nhìn ra biển, đủ các loại hoa hoang dã. Thật thú vị khi ngủ nơi đó trong âm thanh của tiếng bóng cricket và làn gió biển mang mùi rượu rum mật mía từ các nhà máy đường dạt tới. Nơi đó ông đã sống với bà vợ lớn hơn ông mười bốn tuổi và đã trở nên tàn phế từ sau khi sinh đứa con duy nhất; ông được tặng thêm nghị lực để chống lại số mệnh bởi việc thường xuyên đọc lại các tác phẩm cổ điển La tinh bằng nguyên tác và bởi niềm xác tín rằng, đó là hành vi cuối cùng trong đời mình. Đã bao năm rồi ông phải chống lại sự căm dỗ của đủ kiểu hành động phiêu lưu mà các ứng hộ viên của ông, cay cú vì thất bại và ý muốn phục thù, đã đề nghị với ông.

"Nhưng tôi chẳng bao giờ đọc các bức thư ấy", ông nói.

"Không bao giờ nữa, một khi tôi đã khám phá ra rằng, ngay cả những điều khẩn cấp nhất cũng bớt vẻ khẩn cấp sau một tuần lễ và rằng trong vòng hai tháng, người ta sẽ quên các bức thư ấy cũng như quên người viết ra chúng".

Ông nhìn Lazara trong bóng mờ chập chờn khi nàng đốt điếu thuốc và lấy thuốc từ môi nàng với cử động khao khát từ mỗi ngón tay. Sau một hơi rít dài, ông ém khói lại trong cổ họng. Sừng sốt, Lazara lấy gói thuốc và hộp quẹt, đốt một điếu khác, nhưng ông đã trả lại điếu thuốc đang cháy dở cho nàng.

"Trông cô hút ngon lành quá, khiến tôi phát thèm phải rít một hơi thôi", ông nói. Rồi ông phải nhả khói ra vì ông bắt đầu ho.

"Tôi đã bỏ thói quen hút thuốc từ nhiều năm rồi, nhưng nó chẳng chịu bỏ tôi". Ông nói. "Gặp dịp, nó lại đánh ngã tôi. Như bây giờ đây".

Cơn ho còn hành ông hai lần nữa. Cơn đau trở lại. Tổng thống nhìn đồng hồ, lấy ra hai viên thuốc cho liều buổi tối.

Rồi ông chăm chú nhìn vào đáy cốc, không có gì thay đổi cả, nhưng lần này ông không rung mình.

"Một vài người trước kia ủng hộ tôi, đã trở thành Tổng thống kế vị tôi", ông nói. "Tất cả chúng tôi đã chiêm đoạt một vinh dự mà chúng tôi không xứng đáng, giành lấy một trọng trách mà không biết cách làm thế nào để chu toàn. Vài người chỉ vì đeo đuổi quyền lực, còn đa số chỉ trông tìm một chỗ làm, hay tệ hơn".

Lazara nổi sùng.

"Ông biết họ nói gì về ông không?" nàng hỏi gằn.

Homero hoảng hốt can thiệp:

"Chỉ là những điếu bịa đặt dối trá thôi".

"Những điếu dối trá, vâng, nhưng không hẳn chỉ là những điếu dối trá", ngài Tổng thống nói với vẻ bình thản, thoát tục.

Dối với một Tổng thống, những điếu đê tiện nhất có thể vừa là chuyện thật, vừa là chuyện giả, hư hư thực thực, ai biết đâu vào đâu." Ông đã sống ở Martinique trọn chuỗi ngày lưu vong, chỉ còn liên hệ với thế giới bên ngoài qua một vài dòng tin tức trong công báo. Ông đã phải kiếm sống bằng cách dạy tiếng Tây Ban Nha và tiếng La tinh tại một trường Trung học công lập, và dịch một số

hài mà nhà thơ Aimé Césaire thỉnh thoảng nhờ ông. Cái nóng tháng tám thật khó chịu, ông cứ muố n nằ m trên võng cho đế n trưa, đọc sách trong tiế ng quay đê u đê u của cánh quạt trầ n nơi phòng ngủ. Ngay cả vào nhữ ng thời điể m nóng nhấ t trong ngày, bà vợ ông cũng trông nom các con chim bà nuôi vẫ n để cho bay nhảy tự do ngoài lô ng; bà đội một mũ rơm rộng vành để tránh nắ ng, chiế c mũ đượ c trang điể m với hoa giả bằ ng vải phin. Nhữ ng lúc tiế t trời dễ chịu, ông thích ngồ i trên sân thượng với không khí mát lạnh dịu dịu, đôi má t đắ m đắ m nhìn về ` đại dương mênh mông cho tới khi chiề u tím thẳ m hoàng hôn. Còn bà ngồ i vào chiế c ghế mây nhún, đầ u đội chiế c mũ sờ n rách, trên mỗi ngón tay đê u đeo nhẫn gắ n bảo thạch lắ p lánh, ngắ m nhìn tàu thuyề n trên khắ p thê giới qua lại. "Chiế c tàu kia chắ c là đi về ` Puerto Santo" bà lắ m bắ m. "Còn chiế c tàu nọ, gầ n như không nhú c nhích nổi vì chớ đầ y ắ p chuồ i mang đi từ Puerto Santo", bà lại lắ m bắ m. Bởi vì hầ u như bà không thể nghĩ rằ ng có một con tàu nào ngang qua đầ y mà lại không xuấ t hành từ xứ sở quê hương bà. Ông vờ như không nghe bà nói gì, mặc dù về lâu về dài bà mau quên hơn ông, vì bà đã má t trí nhớ. Có lẽ họ đã ngồ i yên như thê cho đế n khi nhữ ng buổi hoàng hôn náo động đi dầ n vào yên ả tịch liêu và phải đi vào nhà để tránh muỗi.

Trong một buổi tồ i tháng tám, khi đang ngồ i đọc báo trên sân thượng, ngài Tổng thồ ng gây ngạc nhiên khi thồ t lên:

"Tôi bị đày đọa rô i", ông cá t tiế ng than. "Tôi đã chề t ở Estoril".

Phu nhân của ngài, đang lơ mơ trong cơn buồ n ngủ vật vờ, kinh hoàng bật dậy vì cái tin quái gở đó. Bài báo gồ m khoảng sáu dòng trên trang thứ năm, đượ c in ở một góc nơi thỉnh thoảng vẫ n đắ ng

những bài dịch của chính ông và ông quản lý thỉnh thoảng vẫn đến thăm ông. Và giờ đây, chính cái tờ báo mà c dịch đó lại tung tin rằng ông đã chết ở Estoril de Lisboa, nơi ẩn trú và an dưỡng của Âu châu thoái hóa suy tàn; nơi đó, ông chưa hề một lần đặt chân tới và có lẽ là nơi duy nhất trên hành tinh này ông không muốn gọi lại năm xương tàn. Phu nhân Tổng thống đã chết một năm sau đó, bị dấn vạt bởi hoài niệm cuối cùng còn sót lại nơi tâm trí bà: hoài niệm về đứa con duy nhất của họ đã tham gia vào cuộc binh biến để lật đổ chính bố ruột mình và sau đó lại bị chính những kẻ đồng lõa với mình bắn bỏ.

Ngài Tổng thống thở dài: "Đấy, số phận của chúng ta là thế và không gì cứu nổi chúng ta", ông nói. "Một tiểu lục địa tạo nên từ lớp đất cát bọ bèo, chẳng có chút yêu thương; những đứa bé bị bắt cóc hay được sinh ra từ sự cưỡng dâm, sự tạp giao, sự tuyệt vọng, sự phôi chủng giữa những kẻ thù với những kẻ thù". Ông chạm tia mắt Phi châu huyền bí man dã của Lazara đang dò xét ông không chút xót thương và ông cố vượt thặng đôi mắt đó bằng sự hùng hiện của một bậc thầy lão luyện.

"Pha trộn chủng tộc có nghĩa là, pha trộn nước mắt với máu rỉ ra trong uất hờn. Người ta có thể chờ đợi cái gì nơi thứ bùa yêu quái dị đó?".

Lazara gấn chặt ông vào chỗ ngồi bằng sự im lặng chết chóc. Nhưng nàng lấy lại tự chủ, trước nửa đêm một chút và chào từ biệt ông với một cái hôn theo nghi thức. Tổng thống từ chối không để Homero tiễn chân ông về lại khách sạn, nhưng dù sao cũng không ngần y giúp ông kiếm chiếc taxi.

Khi Homero trở về thì vợ y đang nổi cơn tam bành.

"Cái lão Tổng thống đó có bị lật đổ cũng là đáng đời", nàng nói. "Thật là đô`chó đẻ".

Mặc dù Homero cố`gắ`ng xoa dịu nàng, đôi vợ`chô`ng vẫn trải qua một đêm khủng`khiếp, má`t ngủ. Lazara thừa`nhận ông ta là một trong số`những người đàn ông`đẹp trai nhấ`t mà nàng đã`thấ`y, với một quyề`n năng`hấp` dẫn đầ`y sức tàn`phá và vẻ`trượng phu`hùng` dũng của một chàng`ngựa`gió`ng. "Ngay cả như`hiện`trạng bây`giờ của lão ta, già` cả và bệnh` tật, nhưng` hẳn là lão ta vẫn` còn là một con` cạp` trên` giường` ngủ", nàng nói. Nhưng` nàng` nghĩ, ông ta đã` hoang` phí` những` ân` điển của Chúa` để` phụng` sự cho` thói` kênh` kiệu` phù` hoa. Nàng` không` thể` chịu` đựng` nổi` những` lời` khoe` khoang` khoác` lác khi ông ta tự` phong` mình là vị` Tổng` thống` tô`i` tộ` nhấ`t của` xứ` sở` mình, là một vị` nguyên` thủ` quốc` gia` tô`i` tộ` nhấ`t chưa` từng` thấ`y trong` lịch` sử. Nàng` cũng` không` chịu` nổi` vẻ` khố` hạnh của ông khi nàng` tin` chắ`c rằ`ng ông ta chỉ làm` một nửa` số` đô`n` điề`n` tro`ng` mĩa` tại` Martinique. Hoặ`c` về` đạo` đức` giả` trong` sự` khinh` miệt` quyề`n` lực của ông ta, trong` khi` hiển` nhiên là ông ta sẵn` sàng` đánh` đổi` bất` cứ` thứ` gì` để` trở` lại` chức` Tổng` thống` một` thời` gian` khá` lâu` đủ` để` ông ta đưa` những` kẻ` thù của` mình đi` ăn` đấ`t.

"Và` tá`t cả` những` chuyện` đó", nàng` kέ` t` luận, "chỉ` để` cho` chúng ta` quì` mọp` tôn` thờ` lão ta".

"Ông ta` câ`n` chuyện` đó làm` chi` nữa?" Homero` hỏi.

"Chắ`ng` để` làm` quái` gì` cả" nàng` nói. "Nhưng` sự` thực, nổi` si` mê` muố`n` mình làm` người` hấp` dẫn, lôi` cuố`n, thật` chắ`ng` bao` giờ` đượ`c` thỏa` mãn` trọn` vẹn".

Cơn cuồng nộ của nàng ghê gớm quá, khiến Homero không còn chịu nổi chuyện nă m chung giường với nàng và suôt phâ n đêm còn lại, gã cuộn mình trong chăn nă m chèo queo trên ghê sofa nơi phòng khách. Lazara cũng thức dậy lúc nửa đêm, trầ n truồ ng từ đầ u đê n chân - tình trạng bình thường của nàng khi ngủ hoặc ở phòng riêng - và lắ m bắ m một mình cuộc đọ c thoạ i về một đê tài duy nhấ t. Chỉ một mạch, nàng đã xóa sạch khỏi mọi trí nhớ mọi đầ u về t của bữa ă n tồ i đắ ng ghét. Rạng sáng hôm sau, nàng mang trả lại các đồ đạc nàng đã mượn, thay lại bức màn mới bắ ng bức màn cũ và trả lại mọi đồ vật về vị trí cũ để căn nhà trở lại vẻ nghèo nàn, thanh đạm như trước. Rồ i nàng giặ t mắ y mắ u báo xuồ ng, nhữ ng chân dung, cồ xí trong chiế n dịch tranh cử ghê tồ m kia, ném tá t cả vào sọt rác với câu hét tồ i hậu: "Xuồ ng đặ ngục hế t đi, ba cái đồ thổ tả." Một tuầ n sau bữa ă n tồ i, Homero gặp ngài Tổng thồ ng đọ i anh ta khi anh ta rời bệnh viện, ông yêu câ u anh ta đi cùng ông về khách sạn. Họ trề o 3 tầ ng câ u thang để đê n căn gác xê p sát má i, chỉ có một khoảng sáng nhìn ra khung trời xám tro. Có một giường đò i chiế m hế t nửa không gian, một chiế c ghê thô, một góc vệ sinh và chậ u rửa hậu môn, một tủ đặ ng quầ n áo nhỏ với kiế ng mờ đặ c. Ngài Tổng thồ ng quan sát phản ứ ng của Homero.

"Đây là cái hang thổ mà tôi đã số ng khi tôi còn là một du học sinh", ông ta nói như để xin lỗi "Tôi đã đặt phòng từ Fort de France".

Từ trong một cái túi nhung, ông lục soạn và bày ra trên giường nhữ ng di tích cuồ i cùng của sự giàu sang: Năm ba cái vòng vàng trang điể m với đủ loại đá quí, một sợi dây chuyề n đeo cổ ba vòng bắ ng ngọc trai và hai sợi bắ ng vàng và đá quí, ba dây chuyề n có hình các thánh, một cặp hoa tai bắ ng vàng và ngọc bích, một cặp

khác bằng vàng và kim cương, một cặp thứ ba bằng vàng và hồng ngọc, một hòm đựng thánh tích và một tủ ngăn nhỏ, mười một cái nhẫn với đủ loại đá quý trang hoàng mặt nhẫn và một mũ triều thiên đính đầy kim cương xứng đáng để đội lên đầu một bà hoàng hậu. Từ một cái hòm nhỏ, ông lôi ra ba bộ đồ ăn bằng bạc và hai bộ bằng vàng, một đồng hồ bỏ túi bằng bạch kim. Rồi ông lôi ra sáu bộ huân chương từ một hộp đựng giày: hai cái bằng vàng, hai cái bằng bạc, những cái còn lại bằng kim loại thường.

"Đó là tất cả tài sản còn sót lại trong đời của tôi" ông nói.

Ông không còn cách nào khác hơn là bán tất cả những thứ đó để trang trải tiền chữa bệnh và ông nhờ Homero vui lòng làm giúp ông điếu đó và giữ kín tuyệt đối. Nhưng Homero bảo rằng y không thể chu toàn điếu ông ủy thác nếu không có những biên nhận hợp thức của những món đồ ấy.

Tổng thống giải thích rằng đó là những đồ tư trang của vợ ông, một món thừa kế từ bà nội đã sống từ thời thuộc địa và đã thừa hưởng từ phần cổ đông trong một mỏ vàng xứ Colombia. Còn cái đồng hồ, bộ đồ ăn và kim cạp cà vạt là của ông. Các bộ huân chương dĩ nhiên là chưa thuộc về ai trước khi về tay ông.

"Tôi không tin là có bất kỳ người nào lại có được biên nhận cho những món đồ như thế này" ông nói.

Homero vẫn kiên định trong nguyên tắc.

"Trong trường hợp đó" Tổng thống suy nghĩ "Tôi không còn cách nào khác hơn là tự mình lo liệu lấy chuyện này".

Ông bắt đầu thu thập các đồ trang sức với sự bình thản có tính toán. "Tôi xin anh thứ lỗi, bạn Homero thân mến ạ, nhưng nói thực là không có sự cùng khổ nào tệ hại hơn là sự cùng khổ của một Tổng thống đã đến bước đường cùng" ông nói - "Ngay cả sống sót cũng bị coi là đáng khinh". Chính vào lúc đó Homero thấy được trái tim của ông, ông đã buông rơi tất cả mọi vũ khí.

Lazara tới đó về nhà muộn. Từ cánh cửa, nàng thấy các đồ nữ trang lấp lánh trên bàn dưới ánh sáng đèn thủy ngân, điều đó làm nàng giật bắn người lên như thể nàng bỗng thấy một con bò cạp trên giường ngủ của mình.

"Đừng ngu ngốc thế mình ạ", nàng nói, rung mình kinh hãi. Tại sao những thứ này ở đây?".

Lời giải thích của Homero càng làm cho nàng rõ trí hơn.

Nàng ngò i xuống xem xét các đồ vật đó, từng món một, với sự tỉ mỉ của một người thợ kim hoàn. Đến một điểm nào đó, nàng thờ dài và nói "Những thứ này hẳn phải đáng giá cả một gia tài". Cuối cùng nàng ngò i xuống nhìn Homero và không thể tìm thấy lối thoát cho tình trạng tiến thoái lưỡng nan này.

"Ồ i chà", nàng nói "Làm thế nào chúng ta có thể biết được mọi điều lão ấy nói là sự thật?".

"Sao lại không thật?" Homero nói. "Tôi vừa trông thấy ông ấy tự giặt quần áo và phơi trên cái dây căng trong phòng, cũng giống như bọn mình thôi".

"Ồ i, lão ấy muố n mà mắt thiên hạ đấ y mà", Lazara nói.

"Ôi, phải khôn khổ thế sao!" Homero nói. Lazara xem xét các đồ nữ trang một lần nữa, nhưng lần này ít chú tâm hơn, vì chính nàng cũng đã bị thuyết phục. Thế là sáng hôm sau, nàng lên bộ cánh đẹp nhất, lựa những món nữ trang mà nàng nghĩ là đắt giá nhất, để trang điểm, đeo nhẫn đầy kín các ngón tay, cả ở ngón cái và tất cả các vòng vừa với cổ tay rồi đi ra ngoài tìm chỗ để bán. "Để coi có ai hỏi Lazara Davis này phải có biên nhận hay không" nàng tự nhủ khi ra khỏi nhà, vừa thích chí cười. Nàng chọn ngay tiệm kim hoàn bên tay phải, một tiệm phô trương khoáng lạc nhiều hơn là uy tín thực, nơi đó nàng biết họ mua bán mà không hỏi tới hỏi lui gì nhiều. Và nàng bước vào với bước chân vững chãi dù trong lòng có hơi ngán ngại.

Một tay bán hàng người hơi gầy, mặt hơi mét, trong bộ trang phục buổi tối, cúi khom người chào nàng với cung cách kịch trường khi hôn tay nàng và hỏi có thể làm gì để giúp nàng. Do các cửa kính phản chiếu ánh đèn rực rỡ choáng ngợp, bên trong cửa hàng sáng choang hơn cả ban ngày và cả cửa hàng như được làm bằng kim cương. Lazara gầy như không nhìn người thư ký bán hàng, vì e anh ta có thể nhìn ra được trò hề nàng đang đóng, nàng lặng lẽ đi theo anh ta vào phía sau cửa hàng.

Anh ta mời nàng ngồi một trong ba cái bàn viết kiểu Louis XIV, được dùng như quầy cá nhân, trên đó đã trải một cái khăn trắng tinh tươm. Rồi anh ta ngồi đối diện Lazara, chờ đợi.

"Tôi có thể giúp gì cho bà?"

Nàng cười nhẵn, vòng, dây chuyền, hoa tai... tất cả những thứ nàng mang trên người và bắt đầu đặt chúng lên bàn, giống như

sắ p một ván cờ. Điề u nàng muố n, nàng bảo, là biế t giá trị thực của những món đồ ðó.

Người buôn kim hoàn mang một miế ng kính vào mắ t trái và bắ t đầ u xem xét từng món trong sự yên lặng như ở bệnh viện. Sau một lúc lâu, trong khi vẫn không ngừng xem xét, anh ta hỏi:

"Bà từ xứ nào đế n đây?" Lazara đã không dự kiế n câu hỏi đó.

"Ô , thưa ông", nàng thờ dài, "ở xa lắ m".

"Tôi cũng nghĩ thế " anh ta nói.

Anh ta lại yên lặng, trong khi đôi mắ t màu vàng khủng khiế p của Lazara dò xét anh ta không chút từ tâm. Người buôn kim hoàn đặc biệt chú ý đế n chiế c mũ triề u thiên bắ ng kim cương và đễ nó riêng ra với các món đồ ð trang sức khác.

Lazara thờ dài.

"Ông hoàn toàn đúng là mạng Xứ Nữ", nàng nói.

Người buôn kim hoàn cũng không dừng xem xét.

"Sao bà biế t điề u ấy?".

"Qua cách ứ ng xử của ông?" Lazara nói.

Anh ta không bình luận gì cho đế n khi làm xong việc và anh ta trao đổi với nàng với cùng sự dò xét như lúc khởi đầ u.

"Tắ t cả những thứ này từ đâu bà có?".

"Đó là di sản của bà ngoại tôi" Lazara nói bắ ng một giọng căng thẳng - "Bà cụ chề t năm rồ i ở Paramaribo, lúc cụ chín mươi bảy

tuổi".

Người buôn kim hoàn nhìn vào mắt nàng. "Tôi thành thật xin lỗi", anh ta nói. "nhưng giá trị của chúng chỉ tính bằng trọng lượng vàng". Anh ta nhấc cái vương miện kim cương lên bằng đầu ngón tay và xoay xoay cho nó chiếu lấp lánh dưới ánh sáng rực rỡ.

"Trừ món này", anh ta nói: "Đây là một đồ cổ hiếm thấy, có lẽ từ thời các vương triều Ai Cập và có thể quý vô ngần nếu các viên kim cương không bị mờ đục như vậy. Dầu sao nó cũng có một giá trị lịch sử nào đấy". Nhưng các viên đá gắn ở các món khác, các viên thạch anh tím, bích ngọc, hồng ngọc, opal - tất cả không có loại lệ - đều giả. Chắc rằng các viên ngọc là bảo thạch thật", người buôn kim hoàn nói, khi anh ta gom các đồ để trả lại cho nàng. "Nhưng vì đã được chuyển tay qua quá nhiều thế hệ, nên các viên bảo thạch chính ngọc đã rơi lạc trên suốt quãng đường dài từ lịch sử xa xăm ấy và đã được thay thế bằng thủy tinh thể" Lazara cảm thấy buồn nôn, hít một hơi thở thật lâu và tìm lại sự kinh hoàng. Người bán hàng an ủi nàng "Bà đừng buồn, điều đó vẫn thường xảy ra".

"Tôi biết", Lazara nói, có vẻ nhẹ nhõm "Vì thế tôi muốn đóng khứ chúng đi cho rồi".

Lúc đó nàng cảm thấy nàng đã vượt qua trò hề và trở lại với chính bản ngã mình. Không còn chần chừ gì nữa, nàng rút các bộ đồ ăn, cái đồng hồ quả quít, các kim cài cà vạt, các đồ trang hoàng bằng vàng và bạc và các món trang sức rẻ tiền khác của Tổng thống ra khỏi túi xách tay và đặt tất cả lên bàn.

"Cả những món này nữa?" người lái buôn hỏi.

"Vâng, tất cả" Lazara đáp.

Nàng được trả bằng những tờ giấy bạc franc Thụy Sĩ mới tinh, khiến nàng sợ rằng các đầu ngón tay mình bị dính mực còn ướt. Nàng nhận các tờ giấy bạc mà không đếm và lộ'i chào từ biệt của người buôn kim hoàn, ngay ở cánh cửa, cũng đầy vẻ long trọng kiểu cách như lộ'i chào đón khách mới tới của anh ta. Khi đứng giữ cho cánh cửa kính mở cho nàng đi ra, anh ta giữ nàng lại một lát.

"Lời cuối cùng, thưa bà", anh ta nói "Tôi mạng Bảo Bình".

Ngay chiều hôm đó, Homero và Lazara mang tiền đến khách sạn. Sau một hồi tính toán họ thấy cần có thêm một ít tiền nữa mới đủ. Và thế là Tổng thống bắt đầu lục soạn và đặt lên giường cả nhẫn cưới, cả đồng hồ, dây chuyền và cả kim cài cà vạt đang mang trên người.

Lazara đưa trả lại chiếc nhẫn cưới.

"Cái này không được", nàng nói. "Vật kỷ niệm thiêng liêng này không thể đem bán".

Ngài Tổng thống thừa nhận nàng nói đúng và đeo lại chiếc nhẫn vào ngón tay mình. Lazara cũng trả lại cái đồng hồ và sợi xích vàng. "Cái này cũng không được", nàng nói.

Tổng thống không đồng ý, nhưng nàng đã đặt ông ngồi yên tại chỗ.

"Ai lại đi bán đồng hồ cho người Thụy Sĩ?"

"Chúng ta đã từng làm chuyện đó", Tổng thống nói.

"Phải, nhưng không phải là bán đồng hồ. Chúng ta chỉ bán vàng trên cái đồng hồ thôi".

"Cái này cũng bằng vàng đấy", Tổng thống nói.

"Vâng", Lazara đáp. "Ngài có thể khỏi bệnh mà không cần đến phẫu thuật, nhưng ngài cần phải biết bây giờ là mấy giờ".

Nàng cũng không lấy gậy gọng vàng đầu ông ta có một cặp kính khác gọng đồng hồ. Nàng cầm mọi món đồ trên tay và chấm dứt mọi nghi ngại của ông.

"Vả lại", nàng bảo "chứng này là đủ rồi".

Trước khi rời đi, nàng lấy mấy bộ đồ còn ướt của ông mà không cần hỏi ý ông, để đem về nhà phơi khô rồi ủi cho ông.

Homero chở vợ về nhà; Lazara ngồi phía sau, vòng tay ôm ngực chông. Đèn đường vừa bật sáng lên trong ánh hoàng hôn tím thẫm. Gió thổi tung các chiếc lá cuối cùng bay xa và cây cối trông giống như những bộ xương thóa thạch trơ trụi từ thuở hồng hoang. Một chiếc xe tải chạy dọc sông Rhône, chiếc radio trên xe mở hết âm lượng, để lại một dòng nhạc dọc theo các đường phố. Georges Brassens đang hát:

Mon amour tiens bien la barre, le temps va passer par là, et le temps un barbare dans le genre d'Attila, par, par là où son cheval passe, l'amour ne repousse pas.

(Ôi tình yêu của ta, hãy giữ chặt chấn song. Thời gian sẽ vụt ngang qua. Và thời gian là một tên man rợ chẳng khác nào Attila. Nơi nào có ngựa nó đi qua, Tình yêu chẳng còn mọc lại nổi. Tiếng Pháp trong nguyên bản).

Homero và Lazara chạy xe trong yên lặng, như bị nhiễm độc bởi lời ca và mùi hương hoài vọng của hoa dạ lan. Sau một lúc lâu, nàng như thức dậy từ giấc ngủ dài.

"Thôi chết rồi!" nàng bỗng thốt lên.

"Ông già tội nghiệp", Lazara nói. "Thật là một cuộc đời bất hạnh, chẳng ra làm sao".

Vào thứ sáu tiếp sau đó, ngày bảy tháng mười, Tổng thống trải qua một cuộc giải phẫu trong năm giờ liên tục, nhưng mọi chuyện vẫn còn mù mờ như trước. Theo nghĩa chặt chẽ nhất, điều an ủi duy nhất là biết rằng ông vẫn còn sống. Sau mười ngày, ông được đưa qua phòng bình thường với các bệnh nhân khác; lúc đó Homero và Lazara có thể thăm viếng ông. Ông đã là một con người khác: tâm trí đã lạc hướng, người gầy rộc đi, tóc thưa thớt, đung vào là rụng xuống gò. Sự hiện diện trước đây của ông chỉ còn sót lại nơi vẻ mềm mại xinh xắn của đôi bàn tay. Lần đầu ông tập đi trở lại với đôi nạng cặp hai bên nách trông thật náo lòng. Lazara ở lại nuôi và ngủ bên cạnh giường bệnh của ông để tiết kiệm cho ông khoản tiền chi cho một người điều dưỡng riêng. Một trong các bệnh nhân cùng phòng đã kêu than suốt đêm đầu tiên vì kinh hoàng tưởng mình sắp chết. Những đêm dài vô tận đó đã làm cạn kiệt những sinh lực cuối cùng của Lazara.

Bốn tháng sau khi đến Geneva, Tổng thống ra khỏi nhà thương. Homero, nhà quản lý tử mỉ cái quỹ ít ỏi của ngài Tổng thống đã trả tiền viện phí và mang ông về nhà trên xe tải thương với các nhân viên bệnh viện giúp mang ông lên tầng thứ tám của nhà trọ. Họ đặt ông vào phòng ngủ của đám trẻ con mà ông thực ra chẳng bao giờ nhận biết được chúng, và dần dần ông quay về với thực

tại. Ông cố công luyện tập để hô i phục theo một kỷ luật nhà binh và đã đi lại được với cây can. Nhưng ngay cả với trang phục tươm tắ t của ngày xa xưa, ông cũng không còn là con người cũ trong dáng vẻ cũng như trong phong cách ứng xử. Sợ mùa đông sắp đế n hứa hẹn sẽ rắ t khắ c nghiệt và thực tế đã trở nên một mùa đông buố t giá nhắ t của thế kỷ, ông đã quyế t định, ngược với lời khuyên của các bác sĩ muố n giữ ông lại để chăm sóc và theo dõi tình trạng sức khỏe của ông một thời gian nữa, ông trở về nhà mình trên một con tàu rời Marseilles vào ngày 13 tháng chạp. Đế n phút cuối, ông không còn đủ tiền cho cuộc hô i hương và Lazara không nói cho chồ ng hay, tính toán phầ n còn thiế u, đã móc tiền tiết kiệm của má y đưa con, nhưng nàng thắ y ít hơn nàng mong đợi. Lúc đó Homero thú nhận rằ ng anh ta đã dùng một phầ n lớn số tiền đó để thanh toán nô t phầ n viện phí, mà đã không nói cho nàng biế t.

"Thôi được" Lazara nhắ n nhục nói. "Chúng ta hãy xem ông ta như là đứa con cả của chúng ta vậy".

Vào ngày 11 tháng chạp năm ấy, họ đưa ông đế n chuyế n xe lửa đi Marseilles trong cơn bão tuyết t mịt trời, và chỉ đế n lúc về nhà họ mới bắt gặp một bức thư từ biệt trên bàn má y đưa nhỏ, trên đó ông để lại chiế c nhẫn cưới của ông cho Lazara, cùng với chiế c nhẫn cưới của bà vợ quá cố, mà ông không bao giờ thử đem bán, cùng cái đồ ng hồ và sợi xích vàng cho Lazara. Vì hôm đó là ngày Chủ nhật, vài người láng giề ng gồ c Caribê, biế t được chuyện bí mật, đã kéo đế n nhà ga Cornavin với một ban nhạc gồ c ở Veracruz. Tổng thồ ng đang há hỏ c mồm để thờ hỏ n hỏ n trong cái áo khoác hào nhoá ng và cái khăn quàng nhiề u màu sắ c sỡ vớ n của Lazara đưa cho ông, nhưng tuy thế, ông vẫn đứng chỗ khoảng

trông của toa xe cuối cùng, và tay cầm mũ vẫy chào từ biệt trong làn gió rét cắt da.

Chuyến tàu đã bắt đầu tăng tốc, Homero mới chợt nhận ra rằng anh ta còn cầm cây can của ông. Anh ta chạy đến cuối sân ga và ném cây can đủ mạnh để Tổng thống có thể bắt lấy nhưng cây can lại rớt xuống dưới các bánh xe và liền bị nghiền nát. Thật là thời điểm kinh hoàng. Điều cuối cùng Lazara thấy là bàn tay run rẩy của Tổng thống vươn ra để nắm lấy cây can mà không bao giờ chộp bắt được và người hướng dẫn tàu đã cố níu ông già phủ đầy tuyết đó lại bằng cách túm lấy cái khăn choàng của ông và cứu ông không rời khỏi con tàu đang chạy. Lazara vừa chạy vừa la lên kinh hoàng, lao về phía chông, cố cưỡi sau màn lệt.

"Ôi lạy Chúa!" nàng thét lên, "Không có gì có thể giết được con người ấy".

Ông đã về đến nhà an toàn, theo như bức điện báo khá dài ông gửi đến hai người để cảm ơn. Không được tin gì hơn về ông cả hơn một năm sau đó. Cuối cùng, họ nhận được một bức thư viết tay dài sáu trang, trong đó thật khó nhận ra ông được nữa. Cơn đau đã trở lại, mãnh liệt và đúng cỡ như trước kia, nhưng ông quyết định lờ nó đi và sống, chấp nhận cuộc đời. Nhà thơ Aimé Césaire đã cho ông một cây can khác có cần ngọc trai, nhưng ông đã quyết định không dùng nó. Trong sáu tháng ông đã ăn thịt và mọi thứ ghê tởm khác và đã uống hàng ngày đến khoảng hai mươi cốc cà phê đắng ngắt.

Nhưng ông đã thôi không còn đọc ở đây cốc, bởi vì những điều tiên đoán chẳng bao giờ thành sự thật. Vào ngày ông hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, ông uống ít ly rượu rum Martinique thật

ngon, rất hợp gu của ông và bắt đầu hút thuốc trở lại. Ông không cảm thấy khác hơn, dĩ nhiên, nhưng cũng chẳng cảm thấy tệ hơn. Tuy nhiên, lý do thực sự khiến ông viết thư cho họ là cho họ biết rằng ông cảm thấy bị cám dỗ bởi ý muốn trở về cố hương như là người lãnh đạo phong trào Đổi Mới - một chính nghĩa vì danh dự của quốc gia - dấu chuyện đã chỉ đem lại cho ông niềm vinh quang khiêm nhường không phải chết vì tuổi già trên giường bệnh. Theo ý nghĩa đó, bức thư kết luận, cuộc hành trình đến Geneva năm đó của ông đã mang tính thiên mệnh quan phòng.

Tháng 6 /1979

VỊ THÁNH CHỜ PHONG

Tôi gặp lại Margarito Duarte sau hai mươi năm, tại một trong các con đường nhỏ hẹp đầy bí ẩn ở Trastevere; lúc đầu tôi hơi ngỡ ngợ không nhận ra ông ngay, bởi vì ông ta nói một thứ tiếng Tây Ban Nha hơi ngắc ngứ ngập ngừng và có dáng vẻ như một người Cổ La Mã. Tóc ông bạc, thưa và không có gì lưu lại từ phong cách long trọng với quần áo tang chế của một người trí thức xứ Andea quê ông, lần đầu ông đến Rome; nhưng qua cuộc chuyện trò, tôi dần dần nhận dạng lại ông, qua thăng trầm của năm tháng, và thấy lại con người ông trước kia: kín đáo, khó đoán trước và rất mực kiên trì như một người thợ đẽo đá. Trước khi nhá p ly cà phê thứ hai nơi một trong các quán ngày xưa chúng tôi vẫn thường ngồi, tôi đánh bạo thốt ra nỗi nghi vấn đang dày dò trong tôi.

"Rồi đi đâu gì xảy ra với vị Thánh?"

"Vị Thánh kia kìa", ông trả lời "vẫn đợi đầy để chờ phong".

Chỉ có chàng ca sĩ giọng tenor Rafael Ribero Silva và tôi mới có thể hiểu được sức nặng nhân bản ghê gớm trong câu trả lời của ông mà thôi. Chúng tôi biết rõ bi kịch của ông đến độ trong hàng bao năm trời tôi đã nghĩ Margarito Duarte là một nhân vật đang đi tìm tác giả, và chúng tôi, những người viết tiểu thuyết, chờ đợi cả đời để được gặp và nếu tôi đã không bao giờ để ông tìm ra tôi, chính bởi vì đoạn kết chuyện đời ông có vẻ như ngoài sức tưởng tượng.

Ông ta đã đến Rome trong mùa xuân rạng rỡ năm xưa khi những đóa hồng mới cắt đã được tẩm liệm cho cô bé. Tuy nhiên,

điều đáng kinh ngạc hơn, đó là thi thể cô bé nhẹ tênh, không trọng lượng.

Hàng trăm kẻ hiếu kỳ, bị lôi cuốn bởi tin đồn vang dội về phép lạ, ùn ùn đổ về làng quê đó. Không còn nghi ngờ gì nữa: Sự bất khả diệt của thi thể là một dấu hiệu không thể nghi ngờ về tính thánh thiện và ngay cả vị Giám mục của giáo khu cũng nhận định rằng một điều kỳ diệu như thế cần được đệ trình lên Tòa thánh Vatican phán xét. Và thế là họ kêu gọi toàn giáo dân quyên góp cho Margarito Duarte có thể đi đến Rome để đấu tranh cho chính nghĩa, bây giờ không chỉ còn là của riêng ông hay chỉ giới hạn trong lũy tre làng chật hẹp của miền quê vùng cao hẻo lánh kia nữa mà đã trở thành một vấn đề quốc tế.

Margarito Duarte đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của ông nơi nhà trọ tại quận Panoli yên tĩnh; ông đã bóc mộ con gái và giờ nấp quan tài lên như thế nào. Qua đó, chàng ca sĩ tenor Riberto Silva và tôi đã tham dự vào phép lạ. Di hài cô bé không giống những cái xác khô quắt thường thấy tại rất nhiều viện bảo tàng trên khắp thế giới, mà là một bé gái ăn mặc như cô dâu trong ngày cưới, nằm ngủ bình thản sau một thời gian dài dưới mộ sâu. Làn da cô mềm mại, ấm áp và đôi mắt mở ra của cô thật trong trẻo, tạo nên cái ấn tượng rờn rợn là đôi mắt đó đang nhìn ta từ cõi chết. Những đóa hoa cam giả bằng sa tanh trên vương miện đã không đứng vững nổi trước bao khắc nghiệt của thời gian, như làn da của cô, nhưng những đóa hồng đặt vào tay cô thì vẫn còn tươi nguyên, sinh động. Và cũng đúng thực là trọng lượng của cái hộp gỗ thông ấy cũng không thay đổi khi chúng tôi dời thi hài cô bé.

Margarito Duarte bắt đầu cuộc thương thuyết ngay trong ngày hôm sau khi mới đến Rome, trước tiên, với sự trợ giúp của các

nhân viên ngoại giao, nhiều cảm tình nhưng không mấy hiệu nghiệm; sau đó bằng bất kỳ chiến lược nào mà ông có thể nghĩ ra để tránh né vô số các rào cản được dựng lên bởi Tòa thánh Vatican. Ông ta luôn luôn rất kín đáo về những biện pháp ông đang thi hành, song chúng tôi cũng biết được rằng các biện pháp đó nhiều lắm và chưa có biện pháp nào hiệu nghiệm.

Ông liên hệ với các hội đoàn tôn giáo và các tổ chức từ thiện, họ chăm chú nghe ông mà không ngạc nhiên và đều hứa tiến hành tức thời những cuộc vận động chẳng bao giờ được thực hiện. Sự thật, lúc đó không phải là thời điểm thích hợp lắm. Mọi chuyện liên quan đến việc diện kiến Đức Thánh Cha đều phải bị hoãn lại cho đến khi Giáo Hoàng vượt qua được những cuộc tấn công của các tròng nặc cụt đang dai dẳng đề kháng lại cả các kỹ thuật tinh vi của y khoa chính thông lẫn mọi thứ thần phương diệu thuật được cung tiến cho Ngài từ khắp mọi nơi trên trái đất. Cuối cùng, trong tháng bảy, Giáo Hoàng Pius XII bình phục và đến Castel Gandolfo để an dưỡng trong mùa hè. Margarito mang Thánh thể đến cuộc diện kiến ban phước lành hàng tuần của Ngài, hy vọng mình có thể trình diện thi thể của con cho Đức Thánh Cha, ngài xuất hiện ở sân trong, trên ban công rất thấp, khiến Margarito có thể thấy các móng tay được dũa bóng của Ngài và ngửi được mùi nước hoa Lavender từ người Ngài.

Ngài không đi lại giữa đám du khách đến từ khắp các quốc gia để diện kiến Ngài, như Margarito đã tiên liệu, mà Ngài chỉ lặp lại một bài phát biểu bằng sáu thứ tiếng và kết thúc bằng một lời chúc phúc chung chung.

Sau nhiều lần trì hoãn, Marganto quyết định tự tay nắm lấy vấn đề, và ông ta đã thảo ra và gửi đi một bức thư dài khoảng sáu

mười trang đề n Phủ Đặc Uy Giáo Vụ Văn Thư, nhưng không nhận được hồ i âm nào. Ông đã tiên liệu điề u này, bởi vì người phụ trách văn thư khi nhận bức thư viết tay của ông với đầ y đủ nghi thức nhưng chẳng thèm hạ cô nhìn qua thi hài con bé, dầ u chỉ là một cái liề c mắ t; các viên thư ký đi ngang qua nhìn sơ một tí, song cũng chẳng hê chú tâm. Một người trong bọn còn cho ông biế t rằng năm trước đó họ đã nhận hơn tám trăm bức thư thỉnh nguyện phong thánh cho các di hài còn nguyện vẹn ở khắ p mọi nơi trên hành tinh này. Cuối cùng, Margarito yêu câ u rằng tính vô trọng lượng của thi thể cô bé câ n được chứng thực. Viên chức phụ trách kiểm chứng điề u đó khước từ việc thị thực.

"Hẳn đây là một trường hợp ám thị tập thể", ông nói.

Trong những giờ nhàn rỗi hiế m hoi, vào những ngày chủ nhật khô ráo của mùa hè, Margarito ngồ i lại trong phòng, ngắ u nghiên quyền sách nào có vẻ liên quan đế n mục tiêu của ông ta.

Cuố i mỗi tháng, theo sáng kiế n của mình; ông thảo ra bảng tính toán chi tiế t liệt kê các khoản chi phí của mình vào một quyển tập, chăm chút vận dụng thuật viết chữ đẹp toàn hảo của một viên thư ký trường để cung câ p cho quý vị hảo tâm quyên góp nơi làng quê ông, với bảng chiế t tính rắ t chặt chẽ và luôn cập nhật hóa. Chưa đầ y một năm, ông đã biế t rõ các góc ngách mê lộ của thành phố Rome như thể ông đã sinh trưởng nơi đó từ bé, nói trôi chảy tiế ng Ý, ngắ n gọn rõ ràng như nói tiế ng Tây Ban Nha vùng Andea của ông vậy và ông cũng biế t nhiề u như bất cứ ai, về tiế n trình phong thánh. Nhưng bao nhiêu thời gian đã trôi qua trước khi ông thay đổi bộ tang phục, áo veste và cái mũ quan tòa, vào thời â y ở Rome là điển hình cho một vài hội kín nào đó với những mục tiêu không tiế t lộ cho ai . Ông đi ra đường rắ t sớm với cái hộp đựng vị

Thánh và đôi khi ông trở về rất trễ ban đêm, kiệt sức và buồn bã nhưng luôn luôn có một tia sáng cho lòng ông tràn ngập hân hoan tiếp sức cho ông ngày hôm sau.

"Các vị Thánh sống khoảng thời gian riêng của các vị ấy", có lẽ ông tự nhủ thế.

Đấy là thời kỳ đầu tôi đến Rome, khi tôi thôi học ở Trung tâm Điện ảnh Thực nghiệm và tôi cùng đi con đường Thánh giá của ông với lòng cuồng nhiệt không thể nào quên. Nhà trọ của chúng tôi, trong thực tế là một căn hộ tân tiến chỉ cách biệt thự Borghese vài bước. Bà chủ nhà giữ hai phòng để ở còn bốn phòng kia cho các sinh viên nước ngoài thuê. Chúng tôi gọi bà là Bella Marie, và trong độ chín muồi của mùa thu, nhan sắc bà ta trông cũng mặn mà, duyên dáng chán và luôn luôn đáng tin cậy đối với cái quy luật thiêng liêng: mỗi người thuê phòng là một ông vua trong căn phòng riêng của họ. Người thực sự phải mang gánh nặng của sinh hoạt thường ngày là bà chị già của bà ta, dì Antonietta, một thiên thần không cánh, làm việc hết giờ này qua giờ nọ, suốt ngày đi qua các căn phòng với xô nước và bàn chải chà láng sàn nhà bằng đá cẩm thạch, sạch bóng hết chỗ chê. Chính bà ấy đã tập cho chúng tôi ăn các con chim hót hay mà chồng bà, Bartolino đã bắt được - một thói quen xấu sót lại từ thời chiến - và bà đã cho Margarito ở nhờ nhà bà khi ông ta không còn đủ sức trả tiền nhà cho Bella Maria nữa.

Không có cái gì lại ít thích hợp với bản chất của Margarito hơn là cái căn nhà vô chính phủ đó. Mỗi giờ đều có vài chuyện ngạc nhiên dành cho chúng tôi, ngay cả khi mới rạng sáng, chúng tôi bị đánh thức bởi tiếng gà m đáng sợ của con sư tử nơi vườn thú trong biệt thự Borghese. Chàng ca sĩ giọng tenor Riberto Silva đã

được một đặc ân: Người dân La Mã không ghét những buổi luyện giọng vào ban sáng của anh ta. Anh ta thức dậy lúc sáu giờ sáng, tắm nước lạnh theo một phương pháp y học nào đó, cạo tỉa hàng ria và lông mi theo kiểu quý Mephistopheles và chỉ khi đã sẵn sàng, mặc áo choàng tắm kiểu dân Tartare, quấn khăn choàng lụa Trung Quốc, xit lên người nước hoa Colognee, lúc đó anh ta mới để cả thân xác và tâm hồn vào những bài tập luyện giọng. Anh ta muốn mở toang các cửa sổ trong phòng, ngay cả khi các ngôi sao mùa đông còn lấp lánh trên bầu trời lạnh giá, và làm nóng người lên bằng những tràng âm thanh cao dần lên của các tình khúc aria vĩ đại cho đến khi anh ta lên giọng đến hết bậc thang âm. Hàng ngày, mọi người chờ đợi khi anh lên đến "tông đô" ở cuối thang âm, thì con sư tử ở biệt thự Borghese sẽ trả lời anh bằng tiếng gầm rung cả đất.

"Cậu đúng là hiện thân của Thánh Mark, cậu ca sĩ ạ", dì Antonietta kêu lên với nỗi ngạc nhiên thật sự "Chỉ có ông thánh đó có thể trò chuyện với sư tử".

Một sáng mai nọ, không phải tiếng gầm của con sư tử trả lời như thường lệ, chàng ca sĩ tenor vừa cất tiếng hát bài song ca tình tứ trong vở kịch Othello - "Già nella notte densa s'estingue ogni clamor" - thì bỗng từ cuối sân, chúng tôi nghe tiếng hát đáp, bằng một giọng kim nữ (soprano) tuyệt vời.

Giọng kim nam (tenor) tiếp tục và hai giọng hòa ca toàn bộ khúc hát khiến mọi người chung quanh mê mẩn, tất cả cửa sổ mở rộng để thánh hóa nơi ở của mình với dòng thác của tình yêu không cưỡng được đó. Chàng ca sĩ tenor gần như ngất xỉu khi biết rằng nàng Desdemona vô hình của chàng ta không ai khác hơn là nữ danh ca Maria Caniglia.

Tôi có cảm tưởng là tình tiết đó đã đem lại cho Margarito Duarte một lý do vững chắc để quyết định đeo đẳng đời sống trong căn nhà đó. Từ đây trở đi ông ta ngó với chúng tôi tại bàn ăn chung chứ không phải như lúc đầu ông ta ngó trong nhà bếp nơi dì Antonietta hầu như mỗi ngày vẫn cho ông ta ăn món chim hầm ngon tuyệt của bà. Khi bữa ăn xong, Bella Maria đọc lớn mấy tờ báo hàng ngày để dạy tiếng Ý cho chúng tôi và bình luận thời sự với sự dí dỏm độc đáo mang lại vui thích cho người nghe. Một ngày kia, với ẩn ý nói bóng gió về vị Thánh, bà ta kể cho chúng tôi rằng ở thành phố Palermo có một viện bảo tàng rất lớn lưu trữ nhiều thi hài không hư nát của đàn ông, đàn bà, trẻ con và của cả một số Giám mục; tất cả đều được đào lên từ nghĩa trang Capuchina. Tin ấy làm Margarito bối rối đến độ ông ta không còn lúc nào thanh thản cho đến khi chúng tôi cùng đến Palermo. Nhưng chỉ cần nhìn thoáng qua các dãy hành lang đầy những cái xác ướp chẳng vẻ vang gì kia đã đủ để ông tự an ủi:

"Những cái này chẳng giống tí nào đâu ông nói - "Các bạn có thể nói ngay rằng họ đã chết".

Sau bữa ăn trưa, thành phố Rome thường rơi vào cơn lơ mơ của tiết trời tháng tám. Mặt trời chiếu vẫn bất động giữa bầu trời và trong cái yên ắng của hai giờ chiếu, người ta không nghe âm thanh nào khác hơn tiếng nước róc rách, đó là âm thanh quen thuộc của Rome. Nhưng đến khoảng bảy giờ, các cửa sổ đều mở toang để mời gọi làn gió mát bắt đầu thổi, và một đám đông vui nhộn đổ ra các đường phố để hòa mình vào cuộc sống, giữa những chiếc xe gắn máy với đèn chiếu hậu nhấp nháy, tiếng rao hàng inh ỏi của những người bán dưa hấu, những khúc tình ca giữa vô vàn bông hoa nơi các sân thượng.

Chàng ca sĩ và tôi không ngủ trưa. Chúng tôi chở nhau trên xe Vespa, chàng ta lái, tôi ngồi sau, mang kem và sô - cô - lat cho các cô điếm nhỏ mùa hè đang nhớn như như bướm lượn dưới các tầng nguyệt quế hàng trăm năm và chờ đón các du khách mất ngủ trong ánh mặt trời chói sáng. Các cô thường đẹp, nghèo nhưng dòi dào tình cảm như đa số phụ nữ Ý thời đó; các cô mặc vải phin dợn sóng xanh da trời, vải pơlin hồng, đen, xanh lá cây và che nắng bằng những chiếc dù bị lỗ chỗ thủng bởi những tràng mưa đạn trong cuộc chiến vừa qua.

Thật là một niềm vui đầy nhân tính khi ở bên họ, bởi vì họ thường lơ đi những qui luật trong cuộc kinh doanh của họ và tự cho mình cái thú xa xỉ khi để mất một khách sộp để đi uống cà phê và nói chuyện với chúng tôi ở cái quán nhỏ góc phố hay cùng ngồi xe ngựa chạy lòng vòng các lộ đi trong công viên hay khiến chúng tôi thương hại đối với các ông vua và các cô nhân tình thảm thương của họ ngồi trên lưng ngựa, tung bụi bay mù dọc theo đường phi ngựa. Nhiều lần chúng tôi làm thông dịch giúp mấy người nước ngoài đi chệch hướng.

Các cô không phải là lý do để chúng tôi mang Margarito Duarte đến villa Borghese. Chúng tôi muốn ông ta đi xem sư tử. Con sư tử đó không bị giam trong lồng, nó sống trên một tiểu đảo ở giữa một hào nước sâu và vừa mới nhìn thấy chúng tôi từ bờ xa, nó đã bắt đầu gầm thét vang động làm người canh giữ nó phải ngạc nhiên. Các khách đến tham quan tùm tùm lại với nhau, ngỡ ngác. Chàng ca sĩ tenor cố gắng đóng hóa mình với âm "đô" cực cao buổi sáng, thế nhưng chàng sư tử cứ ngoảnh mặt làm ngơ. Có vẻ như chàng ta gầm thét với tất cả chúng tôi chứ chẳng có biệt nhãn với riêng ai, song người canh giữ lại biết ngay rằng sư tử chỉ gầm rống vì

Margarito. Thật thế: Ông ta đi đến đâu thì con sư tử cũng di chuyển theo hướng đó và ngay khi ông khuất khỏi tầm nhìn thì sư tử cũng ngưng gầm thét. Người canh giữ thú đã từng đỗ Tiễn sĩ Văn học Cổ điển ở Đại học Siena, nghĩ rằng chắc là do Margarito đã ở gần các con sư tử khác trong ngày đó và còn vương hơi hướm của chúng. Ngoài cách lập luận đó ra, thực sự không xác đáng lắm, ông không thể nghĩ ra cách giải thích nào khác.

"Nhưng đâu sao", ông nói "đó là những tiếng gầm rống thoát ra từ lòng thương xót chứ không phải tiếng gầm thét xung trận."

Vả lại, điều khiến cho chàng ca sĩ Ribero Silva xúc động nhất không phải là cái phân đoạn siêu nhiên vừa rồi, mà là sự bối rối của Margarito khi họ ngưng chuyện trò với các cô gái trong công viên. Anh ta đưa ra nhận xét đó khi ngó vào bàn, và tất cả chúng tôi đều đồng ý - vài người vì muốn đùa nghịch, những người khác vì cảm tình - rằng có lẽ là một ý kiến hay nếu chúng tôi giúp được cho Margarito thoát khỏi cảnh đơn độc phòng không chiếu bóng. Xúc động vì tâm lòng dịu dàng của chúng tôi, Bella Maria áp đôi tay mang đầy nhẫn với ngọc thạch giả lên bộ ngực đáng giá của một bà từ mẫu trong thánh kinh:

"Tôi muốn làm điều đó vì lòng bác ái", nàng nói "trừ một điều là tôi lại không chịu được mấy người đàn ông lúc nào cũng mặc đồ veste".

Đó là lý do tại sao chàng ca sĩ chạy xe vespa đến khu biệt thự Borghese vào lúc hai giờ chiều và quay về với một nàng bướm nhỏ mà anh ta nghĩ rằng có thể đem lại cho Margarito Duarte một giờ bầu bạn thoải mái vui vẻ. Chàng ta bảo nàng hãy cởi bỏ hết quần áo trong phòng mình, tắm cho nàng bằng xà bông thơm, lau khô

cho nàng, xịt nước hoa cho nàng, thoa phấn khắp người nàng bằng loại phấn có long nã dùng sau khi cạo râu của đàn ông. Rồi chàng ta chỉ cho nàng theo khoảng thời gian họ đã trải qua cộng thêm một giờ nữa và dặn dò nàng, từng bước một, phải làm gì trong khoảng thời gian đó.

Người đẹp trần truồng đi nhón gót qua căn nhà mờ mờ, như trong giấc mộng trưa hè, gõ nhẹ vào cửa sau buồng ngủ, và Margarito Duarte xuất hiện, chân trần và không mặc áo.

"Buona sera, giovanotto" nàng cất lời chào với giọng điệu của một cô nữ sinh bé bỏng. "Mimanda il tenore" (Cháu muốn gặp anh ca sĩ).

Margarito xử lý tình huống bất ngờ đó với một phong thái chững chạc đường hoàng. Ông mở rộng cửa đón nàng vào và nàng nhào ngay lên giường nằm đợi trong khi ông vội vã mặc áo vào, mang giày vớ cẩn thận để đón nàng với tất cả nghi thức trọng thị đúng mức. Rồi ông ngõ vào chiếc ghế cạnh bên nàng và bắt đầu cuộc trò chuyện. Cô gái bảo ông gập lên vì họ chỉ có một giờ thôi. Ông ngỡ ngác không hiểu.

Cô gái sau đó đã nói với chúng tôi là đâu sao đi nữa cô cũng ở cùng với ông ta bao lâu mà ông thích và không đòi hỏi ông lấy một xu bởi vì không thể có người đàn ông nào cư xử tốt đẹp, đáng mến hơn trên đời này như ông. Trong thời gian đó, không biết làm gì, cô bé nhìn quanh quần căn phòng và bắt gặp cái hộp gỗ gòn bên lò sưởi. Cô hỏi có phải đó là cây kèn saxophone hay không. Margarito không trả lời, chỉ vén tấm màn màn lên để một chút ánh sáng lọt vào, mang cái hộp lại giường và đỡ nắp lên. Cô gái định có nói một điều gì đó, nhưng hàm của cô cứ há hốc ra. Như sau đó cô kể lại

với chúng tôi "Tôi sợ công cả người". Cô chạy vụt ra khỏi phòng, la lên thất thanh, nhưng cô lạc đường, chạy đâm sầm vào dì Antonietta, dì đang đi đến phòng tôi để thay cái bóng đèn. Cả hai người đều kinh hoàng đến độ cô gái không dám rời căn Dì Antonietta không bao giờ biết được chuyện gì xảy ra.

Dì đi vào phòng tôi, sợ hãi đến nỗi không vận được cái bóng đèn cũ để tháo ra vì tay dì cứ run lẩy bẩy. Tôi hỏi dì làm sao thế. "Có ma trong nhà này", dì nói "Mà ngay giữa ban ngày ban mặt đấy". Dì kể lại cho tôi nghe, bằng giọng rất tin tưởng, là trong thời kỳ chiến tranh, một sĩ quan Đức đã cắt cổ tình nhân của anh ta ngay trong phòng anh chàng ca sĩ đang ở.

Những lúc làm việc lau chùi nhà dì vẫn thường thấy bóng ma của nạn nhân xinh đẹp đó đi đi lại lại dọc theo hành lang.

"Tôi vừa thấy cô ấy đi lại trên trần trước qua các phòng", dì nói. "Cô ấy trông vẫn như thế".

Thành phố đi vào thông lệ mùa thu. Các sân thượng đầy hoa của mùa hè giờ khép lại với cơn gió đầu thu; chàng ca sĩ tenor và tôi quay về chỗ cũ ở Trastevere, nơi chúng tôi ăn tối với các học viên thanh nhạc của Bá tước Carlo Calcagni và vài người bạn đồng lớp của tôi từ trường điện ảnh, trong số đó người đáng tin cậy nhất là Lakis, một anh chàng Hy Lạp thông minh và dễ mến, chỉ có khuyết điểm duy nhất là ưa thuyết giáo về bất công xã hội khiến người nghe dễ buồn ngủ.

Cũng may cho chúng tôi là các giọng kim nam (tenor) và các giọng kim nữ (soprano) hầu như lúc nào cũng tìm các bài thuyết giáo buồn ngủ của anh ta bằng những tuyển khúc opéra mà họ hát ở

thang âm cao nhấ t nhưng không hê` làm ai phiê`n lòng, ngay cả sau nửa đêm. Trái lại, đôi người khách vắng lai trong đêm muộn còn thích nhập vào dàn hợp xướng và lắng giê`ng cùng mở cửa sổ để vỗ tay cổ vũ rấ t nhiệt tình.

Một đêm nọ, trong khi chúng tôi đang hát, Margarito đi nhón gót vào, nhấ m không làm kinh động chúng tôi. Ông mang vào cái thùng gỗ mà ông đã không có đủ thì giờ để lại nơi nhà trọ sau khi trình vị Thánh cho linh mục giáo khu ở nhà thờ Giovani, giáo xứ Laterano, một vị chức sắ c rấ t có ảnh hưởng với Hội thánh Nghi lễ. Từ khóe má t mình, tôi lié c nhìn thấ y ông đang đặt cái hộp dưới cái bàn ở riêng một góc, nơi ông ngò`i yên cho đế`n khi chúng tôi ngưng hát. Như thường lệ, ngay sau nửa đêm khi phòng họp bắ t đầ u thừa người dầ n, chúng tôi đẩy các bàn kê lại sát bên nhau và ngò`i chung quanh một nhóm, người này hát, kẻ kia nói chuyện phim ảnh, chuyện bạn bè và giữa đám họ, Margarito Duarte, được mọi người ở đó biế t đế`n như là một người Colombia lặ ng lế, ưu sầ u với cuộc đời đầ y bí ẩn. Lakis tọc mạch hỏi ông ta có chơi trung vĩ câ m (cello) không. Tôi thấ y nhột nhạt, phậ t ý với câu hỏi hơi sỗ sàng đó. Chàng ca sĩ cung thấ y khó chịu và không biế t làm gì để cứu vãn tình thế`. Chỉ duy có Margarito đã trả lời câu hỏi một cách rấ t tự nhiên, hoàn toàn tự nhiên như nhiên.

"Đó không phải là cây đàn cello" - "Đó là vị Thánh".

Ông đặt cái hộp lên bàn, mở khóa, dở nắ p lên. Một cơn gió giật sữ ng sờ làm rúng động cả quán ăn . Các người khách khác, các người hầ u bàn, ngay cả những người trong bé p với khăn tạp dề` còn dầy máu, quây quầ n lại vì kinh ngạc, để xem phép lạ. Vài người làm dầ u thánh giá. Một bà bé p trong cơn run rẩy cuồ ng nhiệt, khuyu gó`i xuồ ng tay chấ p lại, yên lặ ng nguyện câ`u.

Và cả khi cơn chấn động ban đầu qua đi, chúng tôi còn mắ c mướu vào những lập luận ồn ào vì sự thiế u vấ n tính thánh thiện ở thời đại hiện nay. Lakis, như thường lệ, tỏ ra nhiệt thành đế n mức cực đoan. Cuối cuộc tranh luận, anh ta quyế t định dứt khoát sẽ sáng tác một kịch bản bi thố ng về vị Thánh.

"Tôi chắ c là", anh ta nói, "thầ y Cesar sẽ không bao giờ bỏ qua đề tài này".

"Ồ i, trời đấ t!" thầ y gầ m lên vang động khắ p cả làng trên xóm dưới: "Đó là điề u khiế n ta không chịu nổi bọn Stalinist: Bọn người giáo điề u đó chẳng chịu tin vào thực tại".

Mười lăm năm tiế p theo sau đó, như lời ông kể lại với tôi, Margarito vẫn mang vị Thánh đế n Castel Gandolfo, may ra có dịp để trình bày bằ ng chứng. Tại một buổi diện kiế n với khoảng vài trăm giáo dân hành hương đế n từ châu Mỹ La tinh, ông ta xoay xử cách nào đó để kể câu chuyện của mình, giữa những cú xô đẩy và la hét, cho Đức Giáo hoàng John XIII độ lượng. Nhưng ông ta đã không thể trình kiế n cô bé cho Đức Thánh Cha bởi vì, để phòng ngừa mọi mưu toan ám sát Đức Thánh Cha, người ta đã bắt buộc ông phải để cái hộp gỗ tại cửa vào cùng với đám ba lô, túi xách của các hành hương khác. Giáo hoàng nghe ông nói, với tấ t cả sự chú tâm có thể được giữa đám đông chộn rộn đó, và vỗ vào má ông để khích lệ.

"Hoan hô, con yêu dầ u của ta", người nói. "Chúa sẽ ân hưởng cho lòng kiên định của con".

Nhưng chính là dưới triề u đại chóng qua của Đức Giáo hoàng luôn tươi cười Albino Luciani, Margarito thực sự cảm thấ y suýt

nữa thực hiện được giấc mơ của mình. Một trong những thân nhân của Đức Giáo hoàng, xúc động bởi câu chuyện của Margarito, đã hứa sẽ can thiệp. Không ai để ý lắm đến ông ta. Nhưng hai ngày sau, trong khi ngô ì ăn trưa ở nhà trọ, có người gọi điện thoại cho Margarito với lời nhắn đơn giản, vắn tắt: Đừng rời Rome đi đâu hết, bởi vì khoảng một vài ngày trước thứ năm, có thể ông sẽ được triệu đến điện Vatican để hội kiến riêng.

Không ai biết được đó có phải là một trò đùa hay chuyện thật. Margarito không nghĩ thế và luôn ở tư thế sẵn sàng.

Ông ta không rời khỏi nhà nửa bước. Nếu phải đi vào phòng tắm, ông cũng dặn hờ: "Tôi sắp đi tắm đây nhé". Bella Maria vẫn còn dí dỏm trong buổi quá độ vào mùa đông nhan sắc, cười toáng lên với nụ cười tinh quái của một bà nạ dòng phóng khoáng.

"Chúng tôi biết mà, Margarito", bà la to lên "Nếu người gọi, tôi sẽ vào lời ông ra ngay".

Buổi sáng sớm của một ngày trong tuần sau đó, Margarito gằn như sục xuốt khi ông bắt gặp cái tiêu đề trên báo được tuôn vào cửa: "Đức Thánh Cha vừa mới băng hà". Trong một lúc, ông ta đã cố bám vào ảo tưởng rằng đó là một tờ báo cũ được phát nhầm, bởi vì thật khó tin được rằng mỗi tháng lại có một giáo hoàng chết đi. Nhưng đó là sự thật: Đức Giáo hoàng luôn tươi cười Albino Luciani, mới được bà u lên đúng ba mươi ba ngày trước đó, đã về chầu Chúa trong giấc ngủ êm đềm.

Tôi trở lại Rome hai mươi hai năm sau lần đầu tiên gặp Margarito Duarte, và có lẽ tôi đã không còn nghĩ gì về ông, nếu chúng tôi không tình cờ gặp nhau ngoài phố. Tôi đang xuốt tinh

thần vì gặp lúc thời tiết khắc nghiệt, chẳng còn muốn nghĩ đến ai. Một cơn mưa bụi giông như món xúp âm ấm cứ rơi xuống lầy nhầy không ngừng, ánh sáng trong vạt kim cương của ngày hè đã biến thành xám xịt bùn lầy và những nơi chốn một thời thân thiết với tôi và níu kéo bao hoài niệm, nay bỗng dưng xa cách lạnh lùng. Cái building với cái nhà trọ nơi chúng tôi sống ngày xưa vẫn còn đó. Không thay đổi, nhưng không ai biết gì về Bella Maria nữa. Không có ai trả lời cho số điện thoại mà chàng ca sĩ Ribero Silva đã cho tôi từ nhiều năm trước. Khi ngồi ăn trưa với những học viên kịch nghệ điện ảnh mới, tôi gợi lại kỷ niệm về người thầy cũ của chúng tôi và một sự im lặng bất ngờ bao trùm cả bàn ăn một lúc lâu cho đến khi có người lên tiếng:

"Zavattini à? Biệt tăm biệt tích từ lâu rồi".

Thật thế: Chẳng có ai nghe nói gì về ông ta từ lâu. Các hàng cây trong biệt thự Borghese nghiêng ngã dưới mưa, con đường phi ngựa của những nàng công chúa sâu muộn đã bị cỏ dại mọc tràn lấp, không còn bóng dáng một đóa hoa và những nàng bướm xinh đẹp ngày xưa đã bay về đâu, giờ đây là những nàng ái nam ái nữ với dáng vẻ lực sĩ mặc quần áo sáng chói theo mô-tơ nửa gái nửa trai. Trong số những thú hoang gần tuyệt chủng chỉ còn chú sư tử già sống sót, rên rỉ đau đớn vì bệnh ghẻ lở và buốt da, đứng đơn độc nơi hòn đảo trợ trợ, bao bọc chung quanh bởi làn nước cạn khô. Không còn ai hát về tình yêu hay chế-t cho tình yêu nữa nơi quảng trường Piazza di Spagna. Bởi thành Rome trong tưởng niệm của chúng tôi giờ đây cũng đã trở nên một thành Rome cổ xưa trong lòng thành Rome cổ đại của các hoàng đế César. Bỗng một giọng nói như vọng về từ cõi xa xăm vô hình nào khiến tôi

đứng sững lại với đôi chân tê buốt, nơi đường phố hẹp ở Trastevere.

"Chào Nhà Thơ" Chính là ông, già cả và mệt mỏi. Bốn vị Giáo hoàng đã qua đời, thành Rome vĩnh cửu đã lộ ra những dấu hiệu suy tàn, băng hoại và tụy thê, ông vẫn đứng chờ như hòn đá vọng phu. "Tôi đã chờ quá lâu rồi, không thể nào lâu hơn", ông nói với tôi như thế khi từ biệt tôi sau gần bốn giờ tâm sự hoài cổ.

"Có thể chỉ cần vài tháng nữa thôi". Ông lê bước xuống đường, chân mang giày trần và đầu đội cái mũ bạc màu của người La Mã cổ đại, chẳng thèm để ý đến mưa rơi, qua làn mưa, ánh sáng trở nên đục lờ mờ.

Tôi không còn chút nghi ngờ, không bao giờ còn nghi ngờ gì nữa: vị Thánh, chính là Margarito. Dù không nhận ra điều ấy, nhưng qua di thể bất hoại của con gái ông và trong khi vẫn còn sống, ông đã trải qua hai mươi năm chiến đấu không mệt mỏi cho chính nghĩa thánh hóa tự thân.

Tháng tám, 1981

NGƯỜI ĐẸP NGỦ YÊN SUỐT CHUYẾN BAY DÀI

Nàng đẹp và linh hoạt với làn da mịn màu bánh mì và đôi mắt hạnh đào xanh; làn tóc sóng đen nhánh xõa ngang vai; nơi nàng toát ra vẻ ng hào quang nguyên sơ có thể là từ xứ Indonesia xa xăm hay từ vùng Andem hoang dã. Nàng ăn mặc với kiểu trang phục tinh tế: Một áo jacket bằng lông linh miêu, áo bờ lu bằng lụa thô với những bông hoa trang nhã, quần dạ thiên nhiên và giày có sọc hẹp màu hoa giáy. "Đây là người đàn bà xinh đẹp nhất mà ta chưa hề thấy", tôi nghĩ thế khi thấy nàng sải bước ngang qua êm ru như dáng bước một nàng sự tử cái trong khi tôi đứng chờ trong dãy người đi vào phi trường Charles de Gaulle ở Paris, chờ chuyến bay đi New York. Nàng là một xuất hiện siêu nhiên chỉ hiện hữu trong khoảnh khắc và tan biến vào đám đông ở ga cuối.

Lúc đó là chín giờ sáng. Suốt đêm trước, trời đổ tuyết liên miên, sự lưu thông trở nên khó khăn hơn thường lệ nơi các đường phố và càng chậm hơn trên các xa lộ, nơi các xe tải sắp hàng sát vai nhau và xe hơi tỏa hơi nóng trong tuyết.

Tuy nhiên bên trong ga cuối của phi trường, thời tiết vẫn còn đang mùa xuân.

Tôi đứng sau một bà Hà Lan lớn tuổi cầu nhàu suốt buổi về sự nặng nề công kênh của mười một cái vali bà mang theo bên mình. Tôi đã bắt đầu thấy nản thì bỗng thấy sự xuất hiện thoáng chốc khiến tôi ngừng thở và vì thế tôi đã không hề chú ý

đến sự xung đột đã chấm dứt như thế nào. Rồi thì người bán vé đã kéo tôi từ trên các tầng mây xuống bằng lời trách móc sự đấng trí của tôi. Bằng cách ngỏ lời xin lỗi trước, tôi hỏi cô có tin vào tình yêu ngay tia nhìn đầu tiên hay không. "Dĩ nhiên là tin" cô trả lời "Những loại tình yêu khác đâu không thực". Cô ta vẫn dán mắt vào màn hình máy vi tính và hỏi tôi muốn chỗ ngồi ở nơi được hút thuốc hay không hút thuốc.

"Chẳng thành vấn đề" tôi nói với vẻ ranh mãnh cố ý "miễn là tôi không vướng víu với mười một cái valy".

Cô biểu lộ sự đánh giá của mình bằng một nụ cười doanh thương nhưng tia nhìn không rời khỏi màn hình lấp lánh sáng.

"Hãy chọn một con số" cô bảo tôi. "Ba, bốn hoặc bảy".

"Số bốn".

Nụ cười cô ánh lên tia chiến thắng.

"Trong suốt mười lăm năm tôi làm việc tại đây" cô nói "anh là người đầu tiên không chọn số bảy".

Cô ta viết số ghế ngồi vào thẻ lên tàu của tôi và trả lại cho tôi cùng tất cả các giấy tờ liên quan, nhìn tôi lần đầu tiên với đôi mắt màu nho, một điều an ủi cho đến khi tôi thấy lại Người Đẹp. Chỉ khi đó nàng mới thông báo cho tôi rằng phi trường vừa đóng cửa và mọi chuyến bay đều hoãn lại.

"Bao lâu?".

"Điều đó tùy ở Chúa" cô nói với nụ cười. "Đài phát thanh thông báo sáng nay rằng có thể đây là trận bão tuyết lớn nhất trong

năm".

Cô đã lầm: Đây là trận bão tuyết lớn nhất thế kỷ. Nhưng trong phòng đợi vé hạng nhất, mùa xuân vẫn hiện diện tràn đầy với hoa hồng tươi trong lọ, nhạc thính phòng vẫn tuyệt diệu và ru êm tâm hồn, đúng như ý hướng của các nhà soạn nhạc đã sáng tạo ra nó. Tất cả bỗng nhiên khiến tôi nghĩ rằng đây là nơi trú ẩn thích hợp cho Người Đẹp và tôi tìm nàng ở các chỗ đợi khác, bước chân bị cuốn theo sự táo bạo của mình. Nhưng phần đông ở đây là các vị đàn ông trong đời thực đang đọc báo tiếng Anh trong khi quý phu nhân của họ đang nghĩ về một anh chàng nào khác, khi các bà, qua khung cửa kính lớn, nhìn máy chiếu máy bay chệch đi trong tuyết, các cơ xưởng băng giá, những cánh đồng mênh mông xứ Roissy bị tàn phá bởi bão tuyết dữ dội. Đến giữa trưa thì không còn chỗ để ngồi và cái nóng trở nên oi nóng khó chịu đến nỗi tôi phải thoát ra tìm một chút không khí để thở.

Bên ngoài, tôi thấy một cảnh tượng tràn ngập. Mọi người chen chúc vào các phòng đợi và chôn chân nơi các hành lang ngọt ngào và cả các bậc thang, ngổn ngang trên sàn với các con thú cưng của họ, với con cái, với hành lý. Việc liên lạc với thành phố đã bị cắt đứt và tòa nhà bằng chất nhựa trong giống một cái hộp không gian bị vây khốn trong bão tuyết. Tôi không thể ngăn được ý nghĩ rằng Người Đẹp cũng phải ở một nơi nào đó giữa các bão tuyết đã được thuần hóa và tính nông nhạo đã gây cảm hứng cho tôi với một lòng can đảm mới để chờ đợi.

Vào bữa ăn trưa, chúng tôi đã nhận ra rằng chúng tôi đã dẫm mìn. Các hàng người nô đi đuôi vô tận bên ngoài bày nhà hàng ăn, các quán cà phê, các bar rượu và trong khoảng non ba tiếng đồng hồ, tất cả các nơi này phải đóng cửa vì không còn gì để ăn hay uống.

Các đứa bé, một lúc nào đó trông cũng giống như mọi đứa bé khác trên đời, bắt đầu đồng loạt khóc vang lên, và mùi bầy đàn bắt đầu bốc lên từ đám đông. Đó là thời điểm của bản năng. Trong cái đám tranh giành hỗn độn đó, món duy nhất tôi tìm được để ăn là hai côc kem va-ni cuối cùng trong một quán nhỏ cho trẻ em. Những người hầu bàn đặt ghế lên bàn khi những người chủ đã đi, trong khi tôi chậm rãi ăn ở quầy, tự ngắm mình trong gương với côc kem nhỏ cuối cùng, miếng kem nhỏ cuối cùng và nghĩ về Người Đẹp.

Chuyến bay đến New York, lúc đầu được dự tính vào lúc mười một giờ sáng, đã rời phi đạo vào lúc tám giờ tối. Vào lúc tôi xoay xở để lên tàu, các hành khách hạng nhất khác đã sẵn sàng rời chỗ ngồi và một tiếp viên hàng không dẫn tôi lại chỗ của tôi. Tim tôi ngừng đập.

Sát chỗ ngồi của tôi, Người Đẹp chiêm hửu khoảng không gian của mình với sự uy nghi của một nhà du hành lão luyện.

"Nếu tôi có viết điều này cũng chẳng ai tin tôi" tôi nghĩ vậy.

Tôi cố áp úng thốt ra một lời chào mơ hồ mà nàng như chẳng hề nghe.

Nàng an tọa như nàng sắp sô ng nơi đó hàng năm trời, sắp đặt mỗi vật vào đúng chỗ, ngăn nắp trật tự cho đến khi chỗ ngồi của nàng được sắp xếp giống một căn nhà lý tưởng, nơi mọi vật đều trong tầm tay với. Trong thời gian đó, một tiếp viên mang đến cho chúng tôi côc sâm banh chiêu đãi. Tôi cầm một ly mời nàng nhưng nghĩ tốt hơn nếu rượu được đưa đúng lúc, mời đúng người. Vì nàng chỉ muốn một ly nước lã và nàng yêu cầu tiếp

viên, lầ n đầ u bằ ng một thứ tiế ng Pháp khó ai hiểu nổi, rô i sau đó bằ ng một thứ tiế ng Anh cũng chỉ gọi là lưu loát hơn một tí, đừng đánh thức nàng vì bắ t cứ lý do gì trong suố t chuyế n bay. Giọng nàng â m áp nghiêm trang và hòa lẫn với nổi buồ n phương Đông vờ i vờ i.

Khi tiế p viên mang lại ly nước, nàng đặt hộp điể m trang với bô n góc viề n đờ ng lên gói hành lý xách tay, lắ y hai viên màu vàng từ một cái hộp đự ng nhiề u viên khác đủ màu. Nàng làm mọi việc theo một cung cách long trọng và có phương pháp như thể không có điề u gì bắ t ngờ xảy ra từ khi nàng chào đời. Cuố i cùng, nàng kéo tá m màn che cửa sổ xuô ng, vặ n thật thấ p phầ n dựa ghế ngồ i, trù m chắ n đế n tận ngang ngực mà không cời giầy, mang chiế c mặt nạ ngủ, quay lưng về phía tôi, rô i ngủ một mạch, không một tiế ng thờ dài, không hề thay đổi tư thế, suố t tám tiế ng đờ ng hồ đắ ng đắ ng và mườ i hai phút thêm, trên chuyế n bay đế n New York.

Thật là một cuộc hành trình khiế n tôi nô ng â m cả tâm hồ n. Tôi vẫn luôn nghĩ rằ ng trong thiên nhiên không có gì đẹ p hơn người đàn bà đẹ p và tôi chẳng thể thoát khỏi, dù chỉ trong khoảnh khắ c, hình tượng thanh thoát của một "thư trung hữu nữ nhan như ngọc" đang chìm đắ m trong giấ c điệ p êm đềm bên cạnh tôi. Người tiế p viên nam biế n đi ngay sau lúc phi cơ cất cánh; một tiế p viên khác với đầ u óc rắ t duy lý đế n thay phiên, đã có gắ ng đánh thức Người Đẹ p dậy để đưa cho nàng hộp đự ng đờ toa lét và một bộ trợ thính (earphones) để nghe nhạc. Tôi lặp lại lời dặn của nàng cho người tiế p viên trước đây, nhưng anh chàng mới thay này nhắ n mạnh ý muố n nghe từ chính miệng Người Đẹ p, rằ ng nàng cũng chẳng muố n dùng món xúp. Anh chàng tiế p viên cho rằ ng

lời dặn của nàng cần được xác nhận và anh ta trách tôi bởi vì Người Đẹp không đeo tấm bảng "Xin đừng làm phiền" quanh cổ nàng.

Tôi ăn món xúp trong đơn độc, tự nhủ thà làm mọi việc mà có lẽ tôi đã nói với nàng nếu nàng tỉnh giấc. Giấc ngủ của nàng thật sâu lắng đến độ tôi lo lắng nghĩ rằng nàng đã uống thuốc tự tử chứ không phải để ngủ. Mỗi lần uống, tôi nâng ly chúc nàng:

"Chúc sức khỏe Người Đẹp".

Khi xong món xúp, đèn trong khoang mờ đi và một bộ phim được chiếu lên màn ảnh, nhưng chẳng có ai xem và hai chúng tôi lẻ loi trong bóng tối chật chùng của thế giới bao la.

Cơn bão tuyết lớn nhất thế kỷ đã qua đi, đêm trên Đại Tây Dương thật mê mông trong vầng sáng và chiếc phi cơ như lưỡng lự bất động giữa trời sao. Tôi chiêm ngưỡng nàng, từng phân, từng ly, trong hàng giờ liền và dấu hiệu đời sống duy nhất tôi có thể khám phá đó là bóng mờ của giấc mộng thoáng qua trên trán nàng như phản ảnh của các đám mây trên mặt nước hồ tĩnh lặng trong veo. Quanh cổ nàng mang một sợi dây chuyền thật trang nhã, mảnh mai đến gần như vô hình, hòa lẫn với làn da vàng ánh của nàng, đôi tai hoàn hảo không xỏ lỗ tai, móng chân, móng tay hồng nhuận chứng tỏ một sức khỏe tốt và trên tay trái nàng đeo một chiếc nhẫn trơn. Vì nàng trông chưa quá tuổi đôi mươi, tôi tự an ủi với ý nghĩ rằng đó không phải là nhẫn cưới mà chỉ là dấu hiệu của một đính ước phù du "Biết em đang ngủ, thanh thản, tinh khiết, thật gần gũi đến thế trong vòng tay bị xiềng xích của ta". Tôi nghĩ trên đầu bọt sóng champagne, lặp lại những vần thơ bậc thầy của Gerardo Diego.

Rồi tôi hạ thấp lưng tựa ghế gỗ của mình ngang với ghế gỗ của nàng, và chúng tôi cùng nằm bên nhau, gần sát nhau như thể chúng tôi đang cùng nằm trên giường tân hôn.

Không khí từ hơi thở của nàng cũng giống làn hơi từ giọng nói của nàng và làn da nàng toát ra hơi thở diệu kỳ của mùi hương nhan sắc. Thật hậu như khó tin: Mùa xuân năm trước tôi đã đọc một cuốn tiểu thuyết hay tuyệt của Yasunari Kawabata viết về các vị hào phú thời xưa ở cố đô Kyoto đã dám vùng tay hàng khố i tiền rất lớn để chỉ cho một đêm được nhìn ngắm những cô gái đẹp nhất trong thành phố, khóa thân và lơ mơ vì thuốc, khi họ mê đắm với ân tình trong một chiếc giường. Các vị không thể đánh thức các nàng dậy hay đụng chạm vào các nàng mà họ cũng không muốn làm thế, bởi vì tinh túy của niềm lạc thú nơi họ là nhìn các nàng say sưa trong giấc điệp. Đêm đó, khi nhìn ngắm Người Đẹp ngủ, tôi không chỉ "ngộ" được nét tinh tế xa xưa đó mà còn "sông" với nó trọn vẹn.

"Ai có thể nghĩ được rằng", tôi tự nhủ, với lòng phù phiếm bốc đồng do men champagne "rằng ta đã trở thành một tay phong lưu công tử Nhật Bản thời xa xưa vào một thời điểm muộn màng như bây giờ".

Tôi nghĩ mình đã ngủ trong nhiều giờ, bị ngắm men champagne và tiếng nổ câm lặng của màn ảnh, khi thức giấc, đầu tôi như búa bổ. Tôi đi vào phòng tắm. Sau chỗ tôi ngồi hai ghế, bà già với mười một cái valy, nằm trong một tư thế dạng người trông thật ghê khiếp, giống một tử thi đang phơi thây nơi chiến địa. Đôi kính lão của bà ta với dây vòng hạt cườm màu rơi trên sàn giữa lối đi và, trong một lúc tôi tự cho mình niềm thích thú ranh mãnh lờ đi, không nhặt chúng lên cho bà ta.

Sau khi thoát khỏi ảnh hưởng của champagne, tôi tự nhìn ngắ m mình trong gương, thật xấ u xí, đáng khinh và ngạc nhiên khi nhận ra sự tàn phá của tình yêu có thể khủng khiếp p đén thế . Máy bay má t độ cao mà không thông báo, nhưng viên phi công đã khéo léo điề u chỉnh bay thẳng trở lại và tiế p tục phóng hế t tồ c độ về phía trước. Dấ u hiệu "Trở về` chỗ ngồ i" bật sáng lên. Tôi nôn nao với niề m hy vọng rằ ng cơn cuồ ng đảo của Chúa có thể đánh thức Người Đẹp dậy và nàng sẽ phải tìm chỗ ẩn trú trong vòng tay tôi để tránh nỗi kinh hoàng. Trong lúc vội vã về` chỗ ngồ i, tôi suýt dẫ m lên đôi kính của bà già Hà Lan và có lẽ tôi đã thấ y thích thú nế u việc đó xảy ra. Nhưng tôi đã quay bước, nhậ t đôi kính đặt lên túi xách của bà với lòng biế t ỏn chặ t đén vì bà ta đã không chọn ghế` ngồ i số` bớ n trước khi tôi chọn.

Giấ c ngủ của Người Đẹp thật triề n miên. Khi phi cơ ổn định lại, tôi phải cô` cưỡ ng lại sự cảm đố muồ n lay nàng dậy vì một cái cơ nào đó, bởi vì điề u tôi thiế t tha muồ n trong giờ cuồ i của chuyế n bay, là đượ c thấ y nàng thức giấ c, ngay cả nế u nàng giận dữ, để tôi có thể tìm lại tự do và có lẽ cả tuổ i trẻ của tôi. Nhưng tôi đã không làm đượ c điề u đó. "Quý quái thật" tôi tự nhủ với lòng khinh miế t "Tại sao mình lại không đượ c sinh ra dưới dấ u hiệu Kim Ngườ u".

Nàng tự thức giấ c lúc đèn đấ p xuồ ng phi đạ o bật sáng lên. Nàng xinh đẹ p và tươi mát như đã trải qua một giấ c ngủ êm đề m nơi vườn hồ` ng. Đó là lúc tôi nhận ra rằ ng, giồ ng các cặp vợ chồ` ng già, nhữ ng người ngồ i gầ n nhau trên cùng các chuyế n bay không chào nhau buổi sáng khi họ thức giấ c.

Nàng cũng thế . Nàng gỡ mặt nạ ra, mở đôi mắ t rặ ng rờ , nâng thẳng lưng tựa ghế` ngồ i, đẹ p chặ n đấ p qua một bên, lắ c nhẹ má i

tóc cho buông lơi xuống tự nhiên, đặt hộp trang điểm lên đôi đầu gối và sửa soạn một cách nhanh chóng - và không cần thiết, tôi nghĩ - vừa đủ hết khoảng thời gian để nàng không hề nhìn đến tôi cho đến khi cánh cửa máy bay mở ra. Rồi nàng khoác áo jacket lông linh miêu vào người, vượt qua tôi với lời xin lỗi ước lệ bằng thứ tiếng Tây Ban Nha châu Mỹ La tinh thuôn khiết, rời xa mà chẳng một lời từ giả hay ít ra cũng cảm ơn tôi về tất cả những gì tôi đã làm để biến cái đêm chúng tôi ngồi gần bên nhau thành một đêm hạnh phúc. Rồi nàng biến đi như giọt sương lung linh huyền ảo dưới ánh nắng chói chang của rừng rậm Amazone là cái thành phố New York vĩ đại mà vô hồn kia.

Tháng sáu 1982

GIỮA ĐỜI ĐEM BÁN CHIÊM BAO

Một buổi sáng mai nọ, vào lúc chín giờ, trong khi chúng tôi đang ngồi dùng điểm tâm trên sân thượng của khách sạn Havana Riviera trong ánh nắng rực rỡ, một ngọn sóng khổng lồ cuộn tung lên mấy chiếc xe đang chạy trên đại lộ dọc theo bức tường chắn sóng hay đang đổ lại trên vỉa hè và há t tung một chiếc về phía khách sạn. Như một tiếng nổ của quả mìn, điều đó tạo nên nỗi kinh hoàng suốt hai mươi tầng của tòa nhà và biến cánh cửa lớn vào đại sảnh của khách sạn thành cát bụi. Rất nhiều du khách đang ngồi nơi phòng đợi bị ném tung lên không cùng lúc với bàn ghế, đồ đạc và vài người còn bị cắt nát bởi các mảnh kính vỡ. Ngọn sóng hẳn là rất cuồn cuộn vì đã tràn qua con phố rộng hai chiều giữa bức tường chắn sóng và khách sạn, và còn đủ mạnh để làm vỡ tung cánh cửa.

Các thanh niên chí nguyện nhiệt tình của Cuba, hiệp lực với phòng chữa cháy đã dọn dẹp các đống đổ nát trong vòng sáu tiếng đồng hồ và bít lối đi ra biển, làm một cổng khác, và rồi mọi sự trở lại bình thường. Trong buổi sáng không còn ai bận tâm về chiếc xe hơi bị ghim dính vào tường vì mọi người nghĩ rằng đó là một trong những chiếc xe đã đổ lại trên vỉa hè.

Nhưng khi chiếc xe cầu câu chiếc xe đó ra khỏi chỗ, thì thể một người đàn bà hiện ra, còn dính vào tay lái nhờ sợi dây đai buộc vòng chỗ ngồi. Cú đập hẳn là thật tàn bạo đến nỗi không còn một mảnh xương nào của bà ta còn nguyên vẹn. Khuôn mặt bà ta bị hủy hoại,

đôi ủng bị rách bươm, quần áo thành những mảnh vụn. Bà ta đeo một chiếc nhẫn vàng hình con rắn với đôi mắt ngọc bích. Cảnh sát truy ra bà ta là người quản gia của viên Đại sứ Bồ Đào Nha và phu nhân, vừa mới đến nhận chức.

Bà ta đã đến Havana cùng với gia đình ngài Đại sứ hai tuần trước đây và sáng hôm đó bà đã lái một chiếc xe hơi mới để ra chợ. Tên của bà ta chẳng có ý nghĩa gì với tôi khi tôi đọc được nó trên báo, nhưng tôi lại vướng vấp với chiếc nhẫn hình con rắn và đôi mắt ngọc bích. Tuy thế, tôi lại không thể biết được bà ta đã đeo chiếc nhẫn ở ngón tay nào.

Điều này hẳn là một thông tin rất trọng yếu, bởi vì tôi e rằng bà ta hẳn phải là người đàn bà không thể nào quên mà tôi chẳng bao giờ biết được tên thật vì người đàn bà đó cũng đeo một chiếc nhẫn giống như thế ở ngón trỏ tay phải, một điều mà thời ấy người ta còn coi là rất bình thường hơn là bây giờ. Tôi đã gặp bà ấy ba mươi bốn năm trước, tại Vienna (Kinh đô Áo quốc), ăn xúc xích với khoai luộc và uống bia cốc, nơi cái quán bình dân mà đám sinh viên châu Mỹ La Tinh hay lui tới. Sáng hôm đó, tôi từ Rome đến và tôi còn nhớ ấn tượng đầu tiên nơi tôi đứng với bộ ngực của một giọng nữ kim (soprano) tuyệt vời, những chùm lông đuôi chồn bông rũ nơi cổ áo khoác và chiếc nhẫn Ai Cập mang hình con rắn của nàng. Nàng nói một thứ tiếng Tây Ban Nha sơ cấp bằng giọng kim lạnh lốt không hề ngừng để thở và tôi đã nghĩ nàng là người áo duy nhất ngồi ở cái bàn gỗ dài đó. Nhưng không phải, nàng sinh ra ở Colombia và đã đến nước Áo trong khoảng thời gian giữa hai cuộc thế chiến, khi còn bé tí xíu, để học cầm nhạc và thanh nhạc. Nàng khoảng ba mươi tuổi nhưng trông không hợp với số tuổi của mình, bởi vì nàng chưa bao giờ xinh đẹp và đã bắt đầu già trước

tuổi. Nhưng nàng là một con người có sức lôi cuốn và gọi lên lòng kính nể.

Vienne vẫn còn là một đê đô cổ kính, với vị trí địa lý ở giữa hai thế giới không thể hòa giải từ cuộc thế chiến thứ nhì để lại đã biến nơi đó thành thiên đường của buôn bán chợ đen và gián điệp quốc tế. Tôi không thể tưởng tượng một nơi nào phù hợp hơn cho người dòng hương lưu vong của tôi; nàng vẫn còn đến ăn ở quán bình dân nơi góc phố chỉ vì muốn trung thành với nguồn gốc của mình, bởi lẽ nàng đã thừa đủ tiền để bao ăn cho tất cả các bạn cùng bàn. Nàng chẳng hề cho biết tên thật của mình và chúng tôi luôn biết về nàng qua cái tên đặc vẻ Đức mà bọn sinh viên châu Mỹ La Tinh chúng tôi ở Vienne đã phát minh và gán cho nàng: Frau Frieda. Lúc ấy, tôi vừa mới được giới thiệu với nàng khi tôi phạm phải một cái lỗi lêu lạo, nhưng cũng may mắn, là hỏi bằng cách nào mà nàng sống được nơi một thế giới quá xa cách và quá khác biệt với những mồm đá lộng gió của xứ Quindio đến như thế, nàng đã trả lời bằng câu thật mãnh liệt:

"Tôi rao bán những điếm mộng" Thực tế, đó là nghề duy nhất của nàng. Nàng là con thứ ba trong số mười một người con của một chủ tiệm tạp hóa ăn nên làm ra ở xứ Caldas, và lúc nàng vừa mới biết nói, nàng đã tạo nên một tập quán ngộ ngộ cho gia đình là kể lại các giấc mơ trước mỗi bữa điếm tâm, khoảng thời gian mà tính cách sấm truyền của các giấc chiêm bao còn được giữ ở trạng thái thuần khiết nhất. Khi nàng lên bảy tuổi, nàng năm mộng thấy một trong các anh em trai bị nước lũ cuốn trôi. Mẹ nàng, một người vừa mê tín vừa rất sùng đạo, đã cấm cậu con trai bơi lội nơi khe lạch, một thú vui thích nhất của cậu ta. Nhưng cô Frieda luôn sẵn có một hệ thống tiên đoán riêng của cô.

"Điều gì giấc mộng đó tiên báo", cô nói, "Không có nghĩa là thằn lằn bé đó sắp chết đuối, mà là thằn lằn bé không nên ăn kẹo".

Lô i giải đoán của cô hình như là một điều gì si nhục đối với cậu bé năm tuổi, cảm thấy không sống được nếu thiếu những mẩu bánh kẹo vào ngày chủ nhật. Bà mẹ, rất tin vào tài năng tiên đoán của cô con gái, đã tăng cường lời khuyên cáo với một bàn tay sắt. Nhưng chỉ một lần bất cẩn của bà mẹ, cậu con trai đã bị hóc vì miếng kẹo caramel mà cậu đang ăn vụng và thế là không còn gì cứu nổi cậu ta.

Cô Frieda chưa hề nghĩ là mình có thể kiếm sống bằng tài tiên tri của mình cho đến khi đời sống siết cổ cô trong những mùa đông khắc nghiệt ở Vienne. Lúc đó cô đang kiếm việc làm ở bất kỳ căn nhà nào cô có thể sống được và khi người ta hỏi cô có thể làm được việc gì, cô đã nói sự thật "Tôi chỉ biết nằm mộng". Cô chỉ cần giải thích và vắn tắt với bà chủ nhà và cô đã được thuê mượn với đồng lương vừa đủ cho những chi tiêu tằn tiện của cô, nhưng cô được ở một căn phòng xinh xắn và được ba bữa ăn mỗi ngày - đặc biệt là bữa điếm tâm khi cả gia đình ngò i xuống để được biết tương lai gần gũi của mỗi thành viên trong gia đình: ông bố, một nhà tài chính lịch lãm; bà mẹ: một người đàn bà vui tính, say mê nhạc thính phòng lãng mạn; và hai đứa con, mười một và chín tuổi. Họ đều sùng đạo và do đó hướng về những niềm mê tín cổ xưa, và họ vui sướng vì đã có được cô Frieda, với nghĩa vụ duy nhất là phải đoán số mệnh hằng ngày của gia đình qua các giấc mộng của cô.

Cô làm việc đó khá thành công qua một thời gian dài, nhất là trong những năm chiến tranh, khi cuộc sống thực tại còn bi thảm hơn cả những cơn ác mộng. Chỉ có cô có thể quyết định, vào bữa

điểm tâm, mỗi người nên làm cái gì trong ngày đó, và điề`u đó nên được thực hiện như thế` nào, đế`n nỗi những lời tiên đoán của cô đã trở thành uy quyề`n nhấ`t trong nhà. Sự kiểm soát của cô đố`i với gia đình trở thành tuyệt đố`i: Ngay cả tiế`ng thờ dài nhẹ cũng phải theo lệnh của cô. Ông chủ nhà chề`t vào khoảng thời gian tôi ở Vienna và đã lịch sự đi tặng lại cô một phầ`n tài sản với điề`u kiện là cô tiế`p tục nắ`m mọng cho gia đình ông cho đế`n khi nào cô thôi không nắ`m mọng nữa.

Tôi số`ng ở Vienne hơn một tháng, chia sẻ hoàn cảnh thiế`u thố`n với các sinh viên khác, trong khi tôi chờ tiế`n gửi chẳ`ng bao giờ đế`n. Những lâ`n đế`n thăm bấ`t ngờ và độ lượng của cô Frieda tại quán bình dân giồ`ng như những buổi yế`n tiệc đố`i với cái chề` độ ăn uố`ng kham khổ của chúng tôi. Một đêm, trong buổi chè chén với bia bọt, cô đã thì thầ`m bên tai tôi với sự xác tín không cho phép chậm trễ:

"Tôi chỉ đế`n đây để bảo với bạn là tôi đã nắ`m mọng về` bạn tớ`i qua", cô nói, "Bạn phải rời xa nơi đây và đừng trở lại Vienne trong vòng năm năm tới" Sự xác tín của cô đầ`y tính hiện thực và thuyết phục đế`n nỗi tôi đã vội nhảy vọt lên chuyế`n xe cuố`i cùng đế`n Rome ngay trong đêm hôm đó. Về` phầ`n tôi, tôi bị ảnh hưởng bởi điề`u cô nói đế`n nỗi từ đạo á`y trở đi, tôi đã tự coi mình là một người số`ng sót, thoát khỏi một tai ương ghê gớm nào đó mà tôi chưa từng trải qua. Tôi vẫn còn chưa dám trở lại Vienne.

Trước lúc xảy ra cơn tai biế`n ở Havana, tôi đã gặp cô Frieda ở Barcelona trong một tình huố`ng thật bấ`t ngờ và ngẫu nhiên, hầ`u như là một huyề`n nhiệm đố`i với tôi. Điề`u đó xảy ra vào đúng ngày nhà thơ Pablo Neruda bước chân lên đấ`t Tây Ban Nha lâ`n đầ`u tiên kể từ khi xảy ra cuộc Nội chiế`n, nhân một cuộc dừng

chân tậm trong chuyế n hải hành dài ngày đế n Valparaiso. Ông qua một buổi sáng với chúng tôi để sẵn đuổi một trò chơi lớn trong những cửa hàng sách cũ và tại tiệm Porter ông đã mua đượ một cuố n sách cũ, lê` cong, gáy rách mà ông đã phải trả với số` tiề n bằ ng cả hai tháng lương làm Lãnh sự ở Rangoon. Ông di chuyển bằng qua đám đông giố ng như một con voi tậ t nguyê` n, với tính hiế u kỳ của một trẻ thơ nhìn vào những gì xảy ra bên trong của mỗi sự vật, bởi thế` giới hiện tại với ông như một thứ đồ` chơi vĩ đại, đầ y khiêu khích, qua đó đời số` ng khái lộ tự thể lung linh của mình.

Tôi chưa từng thấ y một người nào gầ n giố ng với ý tưởng mà ta nghĩ về` một vị Giáo hoàng thời Phục Hưng đế n thế` : ông ta vừa phàm ăn lại vừa rấ t thanh tao. Dầ u là trái ý với mình, ông ta lại luôn luôn chủ tọa bàn ăn. Vợ ông, bà Matilde, thường phải quàng quanh cổ ông một chiế c khăn giố ng như khi người ta ngồ i ở tiệm hớt tóc hơn là ngồ i ở bàn ăn, nhưng đó là cách duy nhấ t để ngăn ông không tắ m trong món sauce. Ngày đó, ở Carvalleira thật điể n hình. Ông ăn cả ba con tôm hùm, mỗ xẻ chúng với sự khéo léo của một nhà phẫu thuật và đồ` ng thời như muố n ngắ u nghiế n đĩa ăn của các thực khách khác bằ ng đôi mắ t hau háu và thưởng thức mỗi đĩa một tí một cách khoái trá, khiế n sự thềm ăn trở thành truyề n nhiễm: món trai từ Galicia, món sò từ Cantabria, món tôm từ Alicante, món hải sâm từ Costa Brava. Trong thời gian đó, giố ng như người Pháp, ông không nói điề u gì khác ngoài những khoái khẩu tinh tề` trong nghệ thuật ẩm thực, đặc biệt là món sò thời tiề n sử của xứ Chi Lê mà ông luôn canh cánh bên lòng. Bỗng dưng ông ngừng ăn, vậ vê sợi râu con tôm hùm và nói với tôi bằ ng một giọng trá m tĩnh:

"Có người nào đó sau lưng tôi cứ nhìn chăm chăm vào tôi tự này giờ đây" Tôi liếc nhìn qua vai ông và thấy quả đúng như thế. Cách chúng tôi ba bàn, một người đàn bà gan lì đang ngồì, đầu đội mũ kiểu xưa với một khăn quàng màu tím thẫm, đang chậm rãi ăn và nhìn trừng trừng vào ông. Tôi nhận ra bà ta ngay tức thời. Bà ta đã già và béo ra, nhưng chính là cô Frieda ngày xưa với chiếc nhẫn hình rắ n trên ngón tay trở.

Bà đã du hành từ Naples trên cùng chuyến tàu với Neruda và bà vợ, nhưng họ không nhìn thấy nhau suốt chuyến đi đó.

Chúng tôi mời bà ta sang dùng cà phê ở bàn chúng tôi, và tôi khuyến khích bà nói về những giấc mộng của mình, với dụng ý gây ngạc nhiên cho nhà thơ. Ông ta chẳng hề chú tâm, vì ngay từ đầu, ông đã tuyên bố rằng ông chẳng hề tin ba cái chuyện đoán điềm giải mộng lãng nhăng tí nào.

"Chỉ có thi ca là minh thị" ông nói.

Sau buổi ăn trưa, trong khi đi dạo phố Ramblas, tôi chậm bước lại đằng sau với Frau Frieda để chúng tôi có thể cùng ôn lại những hoài niệm mà không sợ lọt tai người khác. Bà bảo tôi là bà đã bán điềm sản ở Áo quốc và lui về ở Oporto, xứ Bồ Đào Nha, nơi bà sống trong một căn nhà mà bà mô tả như một lâu đài trên ngọn đồi, từ đó người ta có thể nhìn mọi hải trình xuyên đại dương để đến các nước Châu Mỹ. Đầu bà không nói thế, nhưng qua câu chuyện của bà biểu lộ rằng, qua từng giấc mộng, bà đã thu thập toàn bộ tài sản của những người chủ của bà ở Vienne. Điều đó cũng chẳng hề làm cho tôi ngạc nhiên, bởi vì tôi vẫn luôn luôn nghĩ rằng những chuyện đoán điềm giải mộng của bà chẳng qua chỉ là

một kẻ mưu sinh thoát hiểm mà thôi. Và tôi đã bảo với bà ta như thế.

Bà ta cười với nụ cười không cưỡng lại được. "Anh vẫn cứ bô láo như thuở nào", bà nói. Rồi không nói gì nữa, bởi vì cả đám đã đứng lại chờ Neruda kết thúc cuộc nói chuyện bằng tiếng lóng xứ Chi Lê với những con vẹt, dọc theo phố Rambla delos Pajaros. Khi chúng tôi kết thúc cuộc đàm thoại, Frau Frieda đổi đề tài: "Nhân tiện, xin nói là giờ đây anh có thể trở lại Vienna".

Chỉ khi đó tôi mới chợt nhận ra rằng mười ba năm đã trôi qua kể từ lần đầu chúng tôi gặp nhau.

"Ngay cả nếu các giấc mộng của bà sai bét, thì tôi cũng sẽ chẳng bao giờ trở lại nơi đó", tôi bảo với bà "Chính thế đấy".

Vào lúc ba giờ chiều, chúng tôi từ biệt bà để đi theo Neruda vào giấc ngủ trưa thiêng liêng của ông, giấc ngủ trong một tiếng đồng hồ mà ông chuẩn bị rất trọng thể khiến ta liên tưởng đến một buổi trà đạo của người Nhật. Một vài cửa sổ cần được khép lại, vài cửa sổ khác cần được mở ra để tạo ra độ ẩm toàn hảo và cần một loại ánh sáng nào đó, từ một hướng nào đó, trong sự yên lặng tuyệt đối, Neruda rơi ngay vào giấc ngủ, và thức giấc mười phút sau, giống như trẻ con, lúc chúng ta ít chờ đợi nhất. Ông xuất hiện nơi phòng khách, tươi tỉnh với dấu hằn của mép gối trên má.

"Tôi đã nằm mộng về người đàn bà chuyên nằm mộng đó" ông nói.

Bà Matilde muốn ông kể lại cho bà nghe giấc mộng của ông.

"Tôi mộng thấy bà ta đang nhắm mộng về tôi" ông nói.

"Nghe đúng như trong truyện của Borges!" tôi bảo.

Ông nhìn tôi với vẻ thất vọng.

"Ông ấy đã viết như thế thật à?"

"Nếu ông ấy chưa viết thì một lúc nào đó ông cũng sẽ viết", tôi nói "Đó sẽ là một trong những mê cung của ông ta".

Vừa lúc lên tàu vào sáu giờ chiều hôm ấy, Neruda cáo từ chúng tôi, ngồi xuống một cái bàn riêng và bắt đầu tuôn trào thi hứng qua dòng mực xanh mà ông thường dùng để vẽ hoa, cá và chim khi ông để tặng các tác phẩm của mình. Khi nghe tiếng "Tất cả lên bờ", chúng tôi tìm Frau Frieda và cuối cùng thấy bà ở quầy du khách đúng lúc chúng tôi sắp xa nhau mà không nói lời từ biệt. Bà ta cũng đã đánh một giấc ngủ trưa.

"Tôi đã nhắm mộng về nhà thơ" bà nói.

Ngạc nhiên, tôi yêu cầu bà kể cho tôi nghe về giấc mộng đó.

"Tôi nhắm mộng thấy ông ta nhắm mộng về tôi" bà nói, và cái nhìn ngạc nhiên của tôi làm bà sửng sò "Bạn chờ đợi điều gì? Nhiều khi với những giấc mộng của tôi, người ta trượt vào đó mà chẳng thấy có gì liên quan đến đời thực".

Từ lúc đó tôi chẳng hề gặp lại bà ta mà cũng chẳng bận tâm thắc mắc về bà cho đến khi tôi nghe về chiếc nhẫn hình rắn nơi người đàn bà chết trong vụ tai biến ở Havana Riviera. Và tôi đã không thể cưỡng lại sự cám dỗ muốn hỏi vị Đại sứ Bồ Đào Nha, khi chúng tôi tình cờ gặp nhau mấy tháng sau đó, trong một

buổi tiếp tân ngoại giao. Vị Đại sứ nói về bà ta đầy sôi nổi và ngưỡng mộ "Bạn có thể tưởng tượng nổi bà ta phi thường đến thế nào", ông nói "Chắc bạn phải viết một truyện về bà ta".

Và ông ta nói tiếp bằng cùng giọng đó, với những tình tiết đáng ngạc nhiên, nhưng chẳng có manh mối nào có thể cho phép tôi đi đến một kết luận dứt khoát.

"Nói cách cụ thể" tôi hỏi "Bà ấy đã làm gì?"

"Chẳng làm gì cả" ông nói, với vẻ tỉnh mộng chán chường "Bà ấy chỉ nằ m mộng"

Tháng ba, 1980

"TÔI ĐẾN ĐÂY CHỈ ĐỂ GỌI ĐIỆN THOẠI THÔI MÀ"

Một chiều mưa mùa xuân năm ấy khi Maria de la Luz Cervantes đang lái xe một mình trở về Barcelona, chiếc xe hơi thuê xe của nàng bị hỏng hóc nơi sa mạc Monegros. Nàng lúc ấy hai mươi bảy tuổi, là một phụ nữ Mỹ Tây Cơ xinh đẹp, có đầu óc và cũng có tí danh vọng như một nghệ sĩ ca nhạc; từ mấy năm trước, nàng kết hôn với một nhà ảo thuật chuyên trình diễn nơi các quán rượu mà nàng gặp trong ngày nàng đến thăm mấy người bà con ở Zaragoza.

Trong cả tiếng đồng hồ, nàng vẫy gọi một cách tuyệt vọng các xe hơi và xe tải vùn vụt lướt qua nàng trong cơn bão cho đến khi một người tài xế của một chiếc xe buýt tả tơi thương hại cho nàng quá giang. Thế nhưng ông ta cũng cho nàng hay là ông ta không đi xa lắm.

"Không sao" Maria nói "Tôi chỉ cần đến chỗ nào có thể gọi điện thoại được thôi".

Điều đó đúng, nàng cần điện thoại để cho chồng nàng biết rằng nàng không thể về nhà trước bảy giờ tối hôm đó. Mang một chiếc áo khoác kiểu sinh viên và giày đi biển vào giữa tiết tháng tư, nàng trông giống con chim nhỏ mác mưa và nàng rời trí khi gặp rủi ro đến độ nàng quên không mang theo chìa khóa xe. Một người đàn bà có dáng dân nhà binh đang ngồi cạnh tài xế, đưa cho Maria một khăn mặt, một tấm chăn, và thu xếp chỗ ngồi cho nàng.

Maria rũ bớt nước mưa rồi ngồi xuống, quấn người trong chăn, cố gắng đánh diêm đốt một điếu thuốc, nhưng diêm quẹt của nàng ướt hết. Người đàn bà chia chỗ ngồi cho nàng đã mời lửa cho nàng và hỏi xin một điếu trong số những điếu thuốc ít ỏi còn khô. Trong lúc hút thuốc, Maria bỗng thấy thêm bực lộ tâm tình và lên cao giọng để át tiếng mưa và tiếng lọc cọc của chiếc xe buýt cà tàng. Người đàn bà ngắt lời nàng bằng cách đặt một ngón tay trở lên môi nàng.

"Họ đang ngủ" bà ta thì thầm.

Maria nhìn qua vai bà ta và thấy chiếc xe buýt đầy nghẹt những người đàn bà với nhiều lứa tuổi và cảnh ngộ khác nhau đang ngủ, người trùm kín trong chăn cũng giống như tấm chăn của nàng. Vẻ thanh thần của họ truyền lan sang nàng và Maria có người lại trên ghế, thả hồn vào âm thanh đều đặn của những giọt mưa rơi. Khi nàng thức giấc, trời đã tối và cơn bão đã qua đi, biến thành cơn mưa phùn bụi mỏng lạnh buốt. Nàng không còn ý tưởng nào về việc mình đã ngủ trong bao lâu hay tất cả sẽ đi đến nơi nào trong thế giới bao la này. Người đàn bà ngồi cạnh nàng có vẻ đang nhìn ngắm một cái gì.

"Chúng ta đang ở đâu?" Maria hỏi.

"Chúng ta đã đến nơi" người đàn bà trả lời.

Chiếc xe buýt đang đi vào cái sân âm u của một tòa nhà khổng lồ, ảm đạm, có vẻ giống một nữ tu viện nằm trong một khu rừng với những cây đại thụ. Các hành khách, thoáng thấy lờ mờ trong ánh sáng lù mù của ngọn đèn treo trong sân, ngồi bất động cho đến khi người đàn bà có dáng vẻ nhà binh ra lệnh cho họ rời khỏi

xe bắ ng kiể u ra lậ n thườ ng đượ c dừ ng ở trườ ng mấ u giá o. Nhữ ng người kia đê u là các bà luố ng tuổ i và sự di chuyể n của họ có vể rấ t bơ thờ trong ánh sáng lò mờ nơi sâ n, đê n độ trông họ giố ng như nhữ ng ảnh tượ ng trong giấ c mơ. Maria bườ c xuố ng sau cùng, đã nghĩ rằ ng má y người đàn bà kia là các nữ tu. Nàng không còn chấ c như thê nữ a khi nàng thấ y nhiề u người đàn bà khác mặc đồ ng phục đê n tiế p quầ n má y người đàn bà kia, từ cửa xe buýt, kéo tắ m chắ n lên trù m đầ u họ cho đờ bị ướ t và sắ p họ thành hàng một, điề u khiể n họ không phải bắ ng lời nói mà bắ ng cách vố tay nhíp nhàng và quả quyế t. Maria chào từ biệ t và xin gở i lại tắ m chắ n cho người đàn bà ngô i chung ghê , nhưng bà ta bảo cô hãy dừ ng tắ m chắ n đó để trù m đầ u trong khi bắ ng qua sâ n rồ i hãy trả lại cho phò ng trự c.

"Ở đây có điệ n thoạ i không?" Maria hỏi.

"Tắ t nhiên là có" bà ta trả lời. "Họ sẽ chỉ cho cô điệ n thoạ i ở đầ u".

Bà ta xin một điề u thuố c nữ a và Maria trao cho bà ta tắ t cả số thuố c còn lại trong gó i thuố c ẩ m ướ t. "Má y điề u thuố c đó sẽ khô dầ n" nàng nói. Bà á y vấ y tay chào và gọi lớn "Chú c may mắ n" bắ ng một giọng gầ n như tiế ng hét. Chiế c xe buýt chạy đi xa không cho nàng có thời gian để nói thêm điề u gì khác. Maria chạy vể hướ ng cánh cửa lớn của tòa nhà. Một bà quầ n giá o tìm cách ngắ n cô lại bắ ng nhữ ng cú vố tay mạnh mẽ, kiên quyế t nhưng vô hiệ u, nên đã hét lên, đầ y tức giậ n:

"Dừ ng lại! Tao bảo dừ ng lại!" Maria hé tắ m chắ n trù m đầ u nhìn ra ngoà i và thấ y đôi mắ t lạnh như bắ ng với một ngón tay trở chỉ thẳng vào nàng bắ t phải đi vào hàng. Nàng đành tuầ n lậ n. Khi

bước vào bên trong hành lang, nàng rời nhóm Và hỏi người tạp vụ điện thoại ở đâu. Một trong các bà quản giáo khiêng nàng trở vào hàng với những cái vớ nhẹ trên vai và một giọng ngọt như đường.

"Lô i này cương ạ, điện thoại ở phía này nè".

Maria đi cùng mấy người đàn bà kia xuống một hành lang tối lơ mờ đến khi họ vào tới một phòng ngủ chung. Đến đó mấy bà quản giáo thu lại chân mền và chỉ định giường nằm cho mỗi người. Mấy bà quản giáo khác, có vẻ nhân đạo hơn và ở cấp cao hơn, theo Maria nghĩ, bước xuống hàng người, đổi chiếu danh sách với tên từng người viết trên tấm thẻ bài dính trên vạt áo của những người mới tới. Khi gặp Maria, bà ta ngạc nhiên thấy nàng không mang thẻ nhận dạng của mình.

"Tôi chỉ đến để gọi điện thoại thôi" Maria nói với bà.

Nàng vội vã giải thích rằng chiếc xe nàng bị hư dọc đường. Chờ nàng, người biểu diễn các trò ảo thuật cho các tiệc liên hoan, đang chờ nàng ở Barcelona bởi vì họ đã nhận biểu diễn ba nơi trước nửa đêm và nàng muốn cho chờng biết rằng nàng không thể có mặt đúng hẹn để đi cùng với chờng. Đã gần bảy giờ tối. Chờng nàng phải rời nhà trong vòng mười phút nữa và nàng e rằng chàng phải hủy bỏ mọi chuyện vì nàng về trễ. Bà quản giáo có vẻ chăm chú nghe nàng.

"Tên cô là gì?" bà ta hỏi.

Maria nói tên nàng với tiếng thờ phào nhẹ nhõm, nhưng bà kia không nhận thấy điều ấ y sau khi dò lại bảng danh sách nhiều lần. Hơi hoảng, bà hỏi một bà quản giáo khác, bà ta cũng chẳng biết nói gì, chỉ nhún vai.

"Nhưng tôi chỉ để n để gọi điện thoại thôi mà" Maria biện bạch.

"Chắc là thế, cưng ạ" bà bẻ trên bảo nàg và đưa nàg vào giườg với giọng ngọt ngào.

"Nếu con ngoan, con sẽ được phép gọi điện thoại cho bất cứ ai con muốn. Nhưng ngày mai kia, chứ bây giờ chưa được".

Một tia chớp thoáng qua đầu óc Maria và nàg chợt hiểu tại sao máy người đàn bà trong xe buýt di động giống như họ đang lướt lờ trong đáy hồ cá. Thực ra họ đã bị cho uống thuốc an thần, và tòa nhà tắm tối với những bức tường đá dày cùng những bậc cầu thang giá buốt kia trên thực tế là một bệnh viện cho các bệnh nhân tâm thần nữ. Nàg bỏ chạy ra khỏi phòng ngủ, tinh thần hoảng loạn, nhưng trước khi nàg có thể chạy đến được cánh cửa chính, một bà quản giáo khổng lồ mặc bộ đồ trùm kín của thợ cơ khí chặn đứng nàg lại bằng một cái tát đích đáng với bàn tay hộ pháp và giữ nàg bất động trên sàn nhà bằng khóa tay. Maria, chết khiếp vì kinh hoàng, nhìn đảo đác chung quanh.

"Ôi lạy Chúa", nàg nói "Tôi thế có hương hồn mẹ tôi rằng tôi chỉ để n đây để gọi điện thoại thôi mà".

Chỉ một tia nhìn vào mặt bà ta cũng đủ cho Maria biết rằng không một lời biện hộ nào có thể làm động lòng con mụ khùng trong bộ áo giáp trùm kín đó, con mụ được mệnh danh là Herculina, vì sức mạnh phi thường, như thần Hercule của mụ ta. Mụ ta được giao đảm nhận những ca khó khăn và hai bệnh nhân nội trú đã bị siết cổ đến chết bởi cánh tay gấu Bắc Cực của mụ ta, rất thành thạo trong nghệ thuật giết người, do làm lẫn. Ca tử vong đầu tiên đã được kê t luận là một sự cố kỹ thuật. Ca tử vong thứ nhì hơi mập

mờ, không có kết luận dứt khoát và mẹ Herculina chỉ bị khiển trách và cảnh báo rằng một lần nữa nếu còn chuyện đó xảy ra thì mẹ sẽ bị điều tra cẩn thận hơn đây. Chuyện đó cuối cùng đã được kết thúc hồ sơ là: con cừu đen của cái gia đình danh giá lâu đời kia đã có tiền sự khả nghi đây những tai nạn đáng ngờ nơi những bệnh viện tâm thần khắp xứ Tây Ban Nha.

Họ đã phải tiêm cho Maria một liều thuốc an thần để nàng ngủ yên trong đêm đầu tiên. Khi cơn thèm thuốc lá đánh thức nàng dậy lúc bình minh, nàng bị cột cổ tay và khuỷu chân vào thành giường. Nàng la hét nhưng chẳng có ai thèm đển. Buổi sáng, trong khi chôn nàng không tìm được dấu vết nào của nàng ở Barcelona, nàng bị đem đến nhà thương vì bọn họ thấy nàng bất tỉnh trong đống ẩm ướt bầy nhầy.

Khi tỉnh lại, nàng không biết thời gian đã trôi qua bao lâu. Nhưng giờ đây thế giới có vẻ là nơi trú ẩn của tình yêu. Cảnh giường nàng, một ông già to lớn với những bước chân bách bộ nhẹ nhàng và nụ cười bình thản đã đem lại cho nàng niềm vui thấy mình còn sống với hai cái võ tay đầy uy quyền của ông. Đây là bác sĩ giám đốc của dưỡng đường.

Trước khi nói lời nào với ông ta, ngay cả một lời chào xã giao thông thường cũng không, Maria mở miệng xin ngay một liều thuốc. Ông rút ra một liều trao cho nàng, cùng với cả gói thuốc lá còn đây. Maria không cảm được nước mắt.

"Bây giờ là lúc con có thể khóc cho vui bớt nỗi đau", bác sĩ nói với giọng vỗ về. "Nước mắt là liều thuốc thần diệu nhất".

Maria trút đi nỗi khổ tâm không chút e dè, như nàng chưa hề làm được điều đó với các người tình thoáng qua trong những khoảng thời gian trống sau các cuộc làm tình. Nghe nàng khóc kể, bác sĩ dùng mấy ngón tay vuốt nhẹ tóc nàng, xếp lại gó i cho nàng nả m dễ thở hơn, dẫn dắt nàng đi qua mê lộ của lòng hoang mang với sự khôn ngoan và lòng âu yếm ngọt ngào nàng chưa bao giờ mơ có được. Đó là lần đầu tiên trong đời nàng gặp phép lạ được thông cảm bởi một người đàn ông chịu lắng nghe nàng với tất cả tâm lòng mà không chờ mong sẽ cùng được lên giường với nàng như một phần thưởng. Cuối một giờ đã ng đẵng, khi nàng đã tát cạn tận chiều sâu tâm hồn, nàng xin phép được nói chuyện cùng chồng qua điện thoại.

Bác sĩ đứng lên với tất cả vẻ tôn nghiêm trong tư thế. "Chưa được, công chúa" ông nói, vỗ má nàng với sự âu yếm dịu dàng từ trước đến giờ nàng chưa hề cảm thấy. "Mọi chuyện, đều phải đúng lúc, đúng nơi". Ông ta chúc phúc cho nàng với cung cách của một vị giám mục, bảo nàng hãy tin tưởng nơi ông rồi biến đi, mãi mãi.

Cùng chiều ngày đó, Maria "được" nhận lại vào bệnh viện tâm thần, "được" mang số thẻ bệnh nhân và những lời bình phẩm hơi hợt về sự bí ẩn nàng đến từ đâu và những nghi ngờ về lý lịch của nàng. Bên lề tờ bệnh án, bác sĩ giám đốc dưỡng đường viết lời nhận xét bằng chính thủ bút của ông: "Tâm thần dao động".

Đúng như Maria đã tiêu liệu, chồng nàng đã rời căn hộ khiêm tốn của họ ở quận Horta nửa giờ sau thời khóa biểu đã định để đi đến ba buổi diễn mà anh ta đã nhận lời trước đó. Đó là lần đầu tiên mà nàng về trễ trong suốt gần hai năm họ chung sống tự nguyện và rất hòa hợp với nhau và chàng đã nghĩ rằng chắc là tại

trận mưa bão nặng đã tàn phá cả tỉnh vào ngày cuối tuần hôm đó. Trước khi ra đi, chàng ghim lại một bức thư gá n ở cửa chỉ rõ hành trình của chàng trong đêm đó.

Ở party đầu, khi mọi đứa trẻ dự hội đều mặc trang phục Kangaroo, chàng đã bỏ qua không biểu diễn màn ảo thuật hay nhấ t, màn con cá vô hình, bởi vì chàng không thể biểu diễn màn đó nếu không có nàng trợ viện. Buổi diễn thứ nhì của chàng tại nhà một bà già chín mươi ba tuổi ngồ i xe lăn, bà hãnh diện vì đã ăn mừng ba mươi lầ n sinh nhật sau cùng của bà, mỗi lầ n với một nhà ảo thuật khác. Chàng quá bớ i rớ i vì sự vắ ng mặt của Maria, đế n nỗi chàng không thể tập trung làm được trò nào dù đơn giản nhấ t. Đế n buổi diễn thứ ba, sô diễn hàng đêm của chàng ở một quán cà phê trên đường Ramblas, chàng đã làm một màn diễn vô vị cho một nhóm các du khách Pháp, các du khách này không thể tin điề u họ thấ y vì họ chẳng hê ` tin vào ma thuật. Sau mỗi sô diễn, chàng gọi điện thoại về ` nhà và trông chờ Maria trả lời một cách tuyệt vọng. Sau khi gọi lầ n cuối, chàng không còn tìm được nỗi lo lắ ng là có điề u bất trá c đã xảy đế n cho nàng.

Trên đường về ` nhà, trong chiế c xe tải nhẹ được cải tiế n thành sân khấ u công cộng, chàng nhìn thấ y vẻ huy hoàng của mùa xuân nơi những cây cọ dầ u dọc đường Paseo de Gracia và chàng rùng mình với tư tưởng ảm đạm là cả thành phố sẽ trở nên hoang vắ ng thế lương đế n thế nào đố i với chàng nếu như không có Maria trong đời chàng. Hy vọng cuối cùng của chàng tan biế n khi chàng thấ y tờ thư của chàng vẫn còn gá n nơi cửa. Chàng bắ n loạn tinh thần đế n nỗi quên cả cho con mèo ăn.

Giờ đây, khi ngồ i viế t lại câu chuyện này, tôi mới nhận ra rằ ng tôi chưa hê ` biế t tên thực của chàng vì ở Barcelona chúng tôi

chỉ biết anh ta qua cái tên nghề nghiệp: Ảo thuật gia Saturno. Anh ta là người tính tình kỳ quái và rất khó ưa trong giao tiếp xã hội, nhưng Maria thì lại rất tinh tế và khả ái. Nàng đã cầm tay dẫn dắt chàng qua cộng đồng xã hội với bao điều bí ẩn kia, nơi không một người đàn ông nào có thể mơ tưởng việc gọi điện thoại sau lúc nửa đêm để tìm vợ mình. Saturno đã làm thế, ngay sau khi về đến nhà, và chàng muốn quên đi ý nghĩ về điều bất trắc. Và thế là đêm đó chàng gọi điện thoại đến Zaragoza; một bà ngoại đang còn ngái ngủ đã bảo anh ta với giọng bình thản là Maria đã từ già bà sau bữa ăn trưa. Chàng chỉ chớp mắt được khoảng một tiếng lúc rạng sáng. Chàng trải qua một giấc mơ lộn xộn, trong đó chàng thấy Maria mặc một áo dài cưới tả tơi, lốm đốm vết máu và chàng thức giấc với niềm xác tín đầy lo âu rằng lần này nàng sẽ bỏ chàng vĩnh viễn, chàng phải đối mặt với cuộc đời bao la mà không có nàng bên chàng.

Nàng đã bỏ ba người đàn ông, kể cả chàng trong vòng năm năm qua. Nàng đã bỏ chàng ở Mexico City sáu tháng sau ngày gặp nhau, khi họ còn trong cơn yêu dẫu u nôنگ nản, những lần ái ân mê đắm trong căn phòng hợp căn ở quận Anzures. Một sáng nọ, sau một đêm phóng dăng nông cuồng, Maria đã bỏ đi.

Nàng đã bỏ lại sau lưng mọi thứ của nàng, ngay cả chiếc nhẫn cưới của lần đính hôn trước cùng với bức thư nàng viết là nàng không thể sống nổi trong sự dằn vặt của tình yêu hoang dại kia. Saturno đã nghĩ là nàng trở lại với người chồng đầu tiên, một bạn cùng lớp thời trung học, nàng đã lên gia đình lấy anh ta khi còn vị thành niên và đã bỏ rơi sau đó để theo người khác sau hai năm chung sống không có tình yêu. Nhưng không phải thế. Nàng đã trở về nhà bố mẹ và Saturno đã theo chân để đem nàng về lại với

mình, bất kể bao hao tốn về tiền bạc, công sức, thời gian. Chàng đã thề hứa đủ điều, một cách vô điều kiện, không còn biết có giữ nổi lời thề của mình hay không, nhưng chàng đung đầu vào một sự quyết đoán không lay chuyển. Nàng bảo chàng: "Có những cuộc tình ngắn ngủi và những mối tình dài lâu". Và nàng kết luận với một câu phũ phàng. Tính chất bất khoan nhượng của nàng bắt buộc chàng phải chấp nhận thất bại.

Thế nhưng, trong buổi sớm mai của ngày lễ Các Thánh, khi chàng trở về căn phòng đơn côi của mình sau gần một năm cố tìm quên lãng, chàng thấy nàng nằm ngủ trên chiếc ghế sofa nơi phòng khách với vòng vương miện hoa cam trên đầu và tà áo cưới dài thậm thượt của các cô dâu trinh trắng.

Maria kể lại sự thật với chàng. Vị hôn phu mới của nàng, một người đàn ông góa không con với đời sống ổn định và đầu óc mưu mẹo kết hôn theo nghi thức Giáo hội Thiên chúa giáo La mã, đã bỏ nàng chơ vơ trong bộ áo cô dâu đứng đợi nơi bàn thờ làm lễ. Bố mẹ nàng đã quyết định cứ tiến hành cuộc lễ và nàng cũng đóng trò với họ, nàng nhảy múa, ca hát, uống rượu thật nhiều trong tâm trạng hoảng loạn của sự hói hận muộn màng, nàng đã bỏ nhà đi lúc nửa đêm để tìm lại Saturno.

Chàng không có ở nhà, nhưng nàng đã tìm được chìa khóa trong chậu hoa tiêng sảng, nơi họ thường giấu chìa khóa. Bây giờ nàng là người đầu hàng vô điều kiện. "Lần này thì bao lâu?" chàng hỏi. Nàng trả lời bằng một dòng thơ của Vinicius de Moraes:

Tình yêu bất diệt thiên thu

Bao lâu tình vẫn giam tù hồn ta

Hai năm sau đó cuộc tình của họ vẫn còn nô`ng thả`m.

Maria có vẻ trưởng thành, chín chắ`n hơn. Nàng đã khước từ giắ`c mộng thành diễn viên lừng danh và tự nguyện dâng hiế`n trọn vẹn cho chàng, trong nghê` nghiệp cũng như trên giường ngủ. Cuố`i năm ngoái, họ đã dự đại hội ảo thuật gia ở Perpignan và trên đường về` nhà họ đã ghé thăm Barcelona lâ`n đầ`u trong đời.

Họ thích thành phố` đó quá nên đã số`ng tại đó tám tháng và thành phố` rắ`t hợp với họ, nên họ đã mua một căn hộ ở vùng lân cận mang đầ`y màu sắ`c xứ Catalonia của quận Horta.

C hễ ở hơi ô`n ào, họ lại không có người lo khuôn vác giúp đầ` đặc nhưng được cái rộng rãi đủ chỗ cho cả năm đứa trẻ. Hạnh phúc của họ là tắ`t cả những gì người ta có thể mong ước, cho đế`n cái ngày cuố`i tuầ`n, nàng thuê một chiế`c xe để đi thăm bà con ở Zaragoza, hứa với chàng sẽ trở về` vào lúc bảy giờ tồ`i thứ hai. Đế`n rạng sáng ngày thứ ba, nàng vẫn biệt tăm vô tín.

Vào ngày thứ hai tuầ`n tiế`p theo, hãng bảo hiểm của chiế`c xe thuê gọi điện thoại đế`n và hỏi tin tức về` Maria. "Tôi chẳng biế`t điề`u gì cả» Saturno nói "Hãy tìm nàng ở Zaragoza" anh ta gác máy. Một tuầ`n sau, một sĩ quan cảnh sát đế`n nhà báo cho biế`t là chiế`c xe đã được tìm thắ`y trên đường đi về` hướng Cadiz, chín trăm cây số` cách chỗ Maria đã bỏ nó. Viên cảnh sát muố`n biế`t cô có chi tiế`t nào liên quan đế`n tên trộm, Saturno đang cho mèo ăn và anh ta không nhìn lên khi anh ta nói thẳng với viên cảnh sát là chẳng nên phí thì giờ bởi vì vợ anh ta đã bỏ anh ta và anh ta cũng không biế`t nàng đã đi đâu và đi với ai. Sự xác tín trong lời nói mà anh ta thật cả quyế`t khiế`n viên cảnh sát cảm thắ`y áy náy và xin lỗi về` những câu hỏi vừa rồ`i của mình. Họ cho xé`p lại hồ` sơ.

Lòng nghi ngờ có thể bị Maria bỏ rơi một lần nữa đã day dứt Saturno vào dịp lễ Phục Sinh ở Cadagnés, nơi Rosa Regas đã mời bọn họ đến để chơi thuyề n buồ m. Trong quán Hải Hồ , một quán rượu ồn ào bản thủ của phái tả thiề ng liề ng trong buổi hoằ ng hôn của chế độ độc tài Franco, hai mươi người chúng tôi chen chúc quanh một trong những cái bàn sắ t chỉ đủ chỗ ngồ i cho 6 người. Sau khi hút gói thuố c lá thứ nhì trong ngày, Maria hế t diề m quệt. Một cánh tay mảnh khảnh mang một vòng đồ ù ng kiể u La Mã, vệt lố i qua đắ m đồ ng ồn ào của bàn rượu và mồ i lửa mời nằ ng. Nàng nói cảm ơn mà chẳng nhìn vào người nằ ng đằ ng cảm ơn là ai, nhưng Saturno, nhà ảo thuật thắ y hắ n ta, một gã thiế u niề n xương xẩu, râu ria nhắ n nhụi, da xanh mét như người chế t và bím tóc đen kiể u đuôi ngựa buồ ng thả xuồ ng đế n ngực. Các cánh cửa sổ của bar rượu đượ c thu xé p để che chắ n ngọn gió bắ c mùa xuân, gã thiế u niề n mặc một bộ đồ kiể u pijama bằ ng sợi bông thô và sandal của dân trang trại.

Họ không gặp lại gã đó cho đế n cuố i mùa thu, nơi một quán ăn hải sản ở La Barcelonera, gã vẫn mặc áo khoác bằ ng sợi bông thô và bím tóc dài thay vì bím đuôi ngựa. Gã ta chào cả hai người như thể là bạn cô tri; cách gã hôn Maria và cách Maria hôn trả lại gã đánh độn g lòng nghi ngờ của Saturno rằ ng hai người đã lén lút gặp nhau. Mắ y ngày sau, chàng tình cờ đọ c thắ y một cái tên mới và số điệ n thoại mới mà Maria đã viế t trong cuố n sổ ghi địa chỉ người quen và sự sáng suố t tàn nhắ n của lòng ghen tuồ ng đã mở mắ t cho chàng thắ y đó là tên và số điệ n thoại của ai. Lai lịch của kẻ soá n nghịch là bằ ng chử ng quyế t địn h: Gã ta hai mươi hai tuổ i, là con trong một gia đìn h giàu có và là một họa sĩ trang trí cho những cửa hiệ u thời trang, với cái danh tiề ng ô uế là một kẻ lưỡng tính và là một tên đĩ đượ c dắ t khách cho các bà có chồ ng mà thề m trai tở.

Nhưng Saturno vẫn cố tự chế cho đến cái đêm Maria không về nhà. Rồi chàng bắt đầu gọi điện thoại đến gã kia mỗi ngày từ sáu giờ sáng cho đến rạng sáng ngày hôm sau, lúc đầu cứ cách khoảng hai hoặc ba tiếng đồng hồ và rồi sau đó bất cứ lúc nào chàng ở gần điện thoại. Gọi điện thoại mà không gặp ai trả lời càng làm tăng nỗi đớn đau dằn vặt Saturno.

Đến ngày thứ tư, một bà người Andalousia đến giúp việc lau dọn nhà, đã cầm điện thoại lên trả lời: "Ông ấy đi rồi" bà ta nói với giọng mơ hồ lấp lửng càng khiến chàng ta muốn điên lên. Saturno không cưỡng lại được sự cảm dỗ muốn hỏi xem Maria có ở đó không.

"Chẳng có ai tên Maria ở đây cả" bà ta gắt gỏng bảo chàng. "Ông ấy sống độc thân".

"Vâng, tôi biết", chàng nói. "Cô ấy không sống ở đó, nhưng thỉnh thoảng ghé chơi, có đúng không?"

Bà ta nổi cáu:

"Ông làm nhảm cái quái quỷ gì vậy?"

Saturno gác điện thoại. Lời phủ nhận của bà người làm, đối với chàng, càng có vẻ là một sự xác nhận cho cái điều chẳng còn phải nghi ngờ vu vơ mà trở thành một xác tín làm cháy bỏng tâm can. Chàng mất tự chủ. Trong những ngày tiếp theo, chàng gọi điện thoại đến một người quen ở Barcelona, theo thứ tự từ A đến Z trong danh bạ điện thoại. Chẳng ai có thể chỉ dẫn cho chàng bất cứ điều gì; mỗi cuộc điện thoại chỉ càng khoét sâu thêm nỗi khổ của chàng bởi vì cuộc si ghen tuông của chàng đã được loan truyền trong khắp bọn đàn điếm bất lương của "phái tả thiêng

liêng" và bọn chúng mặc tình diều cợt để làm chàng thêm đau khổ. Chỉ khi đó chàng mới nhận thấy chàng cô đơn biết bao nơi cái thành phố đẹp đẽ, diên cuồng và bí hiểm này, nơi chàng sẽ chẳng còn niềm vui sống. Vào lúc rạng đông, sau khi cho mèo ăn, lòng chàng nặng trĩu sâu khổ dứt được ý muốn tìm đến cái chết và chàng cố quên Maria.

Sau hai tháng, Maria vẫn chưa hội nhập được với đời sống nơi bệnh viện tâm thần. Nàng sống sót nhờ cô nuôi phần ăn tù nhân đựng trong khay, xích vào cái bàn dài bằng gỗ thô, mắt nàng nhìn trừng trừng vào phiến đá khắc hình tượng Francisco Franco đang chủ tọa căn phòng ảm đạm kiểu thời Trung Cổ. Lúc đầu, nàng phản kháng những giờ giáo lý với các thông lệ vô hồn: Kinh sáng, kinh trưa, kinh chiều cũng như các nghi lễ phụng vụ khác chiếm hầu hết thời gian sinh hoạt mỗi ngày. Nàng không chịu chơi bóng nơi sân chơi hoặc làm hoa giả nơi xưởng thủ công mà một nhóm nội trú say mê chăm cùi làm. Nhưng sau ba tuần, nàng bắt đầu làm quen dần với đời sống nơi nhà kín đó. Cuối cùng, theo lời các bác sĩ, mỗi người trong đám bệnh nhân đều bắt đầu cùng cách giống nhau và rồi sớm hay muộn họ sẽ hòa nhập với cộng đồng.

Việc thiếu thuốc lá, trong ít ngày đầu, được một bà quản giáo giải quyết bằng cách bán thuốc lá với giá đắt như vàng, trở lại hành hạ nàng khi nàng đã tiêu hết số tiền ít ỏi mang theo. Rồi thì nàng hút loại thuốc lá nhật trình do máy người nội trú chế biến bằng những mẫu tàn thuốc nhật trong thùng rác, vắn với giấy báo cho đỡ cơn ghiền vì cơn thèm khát hút thuốc đã ám ảnh nàng mãnh liệt cũng như sự ám ảnh của việc gọi điện thoại. Sau đó, vài đồng bạc hiếm hoi nàng kiếm được do việc làm hoa giả đã mang lại cho nàng những giây phút an ủi phù du.

Điều khôn khổ nhất cho nàng đó là nỗi cô đơn lúc đêm xuống. Nhiều bạn cùng phòng năm trẻ không ngủ trong cảnh tranh tối tranh sáng, giống như nàng, không dám làm điều gì bởi vì bà quản giáo trực đêm nơi cửa lớn với xiềng và khóa, bà ấy cũng không ngủ. Tuy vậy, có một đêm, trào sôi vì tức giận Maria hỏi với một giọng đủ to để người đàn bà năm bên nghe được.

"Chúng ta đang ở đâu thế này?" Giọng trầm, tỉnh táo của người bên cạnh trả lời:

"Dưới đáy địa ngục"

"Họ bảo đây là xứ của dân Hô-i giáo" người khác nói, một giọng từ xa vang lên trong suốt phòng ngủ. "Mà điều đó chắc là đúng, bởi vì vào mùa hè, khi trời sáng trắng, máy người có thể nghe tiếng chó tru ở biển".

Tiếng xiềng xiên qua ổng khóa vang rộn rảng giống tiếng mở neo của một chiến thuyền, và cánh cửa mở ra. Người gác cửa khấc nghiệt của họ, tạo vật duy nhất còn có vẻ sinh động trong sự yên lặng, bắt đầu đi từ đầu này đến đầu kia phòng ngủ. Maria cảm thấy bị siết chặt vì nỗi kinh hoàng mà chỉ có nàng mới biết tại sao.

Từ tuấn lễ đầu tiên nơi dưỡng đường này, mẹ quản giáo trực đêm đã đề nghị thẳng thừng nàng hãy ngủ với mẹ ta trong phòng trực gác. Mẹ ta đã đi vào vãn đề một cách cụ thể với tác phong kinh doanh: đổi tình ái lấy thuốc lá, xô cô la hay bất cứ thứ gì nàng muốn. "Cưng sẽ có mọi thứ" mẹ quản giáo nói, run rẩy vì xúc động. "Cưng sẽ là bà hoàng của ta". Khi Maria từ chối, mẹ ta đổi chiến thuật, để lại những bức thư dưới gối nàng, trong áo nàng, ở

những nơi bất ngờ nhất. Những bức thư đó là những thông điệp thiết tha có thể khiến sỏi đá cũng phải động lòng. Một đêm nọ, một biến cố xảy ra nơi phòng ngủ, cách đây một tháng, khiến nàng gằn như chấp nhận đầu hàng.

Khi biết chắc rằng những người cùng phòng khác đã ngủ say, mục quản giáo đã tiến lại gần thường của Maria và thì thầm vào tai nàng những lời khiêu dâm êm ái rồi hôn mặt nàng, cổ nàng đổ ra vì kinh hoàng, tay nàng cứng lại, chân nàng rã rời. Rồi nghĩ rằng có lẽ sự tê liệt của Maria không phải xuất phát từ sợ hãi mà từ sự đồng lõa, bà ta càng trở tráo làm tới. Lúc đó Maria đánh mục ta và xô mục ta ngã vào giường bên cạnh. Mục quản giáo nổi khùng, đứng dậy giữa đám đông nhón nháo những người điên đang bị kích động.

"Đồ chó cái!" mục gào lên. "Người sẽ phải mục rữa cùng ta trong cái lỗ địa ngục này cho đến khi người phải điên lên vì ta".

Mùa hạ đến không báo trước vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng sáu, đòi hỏi phải có những biện pháp khẩn cấp vì bất đầu cởi bỏ hết những chiếc áo dài chẳng ra hình thù gì của họ. Maria có phần thích thú nhìn ngắm cảnh các bệnh nhân khỏa thân bị quản giáo rượt đuổi như đàn gà mù chạy dáo dác lung tung. Trong đám hỗn độn đó, nàng cố tự bảo vệ mình khỏi những cú tát vô hình và nàng bỗng thấy một mình nơi một văn phòng trống rỗng với tiếng chuông reo liên tục.

Maria trả lời không hề suy nghĩ và nghe một giọng nói xa xăm tươi cười, có vẻ rất thích thú nhại giọng báo giờ trên điện thoại:

"Bây giờ là bốn mươi lăm giờ, chín mươi hai phút và một trăm lẻ bảy giây".

"Đồ`ngô`c" Maria nói.

Nàng gác máy, thấy vui vui. Nàng sắp rời đi khi chợt nhận ra rằng nàng đang gặp một cơ hội duy nhất để chuồn khỏi nơi đây. Nàng quay sáu số, đầu óc bị căng thẳng và vội vã đến độ nàng không chắc có phải đó là số điện thoại nhà mình không. Nàng chợt đợi, tim rộn rã, nàng nghe âm thanh khao khát, buồn bã của tiếng chuông reo quen thuộc, một lần, hai lần, ba lần và cuối cùng nàng nghe tiếng người nàng yêu trong căn nhà vắng nàng.

"Hello"

Nàng phải chờ cho ngấn nước mắt thối nơi cổ họng tan đi.

"Mình ơi, mình yêu đầu của em" nàng thờ dãi.

Nước mắt làm nàng nghẹn lời. Ở đầu kia đây một thoáng yên lặng, bàng hoàng và một giọng nói cháy bỏng ghen tuông vọt ra thành lời: "Đồ`đĩ thối!"

Và chàng bỏ ống nghe xuống.

Đêm đó, trong cơn cuồng nộ, Maria giật tấm bảng đá khắc hình ngài Thống Tướng Franco xuống, với tất cả sức mạnh của mình, động mạnh vào cửa kính hướng về khu vườn và tự ném mình xuống sàn nhà, người bê bê t máu. Nàng còn đủ sức giận để kháng cự lại những cú tát của các bà quản giáo đang cố gắng khống chế nàng, nhưng không thành công, cho đến khi nàng thấy mẹ Herculina đứng trăn ở cửa lớn, khoanh tay lại, trừng trừng nhìn nàng. Maria chịu đầu hàng. Tuy nhiên, bọn họ vẫn kéo

lê nàng đến khu dành cho bệnh nhân hung dữ, chế ngự nàng bằng vòi phun nước lạnh giá và tiêm thuốc tê turpentine vào chân nàng. Chân bị tê cứng khiến nàng hét đi lại nổi và Maria nhận ra rằng không có gì trong đời này mà nàng không dám làm để thoát khỏi cái địa ngục trần gian đó. Tuân tiếp theo, khi nàng trở lại phòng ngủ, nàng rón rén đến phòng mù quáng giáo trực đêm và gõ nhẹ cửa.

Maria đưa giá trước: mù quáng giáo phải làm cách nào đưa tin cho chồng nàng. Mù quáng giáo đồng ý với điều kiện là chuyện trao đổi giữa họ cần được giữ kín tuyệt đối. Và mù ta chỉ thẳng vào mặt nàng:

"Nếu có ai biết chuyện này, mà sẽ chết".

Và thế là vào ngày thứ bảy sau đó, nhà ảo thuật Saturno lái chiếc xe rập xiếc đến chỗ bệnh viện tâm thần, chàng đã sửa soạn để ăn mừng đón Maria trở về. Đích thân vị giám đốc đón chàng nơi văn phòng bệnh viện, một nơi thật sạch sẽ và ngăn nắp như một tàu chiến, và bác sĩ giám đốc viết một bản tường trình đầy cảm tình về trường hợp của vợ chàng ta.

Không ai biết nàng đã từ đâu đến, đến khi nào, bằng cách nào, bởi vì thông tin đầu tiên liên lạc việc nàng đến nơi đây là giấy nhập viện chính thức mà ông ta đã đọc cho thư ký ghi sau khi phỏng vấn cô. Một cuộc thẩm tra ngay trong ngày hôm đó cũng không có kết luận dứt khoát. Dẫu sao, điều làm vị giám đốc thắc mắc là làm thế nào Saturno biết được vợ mình ở đâu. Saturno bảo vệ cho bà quản giáo.

"Công ty bảo hiểm đã cho tôi biết" chàng nói.

Vị giám đốc gật đầu hài lòng. "Tôi không hiểu lắm cái hãng bảo hiểm xoay sở ra sao để có thể biết được một chuyện hay như vậy nhỉ". Ông ta nói. Ông nhìn lướt qua hồ sơ ở trên bàn làm việc khác khổ của ông và kết luận:

"Điều chắc chắn duy nhất, đó là tình trạng của cô ấy rất trầm trọng".

Ông ta sửa soạn cho phép chàng được thăm viếng nàng với tất cả thận trọng cần thiết nếu Saturno chịu hứa, vì lợi ích của vợ mình, phục tùng mà không thắc mắc những điều luật về phép cư xử mà ông ta sẽ chỉ bảo cho chàng. Nhất là những điều liên quan đến việc phải đối xử với nàng như thế nào, để tránh gây nên những cơn cuồng nộ của nàng, càng ngày càng trở nên thường xuyên hơn và nguy hiểm hơn.

"Lạ thật" Saturno nói. "Nàng luôn luôn dễ nổi nóng nhưng nàng kềm chế được".

Vị bác sĩ làm một động tác của người học cao hiểu rộng. "Có những động thái nơi con người vẫn tiềm tàng trong nhiều năm, và rồi bất chợt một lúc nào đó lại bùng vỡ", ông nói. "Nói tóm lại, thật là may mắn khi cô ấy tình cờ đến đây, bởi vì chúng tôi chuyên trị những ca tâm thần đòi hỏi có một bàn tay cứng rắn". Rồi ông báo động cho chàng về nỗi ám ảnh kỳ lạ nơi Maria đối với máy điện thoại.

"Thật kỳ quặc cho nàng" bác sĩ nói.

"Đừng lo, thưa bác sĩ" Saturno đáp với giọng vui vẻ. "Đó là món đặc sản của tôi".

Phòng thăm viếng - một sự phối hợp giữa phòng giam và phòng xưng tội - trước kia là của tu viện kín. Bước chân đi vào của Saturno không phải là một cảnh bùng nổ của niềm vui như cả hai có thể đã từng trông đợi. Maria đứng giữa phòng, gần một bàn nhỏ với hai ghế và một lọ hoa trồng rỗng chẳng một cành hoa. Rõ ràng là nàng đã chuẩn bị sẵn sàng để rời bỏ chốn này, với chiếc áo khoác màu dâu thắm não và đôi giày tả tơi do ai đó có từ tâm đã bố thí cho nàng. Herculia đứng ở một góc, gần như vô hình, khoanh tay lại. Maria vẫn bất động khi thấy chông bước vào và mặt nàng, vẫn còn vết trầy xước do các mảnh kính vỡ cửa sổ, không biểu lộ nét xúc động nào. Họ trao đổi những cái hôn theo thông lệ.

"Em thấy thế nào?" chàng hỏi nàng.

"Vui mừng vì thấy mình cuối cùng rồi cũng đến nơi đây, mình ạ" nàng đáp. "Em thật như đã trải qua cái chết".

Họ không còn đủ thời gian để ngó xuông. Chìm trong nước mắt, Maria kể với chông về những khổ nhục trong cái nhà giam kín này, về sự tàn bạo của các bà quản giáo, về thức ăn chó cũng chê, về những đêm dài vô tận khi nỗi kinh hoàng khiến nàng không hề chớp mắt.

"Em cũng chẳng biết em đã ở đây bao nhiêu ngày hoặc bao nhiêu tháng hay bao nhiêu năm, em chỉ biết là mỗi ngày là càng tệ hơn ngày hôm trước", và nàng thở dài với cả cõi lòng sâu thẳm. "Em không nghĩ em sẽ còn là mình".

"Mọi chuyện đã qua rồi", chàng nói, vừa vuốt ve những vết sẹo trên mặt nàng với đầu ngón tay. "Anh sẽ đến mỗi thứ bảy.

Cũng có thể thường xuyên hơn, nếu bác sĩ giám đốc cho phép. Em thấy đó, mọi việc rồi sẽ chuyển biến theo hướng tốt đẹp".

Nàng nhìn chàng chầm chầm bằng đôi mắt lạc thần. Saturno cố vận dụng tài năng mê hoặc ảo thuật gia của mình. Chàng bảo nàng, bằng một giọng nơi trẻ thơ của những lời nói dối vĩ đại, một phiên bản ngọt ngào từ lời chẩn đoán của bác sĩ. "Điều đó có nghĩa là" chàng kết luận, "Em còn ở đây vài ngày nữa để hoàn toàn bình phục". Maria hiểu ra sự thật.

"Ôi lạy Chúa" nàng sửng sò "Bộ mình cũng nghĩ là em điên sao!"

"Em cứ nghĩ vợ vẫn!" chàng cố bông đùa. "Nhưng nếu thật sự là nếu em ở đây thêm một thời gian ngắn nữa, mọi việc sẽ tốt hơn, cho mọi người. Dĩ nhiên, trong điều kiện khá hơn!".

"Nhưng em đã nói với anh là em chỉ đến đây để gọi điện thoại thôi mà!".

Maria gằn giọng.

Chàng không biết làm cách nào phản ứng lại nỗi ám ảnh kinh hoàng của nàng. Chàng nhìn mục Herculina. Mục lợi dụng dịp đó chỉ vào đồng hồ đeo tay, tỏ ý thời gian thăm viếng đã hết. Maria thoáng thấy dấu hiệu, trừng mắt và thấy mục Herculina trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nàng bá cổ chàng, la hét như một mục điên thật sự. Chàng tìm cách thoát ra, với tất cả lòng yêu thương chàng còn có trong lòng, và để nàng ở lại tùy hỉ công đức của mục Herculina đang nhảy xổ đến túm lấy nàng từ phía sau. Không để cho Maria có thời gian phản ứng, mục ta xuất một chiêu "tả thủ cầm nã" còn tay mặt xuất chiêu "thiệt thủ cương tỏa" chẹn ngang cổ nàng, đồng thời hét vào mặt Saturno:

"Cút đi lập tức!"

Saturno vụt đi trong kinh hoàng.

Nhưng vào ngày thứ bảy tiếp theo, khi đã hoàn hồn từ cú sốc thăm bệnh lần trước, chàng quay trở lại bệnh viện tâm thần với con mèo mà chàng cho mặc trang phục giống như chàng, một bộ quần áo chèn đở và vàng giông giông nhà ảo thuật vĩ đại Leotardo, một mũ nhọn và áo khoác căng phồng giống như được dùng để bay.

Chàng lái chiếc xe làm xiếc chạy vào sân của nhà tu kín và ở đó, chàng mở sơ trình diễn suốt ba tiếng đồng hồ cho các bệnh nhân nội trú thường thức, từ các ban công với những tiếng hò hét chộn rộn với những tràng vỗ tay chẳng đúng lúc. Tất cả bọn họ đều ra xem, chỉ trừ Maria. Nàng chẳng những từ chối không tiếp chông mình mà cũng chẳng muốn ra đứng ở ban công để nhìn chàng. Saturno cảm thấy bị tổn thương, đau đớn thấu tâm can.

"Đó là một phản ứng điển hình" bác sĩ giám đốc an ủi chàng.
"Rồi sẽ qua thôi".

Nhưng nỗi đau chẳng bao giờ qua đi. Sau nhiều lần toan tính để gặp lại nàng, Saturno cố gắng bằng mọi cách để nàng chịu nhận một bức thư của chàng, nhưng vô ích. Nàng trả lại thư bỏn lặn, không mở thư xem và cũng chẳng một lời bình luận. Saturno dẫu hàng, nhưng vẫn tiếp tục gửi tiếp tục té thuốc lá ở phòng trực mà không tìm hiểu xem đồ thăm nuôi có đến tay Maria hay không, cho đến cuối cùng thực tế đã đánh gục chàng.

Không còn ai nghe nói gì về chàng nữa trừ cái điếu chàng đã lấy vợ khác và quay về cố hương. Trước khi rời Barcelona, anh ta

đã đem con mèo đỏi lả cho một cô bạn gái, cô này có hứa sẽ mua thuốc lá để tiếp tế cho Maria. Nhưng rồi cô ta cũng biếm đầu mất tiêu. Rosa Regas nhớ lại có thấy cô ấy ở cửa hàng bách hóa Corte Ingles khoảng mười hai năm trước đây, đầu cạo trọc, mang áo màu cam theo kiểu một giáo phái phương Đông nào đó. Cô ta bảo Rosa, cô ta có tiếp tế thuốc lá cho Maria thường xuyên và một số vật dụng tối cần thiết cho nàng cho đến một ngày cô chỉ còn thấy những phế tích hoang tàn của bệnh viện đã bị phá bỏ như là chứng tích u ám của một thời tồi tệ. Maria trông có vẻ rất tinh táo trong lần gặp cuối cùng, hơi mập ra và có vẻ hài lòng với nếp sống yên bình nơi nhà tu kín. Đó là cái ngày cô mang mèo đến cho Maria, bởi vì cô đã dùng hết số tiền mà Saturno đã đưa cho cô để mua thức ăn cho mèo.

Mùa Xuân 1978

BÓNG MA THÁNG TÁM

Chúng tôi đến Arezzo trước buổi trưa một tí và mất hơn hai giờ để tìm tòa lâu đài thời Phục Hưng mà nhà văn Venezuela, Miguel Otero Silva đã mua lại, ở góc trừ tình của vùng quê xứ Toscane.

Đó là một ngày cháy bỏng, giục giã đầu tháng năm và không dễ tìm một người nào biết được một điều gì trong những đường phố đầy nghẹt du khách. Sau nhiều lần toan tính vô ích, chúng tôi đã trở lại xe và rời thành phố qua một con đường với một hàng cây bách chạy dọc hai bên nhưng không có một dấu hiệu chỉ dẫn nào; một người đàn bà luống tuổi đang đứng bán ngỗng đã chỉ cho chúng tôi lâu đài ấy nằm đúng chỗ nào. Trước khi nói lời từ biệt, bà còn hỏi chúng tôi có định ngủ lại nơi đó không; chúng tôi đáp lại chúng tôi chỉ đến đó để dùng buổi trưa, ý định ban đầu của chúng tôi là thế.

"Ờ, thế thì tốt", bà ta nói, bởi vì căn nhà đó có ma đầy.".

Vợ tôi và tôi đều không tin có chuyện ma cỏ hiện giữa ban ngày ban mặt đã cười sự cả tin của bà ta. Nhưng hai đứa con của chúng tôi, đứa lên chín, đứa lên bảy, vui mừng với ý tưởng sắp được gặp ma bằng xương bằng thịt.

Miguel Otero Silva, một chủ nhà tuyệt vời và là một kẻ sành ăn tinh tế cũng là một nhà văn tài ba, đang đợi chúng tôi đến với một bữa ăn trưa khó quên. Vì quá trễ, chúng tôi không còn thì giờ để đi xem bên trong tòa lâu đài trước khi ngồi xuống bàn ăn, nhưng chẳng thấy có điều gì đáng kinh hãi khi thoát trông lâu đài đó và

mọi e dè dề u tan biế n khi chúng tôi nhìn toàn cảnh thành phố từ trên sân thượng phủ đầ y hoa, nơi chúng tôi dùng bữa trưa. Thật khó tin rằng đã có biế t bao tài năng tồ n tại lâu đài trong ký ức nhân loại đã đư ợc sinh ra trên ngọn đầ i lô nhô nhữ ng căn nhà đầ chỗ cho cả mườ i chín ngàn người cư ngụ đó. Tuy thế , Miguel Otero Silva, đã nhận xét với óc hóm hỉnh đặc biệt vùng Carribê của ông, là không có ai trong bọn họ là người lừng danh nhấ t sinh trườ ng ở Arezzso.

"Kẻ vĩ đại nhấ t" ông tuyên bố , "là Ludovico".

Chỉ thế thôi, không cần nói đế n họ. Ludovico, một vị mãnh thường quân vĩ đại của nghệ thuật và của chiế n chinh, đã xây dựng lâu đài này, lâu đài đã chứng kiế n nổi thố ng khổ vô biên mà Miguel đã kể về cuộc đời lạ lùng của người á y suồ t buổi ăn trưa. Ông kể cho chúng tôi nghe về quyề n lực lớn lao của Ludovico, về mộ i tình sóng gió và về cái chề t ghê rợn của ông ta. Ông kể cho chúng tôi nghe mọi việc diễn biế n ra sao khi trong cơn cuồ ng điên của cơn tim tuyệt vọng, ông á y đã cột chặt bà vợ trong chiế c giường còn nô ng á m dấ u tích ái ân của hai vợ chồ ng, rồi thả má y con chó săn dữ tợn ra cắ n nát chính vợ mình thành từng mảnh vụn, máu thịt tả tơi. Ông khẳng định với chúng tôi, một cách rấ t nghiêm chỉnh, là sau nửa đêm, bóng ma của Ludovico đi trong bóng tồ i của căn nhà, cô tìm sự thanh thản cho tâm hồ n trong luyện ngục của Tình Yêu.

Lâu đài trông thật rộng lớn và mờ tồ i. Nhưng trong ánh sáng ban ngày, với cái dạ dày đầ y á p và một tá m lòng hả hê, thì câu chuyện của Miguel chỉ có vẻ như một trong nhữ ng trò giải trí ông dùng để tiêu khiển cho nhữ ng người khách của mình. Sau giấ c ngủ trưa, chúng tôi tản bộ không hề có linh tính nào, qua tám mườ i hai

căn phòng đã trải bao đổi thay qua bao nhiêu đời chủ. Miguel đã canh tân toàn bộ tầng một và cho xây một phòng ngủ hiện đại với sàn bằng đá hoa cương, một phòng tắm hơi với trang cụ thể dục cũng như sân thượng phủ đầy hoa rực rỡ nơi chúng tôi vừa ngồi ăn trưa. Tầng hai, tầng được sử dụng nhiều nhất qua thế kỷ gồm những căn phòng giống nhau với đồ đạc được tích lũy qua nhiều thế kỷ, đã bị bỏ mặc cho số phận của chúng. Nhưng ở tầng trên cùng, chúng tôi gặp một căn phòng được giữ nguyên vẹn, gần như bị thời gian lãng quên không hề đặt chân thăm viếng - đó là phòng ngủ của vị chủ nhân lừng danh Ludovico.

Khoảnh khắc đó thật kỳ ảo. Chiếc giường ngủ vẫn an vị đàng kia, bao bọc chung quanh bởi tấm màn thêu chỉ vàng kim tuyền, thành giường với các nét hoa văn chạm trổ công phu, mỹ thuật vẫn còn sắc nét, loang lổ những vết máu khô của người tình bạc phận. Một lò sưởi với tro tàn lạnh giá và khúc củi cuối cùng đã biến thành đá, tủ kiếng trưng bày những vũ khí tiêu biểu thời Phục Hưng và trong một khung hình bằng vàng, bức họa chân dung bằng sơn dầu của nhà Hiệp sĩ trầm tư, do một họa sĩ bậc thầy xứ Florence vẽ; tiếc rằng tên tuổi họa sĩ tài ba đó đã không được may mắn tồn tại với thời gian. Tuy nhiên, điều gây ấn tượng cho tôi nhất là mùi hương của những quả dâu tươi không biết từ đâu vẫn phảng phất khắp phòng ngủ.

Những ngày hè ở xứ Toscane vẫn kéo dài không vội vã vào đêm, và chân trời vẫn đứng yên tại chỗ cho đến chín giờ đêm. Khi chúng tôi đã tham quan hết lâu đài. Lúc đó là sau năm giờ chiều, nhưng Miguel tha thiết rủ chúng tôi đi thăm các bức bích họa tuyệt tác do nhà danh họa Piero della Francesca vẽ trên các bức tường của Nhà Thờ Thánh Francesco.

Rồi chúng tôi nấn ná dừng chân, nói chuyện quá tách cà phê dưới những tán cây nơi quảng trường và khi chúng tôi quay trở lại để thu xếp hành trang, chúng tôi thấy một bàn đang đợi sẵn. Và thế là chúng tôi phải ngồi lại dùng bữa ăn tối.

Trong khi chúng tôi ngồi ăn dưới bầu trời tím với một ngôi sao đơn độc, máy thảnh bẻ lái đèn bấm ở phòng ăn và đi ra ngoài để thăm dò bóng tối ở các tầng trên. Từ chỗ bàn ăn, chúng tôi có thể nghe âm thanh vó ngựa hoang phi nước đại trên các bậc cầu thang, các cánh cửa khóc than, tiếng la hét vui đùa của Ludovico trong các phòng tối mờ. Chúng là những người duy nhất có ý tưởng tình nghịch muộn ngủ tại nơi đó. Miguel Otero Silva vui vẻ chịu đựng chúng, còn chúng tôi e ngại, không dám từ chối ý thích của bọn trẻ.

Trái với điều chúng tôi lo sợ, chúng tôi đã ngủ rất ngon, vợ tôi và tôi, trong một phòng ngủ ở tầng một; máy đưa con của chúng tôi ở phòng bên cạnh. Cả hai phòng đã được cách tân và không hề có vẻ gì ảm đạm. Trong khi chờ giấc ngủ, tôi đếm 12 tiếng gõ của đồng hồ quả lắc nơi phòng tranh và tôi nhớ lại lời báo động đáng e ngại của người đàn bà bán ngỗng. Nhưng vì quá mệt mỏi, chúng tôi đã nhanh chóng rơi vào giấc ngủ ngon lành, dày đặc, không hề bị quấy động và tôi thức giấc sau bảy giờ, khi ánh mặt trời rực rỡ chiếu xuyên qua màn nho leo nơi cửa sổ. Bên cạnh tôi, bà vợ tôi dong thuyền trên mặt biển lặng hờn nhiên. "Thật là điên rồ" tôi tự nghĩ, "Khi còn tin vào ba cái chuyện ma quỷ nhằm nhí ở thời đại ngày nay". Chỉ khi ấy tôi mới bị lay động bởi mùi hương của những quả dâu tươi và tôi thấy cái lò sưởi với tro tàn lạnh giá cùng với khúc củi cuối cùng đã biến thành đá và bức chân dung nhà hiệp sĩ buồn rầu trong cái khung hình vàng đang nhìn chúng tôi qua khoảng khắc của ba thế kỷ. Bởi vì chúng tôi không phải đang

nằm nơi phòng ngủ tầng thứ nhất nơi chúng tôi đã ngủ ngon lành trong đêm vừa qua mà là trong phòng ngủ của Ludovico dưới những màn trướng bụi bặm và tấm chăn còn ướt đẫm máu nóng nơi chiếc giường oan nghiệt của ông.

Tháng mười 1980.

MARIA DOS PRAZERES

Anh chàng nhân viên cơ sở phục vụ mai táng đến rất đúng giờ hẹn khi Maria dos Prazeges vẫn còn mặc áo tắm, tóc cuốn thành lọn và cô chỉ còn vài giờ thời gian để cài mỗi bông hồng đỏ thắm phía sau lỗ tai để bớt phần quá kém hấp dẫn như cô tự cảm thấy. Cô nàng thấy hơi tiếc cho vẻ ngoài của mình hơn khi cô mở cánh cửa và gặp không phải một viên thư ký lễ tang già nua ảm đạm như cô vẫn tưởng tượng về nhà kinh doanh cái chết, mà là một chàng trai trẻ rụt rè, mặc áo jacket đuôi tôm đúng thời trang, cổ thắt đuôi bướm có hình chim, nhiều màu sắc. Chàng ta không choàng áo khoác ngoài, dẫu mùa xuân ở Barcelona thời tiết vẫn hay thất thường và những cơn mưa nghiêng nghiêng do gió tạt thổi xiên hâu như khiến cho mùa xuân nơi ấy còn khó chịu hơn cả mùa đông. Maria dos Prazeges, đã từng đưa đón biết bao gã đàn ông bất kể giờ giấc nào, lúc đó lại cảm thấy bối rối lạ kỳ. Cô mới vừa tròn tuổi bảy mươi sáu và yên trí rằng mình sẽ được đi chầu Chúa trước ngày Chúa sinh ra đời, nhưng mặc dẫu thế cô vẫn muốn khép cửa lại và yêu cầu anh chàng tiếp thị trẻ trung của cơ sở phục vụ mai táng hãy chờ tí, đợi cô ăn mặc lịch sự rồi sẽ tiếp anh cho xứng đáng với phong cách. Nhưng rồi cô chợt nhớ ra rằng, nếu để anh ta ở ngoài cửa cơn mưa nghiêng nghiêng gió rét thấu xương như thế này thì chỉ một lát thôi anh ta sẽ đóng thành băng mất, nên cô ta mời anh bước vào.

"Xin lỗi, tôi ăn mặc không được thơm tấp lả m", cô nói, "Thế nhưng vì tôi đã sống ở Catalonia này trên năm mươi năm, và đây là lần đầu có người lại đến đúng hẹn đến thế".

Cô nói tiếng Catalan rất chuẩn, với sự thu hút khiếm khuyết có phần hơi nệ cổ, mặc dầu người ta vẫn nhận được dư âm của ngôn ngữ Bồ Đào Nha đã lãng quên từ lâu. Dầu tuổi đã cao và những vòng cuốn tóc bằng kim loại trên đầu, cô vẫn còn là một cô gái lai dáng người thon thả, khí thế sinh động, tóc quăn, mắt vàng ánh, loại mắt nhấn tâm, đã đánh mất lòng từ bi hỉ xả đối với đàn ông từ lâu rồi. Chàng nhân viên tiếp thị, hơi bị quáng mắt vì ánh đèn đường, không nói lời bình phẩm nào, chỉ lẳng lặng chùi đế giày vào miếng thảm cỏ và cúi người hôn tay cô.

"Cậu xử sự giống phong cách những người đàn ông thời trẻ của tôi lắm", Maria dos Prazeres nói với tiếng cười nhợt sắc như mưa đá rơi trên khung cửa kính. "Nào, mời cậu ngồi".

Dầu mới vào nghề, nhưng chàng trai cũng khá lanh lợi để biết rằng không nên chờ đợi gì nhiều nơi sự chào đón vội vã vào lúc tám giờ sáng, nhất là nơi một bà già mới thoáng nhìn trông giống một bà điên đã bỏ trốn từ châu Mỹ đến đây. Và vì thế chàng vẫn đứng lại sau khi bước qua cánh cửa có một bước, rồi không biết nói gì, trong khi Maria dos Prazeres vén tấm màn bằng nhung dày nơi cửa sổ qua một bên, ánh sáng tháng tư mong manh chỉ đủ soi rọi vài góc của cái phòng đầy những vật nho nhỏ tỉ mỉ đó, trông giống phòng trưng bày của một nhà buôn đồ cổ hơn là một phòng khách. Đồ đạc trong phòng được sắp sửa để dùng hàng ngày - không quá nhiều cũng không quá ít - và mỗi vật đều có vẻ được đặt đúng vị trí tự nhiên thích hợp nhất, với một cái "gu" thật đúng mực, đến độ thật khó tìm được một căn nhà nào khác được bày trí hoàn hảo hơn, ngay cả một đô thị cổ kính và có nề nếp phong lưu từ xưa như thành phố Barcelona này.

"Xin lỗi", chàng trai nói. "Tôi đã vào nhầm cửa".

"Tôi mong là đúng như thế" bà nói, "Thế nhưng cái chết không bao giờ nhậm đâu".

Trên cái bàn nơi phòng ăn, anh chàng tiếp thị mở rộng một tấm biểu đồ gồm nhiều tấm ghép lại giống một tấm hải đồ, với những khu vực được tô màu khác nhau, được đánh dấu chữ thập và số ở mỗi vùng màu. Maria dos Prazeres thấy đó là một bức sơ đồ tổng thể của nghĩa trang Montjuich rộng lớn và bà hồ i tưởng với nỗi hãi hùng xa xưa vẫn còn ghi đậm dấu ấn trong đầu óc, cái bãi tha ma mộ địa ở Manaus dưới những cơn mưa tháng mười, lúc đàn lợn lòi đào ủi những nấm mồ vô danh cũng như lảng mồ của các tay giang hồ phiêu bạt với các cửa sổ bằng kính màu xứ Florence. Một buổi mai nọ, khi bà còn là một cô bé tí tẹo, lúc dòng sông Amazone vào mùa lũ, trở thành một vùng lầy lội mênh mông, ghê tởm, lúc đó trước sân nhà, cô bé đã thấy những quan tài đổ nát trôi lê nh bênh với những mảnh giẻ rách và những cuộn tóc của các xác chết lòi ra qua các khe nứt của quan tài. Hoài niệm đó là lý do khiến bà chọn nghĩa trang Monjuich trên đồi cao làm nơi an nghỉ cuối cùng, chứ không chịu nằm ở nghĩa trang San Gervasio, tuy gần gũi, có vẻ thân mật hơn, nhưng lại ở chỗ trũng thấp.

"Tôi muốn nơi nào chẳng bao giờ bị ngập lụt", bà nói.

"Vâng, chỗ này đây, thưa bà", chàng tiếp thị nhanh nhẩu chỉ ngay một điểm trên bản đồ với một que chỉ ghép lại được mà chàng mang theo trong túi như một cây bút máy.

"Không có đại dương nào trên hành tinh này có thể dâng lên độ cao đó đâu".

Bà nghiên cứu các ô màu cho đến khi tìm thấy công vào chính và ba ngôi mộ nằm kề cận nhau, giống hệt nhau, không được ghi tên lên mộ chí; ba năm mộ chôn Buena Ventura Durriti, bị giết trong cuộc nội chiến cùng với hai tay thủ lĩnh vô chính phủ khác. Mỗi đêm đều có người lên để viết tên của họ lên các phiến đá trơn trên đầu mộ họ. Viết bằng bút chì, bằng sơn, bằng than, bằng bút chì kẻ lông mày, hay dùng dũa móng tay, và mỗi sáng máy người gác nghĩa trang lại lau sạch đi để không ai biết được người nào nằm dưới các tấm bia đá câm nín, vô danh kia. Maria dos Prazeres đã từng dự đám tang của Durriti, một đám tang buồn nhát và não động chưa từng thấy ở Barcelona và bà muốn yên giấc ngàn thu trong một năm mộ gần năm mộ của ông ấy. Nhưng tiếc rằng chẳng còn phần đất trống nào gần đó nữa và bà phải đành lòng với cái khả hữu mà thôi. "Với điều kiện", bà nói "các người đừng xếp đồ tôi vào một trong những gian năm năm, rồi lại đem đào đổ đi đấy nhé". Rồi nhớ lại điều yêu cầu cốt yếu nhất, bà kết luận "và quan trọng nhất, là tôi phải được chôn năm, nhớ đấy nhé". Vì, đáp lại các đợt khuyến mãi được quảng cáo rầm rộ về các phần mộ được trả tiền trước, trong dân chúng lại có tin đồn rằng các cơ sở mai táng đã thực hiện những vụ chôn đứng để tiết kiệm đất chôn. Với sự chính xác của một diễn giả đã thuộc nằm lòng và đã lặp lại cùng một bài diễn văn đã quá nhiều lần, anh chàng tiếp thị giải thích rằng câu chuyện đó chỉ là một lời dối trá xảo quyệt của các cơ sở mai táng truyền thống để làm giảm giá cái kế hoạch độc đáo về phương thức bán phần mộ trả chậm của cơ sở anh ta, bỗng có ba tiếng gõ khẽ vào cánh cửa làm anh ta ngừng lại, hơi e dè, nhưng Maria dos Prazeres ra hiệu cho anh ta cứ tiếp tục. "Đừng ngại gì cả", bà ta nói với một giọng rất bình thản. "Con Nôi đó mà".

Anh chàng tiệp thị tiệp tục câu chuyện đang bỏ dở và Maria dos Prazeres cảm thấy hài lòng với những lời giải thích của anh ta. Tuy nhiên, trước khi mở cửa tiễn khách, bà cũng muốn tổng kết lại cuối cái ý nghĩ đã chín mùi trong tâm khảm bà, một ý nghĩ đã được nghiên ngẫm đến từng chi tiết sâu kín nhất, qua bao nhiêu năm tháng, kể từ khi xảy ra trận hồng thủy đã đi vào truyền thuyết ở Manaus. "Điều tôi muốn nhấn mạnh", bà nói, "tôi mong mỗi có một chỗ tôi có thể yên tâm nằm trong lòng đất mà không sợ những cơn lũ, và nếu có thể, dưới bóng mát của cây cối vào mùa hè và nơi đó tôi sẽ không bị đào bới lên sau một thời gian để rồi bị vùi ra cùng với rác rưởi".

Bà ta mở cửa chính và một con chó nhỏ ướt sũng nước mưa chạy vào; cái vẻ phóng dãng, thậm hại của nó thật không phù hợp tí nào với căn phòng. Nó trở về nhà sau buổi đi dạo sáng, chạy rong qua các nhà lán giêng và khi chạy vào nhà, nó bỗng thấy hứng chí gây nặng trĩu cả lên. Nó nhảy lên bàn, sủa om sòm như sắp hóa dại và thiếu điều làm hồng tâm bản đồ nghĩa trang với mấy cái móng chân bê bê t bùn của nó. Nhưng chỉ một cái trừng mắt của bà chủ đã đủ để tốp lại cơn rồ dại lếu láo của nó. "Noi!" bà nói mà không cần lên giọng. "Nằm yên nào!"

Con vật thu người lại phía sau, sừng sốt nhìn bà chủ, hai giọt nước mắt chảy dài xuống mũi. Rồi Maria dos Prazeres quay lại nhìn anh chàng tiệp thị và thấy mặt chàng ngơ ngác.

"Ồi chà!" chàng ta kêu lên "Nó lại khóc kìa!"

"Chỉ vì nó bới ròi khi thấy có người lạ đến đây vào giờ này", Maria dos Prazeres xin lỗi bằng giọng nhỏ nhẹ. "Nói chung, khi

bước vào nhà, nó tỏ ra thận trọng hơn người ta. Ngoại trừ anh như tôi đã thấy".

"Nhưng nó lại khóc kìa, chó chết thật!" anh chàng tiếp thị lặp lại, rồi sực nhớ mình vừa mới nói lời thô lỗ, đỏ mặt, lúng túng xin lỗi "Xin lỗi bà, nhưng cháu chưa hề thấy con vật nào như thế, ngay cả trên màn ảnh".

"Ồ, con chó nào cũng làm điều ấy được nếu ta huấn luyện nó", bà nói. "Nhưng thay vì thế, máy người chủ của chúng chỉ dạy cho chúng những thói quen khiến chúng thêm phần khổ sở, chẳng hạn như ăn trong đĩa, ỉa đái có nơi, đúng giờ đúng giấc. Thế mà họ lại không chịu dạy cho chúng những điều tự nhiên khiến chúng thích thú, chẳng hạn khóc hay cười. Mà chúng ta bàn đến đâu rồi nhỉ?"

Họ đã gần đến kết thúc câu chuyện. Maria dos Prazeres cuối cùng đành phải chấp nhận sẽ phải nằm dưới mộ trải qua mùa hè không có những bóng cây che bởi vì phần đất có bóng rợp trong khu mộ địa đã được dành cho các vị chức sắc cao cấp trong chính quyền rồi. Mặt khác, các điều kiện và điều khoản trong hợp đồng cũng không quan trọng lắm, bởi vì bà muốn được hưởng lợi ở phần chiết khấu do chịu trả trước bằng tiền mặt.

Trước khi kết thúc và xếp lại giấy tờ vào cặp, anh chàng đi chào hàng nhìn lại khắp căn phòng với cặp mắt quan sát kỹ hơn và chàng ta rùng mình với cái không khí ma thuật phảng phất nơi vẻ đẹp của nó. Chàng ta nhìn Maria dos Prazeres, e dè, bối rối như khi nhìn bà lần đầu.

"Cháu có được phép hỏi bà một câu hỏi hơi tò mò không?", chàng rụt rè nói.

Bà ta đi với chàng ra đến cửa.

"Được thôi, cháu ạ", bà nói "nhưng nhớ đừng hỏi tuổi tác ta là được".

"Thưa bà, cháu có thói quen đoán việc làm của người khác từ những đồ đạc nơi nhà ở của họ và sự thật là, riêng nơi đây thì cháu lại chịu, không đoán nổi", chàng ta nói.

"Thưa bà, cho phép cháu hỏi bà làm nghề gì?"

Tức cười quá, Maria dos Prazeres trả lời:

"Bà đây là một gái điếm đả y, cháu ạ. Chẳng lẽ trông ta không còn giống được một kiêu nữ giang hồ nữa hay sao?"

Chàng trẻ tuổi đỏ mặt. "Cháu xin lỗi".

"Ta cũng xin lỗi cháu", bà nói, vừa nắm cánh tay chàng để giữ cho chàng khỏi vấp ngã vào cửa. "Cẩn thận nhé! Đừng để vấp ngã mà vỡ đầu trước khi lo cho chu toàn đám tang của ta đả y nhé!"

Vừa đóng cửa lại sau khi tiễn chàng trai, bà quay lại ôm con chó nhỏ, nựng nịu với nó; với chất giọng khá hay, mang âm hưởng Phi châu, bà ca theo những bài hát nhi đồng vọng lại từ trường mẫu giáo kẻ bên. Ba tháng trước đây bà đã nắm mộng thấy mình sắp chết và từ thời điểm đó đến nay, bà càng thấy gần gũi hơn bao giờ hết với đứa con cưng trong nỗi cô đơn của bà. Bà đã tiên liệu đâu đó việc phân phối tài sản của bà sau khi chết cũng như việc ma chay tẩn liệm thi thể của bà với tất cả mọi chi tiết rõ ràng đến

độ, nếu bà có ngã ra chết ngay lúc đó thì cũng không làm ai buồn vì bất cứ chuyện gì nữa. Bà ta nhất quyết nghỉ hưu với một tài sản do chắt chiu tích lũy mà không phải chịu quá nhiều hy sinh cay đắng và bà đã chọn khu phố Gracia, một khu phố rất cổ, yên tĩnh làm chỗ ở cuối đời mình. Bà đã mua lại một căn hộ đồ nát nơi tầng hai với những dẫu đạn lỗ chỗ, vết tích của các trận chiến chẳng có gì vinh quang. Cầu thang gỗ đi lên, tối tăm, ướt át, có chỗ còn thiếu vài bậc thang. Thế nhưng mọi căn phòng đều có người thuê, chẳng còn chỗ nào trống. Maria dos Prazeres cho sửa sang lại buồng tắm và nhà bếp, phủ khắp tường bằng màn vải màu sáng, lắp kính vào các cửa sổ, giăng màn nhung. Rồi bà sắm sửa bàn ghế tử giường loại sang - những đồ vật vừa hữu dụng mà cũng có tính cách trang hoàng và những hòm tơ lụa, đồ thêu mà đám phát xít lấy cắp từ các căn nhà do đám Cộng hòa bỏ lại trong cơn tháo chạy tán loạn. Bao thứ của nả đó bà đã tom góp được trong nhiều năm qua các cuộc mặc cả mua được với giá hời trong các cuộc bán đồ giá bí mật.

Chỉ còn một mối liên hệ duy nhất với quá khứ đó là tình bạn với Bá tước Cardona vẫn tiếp tục đến thăm bà vào ngày thứ sáu cuối mỗi tháng để dùng một bữa cơm thân mật với bà, sau đó vớt vát một quả, nhưng cũng uể oải lắm, chứ chẳng còn sung độ như thời trai trẻ. Nhưng ngay tình bạn thời thanh xuân đó cũng được giữ kín đáo, vì Bá tước đậu xe ở khoảng cách khá xa và đi lên tầng lầu hai nơi bà ở, trong bóng tối mờ, như thể để bảo vệ danh giá cho bà cũng như cho ông. Maria dos Prazeres không biết người nào khác trong cái building đó ngoài mấy người ở căn hộ đối diện với bà, nơi đó một cặp còn rất trẻ với một bé gái chín tuổi đã dọn đến từ lâu. Có vẻ khó tin nhưng thật sự là bà chưa hề gặp người nào khác khi lên xuống cầu thang.

Và tuy thế, việc phân phối di sản của bà để lại chứng tỏ rằng bà vẫn bén rễ sâu hơn bà tưởng vào cái cộng đồng những người Catalan vô tổ chức mà niềm hãnh diện quốc gia được đặt trên đức tính khiêm cung đúng mực. Bà đã di chúc để lại, ngay cả những vật vô nghĩa nhất cho những người gần gũi nhất với trái tim bà, đó là những người ở gần nhà bà nhất. Khi việc phân phối di sản đã được sắp xếp xong xuôi đâu đấy, bà không cảm thấy được yên tâm lắm là mình đã thật công bằng hay chưa, nhưng bà đã tin chắc là mình đã không quên kẻ nào không xứng đáng. Bà đã sửa soạn các phần di sản với sự chính xác nghiêm ngặt đến độ viên trưởng kê ở Calle de Arbot vẫn tự khen mình là người lịch duyệt, đã từng nhìn thấy đủ thứ chuyện trên đời, cũng không tin nổi đôi mắt mình khi ông thấy bà ta đọc cho các viên lục sự, từ trí nhớ bằng ngôn ngữ Catalan trung cổ, bảng danh sách chi tiết những vật sở hữu của bà cùng với tên gọi chính xác của từng món và bảng danh sách đầy đủ những người thụ hưởng với nghề nghiệp và địa chỉ và vị trí của mỗi người trong trái tim bà.

Sau cuộc thăm viếng của người chào hàng, bà trở thành một trong vô số những người khách tham quan nghĩa trang vào ngày chủ nhật. Giống như những người láng giềng mộ địa của mình bà trông các loài hoa nhỏ quanh năm trong các bồn, tưới nước thăm cỏ mới trông và xen tĩa bằng loại kéo xen lông cừu cho đến khi cho trông nó giống thảm cỏ trong vườn tòa thị chính và đã trở nên quá thân thuộc với nơi chốn ấy, khiến cuối cùng bà không hiểu tại sao thoát đâu nơi chốn ấy lại có vẻ âm đạm đối với bà đến vậy.

Lần đầu đến viếng nghĩa trang, tim bà đã nhảy sai một nhịp khi bà thấy ba năm mô vô danh năm gần lối cổng ra vào,

nhưng bà đã không dừng lại nhìn chúng, vì người canh gác luôn trông chừng bà ở khoảng cách chỉ vài bước. Nhưng vào ngày chủ nhật lần thứ ba, bà lợi dụng một lúc bất cẩn thiếu cảnh giác của người gác để hoàn thành một trong các giấc mộng lớn của bà: dùng son môi, bà viết lên tấm bia đá đầu tiên đã bị nước mưa xói mòn: Duriti. Từ lúc đó trở đi, bất cứ lúc nào có thể là bà lại làm điều ấy, đôi khi trên bia mộ, hoặc trên hai hoặc trên cả ba và luôn luôn với một mạch máu căng thẳng và một trái tim xôn xao nổi niềm hoài cảm.

Một ngày chủ nhật nọ, vào cuối tháng chín, bà chứng kiến đám tang lần đầu ở trên đồi. Ba tuần sau đó, vào một buổi chiều lạnh và lộng gió, người ta mang chôn một cô dâu mới trong một ngôi mộ gần phần mộ của bà. Đến cuối năm, bảy phần mộ khác lại có người nằm xuống, nhưng mùa đông ngắn ngủi năm đó qua đi mà không gây ảnh hưởng tới tệ nạn đồi với Maria dos Prazeres cả. Bà chẳng hề thấy khó ở và nhờ thời tiết ấm dần lên và dòng âm thanh rào rạt của sự sống tuôn chảy vào qua những cánh cửa sổ mở rộng, bà càng thấy vững tâm hơn để sống vượt qua những tiên báo kỳ bí từ giấc mộng của bà. Khi trở về thành phố sau mấy tháng nghỉ hè ở vùng cao, Bá tước Cardone lại thấy bà hấp dẫn hơn cả trong thời kỳ hôn nhân rất lạ đời ở tuổi năm mươi của bà.

Sau nhiều lần toan tính bị hỏng, cuối cùng Maria dos Prazeres thành công trong việc khiến con chó Noi đào huyệt mộ cho bà trên ngọn đồi rộng lớn với biết bao nấm mồ giống hệt nhau. Rồi bà dành nhiều công sức và thời gian để dạy nó khóc trên huyệt mộ trống để nó sẽ có thói quen làm như thế sau khi bà đã chết. Bà dắt nó theo rất nhiều lần trong lúc tản bộ từ nhà đến nghĩa trang, chỉ cho nó các điểm mốc để nhận để giúp nó nhớ kỹ tuyến

xe buýt Ramblas cho đến khi bà thấy nó đã đủ khôn khéo để được gọi đến đó một mình.

Vào ngày chủ nhật của các cuộc trải nghiệm lần cuối, lúc ba giờ chiều, bà cởi cái áo vest của nó, phàn vì mùa hạ đã lã lã trong không khí, phàn vì muốn khiến cho nó bớt bị người ta để ý và để nó được thoải mái hơn. Bà thấy nó đi xuống phía có bóng râm của đường phố bằng nước kiệu nhanh, cái mông nhỏ của nó thon gọn dưới cái đuôi ve vẩy hứng chí, và đó là tất cả những gì bà có thể làm để không khóc - khóc cho phận mình, cho con chó, cho bao nhiêu năm cay đắng với những ảo mộng cùng san sẻ - cho đến khi bà thấy nó rẽ qua góc phố ở Calle Mayor và hướng về phía biển. Mười lăm phút sau, bà lên chuyến xe buýt tuyến Ramblas ở công trường Lesseps gần đó, cố gắng dõi nhìn theo nó qua cửa sổ mà vẫn giữ để không bị nhìn thấy, và thực tế bà đã thấy nó, ở xa xa và rất chững chạc trong đám trẻ con ùa ra phố rong chơi trong ngày chủ nhật; nó đang đứng chờ đèn hiệu giao thông để đổi hướng đi ở Paseo de Gracia.

"Chúa ơi", bà thở dài "Trông nó đơn độc quá".

Bà phải đợi nó gần hai giờ dưới ánh nắng gay gắt xứ Montjuich. Bà chào mấy người quen thường đi thăm phàn mộ thân nhân của họ, dẫu hậu như bà cũng không còn nhận ra họ vì đã qua một thời gian khá dài từ khi bà gặp họ lần đầu cho đến bây giờ họ không mặc đồ tang, không còn khóc kể và họ đặt hoa lên các nấm mộ mà không còn nghĩ đến kẻ quá cố nữa. Một lát sau, khi tất cả bọn họ đã rời đi, bà nghe tiếng rúc não nuốt của còi tàu khiến bà y chim biển dáo dác bay và trên mặt biển mênh mông bà thấy dáng một con tàu xuyên đại dương màu trắng mang quốc kỳ Braxin, bà tha thiết mong sao chiếc tàu đó sẽ mang đến cho bà

một bức thư lâm ly từ một tình nhân xa xưa nào đó đã từng vì bà mà chết dẫu mòn trong một nhà tù nào đó ở Pemambuco. Một lát sau năm giờ, đúng mười hai phút trước thời gian biểu, Noi xuất hiện trên ngọn đồi, phờ phạc vì mệt lử với cái nóng thiêu đốt nhưng vẫn có dáng điệu hí hửng của một đứa bé thắng cuộc. Vào lúc đó, Maria dos Prazeres đã vượt qua nỗi hãi hùng với ý nghĩ một mai mình qua đời mà chẳng có kẻ nào khóc bên nấm mồ.

Mùa thu tiếp theo bắt đầu khi bà phát hiện ra những dấu hiệu xúi quẩy mà bà không thể giải đoán, nhưng đã khiến trái tim bà thêm nặng trĩu. Bà lại uống cà phê dưới tán cây hoàng xiêm ở quảng trường Del Reloj, mặc áo khoác với cổ viền bông lông đuôi chồn và cái mũ trang hoàng bằng hoa giả, kiểu cổ, đến nỗi nay nó lại trở thành "mốt" thời trang. Trực giác của bà càng trở nên bén nhạy hơn. Cô gắng tìm hiểu nỗi xao xuyến nơi lòng mình, bà dò xét câu chuyện của các người đàn bà bán chim chóc ở phố Ramblas, chuyện tán dóc của đám đàn ông nơi các quầy sách báo - bọn họ, lần đầu tiên trong hàng bao nhiêu năm, không nói chuyện về bóng đá - về trâm ngâm lặng lẽ của các cựu chiến binh đã tỉnh mộng người hùng đang ngó nghiêng xem các mẫu vụn bánh mì cho đàn bồ câu và mọi nơi bà đều thấy những dấu hiệu không còn nhàm lẫn gì nữa của cái chết đang đến gần. Vào dịp lễ Giáng sinh, đèn màu nhấp nháy được giăng mắc giữa các cành cây hoàng xiêm, âm nhạc và tiếng cười nói vang vang từ các bao lơn và một đám du khách tràn chiếm các quán cà phê vỉa hè, nhưng giữa tất cả không khí hội hè đình đám đó, người ta vẫn cảm thấy được sự căng thẳng bị nén lại giống như những ngày trước khi bọn người vô chính phủ tràn ra chiếm giữ mọi đường phố. Maria dos Prazeres đã sống qua thời đại đam mê cuồng nhiệt đó, đã không thể kiềm chế được nỗi bức dọc và lần đầu tiên bà bị đánh thức dậy sự căm că u

của nỗi sợ hãi. Một đêm nọ, bên ngoài cửa sổ nhà bà, má y tên mật vụ đã bắn sát thương một sinh viên đã dám nguệch ngoạc dòng chữ "Xứ sở Catalunya độc lập muôn năm!".

"Lạy Chúa" bà tự nhủ thẳm, lòng đầ y kinh sợ "hình như mọi sự đầ u cùng chắ t với mình".

Xưa kia bà đã chỉ một lâ n biế t đế n nỗi xao xuyế n tương tự khi còn là một cô bé con ở Manaus, vào lúc trước rạng sáng khi bao âm thanh trong đêm bỗng chặ t dừng sữ ng lại, lặ ng như tờ, dòng nước như ngừng trôi, thời gian chặ t ngại ngừng và rừng thẳ m Amazone chìm đắ m trong tịch mịch khôn cùng, như niề m cô tịch của nỗi chắ t quạnh hiu. Giữa lúc lòng bà căng thẳng cực độ thì vào ngày thứ sáu cuối cùng của tháng tư, như thường lệ, Bá tướ c Cardona đế n thăm bà và dùng bữa ăn nhẹ buổi tô i.

Cuộc thăm viế ng trở nên một nghi lễ. Vị Bá tướ c rấ t đúng giờ giấ c đó sẽ đế n giữa khoảng bảy đế n chín giờ tô i, mang theo một chai sâm banh nội địa, đượ c bọc trong giấ y để bớt gây chú ý, và một hộp nắ m sắ y. Maria dos Parazeres nắ u món mì cannelloni và món gà hằ m nắ m với nước cô t trái cây - những món mỹ vị từ những ngày tháng yên vui hạnh phúc của các gia đình quyề n tìm cổ kính xứ Catalonia - và một liễn đượ ng đầ y trái cây trong mùa. Trong khi bà nắ u nướ ng, Bá tướ c ngô ì nghe các tuyến tập opéra của Ý qua máy hát, ghi lại những cuộc diễn tâ u lịch sử của các nghệ sĩ lừng danh thuở xưa, và nhắ m nháp từng ngụm nhỏ rượu poóctô cho đế n lúc nghe hế t má y đĩa hát.

Sau bữa ăn tô i và chuyện phiế m, họ tĩnh tại làm tình với nhau, từ hoài niệm nhiề u hơn là từ thực tại; điề u đó để lại cho cả hai một dư vị của tai họa. Trước khi ra về , lúc nào cũng cảm thắ y bắ t

an khi gần đến nửa đêm, Bá tước đặt hai mươi lăm pesettas dưới cái gạt tàn thuốc trong phòng ngủ. Đó là giá của Maria dos Prazeres khi lần đầu chàng gặp nàng tại một khách sạn quá cảnh ở Paraledo, và đó là tất cả những gì mà lớp rỉ sét của thời gian còn để lại nguyên vẹn.

Không ai trong hai người đã từng bao giờ tự hỏi xem tình bạn của họ được xây dựng trên cơ sở nào. Maria dos Prazeres nợ ông vài ân huệ nhỏ. Ông đã cho bà vài lời khuyên hữu ích về việc quản lý phần tiền tiết kiệm của mình, đã chỉ cho bà biết giá trị thật sự của các thánh tích bà mua được và giữ gìn chúng như thế nào để không ai phát hiện được rằng chúng là những cửa gian do phường trộm cắp đem bán. Nhưng trên hết, ông là người đã chỉ cho bà con đường hướng đến tuổi già đoan trang ở khu phố Gracia, khi họ tâm tình với nhau trong nhà chứa về chuyện bà nên sống ở đâu trong những ngày tàn cuộc đời khi đã trở nên quá cổ lỗ sĩ đối với cái "gu" tình dục tân tiến, lúc bọn chủ chứa muốn gửi bà vào căn nhà dành cho các quý bà điếm về hưu để dạy dỗ các cậu trai mới lớn các "nam nữ phòng trung bí thuật" với giá hời chỉ năm pesetas một suất. Bà đã kể với Bá tước chuyện bà cụ thân mẫu quý hóa của bà đã bán bà tại cảng Manaus khi bà mới mười bốn tuổi và gã thủy thủ đầu tiên của chiếc tàu Thổ Nhĩ Kỳ đã tận dụng không thương tiếc trong suốt cuộc hải hành xuyên Đại Tây Dương rồi vất cô đi, không một đồng xu dính túi, tiếng nước ngoài nửa chữ bẻ đôi không biết, nửa mảnh giấy tờ tùy thân cũng không, trong chốn bùn nhơ nhập nhòa ánh đèn xanh đỏ lò mờ của các nhà thổ ở Paraledo. Cả hai người, giữa một ả giang hồ lưu lạc xứ người và một vị Bá tước quyền quý, đều ý thức được rằng thật khó tìm được điểm tương đồng nhỏ nhoi nào giữa hai người khiến họ càng thấy không lúc nào cô đơn hơn là lúc họ ở gần nhau, nhưng

không ai trong hai người dám làm hỏng những thú vui của thói quen. Thật là một bi kịch có tầm cỡ quốc gia đại sự đối với họ khi cả hai cùng lúc nhận ra rằng sao mà họ đã thù ghét nhau biết bao với biết bao dục vọng đã thấm trong bao nhiêu năm dài đến thế.

Đó là một cơn hỏa hoạn bất ngờ mang lại nhiều tai họa lớn. Bá tước Cardona đang nghe bản song ca tình tứ trong nhạc kịch *La Bohème* do Lucia Alanese và Beniamino Gigli trình diễn, khi tình cờ ông nghe mục tin tức báo chí qua làn sóng điện phát thanh mà Maria dos Prazeres đang vặn nghe ở nhà bếp. Ông nhón chân lắng tai nghe. Ngài Đại Tướng Francisco Franco, nhà lãnh tụ muôn năm cai trị đất nước Tây Ban Nha, đã nhận trách nhiệm quyết định số phận của ba phần tử ly khai người Basque vừa mới bị tuyên án tử hình. Bá tước thở một hơi dài nhẹ nhõm.

"Như thế thì chúng sẽ bị bắn, không chạy đâu cho thoát", ông nói "bởi vì nhà Lãnh đạo Anh minh là một con người chính trực".

Maria dos Prazeres nhìn trừng trừng ông ta với đôi mắt rực lửa của một con mãng xà vương và nhìn thấy đôi đồng tử lơ mơ thiếu sinh khí sau cặp kính gọng vàng, những chiếc răng thiếu, đôi bàn tay lai tạp của một con thú quen kẻm chế và bóng tối. Nhìn thấy ông ta như chính bản lai diện mục của ông.

"À, tốt hơn là anh nên căm thù nguyện cho ông ta đừng làm chuyện đó", bà nói, "bởi vì nếu họ chỉ xử bắn đầu chỉ một trong mấy người kia, tôi sẽ đánh thuốc độc vào bát xúp của anh".

Bá tước sửng sốt đến lặng người.

"Sao bà lại làm điều đó?"

"Vì ta đây là một gái điếm nhưng cũng chính trực chẳng kém gì cái lão Lãnh đạo Anh minh của nhà ngươi!"

Bá tước Cardona từ đó cạch mặt bà, chẳng bao giờ còn quay lại nữa và Maria dos Prazeres tin rằng chu kỳ cuối của cuộc đời mình đã đến hồi viễn tuông. Thực tế, chỉ trước đây chốc lát, bà còn cảm thấy nổi giận khi có người nào đó nhường chỗ trên xe buýt cho bà, hoặc tìm cách giúp bà băng qua đường, hoặc dìu tay bà đi lên cầu thang, nhưng giờ đây bà chẳng những cho phép những việc làm đó mà còn thêm muốn chúng như một sự tất yếu đáng ghét. Đó là lúc bà đặt mua một bia mộ dành cho kẻ vô chính phủ, bia mộ không khắc tên hay ngày tháng năm sinh và chết, và bà bắt đầu ngủ mà không khóa cửa để con Noi có thể ra ngoài khắp báo cái chết của bà lỡ may bà có chết trong lúc ngủ.

Một chủ nhật nọ, lúc bà từ nghĩa trang về nhà, bà gặp cô bé gái ở căn hộ bên kia sân trong. Bà đi cùng với cô bé qua nhiều dãy phố, nói chuyện huyền thuyên cùng cô bé với vẻ đoan trang của một bà ngoại khả ái trong khi bà nhìn thấy cô bé và con chó Noi chơi đùa với nhau như đôi bạn thân thiết. Tại Quảng trường Kim Cương, đúng theo phương án đã hoạch định trước, bà ngỏ lời mua kem cho cô bé. Rồi bà hỏi bé "Cháu có thích chó không?"

"Cháu yêu chúng lắm", bé trả lời.

Lúc đó Maria dos Prazeres đưa ra đề án mà bà đã chuẩn bị kỹ càng từ lâu. "Nếu có chuyện chẳng lành xảy đến cho bà, bà muốn cháu đây hãy giữ lấy con Noi", bà bảo. "Với điều kiện là cháu để nó đi đâu tùy thích vào các ngày Chủ nhật và đừng nghĩ gì về chuyện đó. Con Noi nó biết phải làm gì".

Cô bé sướng mê đi. Và Maria dos Prazeres trở về nhà với niềm vui đã sống một giấc mộng chín muồi bao năm tháng trong lòng bà. Nhưng không phải vì sự chán nản của tuổi già hay cái chết đến muộn mà giấc mộng chưa được thực hiện. Cũng không phải do quyết định của bà. Cuộc sống đã làm điều đó cho bà vào một chiều buổi giá tháng mười một khi một cơn bão bất ngờ cuối tới lúc bà vừa rời nghĩa trang đi ra. Bà đã viết tên ba nhân vật vô chính phủ lên ba bia mộ và đang đi về phía trạm xe buýt khi một cơn mưa như trút nước làm bà ướt sũng. Bà chỉ còn thời gian để tìm chỗ ở cổng vào một khu phố hoang vắng đường như thuộc về một thành phố khác với các nhà kho hoang phế và các xưởng máy bụi bặm, các xe tải khổng lồ đang gầm rú khiến cho tiếng ồn ào của mưa bão càng trở nên khủng khiếp hơn. Trong lúc cô sượt ấm cho con chó bị ướt bằng cách ôm chặt nó vào người, Maria dos Prazeres thấy một chiếc xe buýt đầy nghẹt người chạy qua, những chiếc xe tải vắng khách vẫn trưng cờ lên, nhưng không một ai để ý đến dấu hiệu cầu cứu của bà. Đến khi mà phép lạ tưởng chừng không thể nào xảy ra thì một chiếc xe nhà đồ sộ, êm ru, màu thép xám chạy qua con phố ngập nước, dừng đột ngột ở ngã tư rồi quay lùi ngược lại chỗ bà đang đứng. Cửa sổ xe hạ xuống như bởi phép thuật của người tài xế mời bà quá giang.

"Tôi đi xa lắm đây", Maria dos Prazeres thành thật nói. "Tuy vậy, nếu anh cho tôi quá giang được đoạn nào cũng quý và tôi cũng biết ơn nhiều"

"Cho tôi biết bà cần đi đến đâu", người tài xế ân cần hỏi.

"Đến tận Gracia cơ", bà nói

Cửa xe mở ra mà anh ta không động tay đến.

"Chỗ đó trên đường tôi đi mà", anh ta nói "bà vào đi".

Bên trong xe có mùi thuốc tây ướp lạnh và khi bà ngồi vào trong xe, ngoài trời màn mưa trở nên mờ ảo, cảnh sắc thành phố thực, thành phố đổi sắc màu và bà cảm thấy mình như lạc vào một thế giới hạnh phúc kỳ lạ, nơi đó mọi chuyện đều được sắp đặt trước thời gian. Người tài xế lái xe len lỏi qua đám xe cộ lưu thông lộn xộn với hoạt tính ma thuật. Maria dos Prazeres cảm thấy bị đe dọa không bởi chỉ nỗi khôn khổ của mình mà còn bởi nỗi khôn khổ của con chó nhỏ tội nghiệp đang nằm ngủ co ro trong lòng bà.

"Đây đúng là một chiếc taxi xuyên đại dương", bà nói, bởi vì bà cảm thấy cần nên nói đôi lời hợp cảnh để phá tan bớt sự im lặng lạnh lẽo. "Tôi chưa bao giờ thấy được chiếc xe nhà nào lại đồ sộ như thế này, ngay cả năm mơ cũng không thấy được".

"Thật thế à, có điều đáng tiếc là chiếc xe này không phải của tôi", anh ta nói bằng một thứ tiếng Catalane rất vụng về, và sau một lúc ngừng lời, anh ta tiếp thêm bằng tiếng Castilian, "Tôi có làm cả đời cũng không mua nổi chiếc xe này".

"Vâng, tôi cũng thấy vậy", bà thờ dãi.

Bằng khoe mắt, bà quan sát chàng ta nhờ vào ánh sáng xanh mờ của táp lô xe và bà ta thấy chàng ta còn là một cậu thiếu niên với tóc xoắn ngắn và nét nghiêng của một tượng đồng La Mã. Bà nghĩ cậu ta không đẹp trai lắm nhưng có cái duyên riêng mà cái áo jacket bằng da tuy rẻ tiền và sờn rách lại khiến cho cậu ta có cái nét đẹp lãng tử bụi đời trông hay hay và bà mẹ cậu ta hẳn cảm phải thấy hạnh phúc khi nghe tiếng chân cậu trở về nhà. Chỉ có đôi

bàn tay hơi thô của người lao động làm cho người ta tin rằng cậu ta không phải là chủ chiếc xe.

Họ không nói với nhau gì thêm trong đoạn đường còn lại, nhưng Maria dos Prazeres cũng có cảm giác là cậu ta quan sát bà nhiều lần từ khoe mắt và lại một lần nữa bà lại hỏi tiếc tại sao đã không:

"Mỹ nhân tự cổ như danh tướng

Bắt hứa nhân gian kiến bạch đầu"

Mà còn ráng sống làm chi đến quá cái tuổi "thập thập cổ lai hi" để cho một chàng trai đáng yêu như thế đi nhìn ngắm cái dung nhan tàn tạ sắp sửa đi diện kiến tử thần của mình. Bà đang đau khổ khi cảm thấy mình xấu xí, thậm hại với cái khăn quàng của bà nội trợ phủ trên đầu để che mưa và cái áo khoác mùa thu thậm hại mà bà đã không nghĩ đến chuyện phải thay cái khác bởi thời gian gần đây bà chỉ nghĩ mãi về cái chết.

Khi họ đến khu phố Gracia, trời bắt đầu sáng sửa trở lại, đêm đã xuống, phố đã lên đèn. Maria dos Prazeres bảo người tài xế cho bà xuống xe ở ngã tư trước mặt, nhưng cậu ta ân cần muốn đưa bà đến tận cửa nhà bà, chẳng những thế, cậu ta còn cho xe leo lên lên đường để bà có thể ra khỏi xe là bước ngay vào nhà khỏi sợ bị ướt. Bà buông con chó ra, định thần, thu lực để bước ra khỏi xe sao cho có vẻ vững vàng, phong thái ung dung và khi bà quay lại để ngỏ lời cảm ơn, bà bắt gặp một ánh mắt nhìn trừng trừng của con đực khiến bà nín thở. Bà đón chịu tia nhìn đó một hồi lâu, không hiểu lắm ai đang chờ đợi cái gì từ ai, và rồi cậu ta hỏi với giọng quả quyết: "Tôi cùng lên được chứ?"

Maria dos Prazeres cảm thấy bị xúc phạm. "Ta rất biết ơn cậu đã tử tế cho ta quá giang đến tận nhà", bà nói "nhưng ta không cho phép cậu đưa ta đâu nhé".

"Tôi không có lý do gì để đưa bất kỳ ai", cậu ta nói rất nghiêm trang "Nhất là đối với phụ nữ như bà".

Maria dos Prazeres đã từng biết nhiều tay nam nhi như cậu ta, đã cứu vớt nhiều kẻ còn có vẻ gan dạ, tự tin hơn cậu ta, khỏi tìm đến cái chết, nhưng chưa bao giờ trong suốt cuộc đời dài dặc của mình, bà lại e sợ phải quyết định đến thế. Bà nghe cậu lặp lại mà không hề đổi giọng chút nào. "Tôi cũng lên được chứ?"

Bà bỏ đi, không đóng cửa xe lại, và trả lời bằng tiếng Castilian để cho chắc ăn là cậu ta hiểu được "Hãy làm bất cứ cái gì cậu muốn".

Bà bước vào phòng khách chung, lờ mờ trong ánh sáng nghiêng nghiêng của đèn đường dội vào, và bắt đầu leo lên bậc đầu tiên của cầu thang gỗ ọp ẹp với hai đầu gỗ i run run, đầy xúc động với nỗi sợ có lẽ chỉ giống với nỗi sợ khi giáp mặt tử thần. Khi bà dừng lại bên ngoài cửa phòng ở tầng hai, run rẩy, bô i rôi lục tìm chùm chìa khóa, bà nghe hai cánh cửa xe đóng lại, từng cái một, vang lên từ đường phố. Noi, đi trước bà, định lên tiếng sửa. "Suyt, im nào", bà ra lệnh như một lời thì thầm trong cơn há p hoi. Rồi bà nghe tiếng chân bước lên cầu thang và e rằng trái tim mình sẽ vỡ tung ra. Trong một phần giây đồng hồ, bà tái phoi kiểm thông suốt trong đầu về giấc mộng linh cảm đã thay đổi đời bà trong ba năm qua, bà nhận ra mình đã giải thích sai giấc mộng đó.

"Lạy chúa!" bà kinh ngạc tự nhủ. "Hóa ra không phải là điềm báo của tử thần".

Cuối cùng, bà tìm được chìa khóa, lắng nghe những bước chân đều đặn trong bóng tối, lắng nghe tiếng thở lớn dần của người nào đó tiến lên gần trong bóng tối và hình như cũng với sự kinh ngạc hôì hộp giống như bà, lúc đó bà biết rằng thật đáng công chờ đợi trong bao nhiêu năm, thật đáng công chịu đựng trong bóng tối âm thầm, để được sống cái khoảnh khắc phù du bỗng hóa thành thiên thu vĩnh cửu đó.

Tháng năm 1979

MƯỜI BẢY NGƯỜI ANH BỊ NGỘ ĐỘC

Điều đầu tiên phu nhân Prudencia Linero nhận thấy khi bà đến cảng Naples là nó cũng có mùi giống như cảng Riohacha. Bà không nói điều đó với bất kỳ ai, bởi vì sẽ không ai hiểu, trên con tàu viễn dương già cỗi đó tràn ngập những người Ý từ Buenos Aires đang quay về nơi chôn nhau cắt rốn của họ, lần đầu tiên kể từ lúc chiến tranh nổ ra; nhưng dấu sao ở tuổi bảy mươi hai và ở một khoảng cách mười tám ngày trên biển khơi, xa quê hương, xa tổ ấm, có nhiều người bạn đồng hành kề bên, bà cũng cảm thấy đỡ hiu quạnh hơn, bớt lo sợ và bờ ngỡ nơi xứ lạ.

Ánh sáng phát ra từ đất liền đã được nhìn thấy rõ hơn từ lúc rạng sáng. Hành khách dậy sớm hơn thường lệ, mặc quần áo mới, trái tim họ nặng trĩu những lo âu mơ hồ các nỗi bất trắc khi đặt chân lên bờ, đến nỗi ngày Chủ nhật cuối cùng trên tàu có vẻ là ngày duy nhất đúng nghĩa ngày Chủ nhật trong suốt cuộc hải hành. Phu nhân Prudencia Linero là một trong số rất ít người đã dự lễ Misa. Tương phản với quần áo bà mặc hôm trước, khi bà đi quanh con tàu trong bộ quần áo giống như tang phục, hôm nay bà mặc một áo chùng bằng vải thô màu nâu thối lại bằng sợi dây thánh Francis và mang đôi sandals bằng da thô chỉ khác với đôi giày của một người hành hương ở chỗ quá mới. Đó là cách thanh toán ứng trước. Bà đã khấn nguyện cùng Chúa rằng, bà sẽ mặc bộ đồ chùng dài suốt phần đời còn lại nếu Người ban phước cho bà thực hiện được một chuyến hành hương đến La Mã để được diện

kiến Đức Thánh Cha và giờ đây, bà đã coi như lời cầu nguyện xin ban ơn phước đó đã được Chúa đoái thương. Khi thánh lễ Misa đã cử hành xong, bà thả một ngọn nến dâng Đức Chúa Thánh Thần để tỏ lòng biết ơn đã tiếp thêm hùng tâm dũng chí cho bà, giúp bà chịu đựng và vượt qua được những cơn bão tố nơi vùng biển Caribê và bà đọc một bài kinh cầu cho mỗi đứa trong tất cả chín người con và mười bốn người cháu, cả bọn vào đúng lúc đó, đang nằm mơ về bà trong một đêm lộng gió ở Riohacha.

Khi bà đi lên boong tàu sau bữa điểm tâm, cuộc sống trên tàu đã thay đổi. Hành lý đã được xếp vào phòng khiêu vũ cùng với mọi thứ đồ lưu niệm linh tinh mà đám người Ý đã mua tại các chợ âm phủ ở vùng Antiles và ở cái bar nơi phòng khách chung của tàu có một con khỉ mặt xanh mua từ Pemambuco đang bị nhốt trong một lồng sắt. Hôm đó là một buổi bán mai rục rỡ của ngày đầu tháng tám. Một trong những ngày Chủ nhật mùa hè tiêu biểu thời hậu chiến, khi ánh sáng ban mai đến như một thường lệ mỗi ngày và con tàu đồ sộ chạy tới chậm chạp với hơi thở nặng nhọc của một phê nhân, băng qua làn nước tĩnh lặng trong suốt. Pháo đài của các vị Quận Công xứ Anjou vừa mới lơ mơ hiện ra ở chân trời, nhưng đám hành khách đã lên boong nghĩ rằng họ đã nhận ra được những nơi chốn thân thuộc, họ chỉ chờ những địa danh ấy đầu chưa hẳn đã nhìn thấy rõ chúng, la hét vui mừng bằng các thổ ngữ miền Nam Ý của họ. Điều đáng ngạc nhiên cho phu nhân Prudencia Linero, người đã từng kết bạn với rất nhiều người trên tàu, đã từng trông con họ các cặp vợ chồng ra nhảy, đã từng khâu cúc áo cho các vị sĩ quan chỉ huy, lúc bấy giờ lại thấy tất cả mọi người như có vẻ xa cách và thay đổi thái độ với bà. Tinh thần cộng đồng và hơi ấm tình người đã giúp bà sống vượt qua được nỗi nhớ nhà trong cái nóng ngột ngạt của các vùng xích đạo, giờ đây dường như

đã tan biế n. Những tình cảm gắ n bó lúc còn giữa biển khơi chấ m dứt khi nhìn thấ y đấ t liề n. Phu nhân Prudencia Linero, chưa quen với bản tính liế n thoắ ng lém lỉnh của dân Ý, đã nghĩ rằ ng vấ n đề` không nằ m nơi con tim của người khác mà trong chính tim bà, bởi vì chỉ có riêng mình bà đi giữa đám đông đang trở về quê nhà của họ. Mọi chuyế n hải hành hẳn phải giồ ng như thế` này, bà nghĩ, và lâ n đầ u tiên trong đời bà chịu nỗi đau nhọn sắ c làm một người khách lạ nơi viễn phương trong lúc bà tựa người vào lan can tàu và nhìn ngắ m những di tích của biế t bao thế` giới suy tàn đã chìm sâu trong làn nước đại dương. Bỗng nhiên, một cô gái rấ t xinh đẹp đứng cạnh bà, làm cho bà giật bắ n người sửng số t với tiế ng hét kinh hoàng: "Ô`i mẹ ơi !" cô ta rú lên, chỉ tay xuố ng làn nước bên dưới. "Nhìn kia kìa".

Đó là một người đàn ông chề t đườ i. Phu nhân Prudencia Lenero thấ y người đó trôi dạt lập lò , mặt ngườ lên, một người đàn ông trán hói, ít có nét đặc trưng tự nhiên, ngoài đôi mắ t mở to, ánh vẻ vui mang màu trời lúc rạng đông. Ông ta còn mặc nguyên bộ đồ` veste kiểu dạ phục, giày da thuộc bóng láng, một đóa hoa dành dành trên ve áo . Tay phải ông ta còn ôm chặt một hộp vuông nhỏ được gói kỹ trong giấ y gói quà và các ngón tay nhọt nhạt xám xịt của ông, bắ u chặt vào mũi tàu chỗ mớ n nước, đó là chỗ duy nhấ t ông ta tìm được để bắ u vúi vào lúc chề t.

"Chắ c ông ta bị rơi xuố ng khi dự đám cưới", một trong các sĩ quan trên tàu nói. "Điề u đó cũng thường xảy ra trong vùng nước này vào mùa hè".

Đó là một khái tượ ng chồ c lát thôi, bởi vì ngay lúc đó tàu đi vào trong vịnh và những đề` tài khác, ít thắ m đắ m hơn đã xua đi sự lưu ý của các hành khách đườ i với nạn nhân xấ u số . Nhưng phu nhân

Prudencia Linero vẫn còn mãi nghĩ về người đàn ông chết đuối tội nghiệp kia, với cái áo jacket đuôi dài bập bềnh gợn sóng theo đường rẽ nước của con tàu.

Ngay khúc con tàu đi vào cảng, một chiếc thuyền hoa tiêu cổ lỗ chạy đến dắt mũi con tàu đi luôn lách tránh vô số các xác tàu chiến bị đánh đắm trong thời chiến tranh. Làn nước biển thành dàu khi con tàu đi qua các xác tàu đắm rỉ sét và cái nóng trở nên dữ dội hơn cả ở Richacha vào lúc hai giờ chiều. Phía bên kia của con kênh hẹp, thành phố sáng chói chang dưới ánh mặt trời lúc mười một giờ trưa, hiện ra trong tầm mắt với những dinh thự như trong mộng ảo và những căn nhà tồi tàn cổ lỗ chen chúc nhau trên đồi. Chính lúc đó, một mùi hôi thối không chịu được bốc lên từ khoang tàu bị khuấy động mà phu nhân Prudencia Linero nhận ra từ khu vườn nhà bà, giống như mùi của mục rữa.

Trong lúc cuộc thao diễn xảy ra, đám hành khách vui mừng hơn hờ khi nhận ra người thân của họ trong đám đông xô bồ nơi cầu tàu. Đa số trong bọn họ là các bà sồn sồn với các bộ ngực sáng loáng ánh nắng như bị ngạt thở trong các bộ tang phục, quây quẩn quanh bởi đám đàn bà trẻ xinh đẹp và đông đảo nhất thế giới và những ông chồng nhỏ con, cùn cùn, những con người muôn thuở đọc báo bên cạnh vợ và ăn mặc giống các vị chường kẻ nghiêm nghị lạnh lùng bất kể đến cái nóng như thiêu ngoài trời.

Giữa đám hội xô bồ đó, một lão già mặc áo khoác hành khất và nét mặt bi thương cực độ, dốc túi thả ra một đàn gà con mới nở nhỏ xíu bằng cả hai tay. Trong thoáng chốc, đàn gà con chạy tràn lan khắp cầu tàu, chiu chít kêu hoảng loạn, và chỉ vì chúng là những sinh vật ma thuật nên nhiều con vẫn còn sống và tiếp tục chạy lảng quẳng sau khi bị đám đông dẫm đạp lên, chẳng thềm để ý

đến phép lạ. Lão phù thủy đặt ngựa cái mũ lên nên đã t nhưng chẳng có ai đoán hoài ném cho lão lấy một đồng xu teng bó thí.

Bị cuốn hút bởi cảnh tượng kỳ lạ, có vẻ như được trình diễn để chào đón bà, bởi vì chỉ mỗi mình bà để mắt đến nó, phu nhân Prudencia Linero đã không chú ý lúc càu thang trên tàu hạ xuống và một dòng thác người ùa lên với cái đà xô đẩy la hét như một lũ hải tặc đang tấn công. Bị lóa mắt trước sự bộc lộ niềm vui một cách hoang dã và mùi hành tỏi oi nồng bốc ra từ đám đông hỗn độn trong ánh nắng hè, bị xô đẩy thô bạo bởi đám phu khuân vác đến tranh giành vác hành lý, bà cảm thấy bị đe dọa bởi cái chết chẳng vẻ vang gì, giống như đám gà con bị dẫm đạp trên càu tàu. Bà bèn ngò i xuống trên chiếc ván gỗ của mình với các nếp góc bằ ng thiế c sơn, tinh tâm kiên định càu kính để chố ng lại trước cám dỗ và hiểm họa nơi vùng đất của bọn người tà đạo. Người sĩ quan chỉ huy gặp bà khi tai biế n đã qua đi và bà là người duy nhấ t còn lại nơi phòng khiêu vũ trồ ng tron.

"Không ai còn được ở lại đây lúc này nữa", viên sĩ quan nói với bà, có vẻ thân thiện. "Tôi có thể giúp cho bà không?"

"Tôi phải đợi ông Lãnh Sự" bà nói.

Đúng thế. Hai ngày trước khi bà lên tàu, người con trai cả của bà đã gửi một bức điện tín cho người bạn làm lãnh sự ở Naples, nhờ anh ta đến đón mẹ mình ở cảng và giúp bà hoàn thành các thủ tục để tiếp tục hành trình tới Rome. Anh ta đã mô tả kỹ cho người bạn biế t tên của con tàu, thời điểm tàu đến và bảo rằ ng bạn sẽ dễ dàng nhận ra mẹ mình vì bà sẽ mặc bộ trang phục của thánh Francis khi bà đặt chân lên bờ. Bà đã theo sát những sắ p xế p đó, nên viên sĩ quan chỉ huy cho phép bà ngò i chờ thêm một lát nữa, dằ u sắ p

sửa đến giờ ăn trưa của thủy thủ đoàn và họ đã xếp các ghế lên mặt bàn đã dội nước chà rửa sàn tàu. Họ đã phải xếp dịch cái vali gỗ của bà để khỏi làm ướt nó, song bà chỉ đổi chỗ chứ không thay đổi sắc mặt, không ngừng lời câu kinh cho đến lúc họ dời bà ra khỏi phòng giải trí và cho bà ngồi giữa trời nắng chang chang giữa các thuyền cứu sinh. Cũng chính tại nơi đó, viên sĩ quan chỉ huy gặp lại bà khoảng trước hai giờ chiều một tí, mồ hôi đầm đìa trong bộ đồ sấm hời của bà, vừa lặn tròng hạt vừa tụng kinh mà không còn hy vọng chờ đợi gì nữa, bởi vì bà đã kinh hoảng và buồn bã nhưng chẳng còn biết làm gì khác hơn để khỏi bật khóc.

"Bà có tiếp tục câu nguyện nữa thì cũng vô ích thôi", viên sĩ quan nói xẵng giọng, không còn vẻ thân thiện nữa. "Ngay cả Chúa Trời cũng nghỉ xả hơi vào tháng tám hằng năm".

Ông ta giải thích rằng vào thời điểm này trong năm, một nửa nước Ý đổ xô ra các bãi biển, nhất là các ngày Chủ nhật. Phần ông Lãnh Sự, chắc là ông ta không bỏ đi tắm biển, vì bản tính ông ta là người có trách nhiệm, nhưng chắc chắn là ông ta cũng không mở cửa văn phòng lãnh sự cho đến ngày thứ hai. Điều hợp lý nhất bây giờ là đến một khách sạn, ngủ một giấc cho khỏe khoắn, để hôm sau dậy gọi điện thoại cho tòa Lãnh Sự, muốn tìm số thì kiếm trong cuốn niên giám điện thoại ở khách sạn. Phu nhân Prudencia Linero không còn sự chọn lựa nào khác hơn là chấp nhận lời khuyên của ông ta và viên sĩ quan giúp bà tiến hành các thủ tục nhập cư và hải quan, đổi tiền, rồi đưa bà vào xe taxi và dặn người tài xế đưa bà đến một khách sạn đứng đắn.

Chiếc taxi cổ lỗ, còn nhiều dấu vết chứng tỏ nguyên là một chiếc xe nhà táng, đi vào những đường phố vắng vẻ. Có lúc phu nhân Prudencia Linero đã nghĩ bà và người tài xế là những sinh vật

duy nhấ t trong một thành phố ma treo lủng lẳng từ các dây phơi quầ n áo phấ t phơi ngay giữa đường phố , nhưng bà cũng nghĩ rằ ng một người nói nhiề u như gã tài xế này và lại nói một cách say sưa hăng hái đế n thế , có lẽ sẽ không có thời gian để làm hại một bà già cô độc khô n khổ đã dám liề u mình qua bao nguy hiểm của biển khơi sóng gió để được gặp mặt Đức Thánh Cha.

Ở cuô i mê cung các đường phố chắ ng chịt bà thấ y lại biển. Chiế c taxi tiế p tục lượn theo một bãi biển rực nắ ng vắ ng người, nơi có nhiề u khách sạn nhỏ sơn màu sáng. Chiế c xe không dừng lại nơi các khách sạn đó, nhưng hướng thẳng đế n một nơi ít lòe loẹt nhấ t nằ m ở trong công viên với các cây cọ tán rộng và các băng ghề sơn xanh lá cây. Người tài xế đặt chiế c hòm gỗ lên phía lê ù đường rợp bóng và khi thấ y vẻ lưỡng lự của phu nhân Prudencin Linero, anh ta nói với bà yên tâm rằ ng đây là khách sạn đứng đắ n nhấ t ở Naples.

Một người khuôn vác đẹp trai, dễ mê n đưa chiế c vali lên vai và phục vụ cho bà. Anh đắ t bà vào thang máy và bắ t đầ u hát vang một khúc aria của Puccini. Đó là một tòa building khang trang với hai dãy, mỗi dãy chín tâ ng, được tân trang lịch sự. Bỗng chớ c, như trong một thứ ảo giác, phu nhân Prudencia Linero cảm thấ y bà ở trong một lò ng gà đi lên chầ m chậ m, bắ t gặp những cái liế c mắ t của những người ở trong phòng của họ với những lo lắ ng riêng tư, với những bộ đồ ló t sồn rách và cả những tiế ng ợ chua của họ. Đế n tâ ng ba, chiế c thang máy khựng lại, lúc đó người khuôn vác ngừng hát, mở cánh cửa trượt cú i đầ u chào lịch sự và chỉ cho phu nhân Prudencia Linero biế t là bà đã ở nơi phòng mình.

Trong phòng khách chung, bà thấ y một cậu thiế u niên uể oải ngồ i sau một quầ y gỗ với những bô n kính màu và cây cảnh trong

các chậu đồng. Bà thấy triệu mệnh cậu ta ngay, vì cậu ta cũng có mái tóc xoắn xòa dài giống như cháu nội trai của bà. Bà thích cái tên gọi của khách sạn khác vào tấm bảng đồng, bà thích mùi acid carbonic, bà thích các cây dương xỉ treo, vẻ yên tĩnh, những đóa hoa huệ vàng tươi trên giá y dán tường. Rồi bà ra khỏi thang máy, lòng bà chùng hẳn xuống. Một nhóm du khách người Anh mặc đồ sọc, mang giày tất biển, đang ngủ lơ mơ trên một dãy ghế nệm. Bọn họ gồm mười bảy người, ngồi theo một thứ tự đối xứng nhau, trông giống như một người được phản chiếu nhiều lần trong phòng kính. Phu nhân Prudencia Linero nhìn họ qua một cái liếc mắt mà không phân biệt được ai với ai và bà chỉ thấy một dãy những cái đầu gỗ màu hồng giống những cái đầu lợn treo trên móc nơi các hàng thịt. Bà không bước tiếp tới quầy mà hốt hoảng thụt lùi lại vào trong thang máy.

"Đi đến tầng khác đi" bà nói

"Nhưng đây là tầng duy nhất có phòng ăn, thưa bà" người khuân vác đáp.

"Chẳng thành vấn đề đâu" bà nói.

Người khuân vác phác một cử chỉ chiểu ý, đóng cửa thang máy, tiếp tục hát phần còn lại của bài ca vừa bỏ dở cho đến khi lên tới tầng năm khách sạn. Ở đây mọi chuyện có vẻ ít nghiêm nhặt hơn, chủ nhân là một bà đáng còn xuân sắc, nói tiếng Tây Ban Nha lưu loát và không có ai nệm ngủ trưa trong các ghế nệm nơi phòng khách chung. Đúng là không có phòng ăn, nhưng khách sạn đã dàn xếp với một nhà hàng gần đó phục vụ khách hàng với giá giảm. Thế là phu nhân Prudencia Linero quyết định ở lại đó, một phần vì bị thuyết phục bởi sự hùng biện và vẻ ân cần khả ái của chủ

nhân cũng như được nhẹ lo là sẽ không có người Anh nào với các đầu gối hông hào năm ngủ ở phòng khách chung.

Vào lúc 3 giờ chiều, các bức màn trong phòng được buông xuống để che ánh nắng gay gắt, và bóng râm đó gìn giữ cho vẻ yên lặng dịu mát của một khu rừng nhỏ ẩn mình - một nơi chốn lý tưởng để tha hồ than khóc. Khi vừa còn lại một mình, phu nhân Prudencia Linero khóa chặt cửa phòng, làm vệ sinh cá nhân cho người thư thái, rồi thả người lên chiếc giường đôi quá rộng khiến bà thấy cô đơn trống trải lạ thường và để cho dòng nước mắt từ lâu kìm giữ được tự do tuôn trào.

Không những đây là lần đầu tiên bà rời Richacha mà còn là một trong những khoảng thời gian hiếm hoi bà rời nhà mình sau khi các con lập gia đình, dọn ở riêng, bà ở lại nhà một mình với hai người đàn bà da đỏ chân đất để chăm sóc cho cái thân xác không còn linh hồn của chồng bà. Nửa cuộc đời bà đã đi qua trong căn phòng ngủ đó để đối diện với người duy nhất trên đời mà bà yêu thương; người chồng gần ba mươi năm thêm thiệp trong cơn mê, nằm trên tấm nệm da dê của chiếc giường ái ân thời thanh xuân của hai người.

Tháng mười năm trước, trong một lóe chớp sáng suốt bất thần, người bệnh mở mắt, nhận ra người thân trong gia đình và bảo kiếm cho ông một người thợ chụp hình. Họ chạy đến công viên kêu ông thợ già với chiếc máy ảnh phủ vải choàng đen đặt trên các chân chống khổng lồ và những tấm magnesium để chụp hình trong nhà. Đích thân người bệnh sắp xếp phân phối các tấm hình. "Một bức ảnh dành cho Prudencia Linero, cho tình yêu và hạnh phúc nàng đã ban cho ta trong đời", ông nói. Bức ảnh được chụp với đèn flash magnesium đầu tiên. "Bây giờ hai tấm khác

dành cho các con gái yêu của ta, Prudencia và Natalia", ông bảo. Ảnh được chụp xong. "Hai tấm khác cho các con trai ta, với tình cảm và phán đoán sáng suốt, xứng đáng là tấm gương tốt của gia đình". Và cứ thế tiếp tục cho đến khi người thợ chụp ảnh hết cả phim phải chạy về nhà lấy thêm. Đến bốn giờ chiều, khi khói của magnesium và đám đông ồn ào của thân bản ngày quyên thuộc đổ xô đến nhận hình làm cho không khí trong phòng ngủ trở nên ngột ngạt khó thở, người bệnh bất đầu bất tỉnh trên giường và đưa tay chào vĩnh biệt mọi người giống như đang tự xóa mình khỏi thế giới loài người từ trên bao lơn của con tàu đang bất đầu chuyển hải hành vào vô tận xa khơi...

Cái chết của ông không phải cất đi gánh nặng cho người góa phụ như mọi người đã hi vọng như vậy. Trái lại, bà càng thêm bi thương sâu não khiến con cháu phải tụ họp lại để hỏi xem họ có thể làm gì cho bà với bớt buồn khổ và bà trả lời rằng, bà chỉ muốn một chuyến hành hương đến La Mã để gặp Đức Giáo Hoàng.

"Ta sẽ đi một mình và sẽ mặc hộ trang phục của Thánh Francis", bà bảo đám con cháu. "Ta đã có lời nguyện".

Sự mãn nguyện duy nhất còn lại từ bao năm tháng canh thức cho người bệnh chỉ còn là khóc cho thỏa thuê. Trên tàu, khi bà phải ở chung với hai bà xơ dòng Clanssine chỉ lên bờ khi tàu cập bến Marseilles, bà đã muốn lách vào trong phòng tắm để khóc không có ai thấy. Do đó, căn buồng khách sạn ở Naples là nơi duy nhất thích hợp mà bà đã tìm thấy, kể từ lúc rời Richacha, để khóc cho thỏa lòng. Và có lẽ bà đã khóc ròng rã cho đến ngày hôm sau, khi chuyển xe lửa rời sân ga Naples để đến Rome, nếu bà chủ nhà trọ không gõ cửa phòng bà vào lúc bảy giờ tối để báo cho bà biết, nếu

bà không đến nhà ăn ngay lúc đó thì bà sẽ không còn gì nữa để ăn tối.

Người khuôn vác đi kèm theo bà. Một cơn gió lạnh đã bắt đầu thổi từ biển vào, trên bãi biển dưới ánh mặt trời nhạt nhẽo lúc bảy giờ tối vẫn còn lác đác vài người tắm. Phu nhân Prudencia Linero đi theo người khuôn vác dọc theo các con phố hẹp, ngoài ngõ vừa thức dậy từ giấc ngủ trưa và đến một cây lớn có tàn lá rợp, quanh đó đặt nhiều bàn phủ khăn ô đỏ và bình cắm hoa giấy. Vào giờ đó những người ăn tối đồng thời với bà chỉ là mấy người tiếp viên nam nữ và một linh mục rất nghèo đang ăn bánh mì với hành ở một cái bàn đằng xa. Khi bà bước vào, bà cảm thấy dường như cặp mắt của mọi người chăm chú vào bộ trang phục nâu sồng của bà, nhưng điều đó không làm bà nao núng vì bà biết rằng vẻ lơ đãng kỳ cục là một phần trong sự hành xác để hỏi lỗi của bà. Cô tiếp viên, trái lại khiến bà thấy thương hại bởi vì cô ấy tóc vàng, xinh đẹp và có giọng nói thánh thót như tiếng hát, phu nhân Prudencia Linero nghĩ rằng mọi việc hẳn là rất tồi tệ ở nước Ý hậu chiến nếu một cô gái như thế lại phải đi làm hậu bàn. Nhưng bà lại cảm thấy thoải mái dưới cành cây đang nở hoa, và mùi thơm của món thịt hầm với các loại phương thảo từ nhà bếp bốc lên, đánh thức cơn đói đã bị trì hoãn vì những lo âu trong ngày. Lần đầu tiên, trong khoảng thời gian dài, bà không thấy thêm khóc.

Và tuy thế bà vẫn không thể ăn thoải mái như bà đã ao ước, một phần vì khó giao tiếp với cô tiếp viên tóc vàng đầu cô ấy tử tế và kiên nhẫn, một phần vì chỉ có món chim nhỏ, loại chim hót mà ở Richacha người ta chăm chút nuôi trong lồng, là món ăn có sẵn ở đây. Ông linh mục ngồi ăn ở một góc, sau đó làm thông dịch cho bà,

cô gắng giải thích cho bà rằng tình trạng tai ương do chiến tranh gây nên chưa chấm dứt ở Châu Âu, và sự kiện có vài con chim, dẫu bé xíu, để nháp nháp phải được xem như một phép lạ. Nhưng bà đẩy món đó ra xa.

"Đôi với tôi", bà nói, "điều đó giống như ăn thịt con mình".

Và thế là bà phải đành dùng tạm món xúp vermicelli, một đĩa khoai nghiền với trứng đã ôi, với bánh mì răn như đá. Khi bà đang ăn, một linh mục tiến đến gần bàn bà và yêu cầu bà, vì lòng từ thiện, hãy mua cho ông một cốc cà phê, rồi ông sẽ xuống ngồi cùng bàn với bà. Ông ta từ xứ Nam Tư xa xôi, đã đi truyền giáo tận Bolivia, và nói một thứ tiếng Tây Ban Nha rất sôi nổi, diễn cảm nhưng vô cùng bết bát. Dưới mắt nhìn của phu nhân Prudencia Linero, ông ta có vẻ một con người bình thường chẳng có dấu tích gì được Chúa đoái thương đặc biệt, và bà để ý thấy ông ta có những bàn tay thô kệch với các móng tay gãy, bẩn thỉu, hơi thở nồng mùi hành tỏi. Nhưng dẫu sao thì ông ta cũng đang phục vụ Chúa, và đồng thời cũng là một thú vui, khi ở xa nhà đến thế, mà có thể gặp được người tán chuyện để đỡ cảm thấy cô đơn.

Họ nói chuyện thoải mái, quên đi tiếng ồn ào bát nháo bắt đầu vang lên quanh họ vì đám thực khách lục tục kéo đến các bàn bên cạnh. Phu nhân Prudencia Linero luôn luôn mang một định kiến về xứ Ý: Bà không thích nó. Không phải vì người dân xứ đó không được sạch sẽ lắm - điều này người ta đã nói nhiều - cũng không phải vì họ ăn thịt chim, chấp chuyện đó e rằng cũng hơi quá đáng, nhưng bởi vì họ có thói quen để mặc người bị chết đuối trôi bập bềnh dưới nước.

Ông linh mục đã kêu thêm một chùm nho để bà phải chi tiêng cùng với cốc cà phê, cố gắng cho bà thấy sự nông cạn trong ý kiến của bà. Vì trong thời chiến, họ đã tổ chức cứu hộ, nhận dạng và chôn cất tử tế nhiều nạn nhân chết trôi dạt dờ trong vịnh Naples.

"Từ bao thế kỷ trước", ông linh mục kết luận "người Ý đã học được chân lý là chỉ có một cuộc đời để sống và họ đã cố sống sao cho trọn vẹn cuộc đời mình. Điều này khiến họ trở thành hay tính toán và nhiều lời, nhưng đồng thời cũng chữa họ khỏi tính tàn nhẫn".

"Nhưng mà họ cũng chẳng thềm dừng tàu lại", bà nói.

"Điều họ đã làm là báo cho nhà thức trách của cảng biết", ông linh mục giải thích. "Giờ đây có lẽ những người có trách nhiệm đã vớt cái tử thi ấy lên và chôn cất tử tế, nhân danh Thượng Đế".

Cuộc tranh luận đã làm cả hai thay đổi tâm trạng. Phu nhân Prudencia Linero đã dùng bữa xong và chỉ lúc đó bà mới nhận thấy rằng mọi cái bàn đều đã có người ngồi. Ở các bàn kế cận, những du khách gần như khóa thân, yên lặng ngồi ăn, trong số đó có mấy cặp không ăn mà ngồi hôn nhau. Ở các bàn phía sau, gần quầy, một đám người tụ tập chơi xúc xắc và uống một loại rượu không màu. Phu nhân Prudencia Linero hiểu rằng bà chỉ có một lý do duy nhất để có mặt ở xứ sở vô vị này.

"Ông có nghĩ là khó gặp mặt Đức Giáo Hoàng lắm không?", bà hỏi.

Ông linh mục trả lời rằng không có gì dễ dàng hơn chuyện đó, vào mùa hè, Đức Giáo Hoàng nghỉ ngơi ở Castel Gandolfo và vào

chiều thứ tư hàng tuần, Người gặp mặt đám đông các người hành hương từ khắp mọi nơi trên thế giới về đây. Tiễn vào cửa rất rẻ: hai mươi lia thôi.

"Và Người lấy bao nhiêu để nghe một môn đồ xưng tội?" bà hỏi.

"Đức Thánh Cha không nghe xưng tội", ông linh mục nói, có vẻ như bị cú sốc. "trừ trường hợp xưng tội của các vị vua, hẳn nhiên thế".

"Tôi không hiểu vì sao Người lại khước từ ân huệ đó đối với một người đàn bà bất hạnh từ một chốn rất xa xôi đến cầu xin với Người", bà nói.

"Ngay cả nhiều vị vua cũng còn phải chờ đợi cho đến chết mà vẫn chưa được ân sủng đó", ông linh mục đáp. "Nhưng này, bà cho tôi biết đi: Tội của bà chắc là phải ghê ghớm lắm, khiến bà phải một thân lặn lội từ xa xôi để đến xưng tội cùng Đức Thánh Cha".

Phu nhân Prudencia Linero suy nghĩ một lát, và lần đầu tiên ông linh mục thấy nụ cười trên khuôn mặt bà.

"Lạy mẹ Maria!" bà nói "Con sẽ mãn nguyện nếu chỉ thấy mặt Người thôi cũng đủ". Và bà tiếp lời. với một tiếng thở dài có vẻ như thoát ra từ sâu thẳm linh hồn. "Đó là giấc mộng của cả đời con".

Sự thực là bà vẫn còn cảm thấy kinh sợ và buồn bã, và chỉ còn muốn rời quán ăn này, cũng như rời xa nước Ý, không chậm trễ. Ông linh mục có lẽ nghĩ rằng đã đạt được tất cả những gì có thể moi móc được từ người đàn bà dễ bị lừa bịp này và thế là ông ta nói

lời chúc may mắn cho bà, tềsch sang bàn khác để yêu cầu các quý vị khách mới đến, vì lòng từ tâm, mua cho ông ta một cốc cà phê.

Khi ra khỏi quán, phu nhân Prudencia Linero thấy một thành phố đã thay đổi. Bà ngạc nhiên bởi ánh nắng mặt trời vào lúc chín giờ tối và hoảng sợ với đám đông la hét ủa ra các đường phố để xả hơi trong cơn gió mát buổi tối. Tia lửa phụt ra đằng sau của bao nhiêu chiếc vespa làm cho đời sống thành ngọt ngào. Đám đàn ông hở áo phanh ngực lái xe đèo các bà vợ xinh đẹp đằng sau ôm sát hông như sam đĩnh, chạy đi hoặc đỗ lại, vẫy tay ríu rít lúc vào, lúc ra, giữa những con lợn quay treo lủng lẳng và những cái bàn bày đầy dưa hấu.

Đó là không khí ngày hội, nhưng lại có vẻ là một tai họa đối với phu nhân Prudencia Linero. Bà lạc đường và bỗng đứng thấy mình lạc lõng giữa một đường phố bất hạnh với những người đàn bà làm lì ngòi ở lối cửa ra vào của những căn nhà giống hết nhau, những căn nhà với đèn đỏ chói mắt làm bà rùng mình sợ hãi. Một người đàn ông ăn mặc chải chuốt mang một chiếc nhẫn vàng to tướng và dính viên kim cương nơi cà vạt đi theo bà qua mấy dãy phố, nói với bà cái gì đó bằng tiếng Ý, rồi bằng tiếng Anh, bằng cả tiếng Pháp. Khi không được trả lời ông ta trưng ra cho bà xem một tấm bưu thiếp từ một cái hộp ông rút ra trong túi áo và chỉ một cái liếc nhìn bà đủ cảm thấy rằng bà đang đi ngang qua địa ngục.

Bà rảo bước trong lúc bà sợ hãi người và đến cuối phố, bà thấy lại biển trong ánh hoàng hôn và mùi cá ươn giống như ở cảng Rinhacha, lúc đó tim bà mới trở về đúng vị trí cũ. Bà nhận ra các khách sạn sơn đủ màu dọc theo bãi biển vắng người, mấy chiếc taxi kiểu xe nhà táng, về lấp lánh như kim cương của vì sao

đầu tiên chiếu sáng trên bầu trời bao la. Tận đường xa tít phía cuối vịnh, đơn độc và sừng sững gần cầu cảng, đèn sáng choang trên boong, bà nhận ra con tàu đã đưa bà đến đây và nhận thức cho rằng nó chẳng còn liên hệ gì đến cuộc đời của bà nữa. Bà quẹo trái ở góc phố, nhưng không thể tiếp tục bước tới được nữa vì một đám đông đang bị đẩy lùi bởi một tổp lính kỵ binh. Một dãy xe cứu thương đỗ lại chờ, mở sẵn cửa, bên ngoài khách sạn bà đang trọ.

Đứng nhón gót và dỗi mắt nhìn qua vai đám người đang hiêu kỳ đứng xem, phu nhân Linero thấy một tổp du khách người Anh. Bọn họ được khiêng ra cảng, từng người một, và tất cả đều bất động, thẳng đơ, trông lại càng giống một người được sao chụp lại nhiều lần, trong bộ đồ nghiêm chỉnh hơn mà họ mặc để ngò ì ăn xúp: quần nỉ, cà vạt sọc vuông góc, áo jacket sẫm với áo khoác ngoài truyền thống của ngôi trường lừng danh Trinity College, với huy hiệu thêu trên túi áo. Khi họ được mang ra, những người lảng giêng đứng nhìn từ ban công, đám đông bị cản lại trên đường phố đông lên tiếng đếm số họ như thể trong sân vận động. Có mười bảy người cả thảy. Họ được đặt vào xe cứu thương từng cặp và được đưa đi trong tiếng còi hú khẩn cấp.

Choáng váng trước bao sự kiện đột biến, phu nhân Prudencia Linero bước vội vào trong thang máy đầy nghẹt người, nói những ngôn ngữ xa lạ bí hiểm. Ở mỗi tầng đều có người bước ra, trừ tầng ba được mở cửa và bật đèn sáng nhưng không có ai ở quày hay nằm trên ghế nơi phòng khách, chỗ bà đã thấy những đầu gối hông hào của mười bảy người Anh nằm ngủ. Người chủ ở tầng năm bình luận về tai biến vừa rồi với sự hứng thú không che giấu được.

"Bọn họ nghèo hết rồi", bà ta nói với phu nhân Prudencia Linero bằng tiếng Tây Ban Nha. "Bọn họ bị ngộ độc vì ăn món xúp sò huyết. Bà thử tưởng tượng xem, món sò huyết vào tháng tám!"

Bà ta trao chìa khóa phòng cho bà rồi bỏ lơ bà để quay qua ba hoa với những người khác bằng thổ ngữ. "Nhờ tầng này không có phòng ăn nên mọi người đi ngủ một giấc, lúc thức dậy vẫn thấy mình còn sống nhăn!". Với dòng nước mắt ghen trong cổ họng, phu nhân Prudencia Linero khóa chặt cửa phòng. Sau đó bà đẩy cái bàn viết, cái ghế nệm và cái vali gỗ chấn ngang cửa vào để tạo một rào cản không thể vượt qua, chôn lại sự khủng khiếp của một xứ sở có quá nhiều chuyện kinh dị xảy ra cùng lúc đến thế. Rồi bà mặc chiếc áo ngủ góa phụ vào, nệm xuống giường, đọc lầm nhảm mười bảy bài kinh cầu siêu cho linh hồn của mười bảy người Anh bị ngộ độc được yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng.

Tháng tư 1980.

TRAMONTANA, CƠN GIÓ CHUỐNG LẠ KỲ

Tôi thấy cậu ta chỉ một lần ở Boccacio, một câu lạc bộ bình dân ở Barcelona, vài giờ trước cái chết khốn khổ của cậu ta. Lúc đó là hai giờ sáng, cậu ta đang bị một đám trai trẻ Thụy Điển toan tính chèo kéo cậu ta cùng đi để tận hưởng buổi party ở Cadaqués. Có mười một chàng trai Thụy Điển và thật khó phân biệt giữa người này với người kia, vì tất cả bọn họ, đàn ông và đàn bà, trông đều giống nhau: xinh đẹp với hông thon và tóc dài vàng tươi. Cậu ta không lớn hơn hai mươi tuổi. Đầu cậu ta phủ đầy tóc quăn đen xanh mượt, cậu ta có làn da mịn màng, vàng nhạt của dân Caribê đã được mẹ họ dạy bảo phải đi trong bóng mát và đôi mắt Ả Rập đủ khiến cho các cô gái Thụy Điển phải mê điên lên và có lẽ cả một số các chàng trai nữa. Bọn họ đặt cậu ta lên cái xà ngang, giống như hình nhân của một người nói tiếng bụng và đang ru cậu ta với những bài dân ca theo nhịp vỗ tay, bởi vì bọn họ đang cố khuyến dụ cậu ta cùng đi vào cuộc vui. Hoảng hốt, cậu ta cố giải thích lý do tại sao mình không thể đi được. Có người can thiệp vào, la lên là bọn kia nên để cho cậu ta yên và một trong các chàng trai Thụy Điển, tiếng nói như bị tắt đi vì cười, sừng sộ với người kia.

"Hắn là của chúng tôi", chàng trai đó la lên. "Chúng tôi đã lượm được hắn từ giỏ rác ra đây".

Tôi bước vào đúng một thời gian ngắn trước đó với một nhóm bạn, sau khi dự cuộc hòa nhạc cuối cùng của David Oistrakh trong Cung âm nhạc, và tôi nổi da gà với tính khinh mạn của đám thanh

niên Thụy Điển. Bởi vì lý do của cậu thiêu niên nọ có tính cách thiêng liêng. Cậu ta đã sống ở Canaques nơi cậu ta đã được thuê để hát những bài ca vùng Antilles ở một quán rượu thời thượng, cho đến mùa hè năm trước, khi ngọn gió phương bắc đã làm cậu ta ngã gục. Cậu ta tìm cách chạy trốn vào ngày hôm sau và nhất quyết không bao giờ trở lại, dù ngọn gió phương bắc quái ác đó còn hay không và tin chắc rằng nếu có lúc nào cậu ta trở lại, cái chết sẽ đợi cậu. Đó là một xác tín của người vùng Caribe, khó mà hiểu được với nhóm người duy lý, đang bóc lên bởi mùa hè và rượu Catalan rất nặng của thời đó; men rượu bóc lên trong nắng hè thường gieo vào lòng người những ý tưởng cuồng phóng.

Tôi hiểu chàng trai hơn bất kỳ ai khác. Cadaques là một trong những thành phố đẹp nhất dọc theo bờ biển Costa Brava và là một trong những thành phố cổ được trang trọng giữ gìn nét dáng đẹp xưa của nó nhất. Điều này một phần là do bởi con đường đến đó rất hẹp, quanh co uốn lượn bên bờ vực sâu không đáy và người ta cần có thân kinh thép lái xe hơn năm mươi kilômét một giờ trên con đường giữa những vách đá cheo leo đó. Các căn nhà cổ thường quét vôi trắng và thấp theo lối kiến trúc cổ truyền của những làng đánh cá ven bờ Địa Trung Hải. Các nhà mới được xây dựng bởi các kiến trúc sư danh tiếng muốn tôn trọng sự hài hòa nguyên sơ. Vào mùa hè, khi cái nóng thiêu người chừng như ủa đến từ sa mạc Phi Châu, đổ lên các đường phố, Cadaques trở nên một thứ tháp Babel địa ngục, nơi đó, trong ba tháng các du khách từ mọi góc ngách của Châu Âu đến giành giật với dân bản xứ và với những người ngoại quốc khác đã may mắn mua được một căn nhà với giá rẻ khi điểu đó còn có thể, để kiểm soát thiên đường. Nhưng vào mùa xuân và mùa thu, lúc Cadaques trở nên hấp dẫn nhất thì không ai có thể thoát khỏi ý nghĩ kinh hoàng về gió phương bắc

(tramontana), một thứ gió lục địa dai dẳng, khắ c nghiệt, mang theo mầ m mô ng của sự điên rồ , theo lời dân bản xứ và một số nhà văn đã từng trải qua bài học kinh nghiệm đó.

Cho đế n khi ngọn gió phương Bắ c tràn lên, phủ lên đời chúng tôi khoảng mười lăm năm trước, tôi từng là một trong những du khách trung thành nhấ t của thành phố đó. Một ngày chủ nhật nọ vào giờ ngủ trưa, với linh cảm không giải thích đượ c về một điề u gì đó sắ p xảy ra, tôi cảm nhận đượ c cơn gió trước khi nó đế n. Thầ n trí tôi bỗng rụng rời tuộ t xuô ng, hụt hẫng, tôi cảm thấ y lòng buồ n vô cớ và tôi có á n tượng là hai đứa con tôi, lúc đó đế u còn kém mười tuổi, đang trờng trờng những ánh mắ t thù nghịch theo dõi tôi khắ p căn nhà. Không lâu sau đó, người gác dan đế n nơi với một hộp đồ` nghề` và dây đi biển để giữ chặt các cửa cái, cửa sổ và ông ta không hề ngạc nhiên khi thấ y về u sầ u nản chí nơi tôi.

"Cơn gió phương bắ c sắ p thổi đế n rồ i đầ y", ông nói. "Độ chừng non tiế ng nữa thôi".

Ông đã già rầ t già, nguyên là thủy thủ vẫn giữ cái áo jacket đi mưa của dân thủy thủ, mũ bê rê, ngậm píp, và làn da đã tắ m đủ thứ nước mặn trên khắ p mặt địa câ u. Trong những giờ rỗi rảnh ông chơi lăn bóng chì ở quảng trường với các cụu chiế n binh từ bao cuộc chiế n trước đây và uố ng rượu mình với các du khách trong các quán rượu dọc bờ biển. Với thứ tiế ng Catalan của một chàng pháo thủ, ông có biệt tài làm mọi người hiểu mình qua bất kỳ ngôn ngữ nào. Ông tự hào đã đặt chân lên khắ p các hải cảng trên hành tinh, nhưng lại chưa từng biế t đế n các đô thị lớn trong lục địa. "Ngay cả kinh đô hoa lệ của nước Pháp, vô n lừng danh đế n thề kia", hình

như ông từng nói thế. Vì ông không tin vào bất kỳ phương tiện vận chuyển nào mà không giương lên cánh buồm.

Trong ít năm gần đây khi tuổi già đã trở thành gánh nặng khe khắt, ông ít khi ra phố nữa. Đa số thời gian, ông ở trong phòng dành cho người gác đàn, sống thui thủi một mình. Ông tự nấu nướng thức ăn trong cái ca nhôm đặt trên đèn cồn nhưng đó là tất cả cái mà ông cần để khiến chúng tôi thích thú với các món khoai khẩu của một nghệ thuật bếp núc bậc thầy. Vào lúc rạng đông, ông bắt đầu một ngày bận việc chăm sóc các người thuê phòng, từ căn nhà này đến căn khác, ông là một trong những người dễ sống gần nhất mà tôi chưa từng gặp, với lòng độ lượng tự nguyện và tâm lòng dịu dàng được thể hiện qua vẻ cộc cằn bên ngoài của người Catalan. Ông rất ít nói, nhưng cách nói của ông trực tiếp và đi thẳng vào điểm chính. Khi không có việc gì khác để làm, ông ngồi hàng giờ để đi vào các bảng dự đoán kết quả các trận bóng đá nhưng chỉ thỉnh thoảng mới rời đi.

Ngày đó, trong khi cột chặt lại các cánh cửa lớn và cửa sổ để dự phòng tai biến, ông nói với chúng tôi về ngọn gió phương bắc như một người đàn bà đáng ghét nhưng nếu không có người đàn bà đó, đời sống ông sẽ mất đi ý nghĩa. Điều làm tôi ngạc nhiên là một thủy thủ lại tôn vinh một ngọn gió lục địa đến thế.

"Đây là một trong những làn gió cũ", ông nói.

Ông tạo cho ta ấn tượng là năm của ông không phải được chia thành ngày và tháng, nhưng thành những khoảng thời gian mà ngọn gió bắc thổi qua. "Năm rồi, khoảng ba ngày sau khi làn gió bắc thứ nhì thổi qua, tôi bị cơn bệnh viêm thành ruột kết hành hạ đau muốn chết", có lẽ điều này giải thích

niềm tin của ông là người ta bị già đi mấy tuổi sau mỗi lần ngọn gió phương bắc độ địa kia thổi qua. Âm ảnh đó nơi ông thật ghê gớm, khiến ông truyên sang chúng tôi nỗi khát khao muốn thể nghiệm điều đó chừng như cơn gió kia là người khách viễn phương mà định mệnh đã an bài sẽ cuốn hút ta theo.

Chúng tôi chẳng phải đợi chờ lâu, ngay vừa khi ông già rời đi chúng tôi nghe tiếng huýt gió dần dần trở nên sắc cạnh hơn, mãnh liệt hơn, rồi bùng nổ thành tiếng sấm sét của một trận động đất. Rồi cơn gió bắt đầu. Đầu tiên là những cơn gió giật liên hồi, càng lúc càng dồn dập hơn cho đến khi một trong những cơn gió giật đó dừng lại, bất động, và vẫn vũ không ngừng nghỉ với uy lực và sự bạo tàn dường như siêu nhiên. Ngược lại với tập quán vùng Caribê, căn nhà chúng tôi ở xứ này lại đối diện với núi có lẽ do ý thích kỳ quặc của những người Catalan nệ cổ, họ yêu biển nhưng không thích nhìn vào biển. Và do đó mà ngọn gió thổi đập trên đầu chúng tôi, đe dọa bứt tung đi xa những sợi dây ràng các cửa sổ.

Điều lạ lùng nhất là trong lúc đó thời tiết trời vẫn đẹp vô song với nắng vàng tươi rực rỡ và bầu trời trong vắt không một vẩn mây. Đến nỗi tôi quyết định dẫn đám trẻ ra ngoài phố để đi ngắm biển. Dù sao thì bọn trẻ cũng đã từng lớn lên giữa những trận động đất ở Mexico và những cơn cuồng phong vùng Caribê và như thế, thêm hay bớt một cơn gió chẳng phải là điều đáng bận tâm nhiều.

Chúng tôi nhón gót đi ngang qua phòng gác dan, thấy ông già ngồi trước đĩa đậu và xúc xích, nhìn cơn gió quay cuồng bên ngoài qua cửa sổ. Ông không thấy chúng tôi ra ngoài.

Chúng tôi tìm cách đi men theo phía chắ n gió của căn nhà, nhưng khi chúng tôi đi đé n chỗ góc trố ng trái, chúng tôi phải bám vào một trụ đèn để không bị cơn gió mạnh cuố n đi. Tại đó, chúng tôi đứng lại, nhìn ngắ m say mê mặt đại dương bất động, trong xanh, yên lành, giữa cơn đại biế n, cho đé n khi ông già cùng vài người láng giề ng đé n tiế p cứu chúng tôi. Cuố i cùng, chúng tôi nghĩ rằ ng cách hành động hợp lý duy nhấ t là ở yên trong nhà cho đé n khi Chúa muố n khác đi. Và không ai có đượ c ý niệm dầ u mong manh nhấ t, khi nào điề u á y xảy ra.

Đé n lúc cuố i của hai ngày liề n, chúng tôi có cảm tưở ng cơn gió đáng sợ kia không phải là một hiện tưở ng tự nhiên mà là một cuộc đố i đầ u cá nhân của một kẻ nào đó nhắ m đé n chúng tôi và chỉ chúng tôi thôi. Ông già gác đàn đi thăm chúng tôi nhiề u lâ n trong ngày, quan tâm đé n trạng thái tinh thầ n của chúng tôi, ông mang đé n trái cây đang mùa và kẹo bánh cho trẻ con. Vào buổi ăn trưa, ông đái chúng tôi món thỏ và ô c, món tuyệt phẩm của nghệ thuật nấ u nướ ng xứ Catalan mà ông đã nấ u trong cái hộp thiế c làm bê p của ông. Thật là một bữa tiệc giữa cảnh tưở ng kinh khủng của đấ t trời.

Vào thứ tư, khi chẳng có gì xảy ra ngoài cơn gió quay cuố ng, là ngày dài nhấ t trong đời tôi. Nhưng hẳn là một điề u gì đó giố ng như bóng tồ i trước bình minh vì sau nửa đêm, tá t cả chúng tôi đé u thức dậy cùng lúc, bị tràn ngập bởi sự tĩnh lặng tuyệt đố i, một sự im lặng đáng sợ của nỗi ché t không rời vây quanh. Không một chiế c lá nào trên cành cây lay động. Chúng tôi bước ra đường phồ trước khi phòng trực lên đèn, say mê ngắ m nhìn bầ u trời trước lúc bình minh với tá t cả những vì sao đang lấ p lánh và biển chấ p chóa ánh lân tinh. Mặc dầ u chưa đé n năm giờ sáng, nhiề u du

khách đã ùa ra bãi biển lờm chờm đá để đón mừng một ngày đẹp trời sau mấy hôm bị giam hãm co ro trong nhà vì cơn cuồng phong, và các thuyền buồm lại được trang bị để lướt sóng sau ba ngày ẩn náu tránh phong ba.

Khi chúng tôi ra ngoài, chúng tôi đã không để ý đến sự kiện là phòng trực vẫn tối om. Nhưng khi chúng tôi trở về nhà, không khí cũng lấp lánh ánh lân tinh như mặt biển và căn phòng vẫn còn chìm trong bóng tối. Tôi thấy điều đó hơi kỳ quặc, tôi gõ cửa hai lần. Không có tiếng trả lời, tôi đẩy cửa vào. Tôi tin rằng mấy đứa trẻ đã thấy ông già trước tôi và chúng la lên kinh hoàng. Ông già, với huy hiệu thủy thủ xuất sắc đính trên ve áo jacket kiểu thủy thủ, bị treo cổ lên xà ngang, vẫn còn đu đưa trong cơn giạt cuối cùng của ngọn gió phương bắc.

Giữa kỳ nghỉ, chúng tôi bỗng nôn nao niềm hoài hương dự tưởng và quyết tâm bất khả vãn hồi sẽ không bao giờ trở lại, chúng tôi đã rời xa nơi chốn đó sớm hơn dự định. Các du khách đã trở về các đường phố, âm nhạc nổi lên ở quảng trường nơi các cựu chiến binh đã bị xuống tinh thần quá mức không còn lăn nổi các hòn bi chì cho chúng cụng vào nhau. Qua những cửa sổ mờ bụi của quán rượu Đại Dương, chúng tôi bắt gặp những cái nháy mắt chào hỏi của bạn bè sống sót và đang bắt đầu cuộc đời trở lại trong mùa xuân rạng rỡ. Giờ đây mọi chuyện đó đã thuộc về quá khứ.

Đó là lý do tại sao, trong những giờ buồm tênh trước buổi rạng đông ở Boccaccio, không ai hiểu rõ hơn tôi nỗi kinh hoàng của một người nào đó đang từ khước việc trở về Cadaqués vì tin rằng về đó mình sẽ chết. Nhưng không có cách nào khuyên giải đám thanh niên Thụy Điển đang kéo lê chàng thanh niên kia đi theo họ, với ý

định người Âu châu cưỡng bách chữa trị cho cậu bé thiê u niên nọ thoát khỏi niê m mê tín kiểu Phi châu của mình. Trước sự cổ vũ ồn ào bằ ng vỗ tay và la hét của một đám đông bát nháo, bọn họ vừa đẩy vừa đạp cậu bé vào một chiếc xe tải nhỏ lúc nhúc một đám người say bí tí, vào cái giờ khắ c muộn màng đó, còn phóng xe trên đường dài đế n Cadaqués.

Sáng hôm sau, chuông điện thoại reo vang đánh thức tôi dậy. Tôi đã quên buông các mảnh sáo xuố ng khi tôi từ buổi dạ hội trở về nhà, và không còn ý niệm nào về giờ giắ c nữa, nhưng căn phòng ngủ tràn ngập ánh sáng rực rỡ của mùa hè. Giọng nói đầ y lo sợ trên điện thoại mà tôi không thể nhận ra ngay là của ai, đã kéo tôi ra khỏi giắ c ngủ.

"Anh còn nhớ thắ ng bé mà đêm qua bọn kia lôi đi Cadaqués không?"

Tôi không câ n phải nghe thêm lời nào. Ngoại trừ nó có thể còn bi thảm hơn điề u tôi đã tưởng tượng. Thắ ng bé, với việc bị cưỡng bách trở về Cadaqués, đã lợi dụng một phút sơ hở của đám thanh niên Thụy Điển nông cuồ ng kia, trong một cố gắ ng để trở n thoát cái chề t không thể nào tránh khỏi, đã lao mình từ trên chiếc xe đang chạy vun vút, xuố ng vực thẳ m hun hút dưới chân đèo.

Tháng giêng 1982.

MÙA HÈ HẠNH PHÚC CỦA CÔ FORBES

Khi chúng tôi trở về nhà vào buổi chiều, chúng tôi thấy một con rắn biển thật lớn bị đóng đinh ở cổ dính vào khung cửa. Đèn tuýp và ánh đèn ánh lân tinh, trông nó giống như một mảnh bùa chú của dân Gypsy lang thang với đôi mắt còn chớp sáng và hàng răng giống như lưỡi cưa nơi cái hàm còn khá rộng. Thuở đó, tôi khoảng chín tuổi và khi bắt đầu thấy hình tượng kinh khủng đó, tôi sợ hãi người đến líu lưỡi không nói được. Còn thằng em nhỏ thua tôi hai tuổi quăng bình dưỡng khí, mặt nạ bơi và chân vịt, ù té chạy, la hét kinh hoàng. Cô Forbes nghe tiếng la của nó vang lên từ các bậc đá khúc khuỷu chạy dọc từ kè đá cầu tàu đến tận nhà ở; cô chạy về phía chúng tôi, thở hổn hển, mặt tái mét, cô chỉ cần nhìn thấy con vật bị đóng đinh trên cánh cửa là hiểu ngay lý do cơn kinh hoàng của chúng tôi. Cô vẫn thường nói là khi hai đứa nhỏ túm tụm với nhau thì cả hai đều mang tội của điếu mà mỗi đứa phạm tội một mình và thế là cô mắng cả hai đứa tôi vì tiếng la hét của thằng em tôi và tiếp tục quở trách chúng tôi vì đã thiếu tự chủ. Cô nói tiếng Đức thay vì tiếng Anh như trong hợp đồng dạy kèm, có lẽ vì chính cô cũng khiếp đảm, nhưng lại không chịu thú nhận điếu ấy. Nhưng ngay khi lấy lại hơi thở bình thường, cô trở giọng nói thứ tiếng Anh rắn rỏi và ám ảnh mô phạm của cô.

"Đó là một con *Muraena helena* (hải xà vương)", cô bảo chúng tôi, "gọi thế vì đó là một con vật linh thiêng đối với người Hy Lạp thời cổ đại".

Ngay lúc đó, Oreste - một thiếu niên ở địa phương - người đã dạy cho chúng tôi bơi lặn dưới nước sâu, xuất hiện sau đám cây mã não. Anh đang mang mặt nạ lặn trên trán, một bộ đồ bơi nhỏ xíu và một thắt lưng da buộc sáu con dao có hình dáng và kích thước khác nhau, vì anh không thể nghĩ cách nào khác để sẵn bắt dưới nước ngoài cách chèo đầu tay đôi với con mồi. Anh khoảng hai mươi tuổi và dành thời gian để ở dưới đáy biển hơn là ở trên mặt đất và lúc nào cũng bôi dầu máy lên khắp người, khiến anh trông giống một sinh vật biển. Khi thấy anh ta lặn đầu, cô Forbes đã nói với bố mẹ chúng tôi: thật khó tưởng tượng một sinh vật người nào đẹp hơn. Nhưng vẻ đẹp của anh ta cũng không giúp anh ta được miễn trừ khỏi tính nghiêm khắc của cô. Anh ta cũng bị quở mắng, bằng tiếng Ý, vì đã treo con răn biển đó lên cánh cửa mà không có lý do nào khác hơn là ý muốn dọa cho máy đưa nhỏ phải khiếp đảm. Rồi cô Forbes ra lệnh cho anh ta đem nó xuống với sự kính trọng tương xứng đối với một con vật huyền thoại và bảo chúng tôi mặc đồ vào để đi ăn cháo.

Chúng tôi làm theo không chậm trễ, cố gắng để không phạm một lỗi lầm nào, bởi vì sau hai tuần sống dưới chế độ của cô Forbes, chúng tôi học được một điều là không có gì khó hơn là sống. Khi chúng tôi đứng dưới vòi sen trong ánh sáng mờ mờ của phòng tắm, tôi biết rằng thằng em tôi vẫn đang nghĩ về con răn biển. "Nó có đôi mắt giống mắt người ta" nó nói. Tôi cũng đồng ý với nhận xét đó, nhưng muốn lái ý nghĩ nó qua hướng khác và tìm cách thay đổi đề tài cho đến khi tắm rửa xong. Thế mà khi tôi bước ra ngoài phòng tắm, nó vẫn nài nỉ tôi ở lại để đợi nó cùng đi.

"Bây giờ vẫn còn là ban ngày mà", tôi nói.

Tôi vén màn. Đang giữa tháng tám, qua cửa sổ người ta có thể thấy ánh trăng sáng tràn ngập từ bên này đến khắp bên kia đảo và mặt trời đã đứng yên trên bầu trời.

"Không phải vì chuyện đó đâu", thản nhiên em tôi nói. "Em sợ vì sợ thế thôi".

Nhưng khi chúng tôi đi xuống bàn ăn, thản nhiên nhóc có vẻ bình tĩnh lại, nó đã làm mọi việc thật tươm tất để độ được cô Forbes lên tiếng khen ngợi đặc biệt và được thêm hai điểm tốt trong sổ kiểm tra hạnh kiểm hàng tuần. Còn tôi trái lại, mất đi hai điểm trong số năm điểm tôi đã đạt được trước đó, bởi vì vào phút chót, tôi đã tự cho phép mình vội vã và chạy vào phòng ăn gần huyệt hơi. Cứ mỗi năm mười điểm hạnh kiểm sẽ đem lại cho chúng tôi thêm hai suất tráng miệng, nhưng chưa có đứa nào đạt được hơn năm mười điểm đâu. Thực đáng tủi hổ, bởi vì chúng tôi không bao giờ còn được nếm lại món tráng miệng nào ngon hơn những món do cô Forbes làm.

Trước khi bắt đầu ăn món xúp, chúng tôi phải đứng sau các đĩa trống và đọc kinh. Cô Forbes không phải là tín đồ Công giáo, nhưng trong hợp đồng có nêu rõ rằng cô có bổn phận nhắc nhở chúng tôi đọc kinh mỗi ngày sáu lần và cô đã phải học thuộc lòng các bài kinh của chúng tôi để có thể hoàn thành tốt điều khoản này. Rồi cả ba chúng tôi ngồi xuống và hai đứa chúng tôi phải nín thở trong khi cô dò xét cách cư xử của chúng tôi từng chi tiết nhỏ nhặt nhất và chỉ khi mọi sự có vẻ đã hoàn hảo cô mới rung chuông. Rồi chị bếp, Fulvia Flaminea bước vào, mang theo món xúp vermicelli muôn thuở trong cái mùa hè kinh dị đó.

Lúc đầu, khi chỉ còn chúng tôi với ba má chúng tôi, các bữa ăn là buổi yến tiệc. Fulvia Flaminea đi nhún nhảy quanh bàn ăn khi chị phục vụ chúng tôi, với một năng khiếu bẩm sinh hướng về sự lộng lẫy - nhưng điều đó mang lại niềm vui cho chúng tôi; rồi chị ngồi xuống với chúng tôi và ăn ở mỗi đĩa một tí. Nhưng từ khi cô Forbes đảm trách định mệnh của chúng tôi, cô phục vụ với một sự im lặng thật tôi tớ đến độ chúng tôi có thể nghe được tiếng sôi lộp bộp của món xúp trong liễn. Chúng tôi ngồi ăn lưng dán thẳng đứng vào thành ghế, nhai mùi lòn ở hàm bên trái và mùi lòn ở hàm bên phải, không bao giờ rời mắt khỏi người đàn bà sắ t thép, lừ đừ, héo úa như mùa thu, luôn luôn đọc các bài học thuộc lòng đến nhàm chán. Thật giống như trong buổi lễ ngày chủ nhật, nhưng thiếu niềm an ủi được nghe người ta hát lễ.

Vào cái ngày chúng tôi thấy con rắn biển treo lủng lẳng nơi cánh cửa, cô Forbes dạy chúng tôi về nghĩa vụ yêu nước. Sau món xúp, Fulvia Flaminea, háu như đang lơ lửng trên bầu không khí loãng tạo ra bởi giọng nói của cô gia sư, dọn cho cả nhà món phi lê cá, thịt trắng như tuyết, với hương vị ngon tuyệt. Tôi vẫn luôn luôn thích cá hơn bất kỳ món ăn nào khác trên đất liền hay trên trời, và kỷ niệm về ngôi nhà của chúng tôi ở Guacamayal khiến lòng tôi thư thái. Nhưng thằng em tôi từ chối không thưởng thức món ăn.

"Tôi không thích món này", nó nói.

Cô Forbes ngưng bài giảng nửa chừng.

"Con không biết nó ra làm sao đâu", cô bảo nó "Con chưa hề nếm thử món đó mà".

Cô ném một tia nhìn cảnh cáo về phía chị bếp, nhưng đã quá trễ.

"Cá thu là món cá ngon nhất trên đời đấy, Cưng ạ", Fulvia Flalmnea bảo nó. "Cưng ăn thử một miếng xem".

Cô Forbes vẫn bình thản. Cô bảo với chúng tôi, bằng phương pháp luận lạnh lùng vô cảm của cô, rằng cá thu từ xưa đã là món hải sản quý của các bậc vua chúa và các chiến binh đánh nhau để tranh dành túi mật của nó vì họ tin rằng mật cá thu sẽ đem lại cho họ lòng cam đảm siêu phàm. Rồi cô lặp lại như cô vẫn thường làm thế, rằng khẩu vị tinh tế không phải là một tài năng bẩm sinh, cũng không phải có thể dạy bảo vào bất cứ lứa tuổi nào, mà phải được ấn định ngay từ thuở thơ ấu. Bởi thế chúng tôi không có lý do chính đáng nào để từ chối không chịu ăn. Như thế, tôi đã nếm mùi cá thu trước khi tôi thật sự biết nó là gì, và tôi cứ nhớ mãi cái dư vị trái ngược sau đó: Nó có cái vị mê mẫn, gây buồn chán, và chẳng hình ảnh con rạn biển bị đóng đinh vào khung cửa còn tác động mạnh hơn sự thèm ăn của tôi. Thằng em tôi ráng sức hết cỡ để nuốt cho trôi một miếng, nhưng nó không chịu xiết, nó ói ra.

"Con đi ngay vào phòng tắm" cô Forbes bảo nó, vẫn rất bình thản, "Con phải tự rửa tay cho thật sạch sẽ rồi trở lại đây ngò ì ăn tiếp".

Tôi cảm thấy rất ái ngại cho nó, bởi vì tôi biết đôi với nó, việc phải đi qua các căn nhà trong bóng tối hoang hôn chập choạng rồi phải một mình trong phòng tắm để kỳ cọ rửa ráy cho sạch trước khi quay trở lại bàn ăn, quả thật là một cuộc hành trình hãi hùng. Thế nhưng nó đã nhanh chóng quay lại, thay áo mới sạch sẽ tinh tươm, mặt nhợt nhạt, hơi run run với cơn rùng mình cố che giấu

và nó đang đầu với cuộc khám xét vệ sinh gay gắt khá thành công. Rồi cô Forbes thái một lát cá thu khác và ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục ăn. Tôi cố nuốt một miếng thứ nhì. Nhưng thặng em thì không thềm càm dao nữa lên.

"Tôi sẽ không ăn đâu" nó nói.

Quyết tâm của nó hiển nhiên quá, khiến cô Forbes phải chùn bước.

"Được thôi" cô nói "Nhưng con sẽ không được ăn phần tráng miệng".

Thái độ thản nhiên đang đầu của thặng em tiếp thêm can đảm cho tôi. Tôi gác chéo dao thả lên đĩa như cách cô Forbes đã chỉ bảo chúng tôi mỗi khi ăn xong, và thưa với cô:

"Con cũng không ăn phần tráng miệng".

"Và con sẽ không được xem ti vi", cô đáp trả.

"Vâng, chúng con sẽ không xem ti vi" tôi nói ngay.

Cô Forbes gấp khăn ăn xuống bàn và cả ba chúng tôi đứng lên càu kinh. Rồi cô lệnh cho chúng tôi lên giường ngủ với lời cảnh cáo là chúng tôi phải ngủ yên vào lúc cô ăn xong. Tất cả các điểm hạnh kiểm tốt của chúng tôi đều bị gạch bỏ và chỉ sau khi chúng tôi kiếm được thêm hai mươi điểm tốt nữa may ra chúng tôi mới lại có dịp thưởng thức các món bánh kem, bánh vani, mứt mận ngon tuyệt của cô làm; hương vị các món bánh mứt đó chúng tôi sẽ chẳng bao giờ được nếm lại trong suốt cuộc đời.

Sự đổ vỡ chắc chắn sẽ xảy ra sớm hay muộn. Trong suốt cả một năm ròng, chúng tôi đã mong chờ một mùa hè tự do trên đảo Pantellena ở cực nam của Sicily và trong tháng đầu tiên, khi chúng tôi sống với ba má chúng tôi tại đó thì đúng là thế thật. Tôi vẫn còn nhớ như trong một giấc mơ, cánh đồng ngập nắng với đầy những tảng đá núi lửa, với điểm muôn đời, căn nhà sơn vôi trắng với mái đỏ, vào những đêm lặng gió, đứng nơi cửa sổ nhìn về phương Nam người ta có thể thấy những tia sáng phát ra từ các ngọn hải đăng trên bờ biển Phi Châu. Khi thám hiểm đáy đại dương yên ngủ ở chung quanh đảo với ba chúng tôi, chính tôi đã phát hiện một dãy thủy lôi màu vàng nằm chôn vùi một nửa dưới đáy biển từ cuộc thế chiến vừa qua, chúng tôi đã mang lên một bình cổ của Hy Lạp cao gầy cả thước, trang trí hoa văn tuyệt mỹ, bên trong còn đựng một chút cặn rượu không biết sót lại từ thuở xa xưa nào; chúng tôi đã tắm nơi một giếng nước nóng, hơi lên nghi ngút. Nhưng điều khám phá kỳ thú nhất đối với chúng tôi là gặp Fulvia Flaminea. Chị ấy trông giống một đức giám mục vui vẻ và lúc nào cũng được hộ tống bởi một đàn mèo ngủ lơ mơ đi theo chị từng bước. Chị nói là chị mang lũ mèo theo không phải vì thích chúng mà để đề phòng khỏi bị đàn chuột tấn công. Ban đêm, trong khi bố mẹ chúng tôi xem chương trình ti vi dành riêng cho người lớn, Fulvia Flaminea đem chúng tôi về nhà cách nhà chúng tôi non một trăm mét và dạy cho chúng tôi phân biệt những tiếng nói lí nhí từ xa, tiếng ca, hay sự bùng vỡ của lời than khóc theo cánh gió từ Tunis mang lại. Chồng chị là một chàng trai còn quá trẻ đối với chị, vào mùa hè, anh ta làm việc tại khách sạn du lịch ở cuối đảo và chỉ về nhà để ngủ. Oreste sống với bố mẹ anh ta ở xa hơn một tí và luôn luôn xuất hiện về đêm với những xâu cá và các giỏ tôm mới bắt mà anh ta treo trên nhà bếp để chồng chị Fulvia

Flaminea có thể bán chúng cho các khách sạn vào rạng sáng ngày hôm sau. Rồi anh kéo ngược cái đèn lặn ra sau trán, dẫn chúng tôi đi bắt chuột đồng, những con chuột to bằng con thỏ đang rình chờ đồ thừa ở nhà bếp vớt ra. Đôi khi chúng tôi về nhà sau khi ba má đã đi ngủ và chúng tôi khó mà ngủ yên được với tiếng sột soạt do lũ chuột đang cào bới các giỏ rác ở ngoài sân. Nhưng ngay cả sự phiền hà đó cũng là một chất phụ gia ma thuật cho mùa hè hạnh phúc của chúng tôi.

Quyết định thuê một gia sư người Đức chỉ có thể đến từ bố tôi, một nhà văn vùng Caribê với nhiều tự phụ hơn là tài năng thực sự. Lóa mắt bởi tro tàn vinh quang của châu Âu, ông hình như luôn luôn nôn nóng muốn tạ lỗi về nguôn gốc của mình, trong sách vở cũng như trong đời thực và ông đã rơi vào ý tưởng nông cuông phù phiếm là không nên để vương lại một di tích nào trong quá khứ của chính ông nơi đàn con của mình. Má tôi vẫn khiêm tốn như xưa, khi bà còn là một cô giáo dạy kèm ở Alta Guajira và bà không bao giờ tưởng tượng là chồng bà có thể nảy sinh một ý tưởng nào đó mà lại do thiên định. Do đó, ba má chúng tôi đã không thể tự hỏi lòng họ xem đời chúng tôi sẽ ra sao với một người cai đội từ Dortmund đến với ý định dùng mọi áp lực để ghi khắc vào chúng tôi những lễ thói cũ kỹ, lỗi thời của xã hội Âu châu, trong khi họ và khoảng bốn mươi nhà văn thời thượng khác tham dự cuộc họp mặt giao lưu văn hóa trong năm tuần lễ tại các hải đảo nơi vùng biển Egée.

Cô Forbes đến vào ngày thứ bảy cuối cùng của tháng bảy trên một chiếc tàu từ Palermo, ngay khi chúng tôi thấy mặt cô lần đầu, chúng tôi biết ngay rằng cuộc vui đã hết. Cô đến với cái nóng miên nam áy, mang giầy trăn, một cái áo dài với các ve áo

gấp lên nhau, tóc cắt kiểu đàn ông dưới cái mũ phớt. Cô có cái mùi nước đái khi. "Mọi người Âu châu đều có mùi như thế, nhất là vào mùa hè", ba bảo chúng tôi như thế. "Đó là mùi văn minh". Nhưng dù mang dáng dấp nhà binh, cô Forbes là một sinh vật khôn khéo, có thể gọi nên chút lòng trắc ẩn nếu thời đó chúng tôi lớn tuổi hơn hoặc nếu cô có một chút dấu tích nào đó của tính dịu dàng dễ ưa. Nhưng cô đã đến và làm đảo lộn thế giới của chúng tôi. Sáu giờ lặn hụp trong lòng đại dương mỗi ngày, từ đầu mùa hè đến giờ đã là cuộc thao diễn thường xuyên cho trí tưởng tượng của chúng tôi, từ đây bị biến thành một giờ đồng nhất lặp đi lặp lại hoài đến phát ngáy. Khi chúng tôi sống cùng với ba má, chúng tôi được dùng thời gian để bơi lội thỏa thích với anh Orèsteva ngạc nhiên thích thú khi chứng kiến nghệ thuật và lòng can đảm của anh khi giáp chiến với những con bạch tuộc tại chính hang ổ của chúng với làn nước mờ đục và máu hòa lẫn, mà không dùng vũ khí nào khác hơn là các con dao trần của anh.

Anh vẫn còn tiếp tục đến vào lúc mười một giờ mỗi buổi sáng trên chiếc xuồng gấn máy trên trụ nhỏ xíu của anh, nhưng cô Forbes không cho anh ở lại với chúng tôi một chút nào lâu hơn cần thiết để chỉ chúng tôi bài học về lặn sâu dưới biển. Cô cấm chúng tôi đến nhà Fulvia Flaminea vào ban đêm, vì cô cho rằng như thế là thân mật quá mức với kẻ ăn người ở và lẽ ra chúng tôi phải dành những giờ đã từng phí phạm cho việc săn chuột đồng (mà chúng tôi rất thích thú) cho việc đọc thật kỹ, phân tích và bình luận các tuyệt tác văn chương của Shakespeare. Đã quá quen với cái tật ăn cắp xoài trong vườn nhà hàng xóm và chơi đá lũ chó đến chết bỏ trên những đường phố nóng như đổ lửa của Guacamayal; chúng tôi thật không thể tưởng tượng nổi một cực hình nào độc ác hơn là đời sống vương tôn công tử đó.

Nhưng chúng tôi sớm nhận ra rằng cô Forbes không quá khác biệt với bản thân cô như đã đối với chúng tôi, và đó là vết rạn nứt đầu tiên trong uy quyền của cô. Lúc đầu cô ngồi trên bờ biển, dưới chiếc dù nhiều màu sắc sỡ, ăn mặc kiểu sắp ra trận và ngâm nga các khúc Ballads của Schiller, trong khi Oreste dạy chúng tôi lặn rồi sau đó, trong hàng giờ liền, cô dạy chúng tôi những bài thuyết giảng đại hải về cách xử thế đúng đắn cho đến giờ cơm trưa.

Một bữa nọ cô đòi Oreste chở cô trên chiếc xuồng của anh đến các cửa hàng du lịch của khách sạn và cô trở về với bộ đồ tắm một mảnh đen và bóng nhẫy như da hải cẩu, dù cô chẳng bao giờ tắm biển. Cô tắm nắng trên bờ biển khi chúng tôi bơi lội và cô lau khô mồ hôi bằng một khăn bông, nhưng cô chẳng hề tắm, khiến sau ba ngày trông cô giống như con tôm luộc và cái "mùi văn minh" của cô trở nên khó ngửi lạ lùng.

Ban đêm, cô buông thả cho những cơn cảm xúc của lòng xuân rào rạt. Ngay từ đầu thời kỳ cô ngự trị, chúng tôi đã nghe tiếng chân người lạ đi ngang căn nhà, mò mẫm tìm đường trong bóng tối và thà em tôi bị day dứt với ý nghĩ rằng đó là một trong những oan hồn bị chế t dưới đi lang thang mà Fulvia Flaminea vẫn thường kể cho chúng tôi nghe hoài. Song chúng tôi sớm khám phá ra rằng đó là cô Forbes dùng ban đêm để sống đời thực của mình như một người đàn bà cô đơn mà chính cô lại kiểm duyệt rất gắt gao vào ban ngày. Một ngày nọ, vào lúc mới rạng sáng, chúng tôi tình cờ bắt gặp cô trong nhà bếp, mặc đồ ngủ kiểu nữ sinh, đang sửa soạn món tráng miệng tuyệt ngon cho mình. Cả người cô, kể cả khuôn mặt dính đầy bột và cô đang uống một ly rượu porto với tư thái buông xả tinh thần có vẻ như muốn chế nhạo cái cô Forbes mô

phạm kia. Từ đó chúng tôi biết rằng sau lúc chúng tôi lên giường năm, cô không đi vào buồng ngủ của cô mà bí mật đi bơi lội ở biển, hoặc ở phòng khách đến tận khuya, xem phim cá m trẻ em trên Tivi, vặn nhỏ âm thanh vừa đủ một mình cô nghe, ăn bánh kem, bánh ngọt thỏa thuê và còn cả gan uống rượu ở chai rượu đặc biệt mà bố tôi để dành cho những dịp đáng ghi nhớ mà thôi. Trái ngược với những bài thuyết giáo của cô về đời sống thanh đạm và đức điềm tĩnh, cô ăn ngón ngâu mọi thứ, chộp ngoạm vào những món khoái khẩu với niềm say mê không kiềm chế nổi. Sau đó chúng tôi nghe cô nói lẩm bẩm một mình trong phòng riêng, nghe cô đọc những trích đoạn dài từ cuốn *Die jungfrau von Orleans (Nàng góa phụ trẻ ở Orleans - tiếng Đức trong nguyên tác)* bằng một thứ tiếng Đức du dương, chúng tôi nghe cô hát, chúng tôi nghe cô thỏn thức trên giường đến tận sáng và rồi cô sẽ xuất hiện ở bữa điểm tâm, đôi mắt cô còn nhòa lệ, u ám và quyết uy độc đoán hơn bao giờ hết. Thằng em tôi và tôi không bao giờ lại bất hạnh như lúc đó, nhưng tôi đã chuẩn bị tinh thần để chịu đựng cô ta cho đến cuối cùng, vì tôi biết rằng dù sao thì tiếng nói của cô cũng sẽ lấn át tiếng nói của chúng tôi. Tuy nhiên, thằng em tôi lại đương đầu với cô bằng tất cả sức mạnh của nhân cách nó, và thế là mùa hè hạnh phúc trở thành mùa hè địa ngục đối với chúng tôi. Phần đoạn về bữa ăn cá thu là cọng rơm cuối cùng làm gãy lưng lạc đà.

Trong đêm đó, trong khi chúng tôi nằm trên giường nghe bước chân đi lại không ngừng của cô Forbes trong nhà ngủ, thằng em tôi đã trút ra tất cả lòng căm ghét đang sục sôi trong đầu.

"Tôi sắp giết cô ta đây", nó nói.

Tôi ngạc nhiên, không hẳn là vì ý nghĩ táo tợn của nó mà bởi sự kiện là tôi cũng đã từng nghĩ như thế từ buổi ăn xúp. Tuy nhiên, tôi

cố gắng khuyên giải nó.

"Họ sẽ cắt đầu em đấy", tôi bảo nó.

"Ở Sicily đâu có máy chém", nó nói. "Và lại đâu ai biết được ai làm chuyện ấy đâu".

Tôi nghĩ về cái bình cổ vớt lên từ đáy biển, với cặn rượu độc vẫn còn một ít trong đó. Bố tôi muốn giữ lại vì ông muốn đem xét nghiệm kỹ hơn để xác định loại thuốc độc đó có lẽ không phải chỉ là sản phẩm của thời gian. Dùng rượu đó để đầu độc cô Forbes có lẽ sẽ rất dễ dàng và sẽ không ai lại không nghĩ rằng đó chỉ là sự tình cờ hoặc là muốn tự tử. Và thế là vào rạng sáng, khi chúng tôi nghe tiếng cô đổ gục xuống, kiệt sức vì đã canh thức suốt đêm, chúng tôi rót rượu từ chiếc bình cổ vào chai rượu đặc biệt của bố tôi. Theo như chúng tôi nghe nói thì liều lượng đó đủ để hạ gục một con ngựa.

Chúng tôi ăn điểm tâm trong nhà bếp vào đúng chín giờ sáng. Cô Forbes tự tay dọn cho chúng tôi món bánh mì ngọt mà Fulvia Flaminea mang lại từ sáng sớm. Hai ngày sau khi chúng tôi thay rượu, trong khi chúng tôi ngồi ăn điểm tâm, thằng em tôi cho tôi biết, bằng một cái liếc mắt thất vọng, rằng chai rượu có thuốc độc vẫn còn nguyên trên kệ. Đó là vào ngày thứ sáu và chai rượu vẫn không ai đụng đến cả sau những ngày cuối tuần. Đến tối thứ ba, cô Forbes uống hết một nửa phần rượu trong khi cô xem phim đô thị trên Tivi.

Tuy vậy, ngày thứ tư cô vẫn đến buổi điểm tâm theo đúng giờ như thường lệ. Vẫn như thường lệ, mặt cô trông như trải qua một đêm mất ngủ; lúc nào mắt cô cũng lơ đãng mệt mỏi sau lớp mắt

kính dày và càng trở nên khó chịu hơn khi cô lục tìm một bức thư với các con tem Đức, trong giỏ bánh mì. Cô đọc thư trong khi uống cà phê, điều mà cô từng nhiều lần bảo chúng tôi không nên làm và trong khi cô đọc, những tia sáng tỏa ra từ các chữ viết ánh lên khuôn mặt cô. Rồi cô lột các con tem từ bì thư, đặt vào trong giỏ với số bánh mì còn lại để anh chồng của Fulvia Flamirlea đưa vào bộ sưu tập tem của anh. Dù cho kinh nghiệm đầu tiên của cô chẳng mấy thành công, ngày đó cô vẫn theo chúng tôi trong cuộc thám hiểm đáy sâu đại dương và chúng tôi đã bơi lội tung tăng qua biển nước trong xanh cho đến khi các bình chứa dưỡng khí gần cạn hơi; chúng tôi trở về nhà, không qua bài học nào, trong trạng thái vui vẻ thoải mái. Cô Forbes hôm đó chẳng tươi như hoa suốt ngày mà vào buổi ăn xúp, càng tỏ ra sôi động hơn. Tuy nhiên, thằng em tôi lại không thể che giấu nổi thất vọng. Ngay khi chúng tôi vừa nhận được lệnh bắt đầu, nó đẩy đĩa xúp vermicelli ra xa với cử chỉ khiêu khích.

"Thứ nước với sâu bọt lổn nhổn này làm tôi thất ý ghê", nó nói.

Thật chẳng khác nào nó ném một quả lựu đạn lên bàn. Cô Forbes giận xanh mặt, môi cô mím chặt cho đến khi khói của vụ nổ bay tản đi và trong mắt kính của cô nhòa nước mắt. Cô mở mắt kính ra, lấy khăn lau khô, để khăn ăn xuống bàn với sự cay đắng của một thất bại chẳng vinh quang, và đứng lên.

"Mấy người muốn làm gì thì làm theo ý thích", cô nói. "Coi như chẳng có tôi".

Cô vào phòng riêng khóa trái cửa lại. Nhưng trước nửa đêm, khi cô nghĩ rằng chúng tôi đã ngủ, chúng tôi thấy cô đi ngang trong bộ đồ ngủ kiểu nữ sinh, mang một nửa cái bánh kem sôcôla và chai

rượu độc còn hơn bốt n lóng tay trở về phòng ngủ, tôi bỗng thấy thương hại cô.

"Tôi nghiệp cô Forbes", tôi thì thào.

Thằng em tôi nói trong hơi thở khó khăn.

"Tôi nghiệp bọn mình, nếu mẹ ta không "đi" luôn trong tôi nay", nó độc địa thốt.

Đêm đó cô lại một mình một bóng độc thoại hồi lâu, đọc thơ Schiller lớn giọng do bị kích động bởi cơn cuồng nhiệt điên rồ và kết thúc với một tiếng hét dứt điểm vang dội khắp căn nhà. Rồi cô thở dài nhiều lần từ sâu thẳm tâm hồn và ngã xuống với tiếng hú buồn thảm kéo dài như một con tàu trôi dạt sắp chìm đắm giữa đại dương phong ba. Khi chúng tôi thức dậy, đầu óc còn bần thần rối ròi vì sự căng thẳng của đêm qua, mặt trời đang xuyên qua bức màn, nhưng căn nhà như chìm vào đáy giếng. Chúng tôi nhận ra là đã mười giờ sáng và cô Forbes đã không đánh thức chúng tôi dậy như thường lệ. Chúng tôi không nghe tiếng rào rào trong toilet vào lúc tám giờ hay tiếng vòi nước chảy trong bồn tắm, tiếng cuốn màn sáo hoặc âm thanh kim loại chát chúa do gót giày bốt cô nện xuống sàn và ba tiếng gõ cửa như tiếng gọi của tử thần từ bàn tay cai ngục của cô nện vào cửa. Thằng em tôi áp tai vào tường, nín thở để sẵn sàng phát hiện một dấu hiệu nhỏ nhất của đời sống từ phòng kế bên và cuối cùng nó thở phào nhẹ nhõm.

"Xong rồi", nó nói "Bây giờ người ta chỉ còn nghe tiếng sóng biển mà thôi".

Chúng tôi tự sửa soạn bữa điếm tâm trước mười một giờ một tí và rô-i trước khi Fulvia Flaminea đé-n với binh đoàn mèo của chị, chúng tôi đi xuô-ng bãi biển với hai bình dưỡng khí và mang theo hai bình nữa để dự phòng. Anh Oreste đã sẵn sàng nơi bệ-n tàu, đang làm ruốt một con cá đầ-u vàng mà anh vừa bắ-t được. Chúng tôi nói với anh rằ-ng chúng tôi đã chờ cô Forbes cho đé-n tận mười một giờ sáng và bởi vì cô vẫn mãi ngủ, chúng tôi đã quyế-t định tự mình xuô-ng hiể-n. Chúng tôi cũng nói với anh là cô bỗng bị xúc động đã khóc thỏn thức tô-i hôm trước và có lẽ vì thế-cô đã không ngủ yên giấ-c nên bây giờ cô muô-n nằ-m rằ-ng trên giường. Như chúng tôi mong đợi, anh Oresta không quan tâm lắ-m đé-n lời giải thích của chúng tôi, anh đi theo chúng tôi trong cuộc cướp giết đắ-đại dương kéo dài khoảng hơn một tiế-ng đồ-ng hô-. Rô-i anh bảo chúng tôi nên trồ-i lên để còn ăn trưa. Anh còn ở lại trong thuyê-n để bán cá đầ-u vàng cho các khách sạn du lịch. Chúng tôi vẫ tay chào tạm biệt từ các bậc đá để làm cho anh tin rằ-ng chúng tôi sắ-p sửa leo lên các bậc đá để về- nhà, cho đé-n khi bóng anh khuấ-t sau các mỏm đá. Rô-i chúng tôi mang lại bình dưỡng khí và tiế-p tục nhào xuô-ng biển bơi lặn vẫ vùng chẳ-ng câ-n xin phép ai.

Ngày hôm â-y trời nhiê-u mây và có tiế-ng rề-n âm u của sắ-m vọng lại từ chân trời, nhưng biển lại êm, trong, ánh sáng khá đủ. Chúng tôi bơi trên mặt biển hướng về- phía tháp hải đắ-ng Pantelleri rô-i quay về- hướng tay phải khoảng một trăm mét và lặn xuô-ng chỗ chúng tôi tính là đã thắ-y những quả thủy lôi vào đầ-u mùa hè. Ở đó có sáu quả được sơn màu vàng nắ-ng với số- thứ tự còn nguyên, nằ-m trên đắ- núi lửa dưới biển theo một trật tự thật hoàn hảo, không thể nào do tình cờ được. Chúng tôi tiế-p tục bơi vòng quanh ngọn hải đắ-ng, đi tìm thành phố- chìm dưới biển mà Fulvia Flaminea vẫn kể cho chúng tôi nghe hoài, bằ-ng một giọng đầ-y

kính sợ, nhưng chúng tôi không thể tìm thấy cái thành phố huyền thoại ấy bao giờ. Sau hai tiếng lặn sâu sục sạo vô hiệu, tin chắc là không còn bí mật nào khác để khám phá nữa, chúng tôi trồi lên mặt nước với ngụm dưỡng khí cuối cùng.

Một cơn bão mùa hè đã bất chợt ào tới trong khi chúng tôi đang bơi lội, biển động mạnh, một đàn chim khát máu bay ngang với những tiếng kêu dữ tợn theo vết đám cá chết trên bãi biển. Tuy thế, nhờ vắng mặt cô Forbes mà ánh sáng buổi chiều có vẻ như mới tinh khôi và đời lại đẹp hơn lên. Nhưng khi chúng tôi trèo hết các bậc đá, chúng tôi thấy một đám đông ở nhà và hai xe cảnh sát dừng trước cửa. Lần đầu tiên chúng tôi ý thức được sự nghiêm trọng của việc chúng tôi đã làm. Thằng em tôi bắt đầu run và cố gắng quay ngược trở lại.

"Em không vào nhà đâu", nó run run nói.

Tôi, trái lại, bỗng có ý tưởng mơ hồ là nếu chúng tôi cứ đến nhìn vào người chết, chúng tôi sẽ an toàn hơn, tránh khỏi bị nghi ngờ.

"Cứ tự nhiên đi", tôi bảo nó. "Hít một hơi thật sâu và tập trung ý nghĩ vào một chuyện gì đó. Chúng ta cứ làm như chúng ta không biết gì hết".

Không ai để ý đến chúng tôi. Chúng tôi để bình dưỡng khí, mặt nạ, chân vịt ở cổng và đi vào hành lang, nơi có hai người đàn ông ngồi trên sàn gần một cái cang, đang phì phèo hút thuốc. Rồi chúng tôi nhận thấy có một xe tải thương đậu ở cửa sau và nhiều người lính mang súng tiểu liên. Trong phòng khách, nhiều người đàn bà trong vùng đang ngồi trên ghế được đặt sát tường, đang

câu nguyện bằng thổ ngữ địa phương, trong khi các ông chủ của họ chen chúc đứng ở ngoài sân và nói đủ thứ chuyện, nhưng không có chuyện nào ăn nhập với chuyện chết chóc cả. Tôi nắm chặt hơn bàn tay của em tôi, bàn tay nó cứng lại như băng giá. Cánh cửa phòng ngủ của chúng tôi vẫn để ngỏ, căn phòng vẫn giống như khi chúng tôi rời đi hôm sáng. Trong phòng cô Forbes, gần kề bên phòng chúng tôi, một người lính cầm súng carabille đứng gác chõ ra vào, nhưng cánh cửa thì vẫn mở. Chúng tôi đi về phía đó với lòng nặng trĩu và trước khi chúng tôi có dịp nhìn vào bên trong, Fulvia Flaminea đi từ nhà bếp ra nhanh như một tia chớp và đóng cửa lại với tiếng thét kinh hoàng.

"Vì Chúa, các em đừng nhìn vào cô ta".

Nhưng đã quá trễ. Không bao giờ, trong suốt phần đời còn lại chúng tôi có thể quên đi được cái mà chúng tôi đã nhìn thấy trong khoảnh khắc thoáng qua đó. Hai người đang đo khoảng cách từ giường đến bức tường, với cái thước dây, trong khi một người khác đang chụp hình có trùm vải đen giống loại máy mà các ông thợ nhiếp ảnh trong công viên thường dùng. Cô Forbes không nằm trên cái giường chưa được sửa soạn. Cô nằm duỗi một bên, trần trụi trong một vũng máu khô loang lổ khắp nền nhà và thân thể cô bị băm nát bởi những vết cắt ngang dọc. Có ba mươi bảy nhát cắt định mệnh và từ số lượng vết cắt cũng như từ tính chất tàn bạo của vụ sát nhân, người ta có thể thấy rằng cuộc tấn công đã được thực hiện với sự cuồng điên của một mô-i tình đã không tìm được sự bình yên và cô Forbes đã nhận lãnh điều đó cũng với một nỗi đam mê tương tự, không hề la khóc, vẫn đọc thơ Schiller bằng giọng quân nhân của cô, vẫn ý thức được rằng đây là cái giá khắc nghiệt phải trả cho mùa hè hạnh phúc của cô.

ÁNH SÁNG GIỜ NG NHƯ LÀN NƯỚC

Vào dịp giáng sinh, các cậu con trai lại đòi một chiếc thuyền chèo tay như món quà giáng sinh.

"Ok" ông bố nói, "Chúng ta sẽ mua thuyền khi chúng ta trở về Cartagena".

Toto, lên chín, và Joel, lên bảy, có quyết tâm kiên định hơn là bố mẹ chúng tưởng.

"Không chịu đâu", chúng đồng thanh nói. "Chúng con muốn có ngay bây giờ đây cơ".

"Nhưng mà này", bà mẹ nói, "các con có thấy là ở đây chỉ có mỗi một dòng nước để bơi thuyền được là dòng nước chảy ra từ các vòi sen không?".

Nàng ta và ông chồng cả hai đều có lý. Nhà của họ ở Cartagena de India có một khoảng sân vườn tới chỗ đậu tàu nơi vịnh và một nhà kho đủ chỗ cho hai chiếc thuyền yacht. Còn ở đây tại Madrid, kinh đô hoa lệ của xứ Tây Ban Nha này, thì họ phải chen chúc trong căn hộ ở tận lâu năm, số 47, phố Paseo de la Castellana. Nhưng cuối cùng, cả hai đều không thể từ chối, bởi vì họ đã hứa với các con mình sẽ cho chúng một chiếc thuyền chèo với kính lục giác và la bàn nếu chúng được phần thưởng ở trường học, và chúng đã đạt được. Thế là ông bố mua mọi thứ mà không nói tiếng nào trong khi bà mẹ thì tỏ vẻ miễn cưỡng hơn chồng khi phải trả một

món nợ chỉ để vui chơi thôi. Đó là một chiếc thuyền bằng nhôm thật xinh xắn chạy chỉ vàng ở môn nước.

"Chiếc thuyền đang để ở nơi gara đây", ông bố thông báo cho đám con vào buổi ăn trưa. "Vấn đề là không có cách nào mang nó vào buồng thang máy hay lên cầu thang bộ; trong gara cũng không còn chỗ trống".

Vào buổi chiều thứ bảy tiếp sau đó, bọn trẻ mời bạn chúng đến nhà, giúp chúng mang lên cầu thang. Cả bọn đã ỉ ạch xoay xở cuối cùng cũng mang lên tận phòng của người giúp việc.

"Hay quá!", bố chúng khen. "Rồi bây giờ làm gì?".

"Chẳng làm gì cả", bọn trẻ trả lời. "Điều chúng con muốn là có chiếc thuyền ở trong phòng và bây giờ nó ở đó".

Vào ngày thứ tư, như thường lệ hàng tuần, bố mẹ chúng đi xem xi-nê. Mấy cậu quý tử, lúc đó trở thành các ông chúa trong nhà, đóng hết cửa cái, cửa sổ lại, đập vỡ cái bóng đèn sáng rực, một trong các bóng đèn ở phòng khách. Một tia sáng vàng ánh lạnh như nước bắt đầu chảy ra khỏi cái bóng đèn vỡ, chúng để cho nó chảy đến độ sâu gần ba bộ. Rồi chúng tắt điện, mang chiếc thuyền ra và bơi thuyền thỏa thích giữa các hòn đảo nhỏ trong nhà.

Cuộc phiêu lưu hoang đường đó là kết quả của một nhận định phù phiếm tôi đã nêu ra trong khi tham dự một cuộc hội thảo về thi tính của những đồ vật trong nhà. Toto hỏi tôi tại sao ánh sáng tỏa ra chỉ với một cái chạm tay để bật contact và tôi đã không có can đảm để nghĩ về chuyện đó đến hai lần.

"Ánh sáng cũng giống như dòng nước", tôi trả lời. "Con mở vòi và nước chảy ra".

Và thế là chúng tiếp tục bơi thuyên vào mỗi thứ tư, học cách sử dụng kính lặn giác và la bàn, cho đến khi bố mẹ chúng trở về nhà sau xuất chiếu phim và thầy chúng nếm ngủ tựa các thiên thần trên vùng đất khô ráo. Nhiều tháng sau, khao khát đi xa hơn, chúng xin bố mẹ cho chúng những bộ đồ bơi đầy đủ: nào mặt nạ, và bình dưỡng khí.

"Các con đã để chiếc thuyên mà các con chẳng thể sử dụng, nơi phòng của người giúp việc; điều đó cũng đã quá đáng rồi đấy", ông bố nói. "Tệ hơn nữa, bây giờ các con lại còn vòi vĩnh cả đồ lặn nữa cơ à?"

"Nếu chúng con đạt được giải Học Sinh Ưu Tú trong học kỳ I thì chúng con được thưởng gì nào?" Joel hỏi.

"Thôi đi", mẹ chúng báo động. "Đủ quá rồi đấy".

Ông bố trách bà mẹ sao quá khắt khe với con cái.

"Mấy thằng nhãi này không kiên trì cố gắng hết sức như thế đâu khi cần làm điều chúng phải làm", bà mẹ nói "nhưng nếu để đạt cái gì chúng muốn thì chúng dám làm được mọi chuyện, ngay cả lặn đi cái ghề của thầy giáo".

Cuối cùng, cả bố lẫn mẹ đều không nói thuận hay không. Nhưng trong tháng bảy, Toto và Joel mỗi đứa đều đạt danh hiệu Học Sinh Ưu Tú và được thầy Hiệu trưởng khen trước toàn trường. Ngay chiều hôm đó, không phải hỏi xin lại lần nữa, chúng đã thấy bộ đồ lặn nguyên xi trong hộp, ở nơi phòng ngủ của

chúng. Thế là vào ngày thứ tư tiếp theo, trong khi bố mẹ chúng đến rạp chiếu bóng xem phim *Bản Tango cuối cùng ở Paris*, chúng đổ đầy căn phòng đến hai sải, lặn như các chú cá mập xuống dưới các bàn ghế đồ đạc, kể cả dưới gầm giường và cứu hộ từ dưới đáy những vật sáng đã bị bỏ rơi trong bóng tối hàng bao năm.

Tại buổi lễ trao phần thưởng cuối năm, hai anh em được tuyên dương như là điển hình của toàn trường và nhận bằng khen ưu hạng. Lần này chúng không cần mở miệng xin điều gì, vì chính bố mẹ chúng hỏi trước xem các cục cưng của họ muốn gì. Các cậu thật biết điều, chỉ đòi ba má tổ chức một party ở nhà để khao bạn bè cùng lớp thôi.

Ông bố, khi ngồi riêng với bà vợ, vẻ mặt rạng rỡ hiện lên:

"Đó là bằng chứng chúng đã trưởng thành", ông nói.

"Ông nói thế có Chúa chứng đây" bà mẹ nói.

Ngày thứ tư tiếp theo, trong khi bố mẹ chúng xem *Trận chiến ở Algiers*, những người đang đi dọc theo phố Paseo de la Castellana thấy một dòng thác ánh sáng tuôn chảy xuống từ một building cổ ẩn mình giữa những hàng cây, ánh sáng tràn qua các ban công, chảy ra tràn dòng thác xuống mặt tiền nhà và xô đẩy nhau dọc theo đại lộ trong đám lũ màu vàng rực soi sáng thành phố suốt dọc con đường đến Guadarrama.

Để đối phó với tình trạng khẩn cấp, các nhân viên cứu hỏa tung cửa phòng lên tầng năm và thấy căn hộ chói lòa ánh sáng từ dưới sàn nhà lên trần nhà. Ghế sofa và ghế nằm được bọc bằng da báo đang bồng bềnh ở những độ cao khác nhau trong phòng

khách, giữa đám chai lọ từ quây rượu và chiếc dương cầm lớn với chiếc khăn choàng Manila phát phơ bập bềnh giống vạt áo choàng màu vàng. Các đồ vật gia dụng, trong trợn vẹn chắt thơ của chúng, bay phát phới bằng đôi cánh của chính mình qua bầu trời nhà bếp. Các nhạc cụ trong dàn hành khúc mà lũ trẻ dùng để nhảy nhót trôi dạt giữa đám cá kiểng đủ màu sắc óng ánh được giải thoát khỏi bồn cá; bầy cá là những sinh vật duy nhất tung tăng nhớn nhơ đầy vui thích trong cái ao đầm rộng lớn sáng rực đó. Bàn chải răng của mọi người trôi nổi trong phòng tắm cùng với bao cao su của papa và các lọ kem của mama và xì líp, soutien và bộ tivi từ phòng ngủ chính trôi bập bềnh bên cạnh, vẫn còn phát hình phàn cuối của chương trình phim lúc nửa đêm chỉ dành cho người lớn.

Ở cuối phòng, vung vẩy mái chèo giữa dòng ánh sáng, mang mặt nạ bơi và bình dưỡng khí, Toto ngò i ở đuôi tàu, đi tìm căn nhà ánh sáng và Jone ngò i đã ng mũi tàu đang chăm chăm hướng nhìn sao Bắc đẩu qua kính lục giác, và trôi lướt bềnh bềnh qua khắp căn nhà là ba mươi bảy người bạn đồng lớp của hai chú nhóc, đi vào vịnh cứu trong khoảng khắc, cùng đứng tè vào chậu hoa phong lữ, vừa hát hài đồng ca ở trường với lời ca được chế để diễn thây Hiệu trưởng, vừa rót trộm một ly rượu mạnh brandy từ chai rượu của bố. Vì chúng đã bật quá nhiều đèn lên cùng lúc khiến căn hộ ngập lụt trong cơn lũ ánh sáng và nguyên cả hai lớp của trường tiểu học Thánh Julian như bị chìm trong lầu năm của nhà số 47 Paseo de la Castellanaa. Ở kinh đô Madrid xứ Tây Ban Nha, một đô thị của mùa hè cháy bỏng và những làn gió giá băng, không có đại dương cũng không có trường giang, cư dân bản địa vẫn từ bao đời chỉ sống gấn bó với đất đai, chưa từng bao giờ làm chủ được cái khoa học diệu kì là dong thuyên du hành trên biển khơi ánh sáng.

Tháng mười hai, 1978

DÂU MÁU HỒNG TRÊN TUYẾT TRẮNG TỪ MADRID ĐẾN PARIS

Lúc đêm vừa xuống, khi hai người vừa đến biên giới Tây Ban Nha - Pháp, Nena Deconte nhận thấy ngón tay đeo nhẫn cưới của mình vẫn còn đang rỉ máu. Người gác biên phòng, với cái chặn bằng len thô trùm lên cả cái mũ ba góc bằng da sơn, xét hộ chiếu của họ dưới ánh sáng ngọn đèn lồng khí đá trong lúc cố chống chọi để giữ chân đứng cho vững trước ngọn cuồng phong từ dãy Pyrénées ào ạt thổi tới. Mặc dầu hai tấm hộ chiếu ngoại giao hoàn toàn hợp lệ, người gác vẫn giơ ngọn đèn lồng lên soi vào mặt họ để chắc chắn rằng người và ảnh giống nhau. Nena Deconte gầy như là một đứa bé thơ với đôi mắt của con chim hạnh phúc và làn da mặt mía vẫn còn ngời sáng ánh nắng rực rỡ vùng biển Caribê, trong bóng tối mờ ám của tháng giêng nơi miền cao nguyên heo hút này và cô bé được phủ kín đến tận cổ trong một chiếc áo bằng lông chồn vizon mà có lẽ trọn năm lương của cả đồn biên phòng cũng chưa mua được. Chồng cô, Billy Sanchez de Avila, còn trẻ hơn cô một tuổi, và đẹp cũng gầy như cô; chàng ta mặc một áo jacket bằng len, đầu đội mũ của dân chơi baseball. Không giống như vợ, chàng ta cao lớn khỏe mạnh, kiểu một lực sĩ thể thao và có cái hàm sứt của một tay chơi công tử. Những cái biểu lộ rõ nhất thân thể của hai người đó là chiếc xe hơi sáng loáng màu bạc với phần tiện nghi bên trong toát ra hơi thở của một sinh vật nóng hổi sức sống; chưa có chiếc xe nào giống như thế được

nhìn thấy suốt dọc biên giới nghèo nàn đó. Bỗng ngột phía sau xe đầy ngập những chiếc vali mới toanh và rất nhiều hộp quà tặng vẫn còn nguyên chưa mở. Nơi đó còn có cả chiếc kèn saxophone giọng tenor vốn là niềm say mê cuối cùng nhiệt trong đời Nena Daconte trước khi nàng rơi vào mối tình sôi động với chàng du côn trên bãi biển nhưng rất dịu dàng đáng yêu của nàng.

Khi người gác trả lại tấm hộ chiếu đã được đóng dấu, Billy Sanchez hỏi anh ta ở đâu có tiệm thuốc tây để mua thuốc chữa vết thương cho vợ mình và người gác đã la to át tiếng gió là họ nên hỏi ở Hendaye, bên phía nước Pháp. Nhưng mấy người lính biên phòng ở Hendaye đang ở trong một cái đờn canh bằng kính ám áp, ngột ngột quây quăn quanh bàn, áo choàng phủ kín, đang chơi bài và ăn bánh mì nhúng vào những cốc rượu vang lớn tất cả điều họ cần thấy chỉ là kích thước và hiệu xe để rồi vẫy tay ra hiệu đi vào nước Pháp. Billy Sanchez nhún cùi năm, bảy lần, nhưng mấy người gác không thềm hiểu là chàng đang gọi họ, và một người trong bọn mở cửa sổ, hét lớn lên, còn cuối cùng hơn cả cơn gió dữ.

"Cuc c.! Cút mẹ chúng mày đi" (*Merde! Allez vous en!* Tiếng Pháp trong nguyên bản)

Lúc đó Nena Daconte, trùm kín áo choàng đến tận mang tai, ra khỏi xe và hỏi anh lính biên phòng bằng một thứ tiếng Pháp hoàn hảo, thật êm tai: Anh vui lòng cho em hỏi tiệm thuốc tây ở đâu? Thế nhưng cứ thông lệ, người lính, mồm đầy bánh mì, trả lời cộc lốc: Chẳng phải chuyện của tôi, nhất là trong lúc mưa bão như thế này, và đóng cửa lại. Nhưng khi anh ta nhìn kỹ hơn cô gái trùm kín trong màu sáng óng ánh của cái áo lông chồn và đang mút ngón tay bị thương của cô, có lẽ anh ta đã coi nàng là một khái tượng ma

thuật vào cái đêm đáng sợ đó, bởi vì anh ta thay đổi thái độ ngay lập tức. Anh ta giải thích là thành phố gần nhất là Biamtz, nhưng giữa mùa đông và giữa tiếng gió tru như chó sói thế này, có lẽ họ không thể tìm thấy tiệm thuốc tây nào mở cửa cho đến khi họ đến Bayonne, xa hơn một tí.

"Có trầm trọng lắm không?" anh ta hỏi.

"Ồ không có gì" Nena Daeonte trả lời, vừa cười vừa đưa cho anh ta thấy ngón tay đeo chiếc nhẫn kim cương của cô với vết xước hằn như không nhận thấy của cạnh hông trên đầu ngón tay. "Chính ra chỉ là một vết gai đâm".

Trước khi hai người đến Bayonne, tuyết lại bắt đầu rơi trở lại. Chưa quá bảy giờ tối nhưng họ thấy đường vắng ngắt và nhà cửa hai bên đóng kín cửa vì ngại cơn bão dữ và sau khi quẹo tới nhiều góc phố mà chẳng nhìn thấy tiệm thuốc tây nào, họ quyết định tiếp tục lái xe đi. Quyết định đó làm Billy Sanchez khoái chí. Chàng ta mang một nỗi đam mê không bao giờ thỏa mãn với các chiếc xe hơi kiểu hiem và bố chàng thì lại có quá nhiều mặc cảm phạm tội và tiền của thì lại càng nhiều hơn, để nuông chiều các ý thích nông cuồng của cậu quý tử và chàng chưa bao giờ được lái chiếc xe nào giống như chiếc Bentley mui này mà bố chàng tặng làm quà cưới. Niềm vui sướng vô ngần của chàng khi ngồi trước vô lăng, mãnh liệt đến độ chàng càng lái say mê với tốc độ trên đường dài chàng càng quên đi mệt mỏi. Chàng muốn đến thành phố Bordeaux ngay trong đêm đó. Họ đã đặt phòng tân hôn ở khách sạn Splendid và bắt chấp những cơn gió ngược hay tuyết phủ đầy trời cũng không thể giữ chân chàng lại. Nena Daeonte trái lại, hằn như kiệt sức, nhất là từ chặng đường cuối, kể từ lúc rời Madrid, khi đi dần vào rừng Pyrénées, một chặng

đường cheo leo vách đá, môi trường thích hợp cho đám sơn dương, và thường xuyên bị những trận mưa đá dồn dập trút xuống.

Khi ra khỏi Bayonne, nàng lấy khăn tay buộc quanh ngón tay đeo nhẫn, thắt chặt để ngăn máu chảy, và bắt đầu rơi vào một giấc ngủ thật sâu. Billy Sanchez không để ý đến điều đó cho đến lúc gần nửa đêm, khi tuyết ngừng rơi và gió bỗng ngưng lay động những hàng thông trùng điệp, bầu trời bên trên tháo nguyên lớp lạnh những vì sao lạnh giá. Chàng đã đi qua những ngọn đèn ngủ của thành phố Bordeaux nhưng chỉ dừng lại để đổ xăng tại một trạm xăng dọc theo xa lộ vì chàng còn đủ sức lái xe thẳng một mạch đến Paris không cần nghỉ ngơi dọc đường. Chàng ta quá khoái chí mê mẩn với món đồ chơi lớn sang trọng đắt giá của mình mà quên mất không tự hỏi xem sinh vật rặng ngời đang nằm ngủ bên cạnh chàng với ngón tay đeo nhẫn đang rướm máu dù đã được băng lại và giấc mơ trẻ thơ của nàng lần đầu tiên bị phá bởi những tia chớp của nỗi bất trắc có cùng cảm xúc giống chàng không.

Đôi lứa thiếu niên đã kết hôn ba ngày trước đó và cách nơi chốn hiện nay hơn mười ngàn cây số, tại Cartagena de Indias, một cuộc hôn nhân khiến bố mẹ chàng ngạc nhiên và bố mẹ nàng thất vọng cay đắng, nhưng với lời ban phúc của chính Đức Tổng Giám Mục. Không có ai, trừ hai người trong cuộc, hiểu được nên tảng thật sự hay biết được những nguyên nhân nào đã đưa đến tình yêu. Không ai ngờ được trước đó. Tiếng sét ái tình đã giáng vào họ ba tháng trước ngày cưới, vào một ngày chủ nhật trên bãi biển, khi băng nhóm của Billy Sanchez ào tới các phòng thay đồ tắm phụ nữ ở bãi biển Mabella.

Nena vừa tròn mười tám tuổi, nàng vừa trở về nhà từ trường Châtelleme ở Saint Blaise, Thụy Sĩ. Nàng nói thông thạo bốn thứ

tiếng mà không hề pha giọng và với một nghệ thuật điều luyện trong việc sử dụng kèn saxophone giọng tenor và ngày hôm đó ngày chủ nhật đầu tiên nàng ra bãi biển từ khi nàng trở về nhà. Nàng đang trần truồng như nhộng để sắp sửa mặc đồ tắm khi cuộc tháo chạy tán loạn và những tiếng la hét giống bọn hải tặc tấn công, bùng nổ nơi những phòng thay đồ kế cận, nhưng nàng chẳng hiểu chuyện gì xảy ra cho đến khi then cửa của phòng nàng bị tung vỡ ra và trước mắt nàng xuất hiện chàng tướng cướp đẹp trai chưa từng thấy đang đứng đối diện nàng. Hắn ta chẳng mặc gì ngoài mảnh quần tắm nhỏ xíu bằng da báo giả và hắn có một thân hình cân đối dẻo dai, màu da vàng sẫm của dân sông ở biển. Chung quanh cổ tay phải, hắn ta mang một vòng kim loại của tay giác đầu La Mã cổ đại và quanh nắm đấm tay phải, hắn quấn một vòng xích sắt như một thứ vũ khí sát thương, quanh cổ hắn đeo một sợi dây chuyền với tám thẻ bài mặt trơn không có hình thánh; tám thẻ bài đang phập phồng trong yên lặng theo nhịp đập con tim của hắn. Hai đứa đã cùng học chung ở trường tiểu học và đã cùng ăn bánh chung ở nhiều tiệc sinh nhật của nhau hay của bạn bè chung, bởi cả hai đều xuất thân từ các gia đình tỉnh lẻ đã thống trị thành phố đó theo ý thích của họ từ các thời thuộc địa, nhưng hai đứa đã xa nhau quá nhiều năm đến nỗi lúc mới gặp lại nhau chúng đã không nhận ra nhau. Nena Daconte vẫn đang chột trôn không biết làm gì để che dấu vẻ dày dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên của mình. Rồi Billy Sanchez thực hiện cái nghi thức trẻ thơ của hắn ta. Hắn thả tụt cái mảnh khố da báo nhỏ xíu xuống để khoe với nàng cái biểu tượng nam nhi đang dựng đứng một cách đáng nể của mình. Nàng nhìn thẳng vào cái của mả c dịch ấy mà không lộ vẻ ngạc nhiên tí nào.

"Cô nương đây đã từng thấy ba cái thổ tả ấy còn to tướng hơn và thẳng cứng hơn của cậu em nhiê`u", nàng nói, cô` trấ`n tĩnh nổi kinh khiế`p nơi mình. "Vì thế`, chị khuyên cậu em nên suy nghĩ lại chuyện mình đang làm, bởi vì với chị đây, cưng phải làm sao cho ngon lành hơn một chàng lực sĩ da đen đấ`y nhế`".

Trong thực tế`, chẳng những Nena Daconte còn là một trinh nữ mà cho đế`n lúc đó nàng chưa từng thấy một người đàn ông nào ở truồ`ng, tuy thế` sự thách thức của nàng vẫn hiệu quả. Tất cả điề`u mà Billy Sanchez nghĩ có thể làm chỉ là đấ`m mạnh nắ`m đấ`m có quấ`n xích sắ`t vào tường cho đế`n khi tay chàng tóe máu. Nàng đưa chàng đế`n bệnh viện trong xe của nàng và giúp chàng trong thời gian chờ hồ`i phục, cuối cùng hai đứ`a đã cùng nhau học làm tình cho đúng cách. Chúng đã trải qua một buổi chiề`u tháng sáu vắ`t và tại sân thượng nội thấ`t, nơi sáu thế` hệ tổ tiên lưng lẫ`y của Nena Daconte đã chề`t; nàng chơi các ca khúc dân gian bắ`ng kèn saxophone, còn chàng, với cánh tay băng bột, nắ`m trên võng, say mê chiêm ngưỡng nàng, lòng sửng sờ khôn xiế`t. Căn nhà có vô số` cửa sổ từ nề`n đế`n trầ`n đố`i diện với mặt nước tĩnh lặng - một thứ vật cá`m được sùng bái - của Vịnh biển trước mặt và ngôi nhà đó là một trong những ngôi nhà lớn nhấ`t và cũng cổ nhấ`t trong quận La Manga, không nghi ngờ gì nữa, cũng là ngôi nhà xấ`u xí nhấ`t. Nhưng cái sân thượng nội thấ`t với mái ngói màu bàn cờ, nơi Nena Daconte đang chơi đàn saxophone, là một ổ`c đảo mát dịu trong cái nắ`ng xề` gay gắ`t, nhìn ra một khoảng sân một bóng cây xoài và cây chuồ`i, dưới bóng tán lá cây có một ngôi mộ với một bia đá vô danh xa xưa hơn cả ngôi nhà và hoài niệm của gia tộc.

Ngay cả đố`i với những người không biế`t gì về` âm nhạc cũng không nghĩ rằ`ng cây kèn saxophone quả là lạc lõng trong căn nhà

quí tộc cô cựa như vậy. "Nghe như tiế ng tàu thủy rúc còi vậy", bà nội của Nena Daconte từng nói thế khi bà nghe tiế ng kèn lầ n đầ u. Còn mẹ của nàng cô gắ ng khuyên nàng chơi theo cách khác, nhưng vô ích; bà còn khuyên nàng giữ ý tứ, đừng có chơi nhạc mà mặc váy ngắ n cũn cũn để hở cặp đùi và dang rộng hai chân như thế và với một thứ nhục cảm chẳng có liên quan thiế t yế u gì má y với âm nhạc. "Bạn chơi loại nhạc cụ gì thì cũng chẳng quan trọng gì má y đố i với tôi", nàng từng nói, "nế u bạn chơi nhạc cụ đó với đôi chân khế p chặ t".

Nhưng chính các ca khúc biệt ly, khi một người lên tàu rời xa bắ n và buổi yế n tiệc tình yêu á y đã cho phép Nena Daconte phá vỡ cái vỏ cay đắ ng bao học Billy Sanchez từ bắ y lâu nay. Dưới cái hõn danh đắ ng buồ n là một tên thô lỗ đố t nát mà chàng ta đã duy trì một cách thành công do sự hội tụ của hai danh gia vọng tộc, nàng đã khám phá ra đứa con còi dụn dụn, khiế p sợ trước đời số ng. Trong khi các khớp xương nơi bàn tay chàng đượ c khô u lạnh, nàng và Billy Sanchez học cách hiểu biế t lẫn nhau kỹ đế n nỗi chàng ta kinh ngạc đế n sửng sờ trước tính lưu hoạt của tình yêu khi nàng kéo chàng lại chiế c giường trinh nữ của nàng một buổi chiề u mưa, lúc chỉ có hai đứa ở nhà. Mỗi ngày vào cùng thời điể m, trong suố t hai tuầ n lễ, hai đứa vui đùa thỏa thích, trầ n truồ ng mê đắ m, dưới tia nhìn sửng số t từ các bức chân dung từ các cụ tổ phụ và tổ mẫu vẫn chưa hế hế t khao khát, cũng đã từng lăn lóc mê mẩn nơi thiên đườ ng của chiế c giường lịch sử đó. Ngay cả trong những lúc tạm dừng để chờ hờ i sức tiế p tục cuộc chiế n đầ u, hai đứa cũng để trầ n truồ ng như thế và cửa sổ cứ mở toang, hít thở mùi vị từ các con tàu nhẹ đư a từ vịnh thoắ ng tới và lắ ng nghe, khi tiế ng kèn saxophone cũng như mọi tiế ng động thường ngày khác đầ u im ắ ng, chỉ có tiế ng kêu với một âm điệ u đặ c nhấ t, đầ u đầ u của lũ

ếch nhái dưới các cây chuôi, âm thanh giọt nước rơi trên mô kê vô danh, bước dịch động tự nhiên của sự sống mà chúng chưa có dịp học hỏi trước đây.

Khi cha mẹ nàng trở về nhà, Nena Deconte và Billy Sanchez đã tiến quá xa trong cuộc tình khiến thế giới không còn đủ rộng lớn cho điều gì khác hơn, chúng làm tình mãi mê hết biết trời đất, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, tìm cách phát kiến lại điều đó mỗi lần chúng đụng độ nhau. Trước tiên, chúng quàn nhau trong chiếc xe thể thao mà bố của Billy Sanchez đã tặng cho chàng để xoa dịu bớt cảm thức phạm tội của ông ta. Rồi khi các chiếc xe đã trở nên quá dễ dàng, nhàm chán thì buổi tối hai đứa lại đi đến các buồng thay đồ ở Marbella, nơi định mệnh đã lần đầu kéo chúng lại gần nhau và trong buổi lễ tháng mười một, hai đứa còn bận áo dạ hội đến các phòng cho thuê khu phố nô lệ cũ ở Gethsemani, dưới sự trông chừng, bảo vệ của các bà đứng đắn cách đây vài tháng còn phải chịu đựng Billy Sanchez và dòng đảng của chàng ta. Nena Deconte hiến thân trọn vẹn cho mọi tình chột đến đó cùng với lòng nhiệt thành đấm đuôi mà trước đó nàng đã dành cho cây kèn saxophone, cho đến khi chàng tướng cướp đáng yêu của nàng cuối cùng đã hiểu ra nàng ám chỉ điều gì khi nàng nói là chàng phải làm cho ngon lành như một lực sĩ da đen. Billy Sanchez luôn luôn đáp trả tình nàng với sự khéo léo và nhiệt tình không phai nhạt. Khi làm lễ kết hôn xong, hai đứa thực hiện lời nguyện ước yêu nhau trên vùng trời Đại Tây Dương, trong khi các cô tiếp viên hàng không ngủ, hai đứa quàn chặt nhau trong phòng vệ sinh của máy bay, ngây ngất vì những tràng cười đùa hơn là vì lạc thú. Chỉ khi đó, hai mươi bốn giờ sau lễ cưới, hai đứa mới biết rằng Nena Deconte đã có bầu được hai tháng.

Và thế là khi đến Madrid, hai đứa không lộ ra là đôi tình nhân đã ăn năn với nhau thỏa thuê mà đủ khôn khéo ý tứ làm ra vẻ một cặp tân hôn còn e ấp thẹn thùng. Bố mẹ họ đã chăm lo thu xếp mọi thứ. Trước khi họ rời máy bay, một sĩ quan lễ tân đã đến buồng khách hạng nhất để trao cho Nena Deconte chiếc áo khoác lông chồn trắng trang trí hoa văn màu đen sáng lấp lánh; đó là món quà cưới của bố mẹ nàng và trao cho Billy Sanchez chiếc áo jacket tuyệt phẩm thời trang mùa đông đó cùng chiếc chìa khóa mới tinh của một chiếc xe hơi tân kỳ nhất đang chờ chàng ở phi trường.

Các phái đoàn ngoại giao của xứ họ đón đôi tân hôn ở phòng tiếp tân chính thức. Nơi đó có mặt ngài Đại sứ với phu nhân, những người bạn lâu năm của cả hai gia đình và ngài Đại sứ cũng chính là bác sĩ đã đỡ đẻ cho Nena Deconte chào đời. Giờ đây ông đang chờ đón nàng với một bó hoa hồng tươi thắm, rực rỡ còn đọng những giọt sương mai long lanh. Nàng chào mừng bố mẹ chôn vùi với những nụ hôn có phần gượng gạo, ngưng ngừng về tình trạng làm dâu hơi sớm của mình, rồi giờ tay nhận những đóa hồng. Khi cầm bó hoa, nàng vô ý để một ngón tay chạm vào gai, nhưng nàng đã nhanh trí xử lý sự sơ suất đó bằng một lời bào chữa duyên dáng.

"Con đã cố ý làm như thế" nàng nói "để Ngài lưu ý đến chiếc nhẫn con đang đeo".

Quả thật, cả đoàn ngoại giao đều ngạc nhiên chăm chú nhìn về lòng lẫy của chiếc nhẫn cưới, hẳn phải đáng giá cả một gia tài, chẳng phải chỉ do phẩm chất của các viên kim cương mà chủ yếu là bởi tính cổ xưa được trang trọng gìn giữ của chiếc nhẫn. Nhưng không ai để ý là ngón tay nàng đã bắt đầu rỉ máu. Họ đều quay

qua chiếc xe mới để ngắm nghĩa trà m trô. Ngài Đại sứ đã có ý tưởng độc đáo là mang chiếc xe đến phi trường và ra lệnh trùm kín nó trong giầy xen-lô-phan và cột lại bằng một dải băng màu vàng khổng lồ. Billy Sanchez hồn nhiên như trẻ thơ chẳng để ý gì đến chung quanh. Chàng ta quá nóng lòng nhìn chiếc xe đến độ chàng lập tức xé toang tấm giầy trùm và nhảy phóc vào trong xe ngồi trước tay lái; sung sướng đến nín thở. Đó là chiếc Bentley loại kéo mui lên xuống được, kiểu mới nhất của năm đó với mui nệm bên trong bằng da thật. Bầu trời bên trên một màu xám tro nặng như chì, một ngọn gió buốt cắt da thổi qua Guadarrama, chẳng phải là thời điểm thích hợp để đứng ngoài trời, nhưng Billy Sanchez chẳng có ý niệm gì về tiết trời lạnh giá cả. Chàng ta làm cả ngoại giao đoàn phải đứng đợi nơi bãi đậu xe ngoài trời, chẳng thêm biết là cả đám đang chột cọng, nhưng vì lịch sự vẫn phải đứng yên đợi chàng cho đến khi chàng ngắm nghĩa thỏa thuê từng chi tiết nhỏ của chiếc xe. Rồi thì ngài Đại sứ ngồi bên cạnh chàng chỉ đường cho chàng lái về chỗ công thự của ông, nơi tiệc cưới đang được sửa soạn. Trên đường đi, ông chỉ cho cậu con những nơi danh thắng của thành phố, nhưng Billy Sanchez hình như chỉ để ý đến sự quyên rũ ma thuật của chiếc xe.

Đó là lần đầu chàng đi du lịch nước ngoài. Chàng đã theo học qua bao trường tư rồi trường công, lưu ban hết lớp này đến lớp khác cho đến lúc bị phó mặc trong sự hững hờ quên lãng. Những dấu hiệu đầu tiên của thành phố nào khác với chính thành phố quê hương chàng, các dãy nhà máy xám tro với ánh đèn sáng giữa ban ngày, các thân cây trụi lá, vùng biển xa, tất cả đều làm tăng thêm cảm giác cách biệt mà chàng cố giữ trong một góc của con tim mình. Nhưng rồi chàng nhanh chóng rơi vào cái bẫy đầu tiên của sự lãng quên mà chàng không hề nhận biết. Một cơn bão bất ngờ,

lặng lẽ, cơn bão sớm nhất đầu mùa, bỗng thổi qua trên đầu, và khi đôi lúa rời công thự của ngài Đại sứ sau buổi tiệc cưới để bắt đầu lái xe hướng về nước Pháp, bọn họ thấy cả thành phố bị phủ ngập bởi tuyết trắng rạng ngời. Rồi Billy Sanchez quên cả chiếc xe, la hét vui mừng với tất cả mọi người nhìn mình, ném tung từng nắm tuyết lên đầu và vẫn mặc cái áo khoác mới toanh, chàng lăn lộn trên mặt đất ngay giữa đường phố.

Nena Daconte đã không để ý là ngón tay nàng vẫn chảy máu cho đến khi hai đứa rời Madrid vào một buổi chiều đã trở nên trong sáng sau cơn bão. Điều đó khiến nàng ngạc nhiên, bởi vì trước đó, khi nàng dùng kèn saxophone để đệm cho phu nhân đại sứ hát mừng những khúc arias của Ý sau buổi tiệc, thì ngón tay đeo nhẫn đã làm nàng đau nhức khó chịu. Sau đó, khi nàng chỉ cho chồng con đường ngấn nhất để đến biên giới, nàng mút ngón tay đó, một cách vô thức, mỗi lần nó chảy máu và chỉ khi đến rặng núi Pyrénées nàng mới nghĩ đến việc tìm một tiệm thuốc tây. Rồi nàng rơi vào những giấc mộng quá hạn của mấy ngày trước khi nàng thức giấc để lại rơi vào cái cảm tưởng như ác mộng rằng chiếc xe đang đi dưới nước, đó là một khoảng thời gian quá lâu trước khi nàng nhớ lại chiếc khăn tay đang quấn quanh ngón tay nàng. Nàng nhìn thấy trên mặt đồng hồ được rọi sáng của táp lô xe, kim đồng hồ chỉ ba giờ hơn, nàng tính nhẩm và, chỉ khi ấy, nàng mới chợt nhận ra là hai đứa đã đi qua Bordeaux, qua cả Angoulême, Poitiers và đang lái xe chạy dọc theo ven bờ đê bị nước tràn qua cửa sông Loire. Ánh trăng len lỏi qua màn sương mù và bóng dáng các lâu đài tháp thoáng qua các hàng thông dường như hiện ra từ trong truyện thần tiên. Nena Daconte biết rõ vùng này, ước lượng rằng họ còn cách Paris độ ba giờ nữa và Billy Sanchez vẫn ngoan cường, vững vàng trước vô lăng.

"Anh đúng là một con người hoang dã", nàng nói. "Anh đã lái liên tục trong hơn mười một tiếng đồng hồ mà vẫn chưa ăn uống tí gì".

Như bị ngấm liê`u độc dược của chiếc xe mới, chàng cứ tiế`p tục lái đi. Chàng đã không ngủ gì nhiê`u lúc ở trên máy bay, nhưng chàng vẫn cảm thấ`y hoàn toàn tỉnh thức và còn sung sức để đê`n Paris vào lúc rạng đông.

"Anh vẫn còn no từ buổi tiệc cưới ở sứ quán" chàng đáp. Và chàng nói tiế`p mà không có mô`i liên hệ lô`gích nào. "Vớ`i lại ở Cartagena, giờ này họ mới vừa rời rạp hát. Chắ`c chỉ mới khoảng mười giờ đêm thôi".

Tuy thế` , Nena Daconte ngại rắ`ng chàng có thể ngủ gục trên tay lái. Nàng mở một trong rá`t nhiê`u quà tặng họ đã nhận được ở Madrid và cô` nhét một miế`ng kẹo cam vào miệng chàng. Nhưng chàng quay đi.

"Đàn ông thực sự không ăn kẹo" chàng nói.

Trước khi đê`n Orléans một tí, sương mù tan dần và một vầ`ng trăng tròn vành vạch, thật lớn soi sáng cánh đò`ng tuyế`t phủ nhưng sự lưu thông càng trở nên khó khăn hơn vì những chiếc xe tải khổng lồ` và những chiếc xe bô`n chở rượu chạy nhập vào cùng tuyế`n xa lộ, tá`t cả hướng về` Paris. Nena Daconte muố`n giúp chò`ng bắ`ng cách ngò`i vào tay lái nhưng nàng không dám gợi ý chuyện đó: Chàng đã báo cho nàng biế`t ngay trong lâ`n đầ`u họ đi chơi bên ngoài với nhau rắ`ng không có điề`u gì sĩ nhục hơn cho người đàn ông là để` vợ cầ`m lái. Nàng thấ`y đầ`u óc tỉnh táo sáng suố`t sau gầ`n năm giờ ngủ ngon và nàng cũng thấ`y thích vì không

phải ngủ lại nơi một khách sạn tình lẻ của Pháp mà nàng đã từng quá biế t khi nàng còn là một cô gái nhỏ đã từng trải qua vô số cuộc hành trình qua các vùng đó với bố mẹ nàng. "Chẳng còn vùng quê xinh đẹp nào trên thế giới này nữa", nàng nuô i tiế c, "bạn có thể chế t khát mà không gặp được một người nào cho không bạn một ly nước lã". Nàng tin chắ c vào điề u đó đế n nỗi trước lúc đi, nàng đã cẩn thận mang theo một cục xà bông, một cuộn giấ y vệ sinh trong túi xách, bởi vì tại khách sạn Pháp thời đó chẳng hề có xà bông và giấ y vệ sinh. Điề u duy nhấ t nàng lấ y làm tiế c vào giờ phút đó là đã để phí nguyên cả một đêm mà không làm tình. Câu trả lời của chồ ng nàng đế n ngay tức thì.

"Anh cũng vừa mới nghĩ là làm tình trong tuyế t hẳn phải thú vị lắ m". "Ngay tại đây, nế u em muô n"

Nena Daconte chịu liề n. Tuyế t được ánh trăng chiế u sáng ở bìa xa lộ trông như được phủ lông tơ, mê m mại và á m áp nhưng vì lúc đó họ đã đế n gầ n vùng ngoại ô Paris, xe cộ lưu thông trên đường nhiề u hơn, nhiề u hẫ ng xưở ng thả p đèn sáng trưng, công nhân rộn rịp đạp xe đạp đế n chỗ làm. Nế u không phải gặp lúc mùa đông thì giờ này hẳn là đã sáng bảnh mắ t rô i.

"Thôi chúng mình đợi đế n Paris hẫ ng hay" Nena Daconte bảo chồ ng. "Lúc đó hai đứ a điề u tinh tươm, á m áp trong giường với gồ i chần sạch sẽ giồ ng như đôi tân hôn khác".

"Lầ n đầ u tiên thấ y em từ chồ i anh chuyện đó đầ y", chàng nói.

"Đúng rô i", nàng đáp, "Đây là lầ n đầ u chúng mình mới lấ y nhau mà".

Gần đến rặng đông, hai người vào rửa mặt và làm vệ sinh ở một quán ăn ven đường, uống cà phê, ăn bánh croissant nóng ở quầy, nơi đó các tài xế xe tải uống rượu chát trong khi dùng điểm tâm. Khi ở buồng toilet, Nena Daconte nhìn thấy nhiều vết máu dấy trên áo và váy nàng, nhưng nàng đã không cố gột chúng đi. Nàng ném chiếc khăn tay thấm máu vào giỏ rác, đổi chiếc nhẫn cưới qua phía tay trái và rửa ngón tay bị thương bằng xà bông và nước lạnh. Vết trầy hằn như không nhìn thấy được. Thế nhưng khi họ vừa trở lại ngồi vào trong xe, vết trầy đó lại rỉ máu và Nena Daconte đưa cánh tay ra ngoài cửa xe, tin rằng không khí buốt giá của đông trời có thể làm se bề mặt vết thương để cầm máu. Phương cách đó tỏ ra vô hiệu, nhưng nàng vẫn chưa quan tâm lắm. "Nếu có ai đó muốn theo dấu chúng ta thì thật dễ thôi", nàng nói với vẻ duyên dáng, hồn nhiên của mình. "Họ chỉ cần theo dấu máu của em trên tuyết".

Rồi nàng nghĩ tiếp về điểu mình vừa nói và mặt nàng bỗng rạng rỡ hẳn lên trong tia sáng đèn tiên của ban mai.

"Hãy tưởng tượng xem", nàng nói tiếp, "Một vết máu trong tuyết kéo dài suốt chặng đường từ Madrid tới Paris. Đó có thể là đề tài của một ca khúc hay dấy chứ?"

Nàng không còn thời gian để suy nghĩ thêm nữa. Khi đến vùng ngoại ô Paris, ngón tay nàng chảy máu thành dòng không cầm lại được nữa và nàng cảm thấy như linh hồn nàng thoát đi qua vết thương đó. Nàng đã cố thử ngăn dòng máu với cuộn giấy vệ sinh nàng mang theo trong túi xách tay, nhưng thời gian bọc ngón tay nàng còn lâu hơn là thời gian để ném các miếng giấy thấm máu qua cửa xe. Quần áo nàng đang mặc, áo khoác chỗ ngồi trong xe, tất cả đều thấm ướt máu, theo một tiến trình tuần tự nhưng

bất khả văn hô`i. Billy Sanchez kinh hoàng thật sự và nhấ`n mạnh với nàng cô` tìm một tiệm thuố`c tây nhưng lúc đó nàng biế`t rằng không còn là vấ`n đề` của các dược sĩ nữa.

"Chúng ta sắ`p đế`n cổng d'Orleans rô`i", nàng nói. "Chạy thẳng phía trước dọc theo đại lộ Tướng Leclerc, con đường lớn với hai hàng cây đó, rô`i em sẽ chỉ cho anh biế`t phải làm gì"

Đây là đoạn khó khăn nhấ`t trong cuộc hành trình. Đại lộ Tướng Leclerc kẹt xe cả hai chiề`u, một cái nút địa ngục với xe nhỏ và xe gắ`n máy đan chéo nhau với các xe tải khổng lồ` đang cô` nhích từng chút để` tiế`n về` các chợ trung tâm. Tiế`ng nhấ`n còi vô hiệu làm Billy Sanchez nổi cáu, chàng văng tục liề`n miệng vào đám tài xế` các xe kia và còn muố`n nhào ra khỏi xe để` đấ`m một người trong bọn họ, nhưng Nena Daconte lựa lời khuyên giải chàng rằ`ng người Pháp là dân cộc cắ`n nhấ`t thế` giới, nhưng họ đâu có mang nắ`m đấ`m sắ`t trên tay. Câu đó thêm một bắ`ng chứng cho sự phán đoán sáng suố`t của nàng, bởi vì vào lúc ấy Nena Daeonte đang thu hế`t nghị lực để` không đánh mấ`t ý thức.

Họ phải mấ`t hơn một giờ để` đi vòng bùng binh Léon de Belffort. Các tiệm cà phê và cửa hàng đê`u bật đèn sáng như lúc nửa đêm, bởi vì hôm đó là ngày thứ ba tiêu biểu cho tiế`t trời tháng giêng u ám ảm đạm của Paris với cơn mưa dai dẳng nhưng chẳng bao giờ đủ rắ`n lại thành tuyế`t. Nhưng xe cô` đã thừa thớt trên Đại lộ Denfert-Rochereau và sau ít dấ`y phồ`, Nena Daconte bảo chồ`ng queo phải rô`i chàng đậu xe bên ngoài cửa cá`p cứu của một bệnh viện ảm đạm, rộng mênh mông.

Người ta phải dìu nàng ra khỏi xe, thế` nhưng nàng chưa đánh mấ`t vẻ điề`m tĩnh và sáng suố`t. Trong lúc nàng nắ`m trên băng ca

chờ bác sĩ đang bận khám người khác, nàng trả lời các câu hỏi thông lệ của người điê u dưỡng đang nhìn vào căn cước và tiê n sử bệnh án của nàng. Billy Sanchez mang xách tay của nàng và nắ m chặt tay trái nàng nơi nàng đang đeo nhẫn cưới; bàn tay đó mê m lả và lạnh ngắt và đôi môi nàng đã má t hẫ m màu hô ng tươi. Chàng ngô i bên nàng nắ m lắ y tay nàng cho đế n lúc bác sĩ đế n khám qua ngón tay bị thương của nàng. Ông ta còn rắ t trẻ, đầ u tóc cắ t cao gọn ghẽ với làn da màu đờ ng nâu. Nena Daconte không chú ý đế n ông mà hướng về phía chồ ng với một nụ cười nhợt nhạt.

"Đừng sợ" nàng nói với tính hài hước không kê m được của mình. "Điê u duy nhắ t có thể xảy ra là cái ông ngáo ộp ăn thịt người này sẽ cắ t bàn tay em và xơi tái nó".

Bác sĩ tiê p tục khám xong rô i làm cho họ ngạc nhiên với thứ tiê ng Tây Ban Nha rắ t đúng ngữ pháp nhưng bằ ng giọng châu Á hơi là lạ.

"Không đâu các con ạ", ông ta nói. "Ông ngáo ộp ăn thịt người này thà chịu chề t đói chứ không đời nào đành lòng cắ t đi một bàn tay xinh đẹp như thế này".

Họ ngưng ngưng bô i rô i, nhưng vị bác sĩ đã trắ n an họ với một cử chỉ thân ái. Rô i ông ta ra lệnh đẩy giường lăn đi xa và Billy Sanchez cô đi theo, bắ u chặt vào tay vợ. Bác sĩ nắ m lắ y cánh tay chàng, ngăn lại.

"Đừng, anh bạn", ông nói "Cô á y vào phòng chăm sóc đặc biệt".

Nena Daconte mỉm cười với chồ ng một lâ n nữa và tiê p tục vẫ tay chào tạm biệt cho đế n khi nàng khuắ t ở cuô i hành lang. Bác sĩ

đứng phía sau, chăm chú đọc thông báo mà trước đó người điê`u dưỡng viê`t lên tâ`m bảng. Billy Sanchez gọi ông.

"Thưa bác sĩ, cô á`y đang có mang".

"Bao lâu rô`i?"

"Độ hai tháng"

Bác sĩ không coi sự kiện này là quan trọng lắ`m như Billy Sanchez đã mong đợi. "Anh nói với tôi điê`u á`y là đúng đầ`y", ông trả lời cho có lệ rô`i bước theo chiê`c giườ`ng đẩy. Billy Sanchez bị bỏ lại đó, đứng chơ` vợ giữa căn phòng ảm đạm bô`c mùi mô` hôi người bệnh, không biê`t làm gì; chàng chỉ còn biê`t nhìn theo hành lang trồ`ng vắ`ng nơi họ đã mang Nena Deconte đi, rô`i chàng ngồ`i xuô`ng băng ghê` gỗ nơi những người khác cũng đang ngồ`i chờ. Chàng không biê`t mình ngồ`i đó trong bao lâu, nhưng khi chàng quyê`t định rời bệnh viện thì trời đã tồ`i và vẫn còn mưa dai dẳng. Bị đè xuô`ng bởi gánh nặng của cả thê` giới chàng vẫn còn không biê`t phải làm gì.

Nena Daconte được nhập viện vào lúc chín giờ rườ`i sáng ngày thứ ba, 7, tháng giêng, theo như tôi biê`t được sau đó nhờ xem sổ nhận bệnh của bệnh viện. Tô`i đầ`u tiên hôm đó, Billy Sanchez ngủ trong xe, đỗ lại trước cửa cá`p cứu và sáng hôm sau chàng ăn sáu quả trứng luộc rô`i uố`ng hai cô`c cà phê sữa tại quán cà phê gầ`n nhấ`t. Từ lúc rời Madrid đế`n giờ chàng chưa ăn tí gì. Rô`i chàng trở lại phòng cá`p cứu để mong gặp Nena Daconte, nhưng má`y nhân viên bệnh viện tìm cách cho chàng hiểu rằ`ng chàng phải đi vào cổng chính. Ở đó, cuô`i cùng một bác lao công người Asturias đã giúp chàng trình bày sự việc với người tiế`p tân của bệnh viện;

người này xác nhận rằng Nena Daconte đã nhập viện, nhưng thân nhân chỉ được thăm bệnh vào ngày thứ ba hàng tuần, chín giờ sáng đến bốn giờ chiều. Thế có nghĩa là sáu ngày kia không được lai vãng hỏi han. Chàng cố tìm gặp người bác sĩ nói tiếng Tây Ban Nha mà chàng diễn tả như là một người da ngăm đen với đầu tóc hớt cao, nhưng không ai có thể cho chàng biết điều gì nếu chỉ căn cứ vào hai chi tiết quá đơn giản đó.

Yên tâm rằng Nena Daconte có tên trong sổ nhận bệnh, chàng trở lại với chiếc xe. Một viên công lộ bảo chàng đậu xe ở hai dãy phố cách chỗ đó, trong một con đường chật hẹp, ở dãy phố ghi số chẵn. Bên kia đường là một building tân trang với bảng hiệu "Khách sạn Nicole". Khách sạn chỉ có một sao và dãy khu tiếp tân rất nhỏ, chỉ vồn vện có một ghế sofa và một cây đàn piano cũ nhưng người chủ với giọng nói cao thánh thót, có khả năng hiểu được các khách hàng dù nói bất kỳ ngôn ngữ nào bao lâu mà vị khách còn có tiền. Billy Sanchez với mười một cái valy và chín hộp quà tặng, lấy cái phòng duy nhất còn trống, một cái gác xếp hình tam giác ở tuốt trên tầng chín mà chàng lên tới sau khi trèo hụt hơi cái cầu thang cuối bậc mùi súp lơ luộc sôi. Bốn bức tường dán giấy màu xám xịt mà chẳng có chỗ nào ở cửa sổ để đặt bất cứ thứ gì ngoài ánh sáng lờ mờ lọt vào từ khoảng trống nội thất. Có một giường đôi, một tủ lớn, một ghế dựa thẳng lưng, vài dụng cụ vệ sinh đã chiếu. Tất cả những thứ linh tinh đó chiếm hết khoảng không gian chật hẹp của căn gác xếp, do đó, cách duy nhất để ở trong phòng là nằm ỳ trên giường. Còn tệ hơn là cũ kỹ, tất cả mọi thứ trông như đồ phế thải, nhưng được cái rất sạch sẽ nặng mùi thuốc khử trùng.

Dẫu có dùng cả phần còn lại trong đời để chờ đợi, Billy Sanchez cũng không giải đoán nổi những bí ẩn của thế giới được xây dựng trên tài năng keo kiệt đó. Chàng không hiểu được tại sao đèn cầu thang tắt đi trước khi chàng đến được tầng mình ở và chàng cũng không bao giờ khám phá được cái bí quyết bật sáng đèn trở lại. Chàng phải mất nửa buổi sáng mới biết được rằng trên mỗi tầng có một phòng nhỏ làm vệ sinh chung mà người ta kéo một dây xích để dội cầu và chàng đã định mò mẫm trong bóng tối để dùng nó, khi chàng tình cờ khám phá ra rằng đèn sẽ bật sáng lên khi bấm khóa bên trong và do đó sẽ không có ai quên tắt đèn khi đi ra ngoài. Vòi sen trắng được đặt ở cuối dãy phòng chỉ được dùng mỗi ngày một lần; muốn dùng thêm phải trả tiền mặt, còn nước nóng một lần chỉ chảy trong ba phút thôi, do phòng tiếp tân kiểm soát. Thế nhưng Billy Sanchez cũng đủ sáng suốt để nhận ra rằng cách làm ăn đó, dẫu rất khác biệt với cánh hành xử của chàng, dẫu sao cũng vẫn tốt hơn là ở ngoài trời vào tiết tháng giêng khắc nghiệt của Paris và chàng cảm thấy thật bối rối và cô đơn đến nỗi là chàng không thể hiểu làm sao chàng đã có thể sống mà không có sự giúp đỡ và bảo bọc của Nena Daconte.

Khi chàng leo lên lại phòng mình vào buổi sáng thứ tư, chàng ném mình nằm úp mặt xuống giường, với áo choàng còn nguyên trên người, nghĩ miên man về tạo vật kỳ diệu đang tiếp tục chảy máu, chỉ cách chàng có hai dãy phố và chàng rơi vào một giấc ngủ mê man; đến khi chàng thức dậy, đồng hồ đã chỉ năm giờ nhưng chàng không biết năm giờ chiều hay năm giờ sáng và hôm đó là ngày thứ mấy trong tuần, và cũng chẳng còn biết mình đang ở thành phố nào với những cửa sổ bạc màu, xộc xệch bởi gió mưa. Chàng thức giấc nhưng vẫn còn nằm trong giường, chờ đợi, dẫu lúc nào cũng nghĩ đến Nena Daconte, cho đến khi chắc chắn

là một ngày khác đã lại bắt đầu. Lúc đó chàng đi ăn điểm tâm tại cùng quán cà phê như ngày hôm trước và ở đây chàng biết rằng hôm đó là ngày thứ ba. Ánh đèn trong bệnh viện bật sáng lên, mưa đã tạnh và chàng đứng dựa vào thân cây để bên ngoài cổng chính, nơi các bác sĩ và điều dưỡng mặc áo choàng trắng đi vào, đi ra. Chàng hy vọng gặp được vị bác sĩ người châu Á đã nhận Nena Daconte vào viện. Chàng đã không thấy ông ta và chiều hôm đó sau bữa trưa, chàng đã phải bỏ dở cuộc canh chừng vì chàng gần chết cứng. Lúc bảy giờ sáng, chàng uống thêm ly cà phê sữa, ăn thêm hai quả trứng luộc mà chàng bóc lên ở tại quầy sau hai ngày ăn cùng một món tại cùng một chỗ. Khi chàng trở lại khách sạn để ngủ, chàng thấy chỉ có chiếc xe của mình chờ vợ bên một phía đường phố với một vé phạt tiền đậu xe gán ở quạt nước, trong khi tất cả các xe khác đều đậu ở phía đối diện.

Khó khăn lắm người gác của khách sạn Nicole mới giải thích cho chàng hiểu là vào những ngày lễ người ta phải đậu xe bên dãy phố ghi số lễ và vào những ngày chẵn phải đậu xe bên dãy phố chẵn. Những quy định duy lý kiểu đó đối với chàng công tử đại gia Sanchez de Avile xem ra thật khó hiểu bởi chàng đã từng, hai năm trước đây, lái chiếc công xa của chính ngài Thị Trưởng đi đến rạp chiếu bóng của một vùng lân cận và chàng đã phóng xe bạt mạng tạo nên một cuộc tàn phá tơi bời trước mắt cảnh sát mà họ vẫn không dám hé một lời động đến cậu thiếu chủ ngang tàng con ông lớn đó. Chàng càng ngờ ngác hơn khi người gác khuyên chàng nộp tiền phạt, nhưng đừng dời xe đi vào giờ đó bởi vì chỉ một lát nữa thôi là đến nửa đêm và chàng lại phải quay xe về chỗ cũ. Khi chàng ném mình xuống giường năm trăm trọc mãi không ngủ được, lần đầu tiên chàng không những chỉ nghĩ về Nena Daconte mà còn nghĩ về những đêm hoang đàng của mình trong các quán ba

rượu vui nhộn ở khu chợ Cartagena vùng biển Caribê. Chàng nhớ lại mùi vị của cá chiên và cơm nước dừa nơi các quán ăn dọc theo các bến tàu, nơi các tàu buồm từ Aruba đến, đang thả neo. Chàng nhớ căn nhà mình, những bức tường bao phủ bởi hoa tigon giống hình tim vỡ, chỉ mới cách đây vài hôm thôi, và chàng thấy cha của chàng trong bộ pyjama (đồ ngủ) bằng lụa, ngồi đọc báo trong hơi lạnh nơi sân thượng.

Chàng nhớ đến mẹ chàng - chẳng ai có thể biết được lúc nào bà ở đâu, bất kỳ vào giờ giấc nào - người mẹ đa ngôn, đa dục của chàng, thường mặc áo dài ngày hội với một bông hồng sau lưng tai khi đêm xuống, ngọt ngào với hơi nóng trong sự công kênh của bao thứ vải vóc sắc sỡ trên người. Một buổi chiều, thưở mới lên bảy, cậu bé đã đi vào phòng bà mẹ mà không gõ cửa và thấy bà trần truồng với một trong các gã tình nhân chôn lấp của bà. Điều sơ suất tình cờ đó - mà họ không bao giờ nhắc tới - đã tạo ra một mối quan hệ đồng lõa giữa hai mẹ con, một thứ tình cảm tỏ ra hữu ích hơn là tình mẫu tử. Nhưng chàng đã không ý thức được điều đó cũng như không ý thức về bao điều khủng khiếp khác trong chuỗi ngày thơ ấu đơn côi của chàng, cho đến cái đêm chàng ném mình lên giường trong một căn gác xép buồm thăm ở Paris, chẳng có một ai để tâm sự cho vui bớt nỗi sầu mà chỉ thấy cuộc sống nhô ghê gớm với chính bản thân mình vì đã không chịu nổi cơn thèm khóc đang chực òa vỡ ra.

Sự mất ngủ đó hóa ra lại có lợi. Chàng ra khỏi giường vào ngày thứ sáu, bị tổn thương vì cái đêm kinh khủng mà chàng đã trải qua, nhưng chàng đã quyết định phải làm một điều gì đó cho ra hồn. Cuối cùng, chàng phải quyết định phải phá ổ khóa chiếc valy của chàng để lấy quần áo ra thay, vì tất cả chìa khóa đều ở trong túi

xách tay của Nena Daconte cùng với đa số tiền bạc của hai người với cuốn sổ ghi địa chỉ; nếu có cuốn sổ đó, may ra chàng tìm được người quen nào đó ở Paris. Tại quán cà phê quen thuộc chàng nhận ra là chàng đã đọc được cách chào hỏi bằng tiếng Pháp, cách gọi món sandwiches và cà phê sữa. Chàng biết là chẳng bao giờ chàng có thể gọi bơ hay bất cứ thứ trứng gì vì chàng chẳng bao giờ học cách phát âm các từ ấy cho đúng nhưng bơ vẫn luôn luôn được phục vụ kèm với bánh mì và trứng luộc được bày sẵn ở quầy nên chàng cứ việc lấy ăn khỏi cần gọi. Hơn nữa, đến ngày thứ ba thì mấy người hầu bàn đã quen mặt chàng và sốt sắng giúp chàng khi chàng có gắng diễn tả điều mình muốn cho họ hiểu. Và thế là vào buổi ăn trưa ngày thứ sáu chàng đã nghĩ được cách gọi món bò phi lê bíp tếch với khoai tây chiên và một chai rượu vang. Chàng thấy khoái khẩu và lâng lâng thích thú, hứng chí gọi thêm hai chai nữa, uống gần hết nửa chai xong băng qua bên kia đường với quyết tâm phải xông vào bệnh viện, đến tận chỗ người yêu mình đang nằm. Chàng không biết tìm Nena Daconte ở đâu, nhưng hình ảnh của vị bác sĩ người châu Á ám ảnh đầu óc chàng và chàng cứ tin chắc là mình sẽ gặp được ông ta. Chàng không đi vào cửa chính mà xông vào cửa cấp cứu, chàng thấy có vẻ như không được canh gác kỹ cho lắm, nhưng chàng không thể vượt qua được hành lang nơi Nena Daconte đã từng vẫy tay từ biệt chàng. Một người gác đàn với áo choàng lấm tẩm máu hỏi chàng điều gì đó khi chàng đi ngang qua, nhưng chàng thẳng thừng để ý. Người đó đi theo chàng, lặp lại câu hỏi hai ba lần bằng tiếng Pháp và cuối cùng nắm chặt tay chàng mạnh đến nỗi khiến chàng phải dừng chân lại. Billy Sanchez tìm cách thoát khỏi cú chộp của ông ta bằng một thế xoay chéo và lúc đó người gác đàn chửi đ. m. chàng bằng tiếng Pháp, vịn tréo tay chàng ở vai bằng thế khóa búa và không quên luôn

mô`m đ. m. hàng ngàn lầ`n, kéo xệch chàng ra cửa, trong khi chàng giậ`n điên lên vì đau đứn, và ném chàng vào giữa lòng đườg phồ` như ném một một bao khoai.

Buổi chiề`u hôm đó, đau đứn vì sự trừng phạt chàng đã nhận lãnh, Billy Sanchez bắ`t đầ`u trở thành người lớn. Chàng quyế`t định giồ`ng như Nena Daconte có lẽ đã làm như thế`, hướng về` đạ`i sứ của nước mình. Người gác khách sạn, mặc đầ`u có vẻ ngoài khó thân thiện, thực ra lại rấ`t sẵn lòng giúp đỡ và rấ`t kiên nhẫn trong trò đắnh đồ` ngôn ngữ, đã tìm đượ`c địa chỉ của tòa đạ`i sứ và viế`t ra trên một tá`m thẻ. Một giọng phụ nữ rấ`t khả ái trả lời điện thoại và chắng má`y chồ`c Billy Sanchez nhận ra giọng nói vùng núi Andes qua cách phát âm chậm rãi, thiế`u màu sắ`c của cô ta. Chàng bắ`t đầ`u bắ`ng cách tự giới thiệu danh tánh lý lịch của mình, tin chắ`c rằ`ng tên tuổi hai danh gia vọng tộc của vợ chồ`ng chàng sẽ gây á`n tượng mạnh mẽ nơi người nghe, nhưng giọng nói trong điện thoại vẫn không hề` tỏ ra có chút gì xúc động hoặc nề`nang cả. Chàng nghe cô ta đọ`c một bài học thuộc lòng: Ngài Đạ`i sứ không có mặt tại nhiệm sở vào lúc này và chỉ trở lại đây vào ngày mai, nhưng đầ`u bắ`t cứ trường hợp nào, Ngài cũng chỉ diện kiế`n khi có hẹn và cũng chỉ trong những trường hợp rấ`t đặc biệt mà thôi. Billy Sanchez hiểu rằ`ng chàng không thể tìm Nena Daconte qua con đườg đó và chàng cá`m ơn người phụ nữ bên kia đầ`u dây về` những thông tin của nàng, với sự khả ái lịch sự cũng không kém phầ`n trang trọng như khi nàng đã lịch sự trao đổi với chàng. Rồ`i chàng gọi taxi, ra hiệu chạy về` phía tòa Đạ`i sứ.

Tòa nhà đó tọa lạc tại số` 22 đườg Chámp - Elysées, nơi một trong những khu yên tĩnh nhấ`t của Paris, nhưng điề`u duy nhấ`t gây á`n tượng sâu xa cho Billy Sanchez, như chàng kể lại với tôi (tức

tác giả - G. G. Marquez) tại Cartagena de Indias nhiều năm sau, đó là lần đầu tiên kể từ khi chàng đến Paris, chàng mới lại được thấy ánh mặt trời rạng rỡ như ở vùng biển Caribê và tháp Eiffel tỏa bóng trên thành phố, vươn mình trên bầu trời chói lọi trong veo. Viên chức tiếp chàng nhân danh ngài Đại sứ, nom giống như vừa mới hồi phục sau trận ốm nặng, không hẳn chỉ vì bộ lễ phục đen, cổ còn ôm cứng và mảnh băng tang trên ve áo mà còn vì dáng vẻ đạo mạo kiểu quan tòa và giọng nói thì thào, kín đáo của ông ta. Ông hiểu nỗi ưu tư dằn vặt của Billy Sanchez, nhưng ông nhắc nhở chàng, mà không làm mất đi vẻ dè dặt, kín đáo của mình, rằng họ đang sống trong một xứ sở văn minh với những chuẩn mực nghiêm ngặt, được xây dựng từ những điển lệ lâu đời, thông thái, ngược hẳn với đám người châu Mỹ la tinh man dã, nơi mà người ta chỉ cần hô i lộ người gác cửa để có thể đi vào thăm bệnh bất cứ lúc nào. "Không con ạ", ông ta nói. "Chỉ còn cách phục tùng quy luật của lý trí và chờ đến ngày thứ ba tuần tới thôi."

"Đầu sao thì cũng chỉ còn bốn ngày thôi", ông kết luận. "Trong khi chờ đợi, con hãy đi thăm viện bảo tàng Louvre. Nơi đó đáng xem lắm".

Khi chàng ra ngoài, Billy Sanchez thấy mình đang ở Quảng trường La Concorde mà không biết phải làm gì. Chàng thấy tháp Eiffel vươn cao lên các mái nhà và có vẻ quá gần, khiến chàng muốn đi bộ đến đó dọc theo các kè sông. Nhưng chàng nhanh chóng nhận ra cái tháp còn ở xa hơn nhiều và dường như cứ thay đổi vị trí hoài mỗi lần chàng nhìn nó. Và thế là chàng bắt đầu nghĩ về Nena Deconte khi chàng ngò i lên chiếc ghế đá đặt dọc ven bờ sông Seine. Chàng nhìn các chiếc thuyền buồm nhỏ qua lại dưới cầu, chàng thấy chúng không phải giống như ghe

thuyền mà giống những cái nhà trôi lênh đênh, với mái dỏ và các chậu hoa đặt ở ngưỡng cửa sổ và các hàng quần áo phơi ở ngang phần boong. Trong một lúc lâu, chàng ngó i chăm chú ngắm một người ông bất động, với một cái cần câu cũng bất động buông xuống dòng nước, chàng mệt mỏi vì chờ đợi một cái gì chuyển động, cho đến khi trời sẩm tối i chàng quyết định kêu taxi để trở về khách sạn. Lúc đó chàng bỗng nhận ra rằng chàng không để ý tên khách sạn mình ngủ là gì địa chỉ nó ở đâu và cũng chẳng có ý niệm nào về cái bệnh viện nơi vợ chàng nằm, nó ở chỗ mô tê nào trong cái thành phố Paris rộng lớn, xa lạ này.

Chàng thật sự phát hoảng; chàng bèn bước vào tiệm cà phê đầu tiên chàng gặp, gọi một chai cognac, và cố gắng thu xếp lại cái mơ ý tưởng rớt i như bóng bong trong đầu chàng. Trong khi bao ý nghĩ nhảy múa lung tung trong đầu, chàng thấy hình ảnh của chính mình lặp đi lặp lại từ rất nhiều góc cạnh khác nhau nơi vô số các tấm gương gắn trên tường, chàng thấy mình sợ hãi và cô đơn và lần đầu tiên trong đời, chàng nghĩ về cái chết như một thực tại hiện diện. Nhưng với ly cognac thứ nhì chàng cảm thấy khá hơn bỗng nảy sinh ý tưởng tiên định may mắn là trở về lại tòa Đại sứ. Chàng lục tìm trong túi tá m carte ghi địa chỉ và số điện thoại của sứ quán, chàng khám phá ra rằng tên và địa chỉ của khách sạn chàng ở được in ở mặt kia. Chàng hoàn hồn vì kinh nghiệm đó đến nỗi hết dám rời căn phòng của mình đi đâu xa, suốt cả mấy ngày cuối i tuần, trừ những lúc ra quán gòn đó, để ăn uống và để xe dịch chiếc xe từ phía bên này sang đỗ phía bên kia. Trong ba ngày liên, cơn mưa nhớp nháp lại liên tục rơi dai dẳng. Billy Sanchez, người chưa từng bao giờ đọc trọn một cuốn sách nào, giờ đây lại ước ao có được một quyển sách để khuây đi nỗi buồn chán khi cứ phải nằm dài trên giường; thế nhưng những quyển sách

duy nhất chàng tìm thấy trong vali của vợ chàng lại là những quyển được viết bằng các ngôn ngữ khác với tiếng Tây Ban Nha, ngôn ngữ duy nhất mà chàng đọc được. Và thế là chàng lại phải tiếp tục chờ cho đến thứ ba, năm nhìn ngắm những con công trên các bức giấy dán tường và đầu óc lúc nào cũng nghĩ về Nena Daconte. Đến ngày thứ hai đầu tuần, chàng nhìn khắp lượt căn phòng, tự hỏi không biết nàng sẽ nói gì nếu nàng thấy chàng ở nơi một căn phòng tồi tàn như thế này và chỉ khi đó chàng mới khám phá ra cái áo khoác lông chồn lớn đốm những vết máu khô. Chàng dùng cả buổi chiều để chà giặt cái áo với miêng xà bông thơm chàng tìm thấy trong xách nhỏ của nàng, cho đến lúc chàng thành công trong việc khôi phục lại cái áo choàng đó như lúc nó mới được mang vào trong máy bay để trao tặng cô dâu ở sân bay Madrid.

Ngày thứ ba đến u ám và lạnh buốt, nhưng không mưa. Billy Sanchez thức dậy lúc sáu giờ sáng và chờ ở cổng bệnh viện với một đám đông những thân nhân mang quà và hoa thăm bệnh nhân. Chàng đi vào cùng với đám đông, mang cái áo khoác lông chồn trên tay, không hỏi ai câu gì và cũng không có một ý niệm nào về việc Nena Daconte ở đâu, nhưng được nâng đỡ bởi niềm tin là chàng sẽ gặp được vị bác sĩ người châu Á. Chàng đi qua một cái sân trong rất rộng, với hoa và chim nhiều loại và ở mỗi bên là các dãy bệnh xá; dãy đàn bà bên cánh phải, dãy đàn ông bên cánh trái. Theo chân mấy người thăm bệnh kia chàng đi vào dãy bệnh nhân nữ. Chàng thấy một hàng dài các bệnh nhân nữ mặc áo choàng của bệnh viện, ngồi trên giường, được chiếu sáng bởi ánh sáng mạnh nơi cửa sổ, và chàng đã nghĩ, nơi đây vui hơn là khi ở bên ngoài người ta tưởng tượng về nó. Chàng đi đến cuối hành lang, rồi đi trở lại, cho đến khi chàng chắc rằng không có người bệnh nào là Nena

Daconte ở đó. Rồi chàng đi chung quanh dãy hành lang phía ngoài một lầu nữa, nhìn xuyên qua các cửa sổ nơi dãy đàn ông cho đến khi chàng chắc rằng không có người bệnh nào là Nena Deconte ở đó. Rồi chàng đi chung quanh dãy hành lang phía ngoài một lầu nữa, nhìn xuyên qua các cửa sổ nơi dãy đàn ông cho đến khi chàng nghĩ rằng chàng đã nhận ra được vị bác sĩ mà chàng đang cố công tìm kiếm.

"Trời đất, anh đã ở đâu suốt thời gian vừa qua?" ông hỏi chàng.

Billy Sanchez đâm ra bối rối.

"Ở khách sạn", chàng đáp. "Ngay đây thôi; gần góc phố trước mặt đây"

Rồi chàng được cho biết mọi chuyện. Nena Daconte đã chảy máu đến chết vào lúc bảy giờ mười phút trong buổi chiều ngày thứ năm, 9 tháng giêng, sau sáu mươi giờ cố gắng vô vọng của những bác sĩ chuyên khoa tài giỏi nhất của nước Pháp. Nàng đã tỉnh táo và bình thần cho đến giờ phút cuối, bảo họ đi tìm chôn nàng ở khách sạn Athénée, nơi nàng và Billy Sanchez đã có phòng đặt trước và nàng cũng cho họ biết những thông tin cần thiết để liên lạc với cha mẹ nàng. Sứ quán Tây Ban Nha đã được thông báo bởi một bức điện khẩn từ Sở ngoại vụ vào ngày thứ sáu lúc bố mẹ Nena Daconte đã sẵn sàng bay đến Paris. Dích thân ngài Đại sứ lo các thủ tục cho việc khám liệm và tiến hành tang lễ và trực tiếp liên hệ với Sở công an Paris trong cố gắng tìm xem Billy Sanchez ở đâu. Một tờ thông báo khẩn cấp, mô tả rõ hình dáng chàng, được phát đi từ đêm thứ sáu đến chiều thứ bảy qua đài phát thanh và đài truyền hình và trong suốt bốn mươi tiếng đồng hồ đó, chàng là người được tìm kiếm nhiều nhất ở Pháp. Tâm hình của

chàng, được tìm thấy trong túi xách của Nena Daconte, được sang ra và bày khắp nơi. Có ba chiếc xe Bentley kéo mui cùng model được xác định vị trí nhưng không có cái nào là chiếc xe của chàng.

Bố mẹ của Nena Daconte đã đến vào buổi trưa ngày thứ bảy và ngồi bên xác con trong nhà nguyện của bệnh viện, hy vọng đến giờ phút cuối người ta sẽ tìm ra Billy Sanchez. Bố mẹ của chàng cũng đã được thông báo và sẵn sàng để bay đi Paris, nhưng vào giờ chót, họ đã không đi vì có một vài lần lộn trong bức điện tín. Tang lễ diễn ra ngày thứ bảy, vào lúc hai giờ chiều chỉ cách hai trăm mét căn phòng khách sạn tôi tàn nơi Billy Sanchez đang nằm rũ ra như trong cơn hấp hối đơn độc, vì tình yêu đối với Nena Daconte. Viên chức đã tiếp chàng ở sứ quán, nhiều năm sau đó đã kể lại với tôi, rằng chính ông ta nhận bức điện từ Sở ngoại vụ một giờ sau khi Billy Sanchez rời khỏi văn phòng ông và ông đã đi tìm chàng ta trong các quán rượu dọc theo phố Faubourg Saint Honoré. Ông ta thú nhận với tôi là ông ta không để ý lắm đến Billy Sanchez khi ông thấy chàng ta, vì ông ta không hề tưởng tượng được rằng chàng trai xứ biển xa xôi kia, bị lóa mắt trước vẻ hào nhoáng của Paris, mặc một cái áo khoác không hợp khổ người như thế, lại có thể xuất thân từ một gia đình quyền quý lừng lẫy thế kia.

Trong chính cái đêm chàng cố kìm giữ nước mắt đau đớn uất nghẹn cứ muốn chực trào ra, thì bố mẹ Nena Deconte hết còn chờ đợi được nữa, chầm dứt việc tìm kiếm chàng và mang xác ướp của nàng trong quan tài bằng kim loại về nước, và những người nhìn thấy xác nàng còn lặp đi lặp lại mãi nhiều năm về sau, rằng họ chưa từng thấy người đàn bà nào đẹp hơn, dù người đã chết hay người còn sống. Và thế là khi Billy Sanchez, cuối cùng đã vào được trong bệnh viện vào sáng ngày thứ ba, thì đám

tang đã được cử hành trong nghĩa trang La Manga, chỉ cách ngôi nhà nơi hai đứa đã từng mở ra chiếc chìa khóa đầu tiên của hạnh phúc, có vài mét. Vị bác sĩ người châu Á đã kể cho Billy Sanchez về tâm thảm kịch, muốn cho chàng vài viên thuốc an thần, nhưng chàng từ chối. Billy Sanchez ra về không nói lời từ biệt, không biết nói cảm ơn về cái gì, nghĩ rằng điều duy nhất chàng cần làm ngay là tìm một người nào đó, đập vỡ sọ ra, để trả thù cho nỗi bất hạnh khủng khiếp của chàng. Khi chàng ra khỏi bệnh viện, chàng cũng không nhận thấy rằng tuyết - không có dấu máu của nàng - vẫn rơi xuống từ trời cao, những bông tuyết dịu dàng, sáng loáng, giống lông tơ mịn của chim bồ câu và chùng như có âm thanh ngày hội trên các đường phố Paris, vì đó là cơn tuyết rơi lớn đầu tiên trong mười năm qua.

1976